

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG
KHOA KINH TẾ - QUẢN TRỊ - LUẬT



MIEN DONG
INNOVATIVE TECHNOLOGY
UNIVERSITY

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG



Ngành đào tạo: Tài chính ngân hàng

Mã ngành: 7340201

Trình độ đào tạo: Đại học

Loại hình đào tạo: Chính quy

Đồng Nai, tháng 3 năm 2025

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG
KHOA KINH TẾ - QUẢN TRỊ - LUẬT



MIEN DONG
INNOVATIVE TECHNOLOGY
UNIVERSITY

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG



Ngành đào tạo: Tài chính ngân hàng

Mã ngành: 7340201

Trình độ đào tạo: Đại học

Loại hình đào tạo: Chính quy

Đồng Nai, tháng 3 năm 2025

Đồng Nai, ngày 24 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình đào tạo 04 ngành
trình độ đại học hệ chính quy năm học 2025 – 2026**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG

Căn cứ 2168/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về việc cho phép thành lập Trường Đại học Công nghệ Miền Đông;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Thông tư quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-HĐT ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng trường về việc bổ nhiệm nhân sự giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Miền Đông;

Căn cứ Biên bản họp ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo trình độ đại học Ngành Thiết kế đồ họa;

Căn cứ Biên bản họp ngày 16 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo trình độ đại học Ngành Thương mại điện tử;

Căn cứ Biên bản họp ngày 16 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo trình độ đại học Ngành Tài chính ngân hàng;

Căn cứ Biên bản họp ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo trình độ đại học Ngành Truyền thông đa phương tiện;

Xét đề nghị của Phó Trưởng phòng Phụ trách Phòng Đào tạo đại học – Nghiên cứu khoa học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Chương trình đào tạo đại học hệ chính quy của 04 ngành thuộc Trường Đại học Công nghệ Miền Đông bao gồm:

1. Ngành Thương mại điện tử
2. Ngành Tài chính ngân hàng
3. Ngành Truyền thông đa phương tiện
4. Ngành Thiết kế đồ họa

Điều 2. Chương trình đào tạo này được áp dụng từ năm học 2025 - 2026, áp dụng đối với sinh viên đại học hệ chính quy khóa tuyển sinh năm 2025.

Điều 3. Trưởng các Đơn vị liên quan, Trưởng khoa/Các Giám đốc Chương trình đào tạo, các cán bộ giảng dạy và sinh viên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (báo cáo);
- Như Điều 3;
- Lưu: HC-NS; ĐTDH-NCKH.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Phạm Văn Song

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định Số 66 /QĐ-ĐHCNMD ngày 24 tháng 3 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Miền Đông)*

Tên chương trình: Cử nhân Tài chính ngân hàng

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Tài chính ngân hàng

Mã ngành: 7340201

Loại hình đào tạo: Chính quy

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Ngành Tài chính ngân hàng là một lĩnh vực trọng yếu trong nền kinh tế, đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý dòng tiền, điều tiết các hoạt động tài chính và phát triển hệ thống ngân hàng hiện đại. Chương trình đào tạo Ngành Tài chính ngân hàng được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về tài chính, ngân hàng, đầu tư và quản lý rủi ro, đồng thời phát triển các kỹ năng phân tích và tư duy chiến lược trong môi trường kinh doanh toàn cầu. Chương trình đào tạo Ngành Tài chính ngân hàng tại Trường Đại học Công nghệ Miền Đông được thiết kế theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Dựa trên các chương trình đào tạo của các trường đại học tiên tiến trên thế giới và của một số trường đại học lớn ở Việt Nam. Dựa trên nghiên cứu nhu cầu của người học, nhà tuyển dụng và ý kiến chuyên gia trong Ngành Tài chính ngân hàng.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình(Programme): Cử nhân Tài chính ngân hàng (Bachelor of Finance and Banking)

Trình độ đào tạo (Level of education): Đại học (undergraduate)

Ngành đào tạo (Major):

+ **Tiếng việt:** Tài chính ngân hàng

+ **Tiếng Anh:** Finance and Banking

Mã ngành (Code): 7340201

Loại hình đào tạo (Type of education): Chính quy (Full - time)

Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Công nghệ Miền Đông

Khoa phụ trách: Kinh tế - Quản trị - Luật

Tên văn bằng được cấp sau khi tốt nghiệp:

+ **Tiếng Việt:** Cử nhân Tài chính ngân hàng

+ **Tiếng Anh:** The Degree of Bachelor in Finance and Banking

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

2.1 Tầm nhìn - Sứ mạng – Mục tiêu chiến lược của Trường Đại học Công nghệ Miền Đông

2.1.1. Tầm nhìn

Trường Đại học Công nghệ Miền Đông phát triển với tầm nhìn là một trường đại học quốc tế, đa ngành, đa lĩnh vực với định hướng mũi nhọn là các ngành kỹ thuật, công nghệ, nông nghiệp công nghệ cao và khoa học sức khỏe. Trường đặt mục tiêu đến năm 2030, trở thành trường đại học toàn cầu, dẫn đầu về kỹ thuật, công nghệ và đổi mới sáng tạo của nước ta, được các đối tác trong nước và quốc tế tín nhiệm, được kiểm định bởi các tổ chức kiểm định giáo dục quốc tế uy tín.

2.1.2. Sứ mạng

Sứ mạng của Trường là giáo dục và đào tạo những cá nhân trở thành công dân toàn cầu, có kiến thức, năng lực và đam mê đóng góp để cải thiện bản thân và điều kiện xã hội, truyền cảm hứng cho thế hệ hiện tại và tiếp theo, đồng thời tạo ra những tác động tích cực lâu dài đến sự phát triển nhân loại. Ngoài ra, Trường Đại học Công nghệ Miền Đông cũng xác định là nơi đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, kỹ năng, tri thức và tư duy đổi mới, sáng tạo cho đất nước và đặc biệt cho khu vực miền Đông Nam Bộ và tỉnh Đồng Nai.

2.1.3. Mục tiêu chiến lược

Tinh thần đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp:

Người học của Trường có tinh thần đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp. MIT Uni. là một tổ chức đổi mới trong thị trường giáo dục. Chúng tôi khuyến khích, hỗ trợ giảng viên và người học nỗ lực và chấp nhận rủi ro khi đưa tư tưởng của họ ra thị trường.

Môi trường trải nghiệm tuyệt vời cho người học:

Môi trường trải nghiệm của Trường Đại học Công nghệ Miền Đông sẽ giúp các bạn trẻ là người học thực sự trưởng thành ngay trong thời gian học tập tại Trường. Một môi trường với cơ sở vật chất hiện đại, đạt chuẩn quốc tế, khuôn viên rộng lớn, thanh bình. Môi trường học tập với phương pháp giảng dạy và hướng dẫn trải nghiệm hiện đại với cách tiếp cận AI, làm trước, học sau, đi từ data đến thuật toán. Người học sẽ được truyền cảm hứng để khát khao trải nghiệm, chuyển từ “thầy hỏi trò” sang “trò hỏi thầy” là chính. Bên cạnh đó, việc gắn kết chặt chẽ với các doanh nghiệp, các công ty, các đơn vị kinh tế, các tổ chức xã hội nhằm tăng tính thực hành và trải nghiệm thực tiễn cho người học, kết nối nguồn lực, đổi mới sáng tạo giúp người học khởi nghiệp.

Môi trường thông minh:

MIT Uni. tạo ra một môi trường giảng dạy và học tập thông minh. Môi trường này giúp người học có một tinh thần đổi mới sáng tạo cao.

Tự do và liên chính học thuật:

Trường tôn trọng tự do hàn lâm. Các giảng viên ứng xử theo nguyên tắc liên chính học thuật và tuân thủ các quy tắc nghiên cứu khoa học chuẩn.

2.2. Tầm nhìn – Sứ mệnh của Khoa

2.2.1. Tầm nhìn

Khoa Kinh tế – Quản trị – Luật phấn đấu trở thành một trong số những đơn vị đào tạo và nghiên cứu hàng đầu về Kinh tế, Quản trị, Luật ở Việt Nam đến năm 2030. Với các Chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu của các Tổ chức, Doanh nghiệp trong và ngoài nước.

2.2.2. Sứ mệnh

Khoa Kinh tế – Quản trị – Luật là nơi đào tạo nguồn nhân lực bậc cao có chất lượng. Bồi dưỡng người học có kỹ năng, tri thức và tư duy đổi mới, sáng tạo để làm chủ, quản lý, và giải quyết các vấn đề kỹ thuật, công nghệ đáp ứng được yêu cầu của xã hội hiện đại.

2.3. Mục tiêu của chương trình

PG1: Sinh viên tốt nghiệp Cử nhân Tài chính ngân hàng có kiến thức chuyên sâu về tài chính doanh nghiệp, quản lý rủi ro, thị trường tài chính, ngân hàng thương mại, đầu tư và phân tích tài chính. Biết về các chính sách tài chính, tiền tệ, hoạt động của các định chế tài chính và xu hướng phát triển của hệ thống tài chính toàn cầu.

PG2: Sinh viên tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Tài chính ngân hàng có khả năng phân tích dữ liệu tài chính, đánh giá hiệu quả tài chính và hoạch định chiến lược tài chính. Có kỹ năng giao tiếp, đàm phán và giải quyết các vấn đề thực tiễn của Ngành Tài chính –

Ngân hàng; Thành thạo các công cụ và phần mềm ứng dụng trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng hiện đại; Thành thạo về tiếng Anh, tin học, kỹ năng giao tiếp, làm việc độc lập, làm việc nhóm, thuyết trình.

PG3: Sinh viên tốt nghiệp Cử nhân Tài chính ngân hàng có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có trách nhiệm xã hội, có tư duy nghiên cứu độc lập, có năng lực tự nghiên cứu, phát triển khả năng bản thân bằng cách tiếp nhận những kiến thức mới qua việc học tập trọn đời.

3. CHUẨN ĐẦU RA

Sinh viên tốt nghiệp chương trình Cử nhân Tài chính ngân hàng phải đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn đầu ra như sau:

3.1 Về kiến thức và lập luận ngành

Áp dụng được kiến thức cơ bản về lý luận chính trị vào phân tích, giải quyết các vấn đề của ngành Tài chính ngân hàng và Kinh tế - Xã hội trong thực tiễn. Hoàn thành các kiến thức giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất để tự rèn luyện về tinh thần và thể chất.

Vận dụng các kiến thức cơ bản về toán kinh tế, pháp luật, kinh tế học, kế toán, quản trị, thống kê, marketing để khám phá, giải thích và dự đoán hoạt động của lĩnh vực Tài chính ngân hàng và hoạt động kinh doanh.

Phân tích được các nguồn lực trong tài chính ngân hàng nhằm đưa ra các chiến lược kinh doanh hiệu quả.

Đánh giá được những thay đổi, biến động của môi trường kinh doanh trong nước và quốc tế trong lĩnh vực tài chính để hỗ trợ cho các tổ chức thực hiện chiến lược hiệu quả.

3.2 Kỹ năng nghề nghiệp và phẩm chất cá nhân

Sinh viên có năng lực tự nghiên cứu, học tập, tích lũy và khả năng học tập trọn đời. Hiểu biết về trách nhiệm xã hội, các vấn đề đạo đức và quyền công dân, từ đó tự chịu trách nhiệm và áp dụng trong tài chính ngân hàng và cuộc sống cá nhân.

3.3 Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp

Có kỹ năng giao tiếp, làm việc độc lập, làm việc nhóm, thuyết trình. Có tư duy phản biện và toàn diện trong việc giải quyết các vấn đề kinh tế.

3.4 Năng lực thực hành nghề nghiệp

Truyền đạt ý tưởng bản thân thông qua ngôn ngữ, hình ảnh và văn bản: Có kỹ năng thu thập, phân tích và đánh giá dữ liệu và thông tin kinh doanh trong giải quyết các vấn đề về tài chính ngân hàng.

Chuẩn đầu ra chương trình được tích hợp với mục tiêu của chương trình như *Bảng 1*

Bảng 1. Ma trận tích hợp mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo Ngành Tài chính ngân hàng									
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
PG1	X	X	X	X	X	X	X			
PG2								X	X	
PG3										X

Chuẩn đầu ra đóng vai trò quan trọng cho việc phát triển và đánh giá Chương trình đào tạo. Các chỉ báo đánh giá của từng chuẩn đầu ra được dùng làm tham chiếu để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình (xem Bảng 2).

Bảng 2. Bảng các chỉ báo của chuẩn đầu ra

Mã hóa CĐR (PLO)	Chuẩn đầu ra chương trình	TĐNL (MIT)
A. Chuẩn về kiến thức		
PLO1	<i>Vận dụng được</i> các kiến thức cơ bản về lý luận chính trị vào phân tích và giải quyết các vấn đề kinh tế-xã hội trong thực tiễn	3
PLO1	<i>Thể hiện được</i> đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội.	3
PLO2	<i>Áp dụng được</i> các kiến thức khoa học tự nhiên và khoa học xã hội vào ngành tài chính ngân hàng.	3
PLO3	<i>Giải thích được</i> các kiến về quản trị để áp dụng vào ngành tài chính ngân hàng.	3
PLO4	<i>Vận dụng</i> có tính sáng tạo các kiến thức quản trị vào ngành tài chính ngân hàng.	4
PLO5	<i>Phân biệt được</i> các nguồn lực trong quản lý để có thể sắp xếp, bố trí hiệu quả hoạt động quản trị tài chính.	4

BẢN MÔ TẢ CTĐT NGÀNH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

Mã hóa CĐR (PLO)	Chuẩn đầu ra chương trình	TĐNL (MIT)
PLO6	<i>Phân tích</i> được các nguồn lực trong tài chính nhằm đưa ra các chiến lược kinh doanh hiệu quả.	4
PLO7	<i>Đánh giá</i> được những thay đổi, biến động của môi trường kinh doanh trong nước và quốc tế trong lĩnh vực tài chính để hỗ trợ cho các tổ chức thực hiện tốt chiến lược kinh doanh.	5
B. Chuẩn về kỹ năng		
PLO8	<i>Thể hiện</i> thành thạo các kỹ năng giao tiếp bằng lời nói và bằng văn bản, hình ảnh.	4
PLO9	<i>Vận dụng</i> được khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, trong việc giải quyết các vấn đề quản lý tài chính.	4
C. Chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm		
PLO10	<i>Tích cực</i> tự nghiên cứu, học tập, tích lũy và khả năng học tập trọn đời.	3

4. VỊ TRÍ VÀ KHẢ NĂNG LÀM VIỆC SAU TỐT NGHIỆP

Với chuẩn đầu ra được xây dựng khoa học phục vụ cho tầm nhìn, sứ mạng và mục tiêu đào tạo của Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật sinh viên tốt nghiệp Chuyên ngành Tài chính ngân hàng thể hiện đầy đủ phẩm chất đạo đức, kiến thức, kỹ năng và sức khỏe để đảm nhiệm công việc và phát triển nghề nghiệp với tư cách là chuyên gia toàn diện trong ngành tài chính ngân hàng, kinh tế và quản trị trong mọi tổ chức.

Sinh viên tốt nghiệp Tài chính ngân hàng có cơ hội lựa chọn công việc rất đa dạng như: Các ngân hàng trong và ngoài nước như ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã; Các định chế tài chính trung gian như công ty tài chính, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán; Các cơ quan quản lý nhà nước về Tài chính - Ngân hàng từ trung ương đến địa phương như: Ngân hàng Nhà nước, Bộ/Sở Tài chính; Bộ/ Sở Kế hoạch Đầu tư. Các doanh nghiệp, tổng công ty, tập đoàn kinh tế.

Có khả năng học tập, nghiên cứu ở trình độ thạc sĩ, tiến sĩ trong và ngoài nước về ngành tài chính ngân hàng; quản trị kinh doanh để đáp ứng nhu cầu phát triển nghề nghiệp.

Có thể trở thành cán bộ nghiên cứu, giảng dạy về tài chính ngân hàng, quản trị kinh doanh tại các cơ sở nghiên cứu và đào tạo.

Khối lượng kiến thức toàn khóa:

Chương trình gồm 124 tín chỉ, trong đó có 116 tín chỉ bắt buộc, 8 tín chỉ tự chọn (không tính Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng). Cụ thể:

KHỐI KIẾN THỨC	KIẾN THỨC BẮT BUỘC	KIẾN THỨC TỰ CHỌN	TỔNG
Kiến thức giáo dục đại cương	25	2	27
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	78	6	87
- Kiến thức cơ sở ngành	36	2	38
- Kiến thức ngành	45	4	49
Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp	10	-	10
TỔNG KHỐI LƯỢNG	116	8	124

5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP**5.1 Thông tin tuyển sinh**

Tại website của Trường Đại học Công nghệ Miền Đông <https://mit.vn/>

5.2 Quy trình đào tạo

Quy chế đào tạo sử dụng là quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ, tạo điều kiện để sinh viên tích cực, chủ động thích ứng với quy trình đào tạo để đạt được những kết quả tốt nhất trong học tập, rèn luyện.

Chương trình đào tạo được thiết kế gồm 07 học kỳ tương ứng với 3,5 năm học, gồm 124 tín chỉ.

Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết, điều kiện môn học trước và môn học sau của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể.

Tất cả sinh viên đều phải tham gia thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp, báo cáo kết quả Khóa luận trước Hội đồng Khoa học của Khoa.

5.3 Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp:

Kết thúc khoá học, những sinh viên có đủ các điều kiện sau thuộc diện xét tốt nghiệp và được công nhận tốt nghiệp:

- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho Chương trình đào tạo.
- Có trình độ Ngoại ngữ theo quy định hiện hành của Trường ĐH Công nghệ Miền Đông.
- Có chứng chỉ Tin học theo quy định hiện hành của Trường ĐH Công nghệ Miền Đông.
- Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng và Giáo dục Thể chất.
- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

6. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY

Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật hiện có tổng số 32 cán bộ, giảng viên: trong đó có 15 Tiến sĩ, 25 Thạc sĩ (xem Bảng 3).

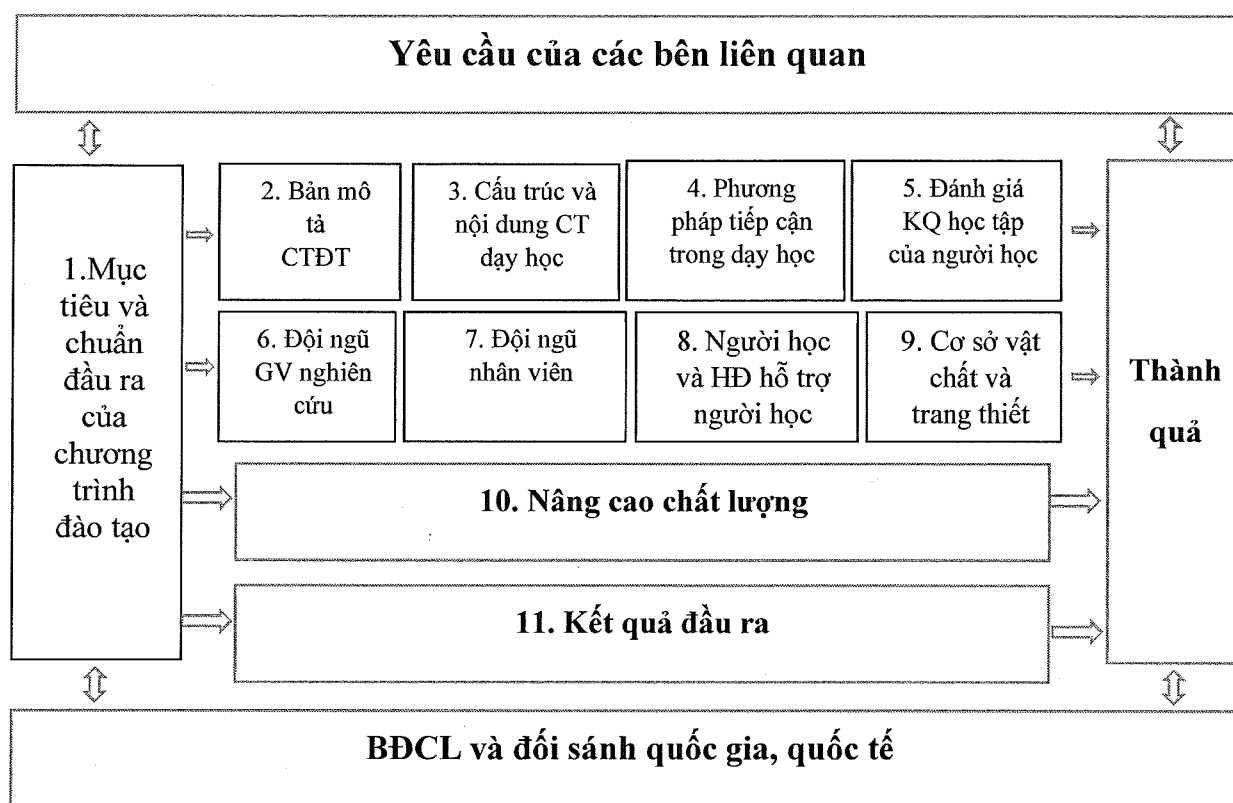
Bảng 3. Thống kê đội ngũ giảng viên của khoa năm 2025

Trình độ	Nam	Nữ	Tổng
Giáo sư	0	0	0
Phó Giáo sư	01	0	0
Tiến sĩ	8	7	15
Thạc sĩ	14	11	25
Đại học	01	0	01
Tổng	24	18	32

7. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Chiến lược giảng dạy và học tập của Khoa tiếp cận giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra, ở cấp độ chương trình, từ chuẩn đầu ra mong đợi của chương trình đào tạo, thiết kế chuẩn đầu ra sinh viên, thiết kế chuẩn đầu ra môn học. Dựa trên chuẩn đầu ra này xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến hành giảng dạy: đề cương môn học, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và các công cụ đánh giá. Sau khi kết thúc môn học tiến hành đánh giá môn học và tiến đến đánh giá chương trình để tiến hành cải tiến chuẩn đầu ra chương trình (xem Hình 1)

Hình 1. Mô tả tiếp cận giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra của Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật



Danh sách chiến lược giảng dạy và phương pháp giảng dạy sử dụng trong chương trình đào tạo được mô tả như bảng 4.

Bảng 4. Chiến lược và phương pháp giảng dạy

Chiến lược giảng dạy	Mô tả	Phương pháp giảng dạy
Giảng dạy trực tiếp	Giáo viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giáo viên là người thuyết trình, diễn giảng. Sinh viên có trách nhiệm nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giáo viên truyền đạt. Đồng thời sinh viên cũng trình bày quan điểm của bản thân hoặc đại diện cho nhóm để đưa ra các nội dung cần thảo luận trước tập thể. Bằng phương pháp này giáo viên sẽ giải thích và hướng dẫn chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, hoặc các vấn đề trong thực tế xã hội giúp cho sinh viên đạt được mục tiêu về cả kiến thức và kỹ năng Là phương pháp dạy học trong đó sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giáo viên đặt ra. Phương pháp này thúc đẩy sinh viên làm rõ các khái niệm, ý tưởng và các thông tin xoay quanh chủ đề đặc biệt là các vấn đề thực tế; thông qua trao đổi bằng lời nói với bạn học và giảng viên để kết nối các ý tưởng, kinh nghiệm để phản ánh nhiều ý nghĩa của khái niệm hay vấn đề.	Thuyết giảng/ thuyết trình Giải thích cụ thể Thảo luận

BẢN MÔ TẢ CTĐT NGÀNH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

Chiến lược giảng dạy	Mô tả	Phương pháp giảng dạy
Giảng dạy gián tiếp	Giảng viên và Sinh viên sử dụng các công cụ trực tuyến để hỗ trợ quá trình dạy và học (E-learning, M. Teams; Zoom; Trans, Facebook, Zalo ...)	Quản lý SV học tập bằng công nghệ
Học tập trải nghiệm	Sinh viên được chia thành các nhóm nhỏ để giải quyết các vấn đề nhất định và hiển thị kết quả bằng cách báo cáo hoặc giảng bài hoặc có thể tiến hành theo cá nhân. Sinh viên đã được cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản qua các bài thực hành từ đơn giản cho đến phức tạp.	Thực hành
	Theo phương pháp này, sinh viên được tham gia vào các buổi báo cáo theo chủ đề, trong đó người diễn giảng, thuyết trình không phải là giáo viên mà là những chuyên gia đến từ các doanh nghiệp, tổ chức bên ngoài. Thông qua những kinh nghiệm và hiểu biết của diễn giả, giúp sinh viên hình thành kiến thức tổng quan hay cụ thể về chương trình đào tạo.	Báo cáo
	Sinh viên được chia thành các nhóm nhỏ để giải quyết các chủ đề được giảng viên giao nhất định và hiển thị kết quả bằng cách báo cáo hoặc trình bày bằng slide. Sinh viên đã được cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản trong công việc nhóm kể từ năm đầu tiên. Sau đó, họ sẽ được thực hành phương pháp này trong rất nhiều khóa học ở các cấp độ khác nhau.	Làm việc nhóm
Giảng dạy tương tác	Phương pháp này là một quá trình trong đó người ta khám phá suy nghĩ và cảm xúc của người khác bằng cách phản ứng và hành xử như người đó trong tình huống giả lập. Nó có thể liên quan đến các cặp, nhóm hoặc cả lớp. Phương pháp này được sử dụng để kiểm tra quan điểm của người khác và truyền đạt sự hiểu biết. Nó cho phép sinh viên áp dụng các kỹ năng cá nhân và nhóm để đánh giá kiến thức.	Đóng kịch/ nhập vai
	Khi sử dụng phương pháp này, giảng viên sẽ để sinh viên thực hành, diễn thử một số cách ứng xử liên quan đến một tình huống nào đó. Sau đó Giảng viên đưa ra kết luận, định hướng cho sinh viên đâu là cách ứng xử tích cực với tình huống đã đưa ra.	Mô hình ứng xử
Học tập độc lập	Phương pháp này phát triển khả năng tự học của sinh viên để chuẩn bị bài trước buổi học và ôn tập bài sau buổi học. Phương pháp này rèn luyện khả năng tư duy độc lập để giải quyết vấn đề/tình huống/bài thực hành được đưa ra trên cơ sở vận dụng kiến thức, kỹ năng đã được học tập, thảo luận với thái độ cầu thị Phương pháp này phát triển khả năng của sinh viên trong việc lên kế hoạch, tìm hiểu, tổ chức và đánh giá đối với một chủ đề một cách độc lập và chi tiết, dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Nó còn tăng cường động lực học tập và tích cực tham gia học tập bởi vì sinh viên được cho phép chọn các tài liệu họ muốn trình bày.	Đọc và nghiên cứu tài liệu Thực hiện bài kiểm tra cá nhân Khóa luận tốt nghiệp

8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

8.1. Đối với các đơn vị đào tạo

- Phải nghiên cứu chương trình để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình.
- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp chương trình chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy.
- Chuẩn bị thật kỹ đội ngũ cố vấn học tập, yêu cầu cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần.
- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.
- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần..

8.2. Đối với giảng viên

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp.
- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên trước một tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp.
- Tổ chức cho sinh viên các buổi hội thảo, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, đồ án, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại phòng thực hành ngôn ngữ, và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

8.3. Kiểm tra, đánh giá:

8.3.1. Các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành

* Các học phần chỉ có lý thuyết

- Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần-ĐHP) bao gồm: Điểm chuyên cần (ĐCC) chiếm trọng số 10%; điểm kiểm tra quá trình (ĐKT) chiếm trọng số 30% và điểm thi kết thúc học phần (ĐTHP) chiếm trọng số 60%. Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân và tính theo công thức sau:

$$\text{ĐHP} = (\text{ĐCC} \times 0.1) + (\text{ĐKT} \times 0.3) + (\text{ĐTHP} \times 0.6)$$

- Điểm chuyên cần của các học phần chỉ có lý thuyết (ĐCC), điểm chuyên cần đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ tham gia học tập của sinh viên. Cách đánh giá điểm chuyên cần và thái độ tham gia học tập (ĐCC):

Bậc	Số tiết nghỉ học so với số tiết quy định của học phần	Mức cho điểm
1	Không vắng	10 điểm
2	Vắng học $\leq 10\%$	8-9 điểm
3	Vắng học $> 10\% - 15\%$	Từ 6-7 điểm
4	Vắng học $> 15\% - 20\%$	Từ 3-5 điểm
5	Vắng học $> 20\%$	0 điểm chuyên cần và không đủ điều kiện thi KTHP

Chú thích:

- Nghỉ học có lý do thì lấy điểm cận trên.
- Nghỉ học không có lý do thì lấy điểm cận dưới.
- Thái độ học tập của sinh viên được trừ và cộng tối đa 50% số điểm của mỗi bậc.
- Điểm kiểm tra quá trình của các học phần chỉ có lý thuyết (ĐKT). Điểm kiểm tra quá trình là điểm kiểm tra quá trình học tập của sinh viên.
- Điểm kiểm tra quá trình học tập là điểm kiểm tra thường xuyên hoặc giữa kỳ do giảng viên giảng dạy trực tiếp sinh viên đánh giá. Điểm kiểm tra quá trình học tập được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Hình thức kiểm tra quá trình học tập do giảng viên trực tiếp giảng dạy và Khoa, Bộ môn quy định và có sự phê duyệt của Ban giám hiệu và Phòng Đào tạo đại học - Nghiên cứu khoa học và Hợp tác quốc tế.
- Điểm thi kết thúc học phần (ĐTHP): Điểm thi kết thúc học phần chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, tuân thủ các quy định về tổ chức kỳ thi, ra đề, chấm thi của quy chế này.

8.3.2. Các học phần có cả lý thuyết và thực hành

- Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần-ĐHP) bao gồm: Điểm chuyên cần (ĐCC) chiếm trọng số 10%, điểm kiểm tra (ĐKT) chiếm trọng số 30% và điểm thi kết thúc học phần (ĐTHP) chiếm trọng số 60%. Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân và tính theo công thức sau:

$$\text{ĐHP} = (\text{ĐCC} \times 0.1) + (\text{ĐKT} \times 0.3) + (\text{ĐTHP} \times 0.6)$$

- Điểm chuyên cần của các học phần có cả lý thuyết và thực hành: Điểm chuyên cần của các học phần có cả lý thuyết và thực hành (ĐCC) bằng trung bình cộng của điểm chuyên cần lý thuyết (ĐCCLT) và điểm chuyên cần thực hành (ĐCCTH) được tính theo công thức sau:

$$\text{ĐCC} = \frac{(\text{ĐCCLT} + \text{ĐCCTH})}{2}$$

Cách đánh giá điểm chuyên cần và thái độ tham gia học tập (ĐCC)

Bậc	Số tiết nghỉ học so với số tiết quy định của học phần	Mức cho điểm
1	Không vắng	10 điểm
2	Vắng học $\leq 10\%$	8-9 điểm
3	Vắng học $> 10\% - 15\%$	Từ 6-7 điểm
4	Vắng học $> 15\% - 20\%$	Từ 3-5 điểm
5	Vắng học $> 20\%$	0 điểm chuyên cần và không đủ điều kiện thi KTHP

Chú thích:

- Nghỉ học có lý do thì lấy điểm cận trên.
- Nghỉ học không có lý do thì lấy điểm cận dưới.
- Thái độ học tập của sinh viên được trừ và cộng tối đa 50% số điểm của mỗi bậc.
- Điểm kiểm tra quá trình của các học phần có cả lý thuyết và thực hành

Điểm kiểm tra quá trình (ĐKT) bao gồm: điểm kiểm tra quá trình lý thuyết (ĐKTLT), điểm kiểm tra thực hành (ĐKTTH). Điểm quá trình được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân và tính theo công thức sau:

$$\text{ĐKT} = \frac{\text{ĐKTLT} + \text{ĐKTTH}}{2}$$

Chú thích:

- Phần lý thuyết: điểm kiểm tra quá trình học tập được đánh giá như (mục 1.1.2).
- Phần thực hành: Sinh viên dự ít nhất 50% số lần kiểm tra theo quy định. Trung bình cộng điểm của các bài thực hành trong học phần, được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm phần thực hành. Điểm phần thực hành được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10).
- Điểm thi kết thúc học phần (ĐTHP): Điểm thi kết thúc học phần chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, tuân thủ các quy định về tổ chức kỳ thi, ra đề, chấm thi của quy chế này.

8.3.3. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận, trừ bài thi kết thúc học phần.

8.4. Đối với sinh viên

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ.
- Phải nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng.
- Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên.
- Tự giác trong việc tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi Seminar.
- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm đồ án tốt nghiệp.
- Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

8.5 Một số Rubric đánh giá trong chương trình

Mẫu Rubric đánh giá bài trình bày luận văn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG
KHOA KINH TẾ - QUẢN TRỊ - LUẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

RUBRIC ĐÁNH GIÁ ĐỀ TÀI KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP SINH VIÊN (GVHD)

Họ và tên GVHD:

Họ tên sinh viên:

Mã sinh viên:

Đề tài:

Tiêu chí đánh giá	Điểm	1 – Yếu	2 – Trung bình	3 – Khá	4 – Giỏi
Mục tiêu (Tính thực tiễn hoặc chuyên môn) của đề tài		- Không có mục tiêu cụ thể. - Không xác định rõ các vấn đề cần giải quyết. - Không có ý tưởng mới.	- Mục tiêu không rõ ràng, không thực tế. - Chưa xác định rõ các vấn đề cần giải quyết. - Không có ý tưởng mới.	- Mục tiêu rõ ràng. - Xác định rõ các vấn đề cần giải quyết. - Không có ý tưởng mới.	- Mục tiêu rõ ràng. - Xác định rõ các vấn đề cần giải quyết. - Có ý tưởng mới cấp đơn vị trở lên.
Phương pháp nghiên cứu		- Không tìm hiểu tổng quan trong và ngoài nước.	- Tìm hiểu tổng quan trong và ngoài nước.	- Tìm hiểu tổng quan trong và ngoài nước. - Phân tích, lập luận có cơ sở rõ ràng, tin	- Tìm hiểu tổng quan trong và ngoài nước. - Phân tích, lập luận sắc sảo, có cơ sở rõ

BẢN MÔ TẢ CTĐT NGÀNH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

Tiêu chí đánh giá	Điểm	1 – Yếu	2 – Trung bình	3 – Khá	4 – Giỏi
		- Không phân tích, lập luận để chọn phương pháp.	- Không phân tích lý do chọn phương pháp thực hiện.	cậy để chọn phương pháp tối ưu.	ràng, tin cậy để chọn phương pháp tối ưu; Có cải tiến mới.
Kết quả		- Hoàn thành dưới 50% mục tiêu, nội dung đề ra. - Không đánh giá kết quả. - Không có số liệu.	- Hoàn thành 50% - 75% mục tiêu, nội dung đề ra. - Có đánh giá nhưng chưa đầy đủ, rõ ràng. - Số liệu chưa thuyết phục.	- Hoàn thành 75% - 95% mục tiêu, nội dung đề ra. - Có đánh giá kết quả, đáp ứng mục tiêu. - Minh chứng số liệu rõ ràng, tin cậy.	- Hoàn thành 95% - 100% mục tiêu, nội dung đề ra. - Có đánh giá kết quả, đáp ứng mục tiêu. - Minh chứng số liệu rõ ràng, tin cậy.
Tác phong thái độ làm việc		- Sinh viên không gặp gỡ GVHD. - Không trao đổi các vấn đề về đề tài. - Chấp hành không tốt các yêu cầu của giảng viên.	- Sinh viên ít gặp gỡ GVHD (khoảng 2 tuần 1 lần). - Ít trao đổi các vấn đề về đề tài. - Chấp hành các yêu cầu của giảng viên.	- Sinh viên gặp gỡ trao đổi với GVHD (khoảng 1 tuần 1 lần). - Có trao đổi các vấn đề về đề tài. - Chấp hành các yêu cầu của giảng viên.	- Sinh viên thường xuyên trao đổi với GVHD. - Tích cực trao đổi các vấn đề về đề tài. - Chấp hành tốt các yêu cầu của giảng viên
Kỹ năng viết báo cáo		- Sai nhiều lỗi chính tả (trên 15 lỗi). - Văn phong không mạch lạc rõ ràng, gây khó khăn cho người đọc hiểu vấn đề. - Trình bày chưa đúng theo yêu cầu trình bày của khoa.	- Sai nhiều lỗi chính tả (khoảng 10-15 lỗi). - Văn phong không mạch lạc, rõ ràng. - Trình bày đúng các yêu cầu về bố cục, định dạng của khoa.	- Sai ít lỗi chính tả (khoảng 4-9 lỗi). - Văn phong mạch lạc, rõ ràng. - Trình bày đúng các yêu cầu về bố cục, định dạng của khoa	- Không sai lỗi chính tả (hoặc rất ít dưới 3 lỗi). - Văn phong mạch lạc, rõ ràng, dễ hiểu. - Trình bày đúng tất cả các yêu cầu về bố cục, định dạng của khoa.
- Tổng điểm: - Điểm quy đổi: (Tổng điểm) / 2 = ...					

Đồng Nai, ngày tháng năm 20....

Người đánh giá

9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Cấu trúc của chương trình đảm bảo sự sắp xếp hợp lý, cân bằng ở từng học kỳ của năm học và từng khối kiến thức. Chương trình bố trí các môn học từ cơ bản đến nâng cao nhằm đảm bảo kiến thức được liên tục, mức độ tăng dần và đủ thời gian tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng, đạo đức, thái độ cần thiết để làm việc. Đồng thời chương trình cũng được thiết kế bảo đảm tính chuyên sâu cho từng lĩnh vực chuyên ngành và có khả năng mở rộng cho nhiều chuyên ngành khác nhau.

Nội dung chương trình bao gồm các khối kiến thức cơ bản, cơ sở, chuyên ngành, tốt nghiệp có mức độ tăng dần được giảng dạy trong các môn học, đồng thời giúp người học nâng cao thêm các kỹ năng mềm, kỹ năng tin học, ngoại ngữ,... rèn luyện được tác phong, kỷ luật, an toàn lao động khi làm việc. Chương trình cũng đảm bảo tính linh hoạt giúp người học có thể chuyển đổi sang các ngành học khác ở năm thứ nhất, năm thứ hai hoặc học cùng lúc nhiều chương trình.

9.1 Khối lượng kiến thức toàn khoá

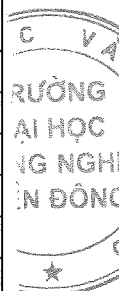
STT	KHỐI KIẾN THỨC	SỐ TÍN CHỈ
1	Kiến thức giáo dục đại cương	27
1.1	<i>A.1 Lý luận chính trị</i>	11
1.2	<i>A.2 Khoa học xã hội</i>	6
1.3	<i>A.3 Khoa học tự nhiên</i>	6
1.4	<i>A.4 Ngoại ngữ</i>	4
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	97
2.1	<i>Kiến thức cơ sở ngành</i>	38
2.2	<i>Kiến thức chuyên ngành</i>	49
2.3	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>	10
Tổng		124

9.2 Danh mục học phần

Stt	Mã MH	Học phần	Học phần (Tên tiếng Anh)	Bắt buộc	Số TC
A. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG					27
	A.1 Lý luận chính trị				11
1	06CQ0001	Triết học Mác – Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	x	3
2	06CQ0002	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Political Economics of Marxism and Leninism	x	2
3	06CQ0003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	x	2
4	06CQ0004	Lịch sử Đảng Cộng sản VN	History of Vietnamese Communist Party	x	2
5	06CQ0005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Hochiminh Ideology	x	2
	A.2 Khoa học xã hội				6
1	06CQ0006	Pháp luật đại cương	Fundamentals of Laws	x	2
2	06CQ0009	Phương pháp nghiên cứu KH	Scientific Research Methodology	x	2

BẢN MÔ TẢ CTĐT NGÀNH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

Stt	Mã MH	Học phần	Học phần (Tên tiếng Anh)	Bắt buộc	Số TC
		Tự chọn 1/2		x	2
3	06CQ0020	Văn hoá doanh nghiệp	Business culture		2
4	06CQ0535	Giao tiếp trong kinh doanh	Business communication		2
	A.3 Khoa học tự nhiên				6
1	06CQ0536	Toán giải tích	Advanced Mathematics	x	2
2	06CQ0035	Toán kinh tế	Mathematics for Economics	x	2
3	06CQ1114	Thống kê trong kinh tế và KD	Statistics for Economics and Business	x	2
	A.4 Ngoại ngữ				4
1	06CQ1110	Tiếng Anh 1	English 1	x	4
2	06CQ1100	Tiếng Anh 2 (*)	English 2 (*)	x	4
3	06CQ1101	Tiếng Anh 3 (*)	English 3 (*)	x	4
4	06CQ1102	Tiếng Anh 4 (*)	English 4 (*)	x	4
5	06CQ1103	Tiếng Anh 5 (*)	English 5 (*)	x	4
6	06CQ1104	Tiếng Anh 6 (*)	English 6 (*)	x	4
	A.5 Kỹ năng hỗ trợ (*)				6
1	06CQ1105	Kỹ năng tư duy học tập và làm việc	Skills for learning and working	x	2
2	06CQ1106	Truyền đạt, giao tiếp, ứng xử	Communication, presentation, and interpersonal skills	x	2
3	06CQ1107	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	Innovation and entrepreneurship	x	2
	A.6 Giáo dục thể chất (*)				4
1	06CQ0053	Quần vợt	Tennis		2
2	06CQ0055	Bóng đá	Football		2
3	06CQ0056	Bóng chuyền	Volleyball		2
4	06CQ0057	Cầu lông	Badminton		2
5	06CQ0058	Bóng rổ	Basketball		2
6	06CQ0714	Đá cầu	Shuttlecock Kicking		2
7	06CQ0715	Điền kinh	Athletics		2
8	06CQ0716	Cờ vua	Chess		2
9	06CQ0717	Bơi	Swimming		2
10	06CQ0936	Boxing - Kickboxing	Boxing - Kickboxing		2
	A.7 Giáo dục quốc phòng (*)				(165T)
1	06CQ0061	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản VN		x	
2	06CQ0062	Công tác quốc phòng và an ninh		x	
3	06CQ0063	Quân sự chung		x	
4	06CQ0064	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật		x	
	A.8 Tin học (*)				6
1	06CQ1108	Tin học ứng dụng	Introduction to artificial intelligence and its applications	x	2
2	06CQ1112	Tin học ứng dụng – Thực hành	Introduction to artificial intelligence and its applications - Practice	x	3
3	06CQ1109	Giới thiệu Trí tuệ nhân tạo và các ứng dụng	Applied informatics	x	2



BẢN MÔ TẢ CTĐT NGÀNH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

Stt	Mã MH	Học phần	Học phần (Tên tiếng Anh)	Bắt buộc	Số TC
B. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP					97
	B.1 Kiến thức cơ sở ngành				38
1	06CQ0130	Kinh tế vi mô	Micro Economics	x	3
2	06CQ0132	Kinh tế vĩ mô	Macro Economics	x	3
3	06CQ0956	Nguyên lý kế toán	Principles of Accounting	x	3
4	06CQ0233	Quản trị học	Management	x	3
5	06CQ0229	Tài chính tiền tệ	Monetary Finance	x	3
6	06CQ0230	Marketing căn bản	Basic Marketing	x	3
7	06CQ0537	Pháp luật về Chủ thể kinh doanh	Business Laws	x	3
8	06CQ1115	Thị trường Tài chính và các Định chế tài chính	Financial Markets and Financial Institutions	x	3
9	06CQ1116	Nguyên lý tài chính – ngân hàng	Principles of Finance and Banking	x	3
10	06CQ1117	Ngân hàng thương mại	Commercial Banking	x	3
11	06CQ0574	Nghệ thuật lãnh đạo	Leadership	x	2
12	06CQ0546	Thuế	Taxation	x	2
13	06CQ0620	Phân tích hoạt động kinh doanh	Business Operations Analysis	x	2
		Tự chọn 1/2		x	2
14	06CQ1118	Core Banking	Core Banking		2
15	06CQ0543	Thanh toán quốc tế	International Payment		2
	B.2 Kiến thức chuyên ngành				49
1	06CQ0576	Tài chính doanh nghiệp	Corporate Finance	x	2
2	06CQ1067	Thương mại điện tử cơ bản	Basic E-commerce	x	3
3	06CQ0726	Tiền số và công nghệ Blockchain	Cryptocurrencies and Blockchain technology	x	3
5	06CQ1119	Quản trị và chiến lược ngân hàng	Bank Management and Strategy	x	3
6	06CQ1120	Quản trị ngân quỹ	Cash Management	x	3
7	06CQ0728	Quản trị công nghệ tài chính	Finance technology management	x	3
8	06CQ1121	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng	English for Finance and Banking	x	3
9	06CQ1122	Luật các tổ chức tín dụng	Law on Credit Institutions	x	2
10	06CQ1123	Nghệ vụ kế toán trong ngân hàng thương mại	Accounting Operations in Commercial Banking	x	3
11	06CQ0736	Kế toán tài chính	Financial Accounting	x	3
12	06CQ0732	Đầu tư tài chính	Financial Investments	x	3
13	06CQ0596	Thiết lập & thẩm định DADT	Investment Project Appraisal	x	3
14	06CQ0733	Phân tích tài chính doanh nghiệp	Corporate Finance	x	3
15	06CQ0735	Kiểm toán	Auditing	x	3
16	06CQ0738	Quản trị rủi ro tài chính	Financial risk management	x	2
17	06CQ1124	Kinh doanh ngoại hối	Foreign Exchange Trading	x	3
		Chọn 2/4		x	4
18	06CQ0587	Thị trường chứng khoán	Stock Market		2
19	06CQ0585	Quản trị bán hàng	Sales management		2
20	06CQ1126	Hoạt động bảo hiểm qua kênh ngân hàng	Bancassurance Operations		2
21	06CQ1127	Tài chính cá nhân	Personal Finance		2

BẢN MÔ TẢ CTĐT NGÀNH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

Stt	Mã MH	Học phần	Học phần (Tên tiếng Anh)	Bắt buộc	Số TC
	B.3 Tốt nghiệp			x	10
1	06CQ1128	Thực tập và Khoá luận tốt nghiệp TCNH	Final Thesis and Graduation Project		10
Sinh viên không làm Khoá luận tốt nghiệp học thay thế 05 học phần thuộc Kiến thức chuyên sâu:					
1	06CQ0742	Phân tích dữ liệu lớn trong tài chính	Financial Big Data Analytics		2
2	06CQ0743	Quản trị dự án khởi nghiệp	Start-up project management		2
3	06CQ0744	Quản trị tài chính quốc tế	International Financial Management		2
4	06CQ0745	Quản lý dữ liệu tài chính & UD	Financial Data Management and Application		2
5	06CQ0746	Đổi mới sáng tạo tài chính	Innovation & Creativity		2
Tổng cộng					124

Chú ý: Những học phần đánh dấu () không tính vào số tín chỉ trong chương trình*

9.3 Kế hoạch đào tạo

Stt	Mã MH	Học phần	Bắt buộc	Học kỳ						
				I	II	III	IV	V	VI	VII
1	06CQ0001	Triết học Mác – Lênin	x	⊙						
2	06CQ0002	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	x		⊙					
3	06CQ0003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x		⊙					
4	06CQ0004	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x			⊙				
5	06CQ0005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x			⊙				
6	06CQ0006	Pháp luật đại cương	x	⊙						
7	06CQ0009	Phương pháp nghiên cứu khoa học	x			⊙				
8	06CQ0020	Văn hoá doanh nghiệp		⊙						
9	06CQ0535	Giao tiếp trong kinh doanh		⊙						
10	06CQ0536	Toán giải tích	x	⊙						
11	06CQ0035	Toán kinh tế	x		⊙					
12	06CQ1114	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh	x			⊙				
13	06CQ1110	Tiếng Anh 1	x	⊙						
14	06CQ1100	Tiếng Anh 2 (*)	x		⊙					
15	06CQ1101	Tiếng Anh 3 (*)	x			⊙				
16	06CQ1102	Tiếng Anh 4 (*)	x				⊙			
17	06CQ1103	Tiếng Anh 5 (*)	x					⊙		
18	06CQ1104	Tiếng Anh 6 (*)	x						⊙	
19	06CQ1105	Kỹ năng tư duy học tập và làm việc	x		⊙					
20	06CQ1106	Truyền đạt, giao tiếp, ứng xử	x			⊙				
21	06CQ1107	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	x				⊙			
22	06CQ0053	Quản vọt								

BẢN MÔ TẢ CTĐT NGÀNH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

Stt	Mã MH	Học phần	Bắt buộc	Học kỳ						
				I	II	III	IV	V	VI	VII
23	06CQ0055	Bóng đá								
24	06CQ0056	Bóng chuyền								
25	06CQ0057	Cầu lông								
26	06CQ0058	Bóng rổ								
27	06CQ0714	Đá cầu								
28	06CQ0715	Điền kinh								
29	06CQ0716	Cờ vua								
30	06CQ0717	Bơi								
31	06CQ0936	Boxing - Kickboxing								
32	06CQ0061	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	x							
33	06CQ0062	Công tác quốc phòng và an ninh	x							
34	06CQ0063	Quân sự chung	x							
35	06CQ0064	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	x							
36	06CQ1108	Tin học ứng dụng	x		⊙					
37	06CQ1112	Tin học ứng dụng – Thực hành	x		⊙					
38	06CQ1109	Giới thiệu Trí tuệ nhân tạo và các ứng dụng	x			⊙				
39	06CQ0130	Kinh tế vi mô	x	⊙						
40	06CQ0132	Kinh tế vĩ mô	x		⊙					
41	06CQ0956	Nguyên lý kế toán	x			⊙				
42	06CQ0233	Quản trị học	x			⊙				
43	06CQ0229	Tài chính tiền tệ	x		⊙					
44	06CQ0230	Marketing căn bản	x			⊙				
45	06CQ0537	Pháp luật về Chủ thể kinh doanh	x		⊙					
46	06CQ1115	Thị trường Tài chính và các Định chế TC	x				⊙			
47	06CQ1116	Nguyên lý tài chính – ngân hàng	x			⊙				
48	06CQ1117	Ngân hàng thương mại	x				⊙			
49	06CQ0574	Nghệ thuật lãnh đạo	x				⊙			
50	06CQ0546	Thuế	x				⊙			
51	06CQ0620	Phân tích hoạt động kinh doanh	x				⊙			
52	06CQ1118	Core Banking							⊙	
53	06CQ0543	Thanh toán quốc tế							⊙	
54	06CQ0576	Tài chính doanh nghiệp	x					⊙		
55	06CQ0234	Thương mại điện tử	x						⊙	
56	06CQ0726	Tiền số và công nghệ Blockchain	x				⊙			
57	06CQ1119	Quản trị và chiến lược ngân hàng	x						⊙	

BẢN MÔ TẢ CTĐT NGÀNH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

Stt	Mã MH	Học phần	Bắt buộc	Học kỳ						
				I	II	III	IV	V	VI	VII
58	06CQ1120	Quản trị ngân quỹ	x					⊙		
59	06CQ0728	Quản trị công nghệ tài chính	x						⊙	
60	06CQ1121	Tiếng Anh chuyên ngành TC-NH	x					⊙		
61	06CQ1122	Luật các tổ chức tín dụng	x				⊙			
62	06CQ1123	Nghiệp vụ kế toán trong NHTM	x					⊙		
63	06CQ0736	Kế toán tài chính	x				⊙			
64	06CQ0732	Đầu tư tài chính	x						⊙	
65	06CQ0596	Thiết lập & thẩm định DADT	x					⊙		
66	06CQ0733	Phân tích tài chính doanh nghiệp	x					⊙		
67	06CQ0735	Kiểm toán	x						⊙	
68	06CQ0738	Quản trị rủi ro tài chính	x						⊙	
69	06CQ1124	Kinh doanh ngoại hối	x						⊙	
70	06CQ1125	Phân tích tín dụng và quản trị cho vay	x					⊙		
71	06CQ0587	Thị trường chứng khoán								⊙
72	06CQ0585	Quản trị bán hàng								⊙
73	06CQ1126	Hoạt động bảo hiểm qua kênh ngân hàng								⊙
74	06CQ1127	Tài chính cá nhân								⊙
75	06CQ1128	Thực tập và khoá luận tốt nghiệp TCNH								⊙

9.4 Kế hoạch học tập

Học kỳ 1: Năm học thứ nhất

Stt	Mã MH	Học phần	Bắt buộc	Số tín chỉ
1	06CQ0001	Triết học Mác – Lênin	x	3
2	06CQ0006	Pháp luật đại cương	x	2
3	06CQ0020	Văn hoá doanh nghiệp	Tự chọn 1/2	2
4	06CQ0535	Giao tiếp trong kinh doanh		2
5	06CQ0536	Toán giải tích	x	2
6	06CQ1110	Tiếng Anh 1	x	4
7	06CQ0130	Kinh tế vi mô	x	3
8	06CQ0061	<i>Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN</i>	x	
9	06CQ0062	<i>Công tác quốc phòng và an ninh</i>	x	
10	06CQ0063	<i>Quân sự chung</i>	x	
11	06CQ0064	<i>Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật</i>	x	
TỔNG CỘNG			16 TC tích lũy	

BẢN MÔ TẢ CTĐT NGÀNH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

Học kỳ 2: Năm học thứ nhất

Stt	Mã MH	Học phần	Bắt buộc	Số tín chỉ
1	06CQ0002	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	x	2
2	06CQ0003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x	2
3	06CQ0035	Toán kinh tế	x	2
4	06CQ0132	Kinh tế vĩ mô	x	3
5	06CQ0229	Tài chính tiền tệ	x	3
6	06CQ0537	Pháp luật về Chủ thể kinh doanh	x	3
7	06CQ1100	Tiếng Anh 2 (*)	x	4
8	06CQ1105	Kỹ năng tư duy học tập và làm việc	x	2
9	06CQ0053	Quần vợt		2
10	06CQ0055	Bóng đá		2
11	06CQ0056	Bóng chuyền		2
12	06CQ0057	Cầu lông		2
13	06CQ0058	Bóng rổ		2
14	06CQ1108	Tin học ứng dụng	x	2
15	06CQ1112	Tin học ứng dụng – Thực hành	x	2
TỔNG CỘNG			15 TC tích lũy	

Học kỳ 3: Năm học thứ hai

Stt	Mã MH	Học phần	Bắt buộc	Số tín chỉ
1	06CQ0004	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x	2
2	06CQ0005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x	2
3	06CQ0009	Phương pháp nghiên cứu khoa học	x	2
4	06CQ1114	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh	x	2
5	06CQ0956	Nguyên lý kế toán	x	3
6	06CQ0233	Quản trị học	x	3
7	06CQ0230	Marketing căn bản	x	3
8	06CQ1116	Nguyên lý tài chính – ngân hàng	x	2
9	06CQ1101	Tiếng Anh 3 (*)	x	4
10	06CQ1106	Truyền đạt, giao tiếp, ứng xử	x	2
11	06CQ0714	Đá cầu		2
12	06CQ0715	Điền kinh		2
13	06CQ0716	Cờ vua		2
14	06CQ0717	Boxing		2
15	06CQ0936	Boxing - Kickboxing		2
16	06CQ1109	Giới thiệu Trí tuệ nhân tạo và các UD	x	2
TỔNG CỘNG			19 TC tích lũy	

Học kỳ 4: Năm học thứ hai

Stt	Mã MH	Học phần	Bắt buộc	Số tín chỉ
1	06CQ1115	Thị trường Tài chính và các Định chế TC	x	3
2	06CQ1117	Ngân hàng thương mại	x	3
3	06CQ0574	Nghệ thuật lãnh đạo	x	2
4	06CQ0546	Thuế	x	2
5	06CQ0620	Phân tích hoạt động kinh doanh	x	2
6	06CQ0726	Tiền số và công nghệ Blockchain	x	3
7	06CQ1122	Luật các tổ chức tín dụng	x	2
8	06CQ0736	Kế toán tài chính	x	3
9	06CQ1107	<i>Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp</i>	x	2
10	06CQ1102	<i>Tiếng Anh 4 (*)</i>	x	4
TỔNG CỘNG			20 TC tích lũy	

Học kỳ 5: Năm học thứ ba

Stt	Mã MH	Học phần	Bắt buộc	Số tín chỉ
1	06CQ0576	Tài chính doanh nghiệp	x	2
2	06CQ1120	Quản trị ngân quỹ	x	3
3	06CQ1121	Tiếng Anh chuyên ngành TC-NH	x	3
4	06CQ1123	Nghiệp vụ kế toán trong NHTM	x	3
5	06CQ0596	Thiết lập & thẩm định DADT	x	2
6	06CQ0733	Phân tích tài chính doanh nghiệp	x	3
7	06CQ1125	Phân tích tín dụng và quản trị cho vay	x	3
8	06CQ1103	<i>Tiếng Anh 5 (*)</i>	x	4
TỔNG CỘNG			19 TC tích lũy	

Học kỳ 6: Năm học thứ ba

Stt	Mã MH	Học phần	Bắt buộc	Số tín chỉ
1	06CQ0234	Thương mại điện tử	x	3
2	06CQ1119	Quản trị và chiến lược ngân hàng	x	3
3	06CQ0728	Quản trị công nghệ tài chính	x	2
4	06CQ0732	Đầu tư tài chính	x	2
5	06CQ0735	Kiểm toán	x	2
6	06CQ0738	Quản trị rủi ro tài chính	x	3
7	06CQ1124	Kinh doanh ngoại hối	x	3
8	06CQ1118	Core Banking	Tự chọn 1/2	2
9	06CQ0543	Thanh toán quốc tế		2
10	06CQ1104	Tiếng Anh 6 (*)	x	4
TỔNG CỘNG			19 TC tích lũy	

Học kỳ 7: Năm học thứ tư

Stt	Mã MH	Học phần	Bắt buộc	Số tín chỉ
1	06CQ0587	Thị trường chứng khoán	Tự chọn 2/4	2
2	06CQ0585	Quản trị bán hàng		2
3	06CQ1126	Hoạt động bảo hiểm qua kênh ngân hàng		2
4	06CQ1127	Tài chính cá nhân		2
5	06CQ1001	Thực tập và Khoá luận tốt nghiệp		10
Sinh viên không làm khoá luận tốt nghiệp học thay thế các học phần sau:				
2	06CQ0742	Phân tích dữ liệu lớn trong tài chính		2
3	06CQ0743	Quản trị dự án khởi nghiệp		2
4	06CQ0744	Quản trị tài chính quốc tế		2
5	06CQ0745	Quản lý dữ liệu tài chính & ứng dụng		2
6	06CQ0746	Đổi mới sáng tạo tài chính		2
TỔNG CỘNG			14 TC tích lũy	

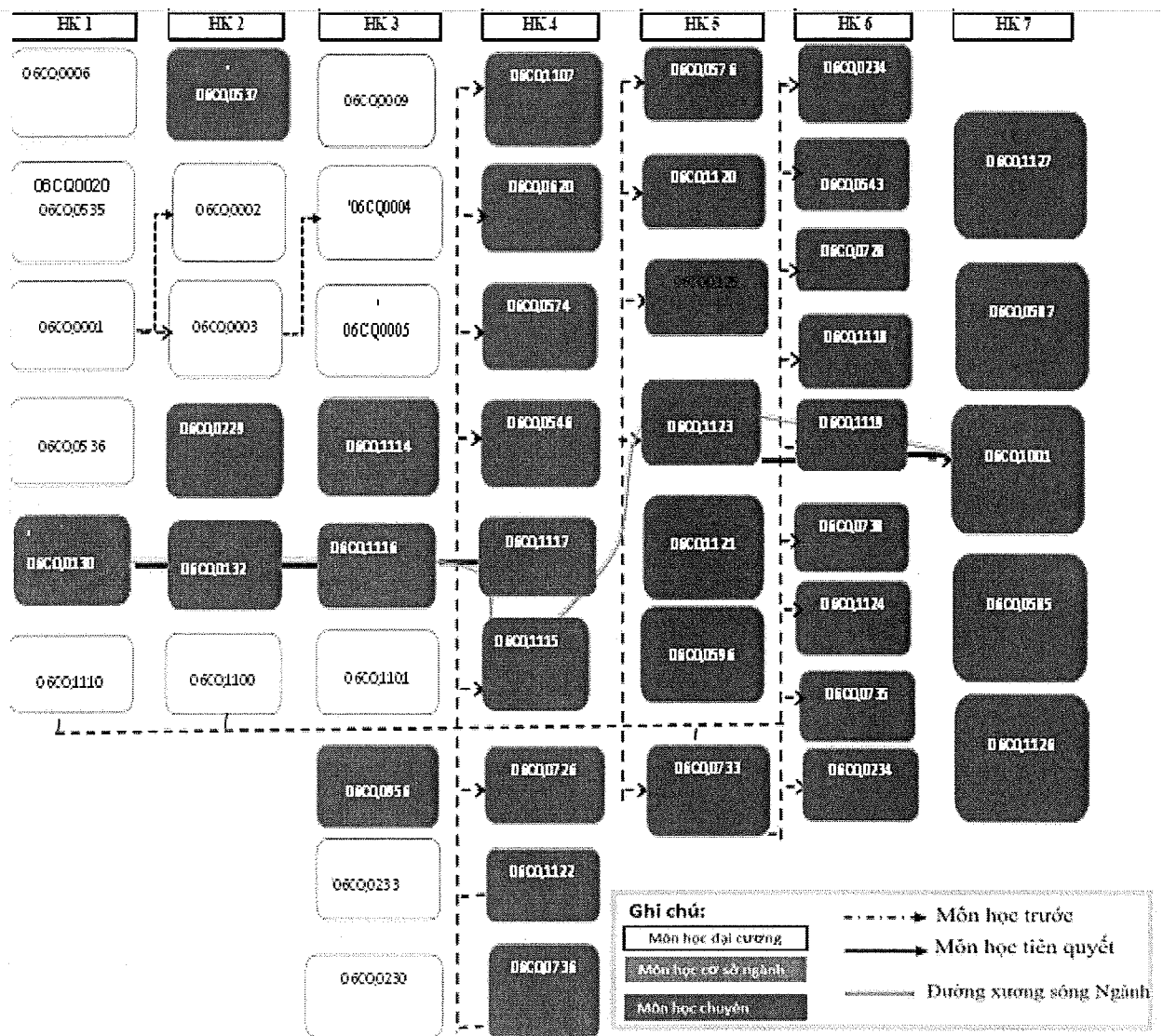
9.5 Ma trận tích hợp môn học – chuẩn đầu ra chương trình

Stt	Mã HP	Tên học phần	Chuẩn đầu ra PLO									
			PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
1	06CQ0001	Triết học Mác – Lênin	X							X		X
2	06CQ0002	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	X							X		X
3	06CQ0003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	X							X		X
4	06CQ0004	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	X							X		X
5	06CQ0005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X							X		X
6	06CQ0006	Pháp luật đại cương		X						X		X
7	06CQ0009	Phương pháp nghiên cứu khoa học		X						X		X
8	06CQ0020	Văn hoá doanh nghiệp		X						X		X
9	06CQ0535	Giao tiếp trong kinh doanh		X						X		X
10	06CQ0536	Toán giải tích		X						X		X
11	06CQ0035	Toán kinh tế		X						X		X
12	06CQ1114	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh		X						X		X
13	06CQ1110	Tiếng Anh 1								X		X
14	06CQ1100	Tiếng Anh 2 (*)								X		X
15	06CQ1101	Tiếng Anh 3 (*)								X		X
16	06CQ1102	Tiếng Anh 4 (*)								X		X
17	06CQ1103	Tiếng Anh 5 (*)								X		X
18	06CQ1104	Tiếng Anh 6 (*)								X		X
19	06CQ1105	Kỹ năng tư duy học tập và làm việc								X		X
20	06CQ1106	Truyền đạt, giao tiếp, ứng xử								X		X
21	06CQ1107	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp								X		X
22	06CQ0053	Quần vợt								X		X
23	06CQ0055	Bóng đá								X		X
24	06CQ0056	Bóng chuyền								X		X
25	06CQ0057	Cầu lông								X		X
26	06CQ0058	Bóng rổ								X		X
27	06CQ0714	Đá cầu								X		X
28	06CQ0715	Điền kinh								X		X
29	06CQ0716	Cờ vua								X		X
30	06CQ0717	Bơi								X		X
31	06CQ0936	Boxing - Kickboxing								X		X
32	06CQ0061	Đường lối QP&AN của ĐCSVN								X		X
33	06CQ0062	Công tác quốc phòng và an ninh								X		X
34	06CQ0063	Quân sự chung								X		X
35	06CQ0064	Kỹ thuật chiến đấu BB&CT								X		X
36	06CQ1108	Tin học ứng dụng								X		X
37	06CQ1112	Tin học ứng dụng – Thực hành								X		X
38	06CQ1109	Giới thiệu TTNT và các ứng dụng										

BẢN MÔ TẢ CTĐT NGÀNH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

Stt	Mã HP	Tên học phần	Chuẩn đầu ra PLO									
			PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
39	06CQ0130	Kinh tế vi mô			X					X		X
40	06CQ0132	Kinh tế vĩ mô			X					X		X
41	06CQ0956	Nguyên lý kế toán			X	X				X		X
42	06CQ0233	Quản trị học			X					X		X
43	06CQ0229	Tài chính tiền tệ			X	X				X		X
44	06CQ0230	Marketing căn bản			X	X				X		X
45	06CQ0537	Pháp luật về Chủ thể kinh doanh			X	X				X		X
46	06CQ1115	Thị trường TC và các Định chế TC					X	X				X
47	06CQ1116	Nguyên lý tài chính – ngân hàng					X	X				X
48	06CQ1117	Ngân hàng thương mại					X	X	X			X
49	06CQ0574	Nghệ thuật lãnh đạo								X		X
50	06CQ0546	Thuế					X	X	X			X
51	06CQ0620	Phân tích hoạt động kinh doanh					X	X	X			X
52	06CQ1118	Core Banking					X	X	X			X
53	06CQ0543	Thanh toán quốc tế					X	X	X			X
54	06CQ0576	Tài chính doanh nghiệp					X	X	X			X
55	06CQ0234	Thương mại điện tử					X	X	X			X
56	06CQ0726	Tiền số và công nghệ Blockchain			X	X		X		X		X
57	06CQ1119	Quản trị và chiến lược ngân hàng					X	X				X
58	06CQ1120	Quản trị ngân quỹ					X	X	X			X
59	06CQ0728	Quản trị công nghệ tài chính		X	X					X		X
60	06CQ1121	Tiếng Anh chuyên ngành TC-NH			X	X					X	X
61	06CQ1122	Luật các tổ chức tín dụng			X	X	X					X
62	06CQ1123	Nghiệp vụ kế toán trong NHTM						X	X			X
63	06CQ0736	Kế toán tài chính		X				X		X		X
64	06CQ0732	Đầu tư tài chính		X				X		X		X
65	06CQ0596	Thiết lập & thẩm định DADT		X			X			X		X
66	06CQ0733	Phân tích tài chính doanh nghiệp			X		X			X		X
67	06CQ0735	Kiểm toán				X			X			X
68	06CQ0738	Quản trị rủi ro tài chính		X	X		X					X
69	06CQ1124	Kinh doanh ngoại hối						X	X			X
70	06CQ1125	Phân tích tín dụng và quản trị cho vay			X	X		X				X
71	06CQ0587	Thị trường chứng khoán					X	X	X	X		X
72	06CQ0585	Quản trị bán hàng		X		X	X	X				X
73	06CQ1126	Hoạt động bảo hiểm qua kênh ngân hàng						X	X		X	X
74	06CQ1127	Tài chính cá nhân						X	X		X	X
75	06CQ1128	Thực tập và khoá luận TN TCNH										

9.6 Sơ đồ chương trình đào tạo



9.7 Tóm tắt chương trình đào tạo

Chương trình đại học ngành Tài chính ngân hàng là ngành học chủ đạo của Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật, Trường Đại học Công nghệ Miền Đông, đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của nền kinh tế của Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế.

Chương trình đào tạo hướng tới mục tiêu cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao có đầy đủ kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cũng như có phẩm chất chính trị và đạo đức kinh doanh tốt để tham gia vào thế giới kinh doanh quốc tế hiện đại, đặc biệt trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ hiện nay. Bằng Cử nhân Tài chính ngân hàng sẽ tạo ra một nền tảng vững chắc để sinh viên có thể đón đầu thách thức và nắm bắt cơ hội khi làm việc trong môi trường kinh doanh đa dạng, luôn thay đổi, vận động theo nhiều hướng khác nhau.

Chương trình đồng thời chú trọng rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng về tin học, ngoại ngữ cũng như ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và học tập suốt đời để thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của môi trường kinh doanh. Chương trình được thiết kế theo hệ tín chỉ với 124 tín chỉ chia ra 7 học kỳ tương ứng với 3,5 năm học. Chi tiết tại mục đề cương chi tiết học phần.

10 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Phụ lục 1

11 SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo Ngành Tài chính ngân hàng đã được đối sánh với Chương trình đào tạo của các Trường đại học có uy tín tại Việt Nam có đào tạo cùng ngành làm cơ sở đánh giá, cải tiến, phát triển chương trình như:

- Đại học Kinh tế Quốc dân
- Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM
- Trường Đại học Lạc Hồng

Bảng so sánh chương trình của các trường đại học đào tạo cùng ngành

Chương trình Tài chính ngân hàng	Kiến thức GD đại cương	Kiến thức GD Cơ sở ngành	Kiến thức GD Chuyên ngành	Thực tập tốt nghiệp hoặc Khóa luận	TỔNG
Đại học Kinh tế Quốc dân	39	38	45	8	131
Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM	22	52	50	10	124
Trường Đại học Lạc Hồng	36	23	51	10	120

Dựa trên nội dung Chương trình đào tạo của các trường Đại học có đào tạo cùng ngành hàng đầu tại Việt Nam và Trường đại học có cùng địa bàn. Đây là được xem là một cơ sở tin cậy để CTĐT Ngành Tài chính ngân hàng của Trường Đại học Công nghệ Miền Đông tham khảo và kế thừa cách phân bổ các học phần. Nội dung các học phần chuyên ngành nhằm đi sâu vào chuyên ngành Tài chính ngân hàng mà các chương trình trên đã áp dụng.

Với kết cấu chương trình đảm bảo sự sắp xếp hợp lý, cân bằng ở từng học kỳ của năm học và từng khối kiến thức. Nội dung chương trình bao gồm 124 tín chỉ theo hệ đào tạo cử nhân, gần tương đồng với Đại học Kinh tế Quốc dân (131 TC); Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM (124 TC); Trường Đại học Lạc Hồng (120 TC). Được chia ra các khối kiến thức cơ bản, cơ sở, chuyên ngành, tốt nghiệp có mức độ tăng dần được giảng dạy trong các môn học, đồng thời tích hợp thêm các học phần về các kỹ năng mềm, kỹ năng tin học, ngoại ngữ. Các học phần được tham khảo từ 03 chương trình nêu trên nhằm đảm bảo kiến thức các khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành. Bên cạnh đó, chương trình đã đảm các quy định của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, đặc biệt là Quyết định số 1982/QĐ-TTg năm 2016 về Khung trình độ quốc gia và Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 quy định về chuẩn CTĐT.

12. PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo đã được kiểm tra, phê duyệt và ban hành theo đúng quy trình, quy định của Trường Đại học Công nghệ Miền Đông./.

Đồng Nai, ngày 24 tháng 3 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA



PGS.TS. Phạm Văn Song

TS. Nguyễn Văn Dũng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG
KHOA KINH TẾ - QUẢN TRỊ - LUẬT



MIÊN ĐÔNG
INNOVATIVE TECHNOLOGY
UNIVERSITY

PHỤ LỤC 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN CTĐT NGÀNH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG



MỤC LỤC

Stt	Mã HP	Số TC	Học phần	Trang
		27	<i>A. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</i>	
		11	A.1 Lý luận chính trị	
1	06CQ0001	3	Triết học Mác – Lênin.....	1
2	06CQ0002	2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin.....	5
3	06CQ0003	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học.....	11
4	06CQ0004	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.....	17
5	06CQ0005	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh.....	23
		6	A.2 Khoa học xã hội	
6	06CQ0006	2	Pháp luật đại cương.....	29
7	06CQ0009	2	Phương pháp nghiên cứu khoa học.....	33
		2	<i>Tự chọn 1/2</i>	
8	06CQ0020	2	Văn hoá doanh nghiệp.....	39
9	06CQ0535	2	Giao tiếp trong kinh doanh.....	45
		6	A.3 Khoa học tự nhiên	
10	06CQ0536	2	Toán giải tích.....	51
11	06CQ0035	2	Toán kinh tế.....	55
12	06CQ1114	2	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh.....	61
		4	A.4 Ngoại ngữ	
13	06CQ1110	4	Tiếng Anh 1.....	65
		97	<i>B. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</i>	
		38	B.1 Kiến thức cơ sở ngành	
14	06CQ0130	3	Kinh tế vi mô.....	81
15	06CQ0132	3	Kinh tế vĩ mô.....	87

Stt	Mã HP	Số TC	Học phần	Trang
16	06CQ0956	3	Nguyên lý kế toán.....	93
17	06CQ0233	3	Quản trị học.....	99
18	06CQ0229	3	Tài chính tiền tệ.....	105
19	06CQ0230	3	Marketing căn bản.....	111
20	06CQ0537	3	Pháp luật về Chủ thể kinh doanh.....	117
21	06CQ1115	3	Thị trường Tài chính và các Định chế tài chính...	123
22	06CQ1116	3	Nguyên lý tài chính – ngân hàng.....	129
23	06CQ1117	3	Ngân hàng thương mại	133
24	06CQ0574	2	Nghệ thuật lãnh đạo.....	139
25	06CQ0546	2	Thuế.....	143
26	06CQ0620	2	Phân tích hoạt động kinh doanh.....	149
		2	<i>Tự chọn 1/2</i>	
27	06CQ1118	2	<i>Core Banking</i>	155
28	06CQ0543	2	<i>Thanh toán quốc tế</i>	161
		49	B.2 Kiến thức chuyên ngành	
29	06CQ0576	2	Tài chính doanh nghiệp.....	167
30	06CQ1067	3	Thương mại điện tử cơ bản.....	175
31	06CQ0726	3	Tiền số và công nghệ Blockchain	181
32	06CQ1119	3	Quản trị và chiến lược ngân hàng.....	185
33	06CQ1120	3	Quản trị ngân quỹ	191
34	06CQ0728	2	Quản trị công nghệ tài chính	197
35	06CQ1121	3	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng...	203
36	06CQ1122	2	Luật các tổ chức tín dụng.....	209
37	06CQ1123	3	Nghệp vụ kế toán trong ngân hàng thương mại...	215

Stt	Mã HP	Số TC	Học phần	Trang
38	06CQ0736	3	Kế toán tài chính.....	221
39	06CQ0732	2	Đầu tư tài chính	225
40	06CQ0596	2	Thiết lập & thẩm định DADT	231
41	06CQ0733	3	Phân tích tài chính doanh nghiệp	237
42	06CQ0735	2	Kiểm toán.....	243
43	06CQ0738	3	Quản trị rủi ro tài chính	249
44	06CQ1124	3	Kinh doanh ngoại hối	253
45	06CQ1125	3	Phân tích tín dụng và quản trị cho vay.....	259
		4	Chọn 2/4	
46	06CQ0587	2	Thị trường chứng khoán.....	267
47	06CQ0585	2	Quản trị bán hàng.....	273
48	06CQ1126	2	Hoạt động bảo hiểm qua kênh ngân hàng.....	279
49	06CQ1127	2	Tài chính cá nhân.....	283
		10	B.3 Tốt nghiệp	
50	06CQ1128	10	Thực tập và khoá luận tốt nghiệp TCNH.....	287
Sinh viên không làm khoá luận tốt nghiệp học thay thế 05 học phần thuộc Kiến thức chuyên sâu:				
51	06CQ0742	2	Phân tích dữ liệu lớn trong tài chính.....	291
52	06CQ0743	2	Quản trị dự án khởi nghiệp.....	295
53	06CQ0744	2	Quản trị tài chính quốc tế.....	299
54	06CQ0745	2	Quản lý dữ liệu tài chính & Ứng dụng	305
55	06CQ0746	2	Đổi mới sáng tạo tài chính.....	309
		124	Tổng cộng	

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Triết học Mác – Lênin
Tên học phần Tiếng Anh:	Marxist - Leninist Philosophy
Mã học phần:	06CQ0001
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	45 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Triết học Mác- Lênin là học phần bắt buộc trong Chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành.

Học phần được bố trí giảng dạy đầu tiên trong hệ thống các môn học Chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức có tính hệ thống về triết học Mác – Lênin.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Nắm được những kiến thức cơ bản về một số vấn đề chung của môn học Triết học Mác - Lênin (khái niệm, vấn đề cơ bản của triết học, những tiền đề của sự ra đời triết học Mác – Lênin, thực chất, ý nghĩa cuộc cách mạng trong triết học do C. Mác và Ph. Ăngghen thực hiện, Lênin bổ sung và phát triển triết học Mác; đối tượng, chức năng, vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội và trong thời đại ngày nay).	1.0	PLO1
CLO1	Hiểu được quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất, ý thức, mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức.	1.0	PLO1
CLO2	Nắm được những nội dung cơ bản của phép biện chứng duy vật, ý nghĩa phương pháp luận trong nhận thức và thực tiễn.	1.0	PLO1
CLO2	Trang bị những kiến thức cơ bản về lý luận nhận thức duy vật biện chứng, về học thuyết kinh tế - xã hội; vận dụng ý nghĩa phương pháp luận vào thực tiễn cuộc sống.	1.0	PLO1
CLO2	Nắm được những quan điểm cơ bản của triết học Mác – Lênin về giai cấp, đấu tranh giai cấp; về nhà nước và cách mạng xã hội; về dân tộc, quan hệ giai cấp – dân tộc – nhân loại; vận dụng vào nhận thức những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam.	2.0	PLO1
CLO3	Trang bị những quan điểm cơ bản của triết học Mác – Lênin về con người, về ý thức xã hội; vận dụng vào nhận thức những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam.	2.0	PLO1
CLO3	Biết vận nguyên tắc phương pháp luận từ nội dung lý luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử, vào nhận thức và hoạt động thực tiễn. Tìm kiếm, đọc và thu thập tài liệu liên quan đến môn Triết học Mác – Lênin.	1.0	PLO1
CLO3	Khẳng định những nền tảng khoa học của chủ nghĩa duy vật biện chứng; đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái của chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật siêu hình.	3.0	PLO10
CLO3	Biết vận dụng những kiến thức đã học vào phân tích thực tiễn cuộc sống trong giai đoạn hiện nay. Rèn luyện kỹ năng suy luận, thuyết trình, làm việc nhóm hiệu quả.	3.0	PLO1 PLO8
CLO4	Củng cố niềm tin vào bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác – Lênin nói chung, triết học Mác – Lênin nói riêng.	3.0	PLO1
CLO4	Bồi dưỡng lập trường mác xít, củng cố niềm tin vào bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa duy vật lịch sử; tin tưởng vào đường lối quan điểm của Đảng; đấu tranh với các quan điểm thù địch, sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.	3.0	PLO1 PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 1: Khái luận về triết học và triết học Mác- Lênin		15				35	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1
1	Triết học và vấn đề cơ bản của triết học. Triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội. Bài tập								A3
Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng		15				35			A1
2	2.1. Vật chất và ý thức. 2.2. Phép biện chứng duy vật. 2.3. Lý luận nhận thức. Bài tập								A2
Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử		15				35			A3
3	3.1. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội. 3.2. Giai cấp và dân tộc. 3.3. Nhà nước và cách mạng XH 3.4. Ý thức xã hội. 3.5. Triết học về con người. Bài tập								A1
	Tổng	45				105			A3

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO3 CLO4	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO2 CLO3 CLO4	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CĐR				
	Số câu: 1	Số câu: 1	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 2 <i>Số câu: 4</i> <i>Tỉ lệ: 40%</i>	CĐR				
	Số câu: 1	Số câu: 2	Số câu: 1	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 3 <i>Số câu: 4</i> <i>Tỉ lệ: 40%</i>	CĐR				
	Số câu: 1	Số câu: 2	Số câu: 1	Số câu: 0	Số câu: 0
Tổng cộng 10 câu (Tỉ lệ 100%)	Số câu: 3 Tỷ lệ: 30%	Số câu: 5 Tỷ lệ: 50%	Số câu: 2 Tỷ lệ: 20%	Số câu: 0	Số câu: 0

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

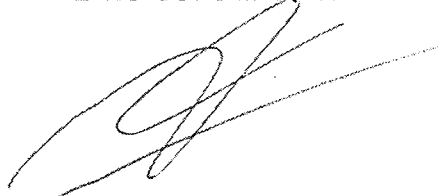
Giáo trình chính

- [1] Bộ Giáo dục và đào tạo (2021), *Giáo trình Triết học Mác - Lênin*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

- [2] Bộ Giáo dục và đào tạo (2017), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.
- [3] Bộ Giáo dục và đào tạo (2006), *Giáo trình Triết học Mác - Lênin*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.
- [4] Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2003), *Giáo trình Triết học Mác – Lênin*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Thạc sĩ: Nguyễn Hữu Khánh

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Kinh tế chính trị Mác-Lênin
Tên học phần Tiếng Anh:	Political Economics of Marxism and Leninism
Mã học phần:	06CQ0002
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	06CQ0001
Học phần song hành:	



2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Kinh tế chính trị Mác - Lênin là học phần cơ sở bắt buộc trong Chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần được bố trí giảng dạy sau khi sinh viên học xong học phần Triết học Mác – Lênin. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức có tính hệ thống về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Giúp sinh viên có những hiểu biết có tính hệ thống về học thuyết giá trị, học thuyết giá trị thặng dư và những vấn đề cơ bản về kinh tế thị trường, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế trong giai đoạn hiện nay.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Nắm được những kiến thức cơ bản về một số vấn đề chung của môn học tư tưởng Kinh tế chính trị Mác - Lênin (khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn học)	1.0	PLO1
CLO1	Hiểu rõ được hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.	2.0	PLO2
CLO1	Nắm và phân tích được những kiến thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác – Lênin: giá trị thặng dư, bản chất, nguồn gốc của giá trị thặng dư, tích lũy tư bản, các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường.	3.0	PLO1
CLO1	Trình bày được nguyên nhân hình thành và đặc điểm kinh tế cơ bản của độc quyền trong chủ nghĩa tư bản. Nhưng biểu hiện mới về kinh tế của độc quyền trong chủ nghĩa tư bản ngày nay.	2.0	PLO2
CLO1	Phân tích được nguyên nhân hình thành và đặc điểm của độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường thị tư bản chủ nghĩa. Vai trò lịch sử và hạn chế phát triển của chủ nghĩa tư bản ngày nay.	3.0	PLO2 PLO9
CLO2	Phân tích, giải thích được tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam;	3.0	PLO9
CLO2	Phân tích được nội dung cơ bản, quan điểm giải pháp để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.	3.0	PLO9
CLO3	Phân tích được tính tất yếu, những tác động tiêu cực của hội nhập kinh tế quốc tế đối với sự phát triển ở Việt Nam.	3.0	PLO9
CLO3	Tìm kiếm, đọc và thu thập tài liệu liên quan đến môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin Rèn luyện kỹ năng tuyệt trình, làm việc nhóm hiệu quả.	2.0	PLO10
CLO3	Biết vận dụng những kiến thức đã học vào phân tích thực tiễn các hoạt động kinh tế - xã hội trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.	3.0	PLO10 PLO13
CLO4	Thấy rõ vai trò, trách nhiệm của mình để góp phần hoàn thiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đóng góp vào sự thành công của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.	3.0	PLO14

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 1: Đối tượng, phương pháp nghiên chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin		4				10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc-chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A3
1	Khái quát sự hình thành và phát triển của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Đối tượng, mục đích và phương pháp nghiên cứu chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin Bài tập								
Chương 2: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia Thị trường		4				10			
2	2.1 Lý luận của C. Mác về sản xuất hàng hóa 2.2 Thị trường và nền kinh tế thị trường 2.3 Vai trò của một số chủ thể tham gia thị trường Bài tập								
Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường		4				10			
3	3.1. Lý luận của C.Mác về giá trị thặng dư 3.2. Tích lũy tư bản 3.3. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường Bài tập								

Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn.
Học ở lớp:
 - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;
 - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề.
Học ở nhà:
 - Xem trước tài liệu nội dung bài học.

A1

A3

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 4 : Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường		4				10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
4	Cạnh tranh ở cấp độ độc quyền trong nền kinh tế thị trường 4.2. Lý luận của V.I Lênin về các đặc điểmkinh tế độc quyền nhà nước trong nền kình tế thị trường tư bản chủ nghĩa Biểu hiện mới của độc quyền, độc quyền nhà nước trong điều kiện ngày nay; vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản. Bài tập								
Chương 5: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam		7				15			
5+6	5.1 Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở VN. 5.2 Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam. 5.3 Các quan hệ lợi ích kinh tế ở VN. Bài tập								
Chương 6: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của VN		7				15			
7+8	6.1. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam 6.2. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam Bài tập								
	Tổng	30				70			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 2 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 2 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 2 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 6 <i>Số câu: 2 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 10 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 3</i> <i>Tỉ lệ 30%</i>	<i>Số câu: 5</i> <i>Tỉ lệ 50%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

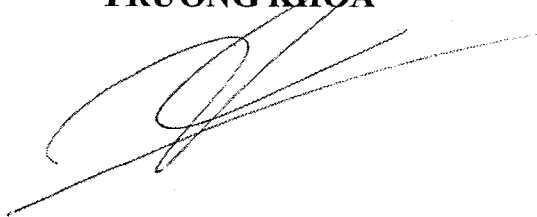
Giáo trình

- [1] Bộ Giáo dục và đào tạo (2017), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

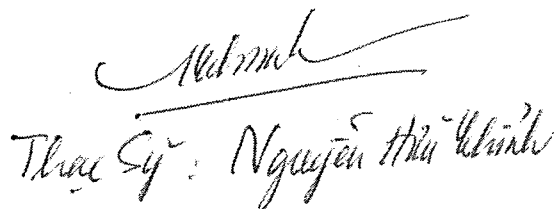
- [1] Bộ Giáo dục và đào tạo (2017), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.
- [2] Bộ Giáo dục và đào tạo (2006), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Thạc Sĩ: Nguyễn Hữu Khánh

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC**

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Chủ nghĩa xã hội khoa học
Tên học phần Tiếng Anh:	Scientific Socialism
Mã học phần:	06CQ0003
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	06CQ0002
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Chủ nghĩa xã hội khoa học là học phần cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần được bố trí giảng dạy sau khi sinh viên học xong môn học Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức có tính hệ thống về sự ra đời, các giai đoạn phát triển, đối tượng, phương pháp và ý nghĩa học tập, nghiên cứu chủ nghĩa xã hội; những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Nắm được những kiến thức cơ bản về một số vấn đề chung của môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học (sự ra đời, các giai đoạn phát triển, đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu)	1.0	PLO1
CLO1	Những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, nội dung, biểu hiện và ý nghĩa của sứ mệnh đó trong bối cảnh hiện nay	2.0	PLO1
CLO1	Kiến thức cơ bản những quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và sự vận dụng sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam vào điều kiện cụ thể Việt Nam.	2.0	PLO1
CLO1	Nắm được bản chất nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa nói chung và ở Việt Nam nói riêng.	2.0	PLO1
CLO1	Nắm được những kiến thức nền tảng về cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH	2.0	PLO1
CLO1	Nắm được quan điểm cơ bản CN Mác – Lênin về vấn đề dân tộc, tôn giáo; mối quan hệ dân tộc – tôn giáo và quan điểm, nội dung, chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng và Nhà nước VN hiện nay.	2.0	PLO1
CLO1	Nắm được quan điểm cơ bản chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về gia đình, xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng gia đình ở Việt Nam hiện nay.	3.0	PLO1
CLO2	Phân tích được các điều kiện kinh tế - xã hội và vai trò của C. Mác và Ph.Ăngghen trong việc hình thành CNXHKH vai trò của Lênin trong vận dụng và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học; đối tượng nghiên cứu của CNXHKH; những đóng góp về lý luận chính trị - xã hội của Đảng Cộng sản Việt Nam qua 35 năm đổi mới.	4.0	PLO1
CLO2	Trình bày và phân tích được những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân, nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; những điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; phương hướng và giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay theo quan điểm của ĐCSVN.	2.0	PLO1
CLO2	Phân tích được điều kiện ra đời, đặc trưng của CNXH; tính tất yếu, đặc điểm của thời kỳ quá độ lên CNXH; luận điểm của ĐCSVN về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư TBCN.	4.0	PLO1
CLO2	Phân tích được cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam; vị trí, vai trò, nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam; đề xuất phương hướng, giải pháp nhằm tăng cường khối liên minh giai cấp, tầng lớp ở nước ta hiện nay.	4.0	PLO1

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO2	Phân tích được quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về dân tộc và giải quyết dân tộc trong cách mạng xã hội chủ nghĩa; quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước Việt Nam về dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa;	4.0	PLO1
CLO2	Phân tích được cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; vị trí, vai trò của các giai cấp, tầng lớp, tầng lớp cơ bản trong cơ cấu xã hội – giai cấp Việt Nam; nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, đề xuất phương hướng, giải pháp nhằm tăng cường khối liên minh giai cấp, tầng lớp ở nước ta hiện nay.	4.0	PLO1
CLO2	Phân tích được quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về dân tộc và giải quyết dân tộc trong cách mạng xã hội chủ nghĩa; quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước Việt Nam về dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa;	4.0	PLO1
CLO2	Phân tích, làm rõ được quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về tôn giáo và giải quyết vấn đề tôn giáo trong cách mạng XHCN; quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước Việt Nam về tôn giáo và giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; Phân tích được mối quan hệ giữa dân tộc với tôn giáo ở Việt Nam, ảnh hưởng của mối quan hệ đó đến sự ổn định chính trị - xã hội của đất nước, đến độc lập, chủ quyền của Tổ quốc.	4.0	PLO1
CLO2	Trình bày và phân tích được vị trí, chức năng của gia đình, cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; những biến đổi cơ bản của gia đình Việt Nam và phương hướng cơ bản xây dựng và phát triển gia đình ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	4.0	PLO1
CLO3	Tìm kiếm, đọc và thu thập tài liệu liên quan đến môn CNXHKH	2.0	PLO1
CLO3	Rèn luyện kỹ năng tuyệt trình, làm việc nhóm hiệu quả.	3.0	PLO1 PLO8
CLO3	Vận dụng những nội dung đã học để phân tích, giải thích những vấn đề trong thực tiễn liên quan một cách khoa học.	4.0	PLO1
CLO4	Có thái độ tích cực đối với việc học tập các môn lý luận chính trị; có niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng và sự thành công của công cuộc đổi mới do ĐCS khởi xướng và lãnh đạo.	3.0	PLO1 PLO10
CLO4	Củng cố niềm tin khoa học, lập trường giai cấp công nhân đối với sự nghiệp xây dựng CNXH trên thế giới cũng như Việt Nam.	3.0	PLO1 PLO10
CLO4	Có niềm tin vào chế độ XHCN, luôn tin tưởng và ủng hộ đường lối đổi mới theo định hướng CNXH dưới sự lãnh đạo của ĐCSVN	3.0	PLO1 PLO10
CLO4	Củng cố niềm tin vào con đường cách mạng giải phóng dân tộc. Tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Có phương pháp tư duy mới trong học tập. Tự mình biết đào sâu lý luận gắn với thực tiễn với tinh thần độc lập, sáng tạo	4.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY – COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 1: Nhập môn chủ nghĩa XHKH		4				10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A2 A3
1	Sự ra đời của chủ nghĩa XHKH Các giai đoạn phát triển cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXHKH Bài tập								
Chương 2: Sứ mệnh lịch sử của G/c công nhân		4				10			
2	1. Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân 2. Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay 3. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân VN Bài tập								
Chương 3: Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội		5				10			
3	1. Chủ nghĩa xã hội 2. Thời kỳ quá độ lên CNXH 3. Quá độ lên CNXH ở Việt Nam Bài tập								
Chương 4: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa		5				10			
4	1. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa 2. Nhà nước xã hội chủ nghĩa 3. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam Bài tập								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 5: Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH		4				10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu ND bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
5	Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam Bài tập								
Chương 6: Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội		4				10			
6	Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam Bài tập								
Chương 7: Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội		4				10			
7	Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội . Xây dựng gia đình việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Bài tập								
Tổng		30				70			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống		30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.		60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 2 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 2 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 6 <i>Số câu: 2 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 7 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 10 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 6</i> <i>Tỉ lệ 60%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

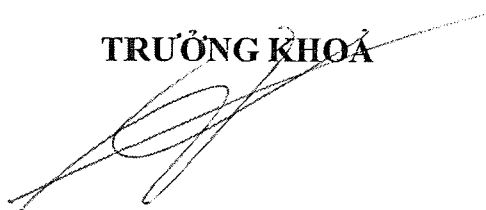
Tài liệu/giáo trình chính

- [1] Bộ Giáo dục và đào tạo (2021), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.

Tài liệu tham khảo/bổ sung

- [2] Bộ Giáo dục và đào tạo (2017), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.
- [3] Bộ Giáo dục và đào tạo (2006), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Thạc Sĩ Nguyễn Hữu Vĩnh

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
Tên học phần Tiếng Anh:	History of Vietnamese Communist Party
Mã học phần:	06CQ0004
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	06CQ0003
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần được bố trí giảng dạy sau khi sinh viên học xong môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức có tính hệ thống về đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; quá trình ra đời và lãnh đạo đấu tranh qua các thời kỳ lịch sử (1930-1975); quá trình phát triển đường lối và lãnh đạo của Đảng đưa cả nước quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội từ 1975 đến nay.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Nắm được những kiến thức cơ bản về một số vấn đề chung của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn học).	2.0	PLO1
CLO1	Những tri thức có tính hệ thống quá trình ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), nội dung cơ bản, giá trị lịch sử của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng và quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giành chính quyền (1930-1945).	2.0	PLO1
CLO1	Kiến thức về sự lãnh đạo của Đảng đối với hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm thời kỳ (1945-1975);	2.0	PLO1
CLO1	Kiến thức có hệ thống về quá trình phát triển đường lối và lãnh đạo của Đảng đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới từ sau ngày thống nhất đất nước năm 1975 đến nay.	2.0	PLO1
CLO2	Phân tích được những điều kiện cần thiết dẫn tới sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.	2.0	PLO1
CLO2	Phân tích được những nội dung cơ bản, ý nghĩa lịch sử của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; vai trò lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp giải phóng dân tộc gđ 1930 -1945.	4.0	PLO1
CLO2	Phân tích được đường lối và sự chỉ đạo, ý nghĩa lịch sử, kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ giai đoạn 1945 – 1975; cách mạng xã hội chủ nghĩa và những thành quả xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc 1954- 1975.	4.0	PLO1
CLO2	Khái quát được quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cả nước và quá trình tìm con đường đổi mới đất nước; nội dung đường lối đổi mới toàn diện Đại hội VI của Đảng (12/1986) và quá trình thực hiện.	2.0	PLO1
CLO2	Phân tích được nội dung Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (năm 1991 và bổ sung, phát triển năm 2011); vai trò lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập	4.0	PLO1

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
	quốc tế; thành tựu, ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp đổi mới.		
CLO3	Tìm kiếm, đọc và thu thập tài liệu liên quan đến môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Rèn luyện kỹ năng tuyệt trình, làm việc nhóm hiệu quả.	3.0	PLO1 PLO8
CLO3	Có khả năng nhận thức và phản bác được những luận điểm xuyên tạc đường lối lãnh đạo của Đảng. Biết vận dụng những kiến thức đã học vào phân tích thực tiễn cuộc sống trong giai đoạn hiện nay.	3.0	PLO1 PLO8
CLO4	Củng cố niềm tin vào con đường cách mạng giải phóng dân tộc. Tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Có phương pháp tư duy mới trong học tập. Tự mình biết đào sâu lý luận gắn với thực tiễn với tinh thần độc lập, sáng tạo.	3.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử ĐCSVN.		6				15	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV. giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A3
1	Đối tượng nghiên cứu Chức năng, nhiệm vụ PP nghiên cứu, học tập Mục đích, yêu cầu								
Chương 1: Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)		8				20			

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
2+3	1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2/1930) 2. Lãnh đạo quá trình đấu tranh giành chính quyền (1930 -1945)								
Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 – 1975)		8				20	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1
4+5	1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2/1930) Lãnh đạo quá trình đấu tranh giành chính quyền (1930 -1945)								
Chương 3: Lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay)		8				25			A3
6+7	1. Lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986) Lãnh đạo công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (từ 1986 đến nay)								
Tổng		30				70			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	10

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 2 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 4 (Tỷ lệ: 40%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 4 (Tỷ lệ: 40%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 10 câu (Tỷ lệ: 100%)	<i>Số câu: 3</i> <i>Tỷ lệ 30%</i>	<i>Số câu: 5</i> <i>Tỷ lệ 50%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỷ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

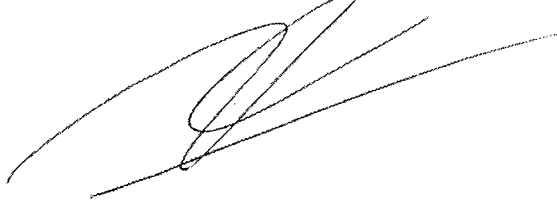
Tài liệu/giáo trình chính

[1] Bộ Giáo dục và đào tạo (2012), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.

Tài liệu tham khảo/bổ sung

- [2] Bộ Giáo dục và đào tạo (2006), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.
- [3] Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2018), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Thạc sĩ: Nguyễn Hữu Khánh

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Tư tưởng Hồ Chí Minh
Tên học phần Tiếng Anh:	Hochiminh Ideology
Mã học phần:	06CQ0005
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	06CQ0003
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần được bố trí giảng dạy sau khi sinh viên học xong các môn học thuộc Chủ nghĩa Mác – Lênin bao gồm: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế Chính trị Mác – Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức có tính hệ thống về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh. Giúp sinh viên hiểu rõ cơ sở thực tiễn, cơ sở lý luận, nhân tố chủ quan hình thành nên tư tưởng Hồ Chí Minh; hiểu rõ các giai đoạn trong quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. Nhận thức được bản chất khoa học, cách mạng và những sáng tạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập và cách mạng giải phóng dân tộc; nắm được tính quy luật của cách mạng Việt Nam: độc lập

dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam, về Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, về đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế, về văn hóa, đạo đức, con người.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Nắm được những kiến thức cơ bản về một số vấn đề chung của môn học tư tưởng Hồ Chí Minh (khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn học)	2.0	PLO1
CLO1	Hiểu rõ cơ sở thực tiễn, cơ sở lý luận, nhân tố chủ quan hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh, các giai đoạn cơ bản trong quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.	2.0	PLO1
CLO2	Nhận thức được bản chất khoa học, cách mạng và những sáng tạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; nắm được tính quy luật của cách mạng Việt Nam; độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.	3.0	PLO1
CLO2	Nắm được những kiến thức cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐCSVN, về nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Phân tích, vận dụng vào giải thích các vấn đề phòng, chống các tiêu cực trong Đảng, trong Nhà nước ta hiện nay.	3.0	PLO1
CLO2	Nắm và phân tích được những kiến thức cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, về văn hóa, đạo đức, con người. Vận dụng vào thực tiễn trong giai đoạn hiện nay.	3.0	PLO1
CLO3	Phân tích, giải thích được tính đúng đắn và sáng tạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, những yếu tố tác động đến việc xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.	3.0	PLO1 PLO8
CLO3	Tìm kiếm, đọc và thu thập tài liệu liên quan đến môn Tư tưởng Hồ Chí Minh. Rèn luyện kỹ năng tuyệt trình, làm việc nhóm hiệu quả.	2.0	PLO1 PLO8
CLO3	Có khả năng nhận thức và phân bác được những luận điểm xuyên tạc tư tưởng Hồ Chí Minh. Biết vận dụng những kiến thức đã học vào phân tích thực tiễn cuộc sống trong giai đoạn hiện nay.	3.0	PLO1 PLO8
CLO4	Thấy rõ vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự phát triển của dân tộc Việt Nam; tin tưởng vào chế độ chính trị xã hội, vào sự lãnh đạo của Đảng, phấn đấu cho mục tiêu, lý tưởng của cách mạng.	2.0	PLO1 PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 1: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh		4				10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A3
1	Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh Đối tượng nghiên cứu								
Chương 2: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng HCM		4				10			
2	2.1. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh 2.2. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh 2.3. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh								
Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và CNXH		4				10			
3	3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc 3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Chương 4 : Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt nam và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân	4				10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
4	4.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản 4.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân 4.3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng Đảng và xây dựng Nhà nước.								
	Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế	7				15			
5+6	5.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết toàn dân tộc 5.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế 5.3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay.								
	Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người	7				15			
7+8	6.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa 6.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức 6.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người 6.4. Xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng HCM								
	Tổng	30				70			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 10%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 10%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 2 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 2 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 2 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 6 <i>Số câu: 2 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 10 câu (Tỷ lệ: 100%)	<i>Số câu: 3</i> <i>Tỷ lệ 30%</i>	<i>Số câu: 5</i> <i>Tỷ lệ 50%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỷ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

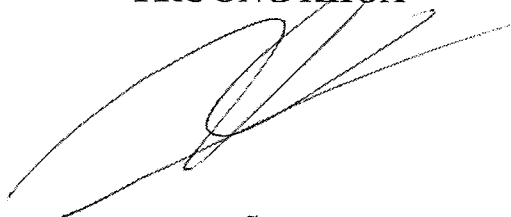
Tài liệu/giáo trình chính

- [1] Bộ Giáo dục và đào tạo (2021), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.

Tài liệu tham khảo/bổ sung

- [2] Bộ Giáo dục và đào tạo (2005), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.
- [3] Bộ Giáo dục và đào tạo (2017), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.
- [4] Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh – Khoa Lý luận Chính trị - Bộ môn tư tưởng Hồ Chí Minh (2020), *Tài liệu hướng dẫn ôn tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Thạc sĩ: Nguyễn Hữu Anh

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG**

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt: Pháp luật đại cương
Tên học phần Tiếng Anh: Fundamentals of Laws
Mã học phần: 06CQ0006
Thuộc khối kiến thức: Giáo dục đại cương
Khoa/Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:
Giảng viên tham gia giảng dạy:
Số tín chỉ: 2
Lý thuyết: 30 tiết
Thực hành: 0
Bài tập: 0
Tính chất của môn: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:
Học phần song hành:

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần Pháp luật đại cương cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Nhà nước và Pháp luật, một số quy định pháp luật chuyên ngành phổ biến trong đời sống; Xây dựng tinh thần thượng tôn pháp luật đối với người học.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Phân biệt một số khái niệm liên quan đến Nhà nước và Pháp luật	3.0	PLO2

CLO2	Hiểu và áp dụng kiến thức vào đời sống, công việc.	3.0	PLO8
CLO3	Vận dụng kiến thức giải quyết một số tình huống thực tế.	4.0	PLO8 PLO9
CLO4	Có thái độ nghiêm túc trong quá trình làm việc nhóm, cũng như có đạo đức nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, và tinh thần trách nhiệm với cộng đồng. Tham dự lớp học đầy đủ.	5.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
CHƯƠNG I. Những vấn đề cơ bản về Nhà nước và Pháp luật		4				10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A3
1	1. Những vấn đề cơ bản về Nhà nước 2. Những vấn đề cơ bản về pháp luật								
CHƯƠNG II. Hệ thống pháp luật		4				10			
2	1. Khái niệm và đặc điểm hệ thống pháp luật 2. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật 3. Hệ thống pháp luật Việt Nam								
CHƯƠNG III. Thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật		6				10			
3+4	1. Thực hiện pháp luật 2. Vi phạm pháp luật 3. Trách nhiệm pháp lý								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
CHƯƠNG IV. Luật Hình sự và tố tụng hình sự		8				20	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A2 A3
5+6	1. Hình phạt 2. Tội phạm 3. Tố tụng hình sự								
CHƯƠNG V. Luật dân sự và tố tụng dân sự		8				20			
7+8	1. Chế định sở hữu 2. Chế định thừa kế 3. Chế định hợp đồng 4. Tố tụng dân sự								
	Tổng	30				70			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

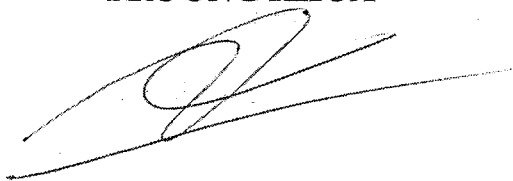
6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 2 (Tỉ lệ: 33.36%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 2 (Tỉ lệ: 33.36%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 2 (Tỉ lệ: 33.36%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>
Tổng cộng: 6 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 16.7%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 33.36%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 16.7%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 16.7%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 16.7%</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

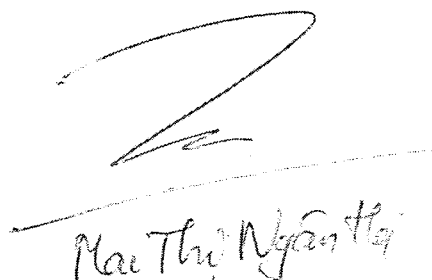
- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), *Giáo trình Pháp luật đại cương*, NXB Đại học sư phạm.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Phương pháp nghiên cứu khoa học
Tên học phần Tiếng Anh:	Scientific Research Methodology
Mã học phần:	06CQ0009
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về phương pháp nghiên cứu trong kinh tế - xã hội. Với thời lượng 2 đơn vị tín chỉ, học phần được thiết kế thành 7 chương và được sắp xếp theo quy trình trình nghiên cứu được sử dụng phổ biến trong nghiên cứu kinh tế - xã hội: từ xác định vấn đề, tổng quan và thiết kế nghiên cứu; thu thập và phân tích dữ liệu và trình bày báo cáo nghiên cứu. Học phần được thiết kế theo cách tiếp cận phát triển kỹ năng giúp cho người học có thể thực hiện các nghiên cứu khoa học đơn giản trong kinh tế - xã hội, thông qua việc kết hợp giảng dạy giữa lý thuyết và thực hành nghiên cứu.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Bày tỏ quan điểm cá nhân thông qua vận dụng các nguyên tắc trong nghiên cứu khoa học: xác định đề tài nghiên cứu, lập kế hoạch nghiên cứu.	3.0	PLO2 PLO8
CLO2	Biện luận cách xử lý các tình huống thu thập, xử lý dữ liệu và đánh giá kết quả nghiên cứu.	5.0	PLO5 PLO8
CLO3	Vận dụng được phần mềm SPSS, Excel trong xử lý số liệu. thành thạo cáo kỹ năng trình bày, diễn giải kết quả nghiên cứu của một công trình khoa học.	4.0	PLO8 PLO9
CLO4	Có thái độ nghiêm túc trong quá trình làm việc nhóm, cũng như có đạo đức nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, và tinh thần trách nhiệm với cộng đồng. Tham dự lớp học đầy đủ.	3.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 1: Tổng quan về phương pháp nghiên cứu khoa học		4				10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A3
1	1.1 Khoa học 1.2 Nghiên cứu khoa học và Phương pháp nghiên cứu khoa học. Quy trình nghiên cứu khoa học								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Chương 2: Xác định đề tài nghiên cứu khoa học	4				10			
2	2.1. Các khái niệm liên quan 2.2. Phương pháp phát hiện vấn đề khoa học 2.3. Lựa chọn và đặt tên đề tài nghiên cứu. 2.4. Đặt giả thuyết khoa học để định hướng nghiên cứu 2.5. Cơ sở lý thuyết trong nghiên cứu 2.6 Xây dựng đề cương nghiên cứu								
	Chương 3: Lập kế hoạch nghiên cứu	4				10			
3	3.1. Lựa chọn mô hình nghiên cứu 3.2 Lựa chọn phương pháp nghiên cứu. 3.3 Xác định đối tượng và đặc tính nghiên cứu 3.4 Lập kế hoạch nghiên cứu						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
	Chương 4: Thu thập dữ liệu	4				10			
4	4.1 Giới thiệu chung về dữ liệu 4.2 Thu thập dữ liệu thông qua nghiên cứu tài liệu 4.3 Thu thập dữ liệu thông qua phương pháp thực nghiệm 4.4 Thu thập dữ liệu thông qua phương pháp phi thực nghiệm 4.4.1 Phương pháp quan sát 4.4.2 Phương pháp phỏng vấn 4.4.3 Phương pháp điều tra bằng bảng câu hỏi 4.4.4 Phương pháp hội nghị								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Chương 5: Xử lý dữ liệu	4				10			
5	5.1 Xử lý dữ liệu định tính 5.2 Xử lý dữ liệu định lượng 5.3 Sai số quan sát 5.4 Phương pháp trình bày độ chính xác của dữ liệu 5.4.1 Giới thiệu phần mềm xử lý số liệu (SPSS, EvIEWS) 5.4.2 Vận dụng phần mềm SPSS, EvIEWS xử lý dữ liệu								
	Chương 6: Viết và trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học	4				10			
6	6.1. Các bước triển khai viết bản thảo báo cáo 6.2. Quy cách trình bày luận văn 6.3. Cấu trúc của một luận văn 6.4. Chi tiết trình bày phần dẫn nhập 6.5. Chi tiết trình bày phần nội dung chính 6.6. Chi tiết trình bày phần tài liệu tham khảo 6.7. Công bố và bảo vệ báo cáo nghiên cứu khoa học						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A2 A3
	Chương 7: Đánh giá công trình nghiên cứu khoa học	4				10			
7	7.1 Các tiêu chí đánh giá kết quả nghiên cứu 7.2 Chủ thể đánh giá kết quả nghiên cứu 7.3 Phương pháp đánh giá 7.4 Nhận xét phản biện khoa học 7.5 Đảm bảo pháp lý cho công trình khoa học								
8	Ôn tập: Tóm lược các nội dung cơ bản, giải đáp thắc mắc của sinh viên	2							
	Tổng	30				70			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

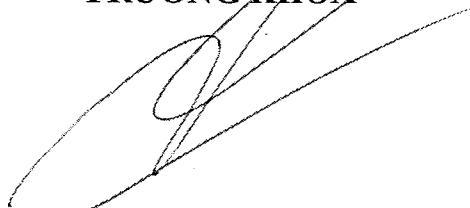
6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 3 Số câu: 1 (Tỷ lệ: 16.7%)	CDR				
	Số câu: 1	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 4 Số câu: 1 (Tỷ lệ: 16.7%)	CDR				
	Số câu: 0	Số câu: 1	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 5 Số câu: 2 (Tỷ lệ: 33.36%)	CDR				
	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 1	Số câu: 1	Số câu: 0
Chương 6 Số câu: 2 (Tỷ lệ: 16.7%)	CDR				
	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 1	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 7 Số câu: 2 (Tỷ lệ: 16.7%)	CDR				
	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 1	Số câu: 0	Số câu: 0
Tổng cộng: 6 câu (Tỷ lệ: 100%)	Số câu: 1 Tỷ lệ 16.7%	Số câu: 1 Tỷ lệ 16.7%	Số câu: 3 Tỷ lệ 50%	Số câu: 1 Tỷ lệ 16.7%	Số câu: 0

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

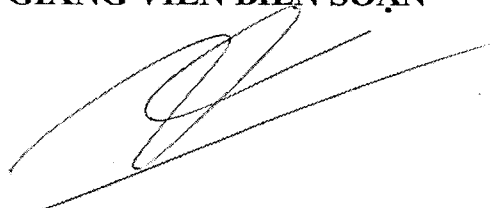
1. Vũ Cao Đàm, (2018), *Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB Giáo dục.
2. Hà Nam Khánh Giao, Bùi Nhất Vương (2019), *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh - cập nhật SmartPLS: giáo trình cao học*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Nguyễn Đình Thọ (2014), *Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*, Thành phố Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Tài chính (Tài liệu không tái bản).
4. Nguyễn Đình Thọ (2016), *Phương pháp tập mở fsQCA và nghiên cứu khoa học kinh doanh tại Việt Nam: sách chuyên khảo dành cho nghiên cứu sinh và các nhà nghiên cứu về khoa học kinh doanh*, Tp. Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Trẻ (Tài liệu không tái bản).
5. Đinh Phi Hổ - Võ Văn Nhị - Trần Phước (2018), *Nghiên cứu định lượng trong kế toán kiểm toán*, NXB Tài chính.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Nguyễn Văn Dũng

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
VĂN HÓA DOANH NGHIỆP**

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Văn hóa Doanh nghiệp
Tên học phần Tiếng Anh:	Business culture
Mã học phần:	06CQ0020
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần Văn hóa Doanh nghiệp được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa và cách thức xây dựng văn hóa trong tổ chức, người học có được những kỹ năng cần thiết khi hội nhập vào môi trường làm việc của tổ chức; xây dựng và thiết lập các chuẩn mực văn hóa tổ chức trong các hoạt động của các tổ chức.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Nhận biết và ghi nhớ khái niệm, đặc điểm, chức năng, vai trò, triết lý của văn hóa doanh nghiệp, các giá trị cốt lõi và hình ảnh của doanh nghiệp.	1.0	PLO2
CLO2	Đánh giá giá trị của doanh nghiệp thông qua xây dựng và thực thi các chuẩn mực văn hóa.	4.0	PLO2
CLO3	Thiết lập các giá trị văn hóa doanh nghiệp dựa trên các nền tảng hiện có và các chuẩn mực của xã hội.	3.0	PLO2
CLO4	Lồng ghép trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp với văn hóa doanh nghiệp giúp người học thích ứng và phát huy các kỹ năng để hội nhập vào môi trường làm việc của tổ chức.	3.0	PLO8 PLO9
CLO5	Thể hiện tinh thần thái độ học tập nghiêm túc.	3.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 1: Tổng quan văn hóa DN		4				10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A3
1	1.1. Khái niệm về VHDN 1.2. Mục đích, ý nghĩa và vai trò của VHDN 1.3. Các yếu tố cấu thành và tiêu chí xây dựng VHDN								
Chương 2: Các chức năng và nội dung cơ bản của VHDN		4				10			
2	2.1. Chức năng của VHDN 2.1.1. Chức năng chỉ đạo 2.1.2. Chức năng ràng buộc 2.1.3. Chức năng khuyến khích 2.1.4. Chức năng lan truyền 2.2. Nội dung cơ bản của VHDN 2.2.1. Quan niệm giá trị của DN 2.2.2. Xây dựng phương thức và chế độ quản lý 2.2.3. Sự thể hiện trong hành động của nhân viên 2.2.4. Tạo lập giá trị VH vật chất của DN 2.2.5. Những thách thức trong thực thi VHDN								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 3: Cấu trúc cơ bản hình thành VHDN		8				15			
3+4	3.1. Hình thành VHDN từ các yếu tố giá trị 3.1.1. Các giá trị 3.1.2. Quản lý bằng giá trị 3.2. Hình thành VHDN từ các yếu tố chuẩn mực 3.2.1 Tính nhân văn 3.2.2. Sự thật và lẽ phải 3.2.3. Bản chất con người 3.2.4. Hành vi con người 3.2.5. Mối quan hệ với con người 3.3. Hình thành VHDN từ các yếu tố phong cách quản lý 3.3.1. Phong cách quản lý 3.3.2. Phân loại phong cách quản lý 3.3.3. Các biểu trưng phong cách QL Bài tập						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A2 A3
Chương 4: Xây dựng VHDN		8				20			
5+6	4.1. Các giai đoạn hình thành VHDN 4.1.1. Giai đoạn đầu 4.1.2. Giai đoạn giữa 4.1.3. G/đ chín mùi và nguy cơ suy thoái 4.2. Các dạng VHDN 4.2.1. Theo phân cấp quyền lực 4.2.2. Theo cơ cấu định hướng về con người và nhiệm vụ 4.2.3. Theo mối quan tâm đến nhân tố con người và mối quan tâm đến thành tích 4.2.4. Theo vai trò lãnh đạo 4.3. Xây dựng VHDN ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay 4.3.1. Ảnh hưởng của VH dân tộc và môi trường KD đến sự hình thành và phát triển VHDN VN. 4.3.2. Xây dựng và phát triển VHDN VN								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Chương 5: Văn hóa trong các hoạt động kinh doanh	6				15			
7+8	5.1. Văn hóa ứng xử trong nội bộ DN 5.1.1. Vai trò và biểu hiện của VH ứng xử trong nội bộ DN 5.1.2. Tác động của VH ứng xử trong nội bộ DN 5.1.3. Những điều cần tránh trong VH ứng xử nội bộ DN 5.2. Văn hóa trong xây dựng và phát triển thương hiệu 5.2.1. VH – Chiều sâu của thương hiệu 5.2.2. VH công ty và thương hiệu 5.2.3. Một số khía cạnh VH cần lưu ý trong xây dựng thương hiệu 5.3. Văn hóa trong hoạt động Marketing 5.3.1. VH trong lựa chọn TT mục tiêu 5.3.2. VH trong các quyết định về SP 5.3.3. VH trong các hoạt động truyền thông Marketing 5.4. Văn hóa ứng xử trong đàm phán và thương lượng 5.4.1. Quan niệm về đàm phán và thương lượng trong HĐKD 5.4.2. Biểu hiện của VH ứng xử trong đàm phán và thương lượng 5.4.3. Tác động của VH ứng xử đến đàm phán và thương lượng 5.4.4. Những điều cần tránh trong đàm phán và thương lượng 5.5. Văn hóa trong định hướng với KH 5.5.1. Ảnh hưởng của VH đến quyết định của khách hàng 5.5.2. Xây dựng phong cách VHDN định hướng vào khách hàng 5.5.3. Phát triển môi trường VH đặt khách hàng lên trên hết. Ôn tập						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A2 A3
	Tổng	30				70			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

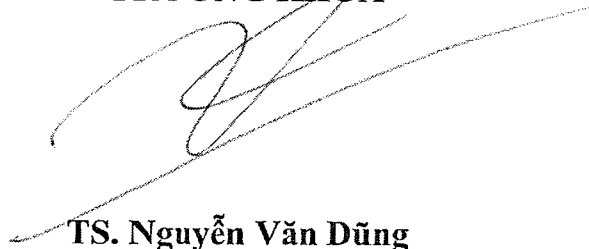
6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 14.2%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 14.2%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 2 (Tỷ lệ: 28.5%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 2 (Tỷ lệ: 28.5%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 14.2%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 7 câu (Tỷ lệ: 100%)	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỷ lệ 28.5%</i>	<i>Số câu: 3</i> <i>Tỷ lệ 42.7%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỷ lệ 14.2%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỷ lệ 14.2%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

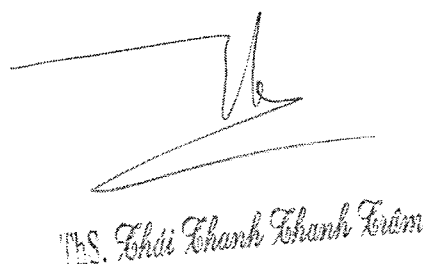
1. Đỗ Thị Phi Hoài (2011). *Giáo trình Văn hóa doanh nghiệp*. NXB Tài chính.
2. Tập bài giảng Văn hóa doanh nghiệp (2021), Khoa Digital Marketing, Đại học Công Nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh.
3. Lê Văn Cẩm (2022). *Giáo trình Văn hóa doanh nghiệp và Đạo đức kinh doanh*. NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.
4. Johnathan Raymond (2019). *Xây dựng văn hóa doanh nghiệp*. NXB Lao động.
5. Edgar H Schein, Perer Schein (2020). *Lãnh đạo & Văn hóa doanh nghiệp*. NXB Thế Giới.
6. Larry Percy (2018). *Strategic integrated marketing communications*. Routledge Ltd Publisher.
7. Paul R. Smith, Ze Zook (2014). *Marketing Communications: Integrating Offline and Online with Social Media*. Kogan Page.
8. Hirochika Nakamaki, Koichiro Hioki, Noriya Sumihara, Izumi Mitsui (2019). *Enterprise as a Carrier of Culture: An Anthropological Approach to Business Administration*. Springer Ltd Publishers.
9. Hirochika Nakamaki, Koichiro Hioki, Noriya Sumihara, Izumi Mitsui (2019). *Enterprise as a Carrier of Culture: An Anthropological Approach to Business Administration*. Springer Ltd Publishers.
10. Don Lavoie, Emily Chamlee-Wright (2001). *Culture and Enterprise: The Development, Representation and Morality of Business*. Routledge Ltd Publishers.
11. Lewis, Justin (2014). *Art, culture, and enterprise : the politics of art and the cultural industries*. Routledge Ltd Publishers.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



TS. Lê Thị Thanh Thanh Trâm

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
GIAO TIẾP TRONG KINH DOANH

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Giao tiếp trong Kinh doanh
Tên học phần Tiếng Anh:	Business communication
Mã học phần:	06CQ0535
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần Giao tiếp trong kinh doanh được thiết kế nhằm giúp cho sinh viên biết cách sử dụng các phương tiện giao tiếp bằng lời, giao tiếp không lời qua ánh mắt cử chỉ, và qua các văn bản trên giấy cũng như trên Internet là rất cần thiết với nhà quản trị. Trong thực tế, sự thành công của nhà quản trị tùy thuộc rất nhiều vào khả năng truyền đạt tư tưởng bằng lời nói cũng như bằng văn bản sao cho có bài bản, súc tích, hợp lý để có thể thuyết phục được cấp trên, cấp dưới, đồng nghiệp, hoặc các đối tác kinh doanh hiểu và chấp nhận những đề xuất hoặc những đề nghị của mình.

Học phần Giao tiếp trong kinh doanh giúp cho sinh viên nhận biết các đặc thù công việc và đưa ra các chọn lựa về cách thức giao tiếp phù hợp, chuẩn mực nhưng vẫn giữ được vai trò quản trị của

mình ở trong tổ chức. Ngoài ra, các hoạt động ngày nay thường gắn trách nhiệm với mọi hoạt động của tổ chức nên các yếu tố giao tiếp hàng ngày có thể cho nhà quản trị nhận ra được đạo đức, thái độ và tinh thần làm việc của nhân viên.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	<i>Giải thích được</i> những kiến thức căn bản về giao tiếp trong KD	2.0	PLO4
CLO2	<i>Xác định</i> các rào cản trong giao tiếp và ứng dụng các kỹ năng giao tiếp vào thực tế.	3.0	PLO5
CLO3	<i>Vận dụng</i> các kiến thức cơ bản giao tiếp trong kinh doanh để khám phá, giải thích và đánh giá hoạt động kinh doanh trong các tổ chức.	4.0	PLO7 PLO8
CLO4	Thể hiện tinh thần trách nhiệm, tinh thần kỷ luật và tự giác đối với công việc và phát triển bản thân. Tham dự lớp học đầy đủ.	3.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 1: Tổng quan về kỹ năng giao tiếp		3				7	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A3
1	1.1. Khái niệm và tầm quan trọng của GTTKD 1.2. Chức năng của giao tiếp 1.3. Các hình thức GTTKD 1.4. Các rào cản trong giao tiếp								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 2: Kỹ năng sơ giao		3				7	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
1	2.1. Kỹ năng chào hỏi, giới thiệu 2.2. Kỹ năng bắt tay 2.3. Kỹ năng trao, nhận danh thiếp 2.4. Kỹ năng gây thiện cảm								
Chương 3: Kỹ năng thuyết trình		3				7			
2	3.1. Quá trình chuẩn bị bài thuyết trình 3.2. Trong quá trình thuyết trình 3.3. Sau khi thuyết trình								
Chương 4: Kỹ năng nghe hiểu và đặt câu hỏi		3				7			
3	4.1. Tầm quan trọng của việc nghe hiểu có hiệu quả 4.2. Những rào cản đối với việc nghe hiểu có hiệu quả 4.3. Các phương pháp nghe hiểu và đặt câu hỏi có hiệu quả Bài tập								
Chương 5: Kỹ năng viết thư trong KD		3				7			
4	5.1. Tầm quan trọng và các nguyên tắc thư tín trong KD 5.2. Cách viết các loại thư tín trong KD 5.3. Cách viết các báo cáo 5.4. Cách viết các tài liệu hướng dẫn 5.5. Cách chọn từ ngữ và văn phong phù hợp Bài tập								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 6: Kỹ năng giao tiếp phi ngôn ngữ		3				7	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
5	6.1. Đôi mắt biết nói 6.2. Ý nghĩa của nét mặt 6.3. Ngôn ngữ của đôi tay 6.4. Tư thế đôi chân 6.5. Sức mạnh của sự tiếp xúc cơ thể Bài tập								
Chương 7: Kỹ năng giao tiếp đa văn hóa		4				8			
6	7.1. Tầm quan trọng của giao tiếp đa văn hóa trong KD 7.2. Tìm hiểu về VH và dị biệt về VH 7.3. Phát triển các kỹ năng giao tiếp đa VH 7.4. Giao tiếp ở một số nước trên TG Bài tập								
Chương 8: Tổng quan về đàm phán trong KD		4				10			
7	8.1. Nội dung đàm phán trong KD 8.2. Đặc điểm của đàm phán Bài tập								
Chương 9: Khái niệm và tiến trình đàm phán		4				10			
8	9.1.Các khái niệm về đàm phán 9.2. Đặc điểm của đàm phán 9.3. Tiến trình đàm phán Ôn tập Tổng hợp nội dung đã giảng dạy								
Tổng		30				70			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống		30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.		60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 6 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 7 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 8 <i>Số câu: 2 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 9 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 10 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 10%</i>	<i>Số câu: 4</i> <i>Tỉ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 4</i> <i>Tỉ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 10%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

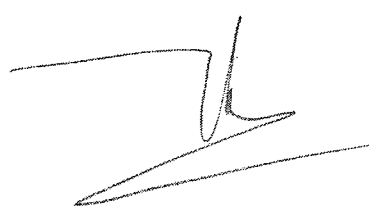
1. Nguyễn Văn Hùng (2018). *Kỹ năng Giao tiếp Kinh doanh*. NXB Kinh tế TP.HCM.
2. Phạm Thùy Giang (2021). *Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình trong kinh doanh*. NXB Dân Trí.
3. Hoàng Văn Hoa, Trần Thị Vân Hoa (2012). *Giáo trình giao tiếp trong kinh doanh*. NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
4. Trịnh Quốc Trung (2012). *Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh*. NXB Lao Động – Xã Hội.
5. O'Rourke, J. S., (Walisiewicz, Marek, editor) (2015). *Effective Communication*. London: Dorling Kindersley Ltd Publisher.
6. Chris Fill, Sarah Rurnbull (2016). *Marketing Communications: discovery, creation and conversations*. Pearson Ltd Publisher.
7. Larry Percy (2018). *Strategic integrated marketing communications*. Routledge Ltd Publisher.
8. Paul R. Smith, Ze Zook (2014). *Marketing Communications: Integrating Offline and Online with Social Media*. Kogan Page.
9. Hirochika Nakamaki, Koichiro Hioki, Noriya Sumihara, Izumi Mitsui (2019). *Enterprise as a Carrier of Culture: An Anthropological Approach to Business Administration*. Springer Ltd Publishers.
10. Benoliel, M., & Hua, W. (2015). *DK Essential Managers: Negotiating*. Dorling Kindersley Ltd Publisher.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



TS. Lê Hải Khanh Khanh Trâm

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TOÁN GIẢI TÍCH**

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Toán giải tích
Tên học phần Tiếng Anh:	Advanced Mathematics
Mã học phần:	06CQ0536
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản cũng như ý nghĩa vận dụng phép tính vi tích phân hàm một biến, hàm nhiều biến trong tính gần đúng bằng đạo hàm cấp cao, tối ưu hóa, khảo sát sự biến thiên và các mô hình phương trình vi phân trong thực tế. Đồng thời, cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản cũng như ý nghĩa vận dụng quát của ma trận và định thức vào việc giải hệ phương trình tuyến tính tổng quát cũng như các mô hình tổng quát trong thực tế.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Nắm vững kiến thức cơ bản về ma trận, định thức và hệ phương trình tuyến tính.	2.0	PLO2
CLO2	Nắm vững kiến thức cơ bản về phép tính vi tích phân hàm một biến.	2.0	PLO2
CLO3	Nắm vững kiến thức cơ bản về phép tính vi tích phân hàm nhiều biến.	2.0	PLO2
CLO4	Nắm vững kiến thức cơ bản về phương trình vi phân	2.0	PLO2
CLO5	Có khả năng nhận dạng, phân tích và giải quyết các vấn đề.	2.0	PLO2
CLO6	Biết áp dụng các phương pháp tính gần đúng vào ứng dụng.	3.0	PLO2
CLO7	Có khả năng sử dụng công cụ máy tính.	2.0	PLO2
CLO8	Kỹ năng tìm kiếm, tổng hợp, phân tích và đánh giá kiến thức có liên quan thông qua các trang mạng internet, thư viện và các phương tiện khác.	3.0	PLO8
CLO9	Kỹ năng làm việc nhóm cũng như khả năng làm việc độc lập; Kỹ năng thuyết trình.	3.0	PLO8
CLO10	Người học có thái độ học tập nghiêm túc, tìm tòi, vận dụng các kiến thức môn học vào các bài toán tính toán khoa học trong các môn học chuyên ngành.	2.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 1. Ma trận, Định thức & Hệ phương trình tuyến tính		7				15		Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A3
1+2	1.1. Ma Trận 1.2. Định thức 1.3. Hệ phương trình tuyến tính 1.4. Bài tập						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4		

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 2: Phép tính vi tích phân hàm một biến		8				20	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1
3+4	2.1. Hàm số và giới hạn hàm số 2.2. Đạo hàm và ứng dụng 2.3. Tích phân và ứng dụng 2.4. Bài tập								
Chương 3: Phép tính vi phân hàm nhiều biến		8				20			A3
5+6	3.1. Hàm nhiều biến 3.2. Đạo hàm của hàm nhiều biến 3.3. Cực trị hàm nhiều biến và UD 3.4. Bài tập								
Chương 4: Phương trình vi phân		7				15			
7+8	4.1. Phương trình vi phân cấp một 4.2. Phương trình vi phân cấp 2 hệ số không đổi 4.3. Bài tập								
	Tổng	30				70			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 2 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 3 (Tỉ lệ: 30%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 3 (Tỉ lệ: 30%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 2 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 3</i> <i>Tỉ lệ 30%</i>	<i>Số câu: 4</i> <i>Tỉ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 3</i> <i>Tỉ lệ 30%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

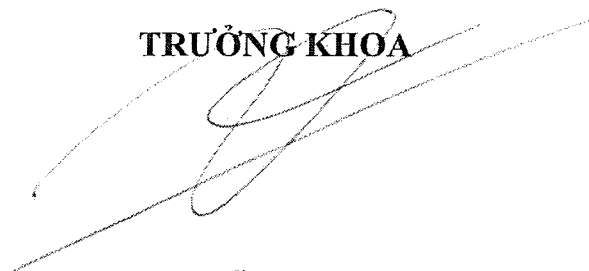
Tài liệu/giáo trình chính:

- [1] Nguyễn Đình Huy (Chủ biên) Giáo trình giải tích 1. NXB Đại Học Quốc Gia TP. HCM 2018
- [2] Giáo trình Vi Tích Phân C/Biên soạn Lê Phương Quân.
- [3] Bài giảng Toán cao cấp, phần 1 Đại Số Tuyến Tính, 2009, Lê Thanh Tùng.

Tài liệu tham khảo/bổ sung

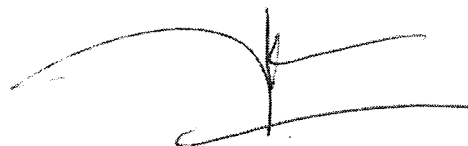
- [4] Calculus for Biology and Medicine / Claudia Neuhauser. - Upper Saddle River, NJ : Pearson Education, 2004, 570.15 195/ N48s
- [5] Applied Calculus : For business, economics, and the social and life sciences / Laurence D. Hoffmann, Gerard L. Bradley. - Boston : McGraw HiLL, 2007, 515l H69g

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Phan Trần Uyên Phương

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TOÁN KINH TẾ**

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Toán kinh tế
Tên học phần Tiếng Anh:	Mathematics for Economics
Mã học phần:	06CQ0035
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần Toán kinh tế là học phần cơ bản đề cập đến việc ứng dụng các công cụ toán học nhằm mô hình hóa và phân tích định lượng các hiện tượng và quá trình diễn ra trong các hoạt động kinh tế. Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức về một số bài toán kinh tế: Bài toán lập kế hoạch sản xuất tối ưu; Bài toán khẩu phần thức ăn tối ưu, Bài toán vận tải... Cách lập mô hình và tìm phương án tối ưu bằng thuật toán đơn hình, thuật toán thế vị.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Hiểu được nội dung mô hình toán học của một bài toán quy hoạch tuyến tính.	2.0	PLO2
CLO2	Nắm vững các dạng của bài toán quy hoạch tuyến tính và cách đưa một bài toán quy hoạch tuyến tính dạng tổng quát về dạng chuẩn.	2.0	PLO2
CLO3	Hiểu khái niệm bài toán đối ngẫu và biết cách thành lập bài toán đối ngẫu. Nắm vững các định lý đối ngẫu. Trong hai bài toán đối ngẫu nhau, biết cách tìm nghiệm bài toán này khi đã biết nghiệm bài toán kia	3.0	PLO2 PLO5
CLO4	Nhận dạng, phân tích, lập mô hình toán học của bài toán thực tế. Biến đổi được một bài toán quy hoạch tuyến tính bất kỳ về bài toán quy hoạch tuyến tính dạng chuẩn.	3.0	PLO2 PLO5
CLO5	Thuần thục các bước thực hiện thuật toán đơn hình giải bài toán chuẩn, bài toán mở rộng. Thực hiện được phương pháp hình học giải bài toán quy hoạch tuyến tính hai biến.	3.0	PLO2 PLO5
CLO6	Biết cách lập bài toán đối ngẫu và cách tìm nghiệm của bài toán gốc khi biết nghiệm bài toán đối ngẫu và ngược lại.	3.0	PLO2 PLO5
CLO7	Thuần thục các thuật toán quy không cước phí, thuật toán thể vị.	3.0	PLO2 PLO5
CLO8	Sử dụng được ít nhất một trong các phần mềm Excel, maple, matlab,... để giải bài toán quy hoạch tuyến tính, bài toán vận tải,...	3.0	PLO2 PLO5
CLO9	Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, kỹ năng ứng dụng các công cụ toán học vào giải quyết các bài toán ứng dụng trong nghề nghiệp.	2.0	PLO10
CLO10	Có kỹ năng thuyết trình và báo cáo kết quả làm việc của nhóm trước lớp.	3.0	PLO8

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU MÔ HÌNH TOÁN KINH TẾ	8				20			
1-2	1.1. Khái niệm mô hình toán kinh tế 1.1.1. Mô hình là gì? 1.1.2. Mô hình kinh tế 1.1.3. Mô hình toán kinh tế 1.2. Cấu trúc của mô hình toán kinh tế 1.2.1. Các biến số của mô hình 1.2.2. Mối liên hệ giữa các biến số 1.3. Phân loại mô hình toán kinh tế 1.3.1. Phân loại theo đặc điểm cấu trúc và công cụ toán học sử dụng 1.3.2. Phân loại theo quy mô, phạm vi, thời hạn 1.4. Nội dung của phương pháp mô hình trong nghiên cứu và phân tích kinh tế 1.5. Phương pháp phân tích mô hình- Phân tích so sánh tĩnh 1.5.1. Đo lường sự thay đổi của biến nội sinh theo biến ngoại sinh 1.5.2. Tính hệ số tăng trưởng 1.5.3. Phân tích sự thay thế giữa các biến số 1.6. Áp dụng phân tích một số mô hình kinh tế phổ biến 1.6.1. Mô hình tối ưu 1.6.2. Mô hình cân bằng Bài tập						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A3

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 3 (Tỷ lệ: 30%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 4 (Tỷ lệ: 40%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 3 (Tỷ lệ: 30%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 10 câu (Tỷ lệ: 100%)	<i>Số câu: 3</i> <i>Tỷ lệ 30%</i>	<i>Số câu: 4</i> <i>Tỷ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 3</i> <i>Tỷ lệ 30%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Tài liệu/giáo trình chính:

- [1] Nguyễn Quang Dong - Ngô Văn Thứ- Hoàng Đình Tuấn, Giáo trình Mô hình toán kinh tế, Nhà xuất bản Thống kê Hà Nội, 2006.

Tài liệu tham khảo/bổ sung

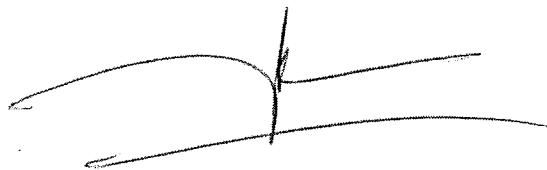
- [2] Hoàng Đình Tuấn, Giáo trình Lý thuyết mô hình toán kinh tế, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội, 2007.
- [3] Đặng Hấn, Giáo trình Quy hoạch tuyến tính, Trường Đại Học Kinh Tế TP.Hồ Chí Minh, 1995.
- [4] Phạm Trí Cao, Tối ưu hóa ứng dụng, Nhà xuất bản Thống kê TP.Hồ Chí Minh, 2009.
- [5] Alpha C Chiang: Fundamental Methods of Mathematical economics. McGraw - Hill, Inc, 1984 (Third Edition).

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Phan Trần Uyên Phương

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
THỐNG KÊ TRONG KINH TẾ VÀ KINH DOANH

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh
Tên học phần Tiếng Anh:	Statistics for Economics and Business
Mã học phần:	06CQ1114
Thuộc khối kiến thức:	Đại cương
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	TS. Vũ Thị Bích Quỳnh
Giảng viên tham gia giảng dạy:	TS. Vũ Thị Bích Quỳnh ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng ThS. Trần Nguyễn Anh Minh
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần **Thống kê trong kinh tế và kinh doanh** cung cấp các nguyên lý cơ bản về thống kê, các phương pháp thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu trong lĩnh vực kinh tế và kinh doanh. Sinh viên sẽ được trang bị kiến thức về các chỉ tiêu thống kê, phương pháp tính toán và ứng dụng thống kê trong việc hỗ trợ ra quyết định quản lý, dự báo và phân tích thị trường.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Trình bày được các khái niệm cơ bản về thống kê trong KT và KD	3.0	PLO3
CLO2	Ứng dụng các phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu thống kê.	3.0	PLO3
CLO3	Phân tích và đánh giá số liệu thống kê để hỗ trợ ra quyết định.	4.0	PLO4
CLO4	Vận dụng thống kê trong các vấn đề thực tiễn về KT và KD	4.0	PLO4
CLO5	Thể hiện tinh thần học tập tích cực và tư duy phản biện.	3.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	CDR	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Chương 1: Tổng quan về thống kê kinh tế	3				6			
	1.1 Khái niệm và vai trò của thống kê trong kinh tế và kinh doanh 1.2 Các phương pháp thu thập dữ liệu 1.3 Xử lý và trình bày dữ liệu thống kê								
2	Chương 2: Các chỉ tiêu thống kê mô tả	3				6			
	2.1 Số tuyệt đối, số tương đối, số bình quân 2.2 Mốt, trung vị, phương sai và độ lệch chuẩn 2.3 Ứng dụng trong phân tích kinh tế Bài tập						CLO1 CLO2 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A3
3	Chương 3: Phân phối xác suất và biến ngẫu nhiên	3				10			
	3.1 Khái niệm về xác suất và biến ngẫu nhiên 3.2 Các phân phối xác suất thông dụng 3.3 Ứng dụng xác suất trong phân tích dữ liệu kinh tế Bài tập								
4	Chương 4: Kiểm định giả thuyết thống kê	3				10			
	4.1 Khái niệm, cấu trúc và vai trò của thị trường chứng khoán 4.2 Hoạt động giao dịch chứng khoán 4.3 Các chỉ số chứng khoán quan trọng						CLO1 CLO3 CLO5		A1 A2 A3

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	CĐR	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
5	Chương 5: Hồi quy và tương quan	3				6		Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A2 A3
	5.1 Khái niệm hồi quy và tương quan 5.2 Mô hình hồi quy tuyến tính đơn giản 5.3 Ứng dụng hồi quy trong dự báo kinh tế						CLO1 CLO3 CLO5		
6	Chương 6: Dự báo trong KT và KD	3				6			
	6.1 Các phương pháp dự báo 6.2 Phân tích xu hướng 6.3 Ứng dụng dự báo trong kinh doanh Bài tập						CLO1 CLO4 CLO5		
7	Chương 7: Chỉ số thống kê và phân tích chuỗi thời gian	4				6			
	7.1 Khái niệm- tính chất của chỉ số thống kê 7.2 Phương pháp phân tích chuỗi thời gian 7.3 Ứng dụng chỉ số thống kê trong kinh tế Bài tập						CLO1 CLO4 CLO5		
8	Chương 8: Ứng dụng thống kê trong phân tích kinh tế	8				20			
	8.1 Phân tích thị trường và hành vi tiêu dùng 8.2 Ứng dụng thống kê trong QT tài chính 8.3 Phân tích rủi ro và quản lý dữ liệu KD Ôn tập - Bài tập ứng dụng						CLO3 CLO4 CLO5		
	Tổng	30				70			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1; CLO3 CLO4; CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO2; CLO3 CLO4; CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1; CLO2 CLO3; CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 & 2 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 & 4 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 & 6 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 6 & 7 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 8 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 5 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Giáo trình chính

1. Bộ môn Thống kê (2024), *Thống kê trong kinh tế và kinh doanh*, Trường Đại học Công nghệ Miền Đông, lưu hành nội bộ.

Tài liệu tham khảo

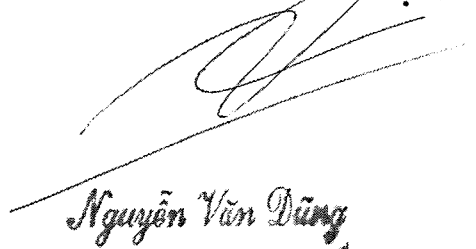
1. Keller, G. (2022), *Statistics for Business and Economics*, Cengage Learning.
2. Anderson, D.R., Sweeney, D.J., Williams, T.A. (2021), *Modern Business Statistics*, Pearson.
3. Nguyễn Văn Tiến (2020), *Thống kê ứng dụng trong kinh tế*, NXB Tài chính.
4. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2019), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, NXB Thống kê.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG ANH 1

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: Tiếng Anh 1
- Mã học phần: 06CQ1099
- Số tín chỉ: 04
- Trình độ: Dành cho sinh viên năm thứ nhất
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: (không)
- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒				
		Cơ sở ngành ☒		Chuyên ngành ☐		Bổ trợ ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Tự chọn ☐

- Phân tích thời lượng làm việc của GV và SV:

TỔNG SỐ TIẾT LÊN LỚP	60	tiết	TỔNG SỐ TIẾT TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN	140	tiết
Lý thuyết:	60	tiết	Đọc tài liệu ở nhà:		tiết
Thực hành:	0	tiết	Làm bài tập ở nhà:		tiết
Thảo luận / Thuyết trình:	0	tiết	Làm việc nhóm:		tiết
Hoạt động khác:	0	tiết			

1.

2. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

- Học phần Tiếng anh tổng quát sử dụng giáo trình cấp độ sơ cấp và tiền trung cấp (level A2) theo khung CEFR (Common European Framework of Reference for Languages). Giáo trình này gồm 14 bài, mỗi đơn vị bài học bao quát 5 nội dung chính bao gồm: (A) Kỹ năng nghe, (B) Kỹ năng ngữ pháp, (C) Củng cố vốn từ vựng, (D) Kỹ năng nói, (E) Kỹ năng viết.

- Học phần Tiếng anh 1, người học tập trung 14 nội dung chính từ bài 1 đến bài 14, bao gồm các chủ đề sau:

1. Daily life	8. Technology
2. House and home	9. Entertainment and Media
3. Food and drinks	10. The natural world
4. Clothes	11. Health and Fitness
5. Sports	12. Travel and Holidays
6. School and study	13. She might be a vet
7. Places and Buildings	14. Can you repeat that, please?

Môn học cung cấp cho sinh viên các kỹ năng sử dụng ngôn ngữ chức năng dùng trong một cuộc hội thoại như hỏi lặp lại, trao đổi các thông tin về sở thích, việc học tập, thể thao, miêu tả hình dáng, tính cách, hỏi đáp và đưa ra ý kiến, nói về hoạt động và nơi tham quan ưa thích.

- Học phần này cung cấp những kiến thức bắt buộc phải nắm được và vận dụng kiến thức trong giao tiếp và hành văn. Môn học trang bị kỹ năng và thói quen để sinh viên chủ động tự đọc thêm tài liệu, tập trung vào kỹ năng giao tiếp và nguồn tài liệu tham khảo để nâng cao hiểu biết tiếng Anh.

- Học phần có chuẩn đầu ra tương đương trình độ tiền trung cấp cấp độ A2 (Bậc 2 – Khung NLNN 6 bậc của BGDĐT).

3. NGUỒN HỌC LIỆU

- **Tài liệu/giáo trình chính:**

[1] David Mc Keegan (2017), *Complete Key for School*, Cambridge University Press.

- **Tài liệu tham khảo/bổ sung:**

[2] Jack C. Richards, David Bohlke (2012), *Four Corners 2B*, Cambridge University Press.

[3] Azar, B.S (2005), *Basic English Grammar*, NXB Thành Phố Hồ Chí Minh.

[4] Jim Lee, Sandy Cho (2010), *TOEIC Academy*, NXB Tổng hợp TP. HCM.

- **Trang Web/CDs tham khảo:**

<https://www.cambridgeenglish.org/learning-english/>

<https://www.cambridge.org/us/>

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT	Mô tả	CĐR của CTĐT	TĐNL
G ₁	Kiến thức về từ vựng, văn phạm, và cấu trúc ở mức độ sơ cấp cơ bản về một số chủ đề liên quan đến bản thân, gia đình, con người, nơi chốn, và hoạt động thường ngày thông dụng. Kiến thức về các ngôn ngữ chức năng để đạt mục đích giao tiếp chào hỏi; hỏi thông tin cá nhân, thời gian, ngoại hình, quần áo thông tin về bạn bè, đồ vật yêu thích, và các khả năng, sở thích của bản thân. Kiến thức về các yếu tố của phát âm liên quan âm nhấn, các đuôi số nhiều, các âm yếu, cụm từ giao tiếp thường ngày, các chủ đề hội thoại quen thuộc về sở thích, thông tin cá nhân, thời tiết và địa điểm du lịch. Kiến thức về thì hiện tại đơn; hiện tại tiếp diễn, các cấu trúc ngữ pháp <i>too</i>, <i>enough</i>, <i>have to</i>, danh từ đếm được và không đếm được cách đặt câu hỏi về tính cách, hình dáng; hỏi ý kiến, hỏi số lượng để miêu tả; trình bày và thảo luận, đặt câu hỏi và trả lời.	PLO 1 PLO 2	3.0
G ₂	Khả năng sử dụng từ vựng thuộc chủ đề cá nhân và sở thích; sử dụng văn phạm theo đúng cấu trúc cụ thể để thực hiện việc giao tiếp ở mức độ cơ bản với các chủ đề quen thuộc. Khả năng đọc và nghe: lấy ý chính, thông tin cụ thể, thông tin chi tiết trong các chủ đề về sở thích, thông tin cá nhân, thời tiết và địa điểm du lịch. Khả năng trả lời phỏng vấn giới thiệu bản thân, sở thích, miêu tả tính cách các thành viên gia đình, các hoạt động thường ngày và hoạt động giải trí, tham gia đóng vai trong giao tiếp. Khả năng phát âm với nguyên âm và phụ âm phù hợp, dùng dấu nhấn trong từ và câu một cách phù hợp. Khả năng viết miêu tả sở thích, bản thân, viết email cho người bạn, và miêu tả ngôi nhà.	PLO 4 PLO 5 PLO 6	2.0
G ₃	Kỹ năng hoàn thành việc nối từ vựng với hình ảnh, điền từ vào đoạn văn theo đúng văn cảnh; Kỹ năng nhận diện chủ điểm văn phạm từ một đoạn văn hoặc đoạn hội thoại, hoàn thành các câu với chủ điểm văn phạm phù hợp, đặt câu. Sinh viên giao tiếp tốt với chủ đề đơn giản hằng ngày, mặc dù chưa thể nói dài hơn qua việc sử dụng những mẫu câu được giới thiệu trong từng chủ đề. Kỹ năng tìm kiếm, phân tích văn bản bài đọc để hoàn thành các bài tập chọn tiêu đề, chọn thông tin chi tiết, chọn hình ảnh phù hợp. Kỹ năng nghe chọn hình ảnh được đề cập, chọn đáp án true/ false, chọn câu hỏi trắc nghiệm nhiều đáp án, điền từ còn thiếu. Kỹ năng phân tích lên ý tưởng, lập danh sách câu hỏi; viết câu, đoạn văn ngắn; kiểm tra lại bài viết theo cặp. Kỹ năng thảo luận, trình bày ý tưởng, đưa ra nhận xét theo cặp và nhóm.	PLO7 PLO8	2.0
G ₄	Thái độ tự tin, có tinh thần vận dụng các kiến thức đã học trong giao tiếp khi sử dụng tiếng Anh	PLO9	2.0

5. YÊU CẦU ĐỐI VỚI NGƯỜI DẠY VÀ NGƯỜI HỌC

5.1. Yêu cầu đối với người dạy

Nội dung, lịch trình giảng dạy, và các quy định của học phần và của giảng viên phải được công khai cho sinh viên vào buổi học đầu tiên. Mọi thắc mắc hay đề xuất của sinh viên về quy định của học phần phải được giải đáp thỏa đáng. Sau khi đã công bố nội dung và thống nhất các quy định của học phần, giảng viên phải áp dụng nhất quán, không được thay đổi trong suốt quá trình giảng dạy học phần.

Trong trường hợp bất khả kháng phải thay đổi lịch trình giảng dạy, giảng viên phải thông báo trước cho sinh viên một khoảng thời gian hợp lý và sắp xếp lịch dạy bù đầy đủ. Các thay đổi về học vụ, nội dung, các yêu cầu của học phần (đặc biệt là các nội dung có liên quan đến quyền lợi của sinh viên) đều phải báo cáo và được ban chủ nhiệm Khoa thông qua trước khi bắt đầu giảng dạy.

Phương pháp giảng dạy : Triển khai phương pháp lấy người học làm trung tâm, tổ chức nhiều hoạt động đa dạng, phát huy tối đa sự sáng tạo chủ động và khả năng tư duy của người học. Phối kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy hiện đại, với kiến thức cập nhật thú vị để thu hút và tạo động lực cho người học. Sử dụng các phương pháp hoạt động nhóm, đôi, hoán đổi vai trò nhằm giảm thiểu hạn chế của lớp lớn, mà vẫn mang lại hiệu quả cho người học

5.2. Yêu cầu đối với người học

Tham gia tích cực, nghiêm túc và đầy đủ các hoạt động trên lớp cũng như các bài tập trước và sau giờ lên lớp. Tăng cường khả năng sử dụng các phương tiện học tập hiện đại như internet, truyền hình kỹ thuật số, báo, đài để tiếp thu nguồn kiến thức đa dạng, nhiều chiều, tạo tính chủ động và tư duy rõ ràng. Phát triển năng lực làm việc đôi, làm việc nhóm, tư vấn chuyên gia, giáo viên và bạn bè.

Các thắc mắc và đề xuất của sinh viên về các yêu cầu của môn học phải được đưa ra vào buổi học đầu tiên. Sau khi các yêu cầu của môn học và của giảng viên đã được công khai và đã được thống nhất, sinh viên phải tuyệt đối tuân thủ các quy định của môn học và của giảng viên đề ra trong suốt quá trình học tập.

Nếu sinh viên nào vì lý do bất khả kháng hoặc hoàn cảnh đặc biệt (ví dụ bị bệnh) mà không thể tuân thủ các yêu cầu của môn học và của giảng viên đề ra thì phải có đơn xin phép và minh chứng để giảng viên xem xét các hình thức hỗ trợ.

Sinh viên phải chuẩn bị kỹ bài trước khi đến lớp theo yêu cầu của giảng viên.

Sinh viên phải đi học đúng giờ. Sinh viên đi trễ 30 phút sau khi bài giảng đã bắt đầu sẽ không được vào lớp.

Sinh viên vắng học không có lý do từ 80% trở lên đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CDR học phần Tiếng anh 1 với CDR Chương trình đào tạo.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo các ngành ngoài Ngôn Ngữ Anh cho học phần Tiếng anh 1 .

Học phần Tiếng Anh 1	Các chuẩn đầu ra cấp độ ITU của Chương trình đào tạo ngành phân nhiệm cho học phần Tiếng Anh 1								
	PLO1	PLO 2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
Trình độ năng lực	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	2.0	2.0	2.0	2.0
Mức độ giảng dạy ITU	TU3	TU3	TU3	TU3	TU3	TU2	TU2	TU2	TU2

Chuẩn đầu ra chi tiết của học phần Tiếng anh 1 được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần Tiếng anh 1 đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	TĐNL	CDR CTĐT tương ứng
G1.1	Hiểu từ vựng ở các chủ đề giao tiếp cơ bản về số đếm, thời gian, giá cả, con người, nơi chốn, đồ vật, sinh hoạt hằng ngày, sở thích, ở trình độ sơ cấp cơ bản; hiểu các chủ điểm văn phạm bao gồm thì hiện tại đơn, thì hiện tại tiếp diễn, các cấu trúc so sánh bằng, kém hơn, so sánh hơn, cấu trúc <i>too, enough</i> ...	3.0	PLO 1 PLO 2
G1.2	Phân biệt các thể loại nội dung bài đọc khác nhau gồm khảo sát, trang blog, trang web, brochure, bài báo.	3.0	PLO 4
G1.3	Phân biệt các thể loại bài nghe khác nhau như hỏi thông tin cá nhân, điền mẫu đơn, bài hội thoại, bài độc thoại, cuộc gọi điện thoại.	3.0	PLO 5
G1.4	Phân biệt được bài viết miêu tả sở thích, miêu tả bản thân, email, miêu tả về ngôi nhà mơ ước; phân biệt được các giai đoạn gồm lên ý tưởng, khảo sát, lấy ý tưởng, đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi, viết bài, thảo luận về bài viết với người cùng học, chỉnh sửa	2.0	PLO 6

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	TĐNL	CDR CTĐT tương ứng
	bài viết.		
G1.5	Nhận diện các loại câu hỏi, thì sử dụng trong giao tiếp như cách đặt câu hỏi với yes/ no questions, wh-questions để hỏi về tên, tuổi, thông tin cá nhân và cách trả lời; các câu hỏi về đồ vật, sở hữu và cách trả lời; các câu hỏi về phương tiện đi lại, thời gian, hoạt động thường ngày, giá cả, trang web, công việc, kỹ năng của bản thân và cách trả lời; cách phát âm rút gọn của động từ to be và can't, dấu nhấn, và hình thức số nhiều.	3.0 2.0	PLO 3 PLO 7
G2.1	Vận dụng từ vựng thuộc các chủ đề thường ngày để đọc hiểu các bài đọc ngắn, nghe hiểu các đoạn hội thoại ngắn trong văn cảnh thường nhật, viết các câu và đoạn văn ngắn. Vận dụng cấu trúc văn phạm phù hợp để viết câu, đoạn văn ngắn và giao tiếp cơ bản.	3.0	PLO 1 PLO 2
G2.2	Phát triển các kỹ năng dự đoán nội dung bài đọc, đọc lấy ý chính, thông tin chi tiết, thông tin cụ thể.	3.0	PLO 4
G2.3	Phát triển kỹ năng dự đoán thông tin bài nghe, nghe lấy ý chính và thông tin chi tiết.	3.0	PLO 5
G2.4	Vận dụng viết câu hoặc đoạn văn ngắn, phân tích, tổng hợp, lên ý tưởng, bố cục để lấy ý kiến cho bài viết; viết và sửa lỗi với bạn học theo cặp, nhóm.	3.0 2.0	PLO 4 PLO 6
G2.5	Vận dụng kỹ năng nói để giới thiệu bản thân và một ai đó, đề cập đến số, giá cả, thời gian; lên ý tưởng, chuẩn bị đặt câu hỏi và trả lời với cấu trúc hiện tại đơn; tự mở đầu hoặc đối đáp với những câu khẳng định hiện tại đơn về chủ đề bạn bè, nơi chốn, đồ vật, hoạt động thường ngày, công việc và kỹ năng cá nhân. Vận dụng phát âm với nguyên âm và phụ âm phù hợp, sử dụng dấu nhấn trong từ và câu phù hợp.	3.0 2.0	PLO 3 PLO 7
G3.1	Vận dụng từ vựng, cụm từ để nối nghĩa, điền từ; trả lời câu hỏi trắc nghiệm, điền từ. Vận dụng cấu trúc văn phạm thì hiện tại đơn, sở hữu, đặt câu hỏi, câu đơn, và câu ghép để hoàn thành các bài tập hoàn thành các bài trắc nghiệm, đúng sai, hỏi đáp, lựa chọn nhiều đáp án...	3.0 2.0	PLO 1 PLO 2 PLO 8
G3.2	Vận dụng kỹ năng đọc để hoàn thành dạng bài chọn tiêu đề phù hợp, chọn hình ảnh hoặc thông tin liên hệ được đề cập trong bài, điền từ trong bài đọc, trả lời câu hỏi.	3.0 2.0	PLO 4 PLO 8

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	TĐNL	CDR CTĐT tương ứng
G3.3	Vận dụng kỹ năng nghe để hiểu nội dung và trả lời các loại câu hỏi các bài luyện tập nghe điền từ, tô tròn, chọn hình ảnh, chọn nhiều đáp án, tìm từ sai.	3.0 2.0	PLO 3 PLO 5 PLO 8
G3.4	Phát triển kỹ năng viết các câu ngắn, đoạn văn ngắn được thực hiện qua các bước gồm việc thu thập thông tin, khảo sát, viết bài, tự đánh giá, kiểm tra lại bài theo cặp và nhóm với các chủ đề về sở thích cá nhân, miêu tả bản thân, người thân trong gia đình, bạn bè, một ngôi nhà mơ ước.	2.0	PLO 6 PLO 8
G3.5	Phát triển kỹ năng giao tiếp qua việc đóng vai, tương tác bằng tiếng Anh theo cặp và theo nhóm, trình bày trước tập thể. Sử dụng các kỹ thuật phát âm để phát âm nguyên âm, phụ âm và các dấu nhấn phù hợp.	3.0 2.0	PLO 3 PLO 7 PLO 8
G4.1	Có thái độ khách quan, trung thực, tinh thần hợp tác. Có ý thức chủ động tìm kiếm thông tin, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn.	2.0	PLO 9

7. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY CHI TIẾT

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Unit 1: What's your name? Listening: numbers Grammar: present simple – things always true or happen regularly Vocabulary: family tree Speaking: personal information/ daily life/people Writing: an email (35 words) about yourself	4	0	0	0	8	G 1 G2 G3 G1.4 G2.4 G3.5 G4.1	GV trình bày lý thuyết, phân tích, đưa ra ví dụ SV chuẩn bị bài ở nhà. SV nghe và trả lời câu hỏi. SV làm bài tập thực hành theo nhóm	
2	Unit 2: Are you coming to the party? Listening: identify numbers, words or time Grammar: present continuous – things happening now – have got Vocabulary: parts of a house, furniture Reading: main ideas Speaking: A house party Writing: Describe your house/ favorite room (2 minutes or 100 words)	4	0	0	0	8	G 1 G2 G3 G1.4 G2.4 G3.5 G4.1	GV hướng dẫn SV chuẩn bị thuyết trình theo nhóm và trình bày bài viết theo nhóm. GV nhận xét và phản hồi về kết quả bài của các nhóm.	
3	Unit 3: I'm hungry. Reading: multiple-choice questions	4	0	0	0	8	G 1 G2	GV trình bày lý thuyết, phân tích,	

Tuần	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự	Chuẩn	Hoạt động	Đánh
	Vocabulary: food, food phrases Grammar: countable & uncountable How much/many; a few, a little, a lot Listening: fill missing words, numbers, dates, times, names or prices Writing: a letter or email to invite your friends to have dinner at your home Speaking: make a conversation with a partner like an interview to get information about something						G3	đưa ra ví dụ SV chuẩn bị bài ở nhà SV nghe và trả lời câu hỏi SV làm bài tập theo nhóm	
4	Unit 4: You look great! Listening: hear a conversation then matching Grammar: present continuous & present simple Vocabulary: Adjectives, shops Grammar: too and enough Reading: multiplied choices Speaking: Clothes and Fashion Writing: a message about a shopping trip	4	0	0	0	8	G1.4 G2.4 G3.5 G4.1 G1 G2 G3 G4	GV hướng dẫn SV chuẩn bị thuyết trình theo nhóm và trình bày bài viết theo nhóm. GV nhận xét và phản hồi về kết quả bài của các nhóm.	
5	Unit 5: She's the winner. Reading: for details Grammar: comparatives & superlatives, prepositions of time Vocabulary: do/play/go – Nationalities Listening: for prices, time Speaking: talk about hobbies Writing: a note of notice	4	0	0	0	8	G1 G2 G3	GV hướng dẫn SV chuẩn bị thuyết trình theo nhóm và trình bày bài viết theo nhóm.	
6	Unit 6: I have to do my homework Grammar: have to, object pronouns Vocabulary: school subjects Reading: Multiple choice Writing: make a poster of a event Speaking: Talk about your trip	4	0	0	0	8	G1.4 G2.4 G3.5 G4.1	GV nhận xét và phản hồi về kết quả bài của các nhóm.	
7	Unit 7: Let's go to the mountain. Reading Grammar: Simple past, imperative Vocabulary: buildings, directions Listening: words, number Speaking: holidays Writing: a message about a holiday Mini test 1	4	0	0	0	8	G1 G2 G3	GV trình bày lý thuyết, phân tích, đưa ra ví dụ SV chuẩn bị bài ở nhà. SV nghe và trả lời câu hỏi. SV làm bài tập theo nhóm. SV làm bài kiểm tra kỹ năng văn phạm, từ vựng, nghe, đọc trong th.gian 45 phút.	
8	Unit 8: You have one new message. Listening: Listen to detail Vocabulary: technology verbs Grammar: Past continuous, can/can't, could, couldn't. Reading: Writing: a email about your last trip Speaking: talk about a popular place	4	0	0	0	8	G1.4 G2.4 G3.5 G4.1	GV hướng dẫn SV chuẩn bị thuyết trình theo nhóm và trình bày bài viết theo nhóm. GV nhận xét và phản hồi về kết quả bài của các nhóm.	

Tuần	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự	Chuẩn	Hoạt động	Đánh
9	Unit 9: Let's have some fun. Reading: Film fan Grammar: verbs with -ing or to infinitive Vocabulary: suggesing, accepting, refusing Listening: Great prizes Grammar: Will Writing: an advertisement about entertainment/ media Speaking: converstion about hanging out.	4	0	0	0	8	G 1 G2 G3	GV trình bày lý thuyết, phân tích, đưa ra ví dụ SV chuẩn bị bài ở nhà. SV nghe và trả lời câu hỏi. SV làm bài tập thực hành theo nhóm	
10	Unit 10: What a sunny day! Listening: words, numbers Vocabulary: weather Grammar: Going to Reading: Vocabulary: places Writing: an email about your terrible trip Speaking: talk about your future plans	4	0	0	0	8	G1.4 G2.4 G3.5 G4.1	GV hướng dẫn SV chuẩn bị thuyết trình theo nhóm và trình bày bài viết theo nhóm. GV nhận xét và phản hồi về kết quả bài của các nhóm.	
11	Unit 11: I've got a cold Reading: a new timetable at school Grammar: First conditional Vocabulary: parts of body Listening: short conversations Grammar: something, anything, nothing, ect.	4	0	0	0	8	G 1 G2 G3 G1.4 G2.4 G3.5 G4.1	GV trình bày lý thuyết, phân tích, đưa ra ví dụ SV chuẩn bị bài ở nhà, SV nghe và trả lời câu hỏi. SV làm bài tập thực hành theo nhóm GV hướng dẫn SV chuẩn bị thuyết trình theo nhóm và trình bày bài viết theo nhóm.	
12	Unit 12: Has he been on holiday. Reading: a conversation about a holiday in Greece Grammar: the present perfect; should/ shouldn't Vocabulary: travel, holidays	4	0	0	0	8	G 1 G2 G3 G1.4 G2.4 G3.5 G4.1	GV trình bày lý thuyết, phân tích, đưa ra ví dụ SV chuẩn bị bài ở nhà. SV nghe và trả lời câu hỏi. SV làm bài tập theo nhóm GV hướng dẫn SV chuẩn bị thuyết trình theo nhóm và trình bày bài viết theo nhóm.	
13	Unit 12: Has he been on holiday. Listening: a conversation about a Speaking: Means of transport Writing: a short description about your favorite trip Mini test 2	4	0	0	0	12	G 1 G2 G3 G1.4 G2.4 G3.5 G4.1	GV trình bày lý thuyết, phân tích, đưa ra ví dụ SV chuẩn bị bài ở nhà. SV nghe và trả lời câu hỏi. SV làm bài tập theo nhóm GV hướng dẫn SV chuẩn bị thuyết trình theo nhóm và trình bày bài viết theo nhóm. GV nhận xét và phản hồi về kết quả bài của các nhóm. Write an email and a short paragraph about a topic (30 minutes)	

Tuần	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự	Chuẩn	Hoạt động	Đánh
14	Unit 13: You might be a vet Reading: notices about clubs, exhibitions and courses Grammar: present perfect tense; may/might Vocabulary: hobbies/jobs Listening: conversations about learning to sail Speaking: parkour Writing: notes	4	0	0	0	12	G 1 G2 G3 G1.4 G2.4 G3.5 G4.1	GV trình bày lý thuyết, phân tích, đưa ra ví dụ SV chuẩn bị bài ở nhà. SV nghe và trả lời câu hỏi. SV làm bài tập thực hành theo nhóm GV hướng dẫn SV chuẩn bị thuyết trình theo nhóm và trình bày bài viết theo nhóm.	
15	Unit 14: Can you repeat that, please? Reading: a conversation about a language course Grammar: passive voice in present perfect Vocabulary: communication verbs Listening: a conversation about people at a party Speaking: personal details Writing: an email REVISION FOR THE FINAL TEST <i>Introduce yourself (2-3 minutes)</i> DESCRIBE PICTURES SPEAKING TOPICS ✓ Your favorite trip ✓ A popular place/site ✓ Hanging out ✓ Your good and bad habits ✓ Your future plans ✓ How to keep body fit and healthy ✓ A current entertainment event ✓ The weather in your place/ your country	4	0	0	0	20	G1.4 G2.4 G3.5 G4.1 G 1 G2 G3	GV trình bày lý thuyết, phân tích, đưa ra ví dụ SV chuẩn bị bài ở nhà. SV nghe và trả lời câu hỏi. SV làm bài tập thực hành theo nhóm GV hướng dẫn SV chuẩn bị thuyết trình theo nhóm và trình bày bài viết theo nhóm. GV GV hướng dẫn SV chuẩn bị nội dung ôn thi các chủ đề. GV giải đáp các thắc mắc và các câu hỏi của SV về nội dung ôn tập. SV thi thử demo. GV nhận xét và phản hồi về kết quả, nhắc nhở các lỗi SV hay mắc phải trong quá trình thi demo.	
Tổng		60	0	0	0	140			

8. MÔ TẢ CHUẨN ĐẦU RA BẬC 2 (A2)

8.1 Mô tả tổng quát

Sau khi kết thúc học phần, học viên có thể hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản. Có thể trao đổi thông tin về những chủ đề quen thuộc hằng ngày. Có thể mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu.

8.2 Mô tả các kỹ năng

Đặc tả kỹ năng nghe	
Đặc tả tổng quát kỹ năng nghe	- Có thể hiểu những cụm từ và cách diễn đạt liên quan tới nhu cầu thiết yếu hằng ngày (về gia đình, bản thân, mua sắm, nơi ở, học tập và làm việc...) khi được diễn đạt chậm và rõ ràng. - Có thể hiểu được ý chính trong các giao dịch quen thuộc hằng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng.
Nghe hội thoại	- Có thể xác định được chủ đề của các hội thoại diễn ra tương đối và rõ ràng.
Nghe thông báo, hướng dẫn chỉ dẫn	- Có thể hiểu được ý chính trong các thông báo hay tin nhắn thoại ngắn. - Có thể hiểu những hướng dẫn chỉ đường, sử dụng phương tiện giao thông công cộng.
Đặc tả kỹ năng nói	
Nói độc thoại	- Có thể giao tiếp một cách đơn giản và trực tiếp về các chủ đề quen thuộc hằng ngày liên quan đến công việc và thời gian rảnh rỗi. - Có thể truyền đạt quan điểm, nhận định của mình trong các tình huống xã giao ngắn và tương đối dài.
Mô tả kinh nghiệm	- Có thể mô tả về gia đình, điều kiện sống, trình độ học vấn, công việc hiện tại và công việc gần nhất trước đó. - Có thể mô tả những hoạt động trong cuộc sống thường ngày như tả người, địa điểm, công việc và kinh nghiệm học tập. - Có thể mô tả các kế hoạch, thói quen hằng ngày, các hoạt động trong quá khứ và kinh nghiệm cá nhân. - Có thể diễn đạt đơn giản về điều mình thích hay không thích.
Trình bày trước người nghe	- Có thể trình bày ngắn gọn thông tin đã được chuẩn bị trước về một chủ đề quen thuộc thường ngày, trình bày được lý do và lý giải một cách ngắn gọn cho những quan điểm, kế hoạch và hành động. - Có thể trả lời những câu hỏi trực tiếp với điều kiện có thể được hỏi lại và người nghe hỗ trợ giúp diễn đạt cách trả lời.
Nói tương tác	- Có thể giao tiếp về những vấn đề đơn giản, trao đổi thông tin đơn giản và trực tiếp về những vấn đề quen thuộc liên quan tới công việc và cuộc sống hằng ngày nhưng chưa thể duy trì hội thoại theo cách riêng của mình. - Có thể giao tiếp một cách dễ dàng bằng những hội thoại ngắn trong những tình huống giao tiếp xác định mà không cần nỗ lực quá mức.
Nói tương tác hội thoại	- Có thể xử lý các giao tiếp xã hội ngắn nhưng chưa duy trì được hội thoại theo cách riêng của mình. - Có thể sử dụng cách chào hỏi lịch sự, đơn giản thường ngày. - Có thể mời, đề nghị, xin lỗi, cảm ơn và trả lời lời mời, đề nghị và xin lỗi. - Có thể nói điều mình thích và không thích. - Có thể tham gia những hội thoại ngắn trong những ngữ cảnh quen thuộc và về những chủ đề quan tâm.

Giao dịch hàng hóa và dịch vụ	- Có thể yêu cầu và cung cấp hàng hóa và dịch vụ hằng ngày như gọi món ăn trong nhà hàng. - Có thể lấy những thông tin cơ bản về hàng hóa và dịch vụ tại các cửa hàng, bưu điện hoặc ngân hàng. - Có thể cung cấp và hiểu các thông tin liên quan tới số lượng, con số, giá cả cho các hàng hóa, dịch vụ.
Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn	- Có thể trả lời và khẳng định quan điểm của mình bằng diễn ngôn tương đối khi trả lời phỏng vấn. - Có thể làm cho người phỏng vấn hiểu được và trao đổi ý kiến, thông tin về những chủ đề quen thuộc, đôi khi vẫn cần nhắc lại câu hỏi hoặc tìm cách diễn đạt dễ hiểu hơn.
Phát âm và độ lưu loát	- Phát âm rõ ràng, tương đối chính xác nhóm từ, cách diễn đạt và câu ngắn tuy người đối thoại đôi khi vẫn phải yêu cầu nhắc lại. - Có thể làm người đối thoại hiểu ý mình bằng cách bổ sung các chi tiết nhỏ, mặc dù còn ngập ngừng, cắt ngắn ý và khó khăn tìm cách diễn đạt lại.
Độ chuẩn xác và phù hợp về mặt ngôn ngữ xã hội	- Có thể sử dụng một số cách diễn đạt phù hợp liên quan đến các chủ đề hằng ngày. - Có thể giao tiếp phù hợp với vai và hoàn cảnh giao tiếp trong gia đình, lớp học, công việc thông thường.
Mức độ hoàn thành nhiệm vụ bài thi	- Có thể hoàn thành phần của nhiệm vụ bài thi (trả lời các gợi ý từ mức độ đơn giản đến phức tạp) ở mức tương đối; phần lớn các câu trả lời cần phù hợp, có thể suy đoán ý của người nói hoặc văn bản ở mức tương đối.
Đặc tả kỹ năng đọc	
Đặc tả tổng quát kỹ năng đọc	- Có thể hiểu các đoạn văn bản ngắn về các vấn đề quen thuộc và cụ thể, có thể sử dụng những từ thường gặp trong công việc hoặc đời sống hằng ngày.
Đọc lấy thông tin và lập luận	- Có thể xác định được thông tin cụ thể trong các văn bản đơn giản như thư từ, tờ thông tin và các bài báo ngắn mô tả sự kiện.
Đọc tìm thông tin	- Có thể tìm được các thông tin cụ thể, có thể suy đoán ở mức không quá phức tạp trong các văn bản thường gặp hằng ngày như quảng cáo, thực đơn, danh mục tham khảo và thời gian biểu. - Có thể định vị thông tin cụ thể trong các danh sách và tìm được thông tin mong muốn (ví dụ: sử dụng danh bạ điện thoại để tìm ra số điện thoại một loại hình dịch vụ nào đó).
Đọc văn bản giao dịch	- Có thể hiểu các loại thư từ và văn bản điện tử cơ bản (thư hỏi đáp, đơn đặt hàng, thư xác nhận, v.v...) về các chủ đề quen thuộc. - Có thể hiểu các loại thư từ cá nhân ngắn gọn, đơn giản. - Có thể hiểu các quy định, ví dụ quy định về an toàn, khi được diễn đạt bằng ngôn ngữ đơn giản. - Có thể hiểu các hướng dẫn sử dụng đơn giản cho các thiết bị trong đời sống hằng ngày như điện thoại công cộng.
Đọc xử lý văn bản	- Có thể nhận ra và tái hiện các từ và cụm từ hoặc các câu ngắn hoặc dài tương đối từ một văn bản. - Có thể sao chép các văn bản có độ dài tương đối được trình bày dạng in hoặc viết tay.

Đặc tả kỹ năng viết	
Đặc tả tổng quát kỹ năng viết sẵn sinh	- Có thể viết các mệnh đề, câu đơn giản hoặc câu phức nối với nhau bằng các liên từ như: và, nhưng, vì.
Viết sáng tạo	- Có thể viết những cụm từ hay những câu đơn giản về gia đình, điều kiện sống, quá trình học tập và công việc hiện tại. - Có thể viết tiểu sử giả tưởng một cách ngắn gọn.
Đặc tả tổng quát kỹ năng viết tương tác	- Có thể viết những ghi chú ngắn, sử dụng biểu mẫu về những vấn đề thuộc lĩnh vực quan tâm.
Thư từ giao dịch	- Có thể viết thư cá nhân mô tả chi tiết kinh nghiệm, cảm xúc, sự kiện. - Có thể viết thư từ giao dịch nhằm cung cấp thông tin cá nhân, trình bày suy nghĩ về những chủ đề liên quan đến công việc, học tập và các chủ đề về văn hóa, âm nhạc, phim ảnh.
Ghi chép, tin nhắn, điền biểu mẫu	- Có thể hiểu được những tin nhắn ngắn. - Có thể viết các tin nhắn ngắn liên quan tới những vấn đề thuộc lĩnh vực quan tâm.
Xử lý văn bản	- Có thể lựa chọn và tái tạo những từ, cụm từ quan trọng, hay những câu ngắn từ một đoạn văn ngắn trong khả năng và kinh nghiệm giới hạn của bản thân. Có thể chép lại những đoạn văn bản ngắn.
Tiêu chí ngôn ngữ chung	- Có vốn ngôn ngữ cơ bản để xử lý các tình huống hằng ngày với nội dung có thể đoán trước, mặc dù người viết vẫn phải điều chỉnh nội dung thông điệp và tìm từ. Có thể diễn đạt ngắn gọn những nhu cầu đơn giản trong sinh hoạt hằng ngày cụ thể như thông tin cá nhân, thói quen hằng ngày, mong muốn, nhu cầu, hỏi thông tin. Có thể sử dụng những kiểu câu đơn giản, những đoạn ngữ, cụm từ ngắn được ghi nhớ, những mô thức giao tiếp để diễn đạt về bản thân, về người khác, công việc, địa danh, vật sở hữu v.v... Có vốn từ hạn chế gồm những cụm từ ngắn được ghi nhớ về những tình huống cấp thiết có thể đoán trước; trong những tình huống không quen thuộc, vẫn thường xảy ra những hiểu nhầm và gián đoạn giao tiếp.
Phạm vi từ vựng	- Có đủ vốn từ để thực hiện các giao dịch thường nhật liên quan đến các tình huống và chủ đề quen thuộc. Có đủ vốn từ để diễn đạt những nhu cầu giao tiếp cơ bản và để xử lý những nhu cầu tối giản.
Kiểm soát từ vựng	- Có khả năng kiểm soát được vốn từ hẹp thuộc các nhu cầu cụ thể hằng ngày.
Độ chính xác về ngữ pháp	- Sử dụng chính xác một số cấu trúc đơn giản nhưng vẫn mắc các lỗi cơ bản một cách hệ thống như có thiên hướng nhầm lẫn giữa các thì, không sử dụng dạng thích hợp của động từ với chủ ngữ. Tuy nhiên, người sử dụng vẫn thể hiện được rõ ràng ý mình muốn truyền đạt.
Độ chính xác về chính tả	- Có thể chép các câu ngắn về các chủ đề hằng ngày, ví dụ các câu chỉ đường. Có thể viết chính xác âm tiết của các từ ngắn (không nhất thiết chuẩn mực tuyệt đối) sẵn có trong vốn từ khẩu ngữ của người học.



9. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Theo quy chế đào tạo 103/ĐHCNMB

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CĐR môn học	Tiêu chí đánh giá	Chuẩn đánh giá	Tỷ lệ
A1. Đánh giá chuyên cần	A1. Đánh giá chuyên cần	G3 G4	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thời gian tham dự buổi học từ 80% trở lên. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm.	Tham dự đúng, đủ giờ học. Tích cực tham gia thảo luận, đóng góp xây dựng bài	10%
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1. Tham gia hoạt động của lớp	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2, G4.1	<u>Kiến thức</u> : các chủ đề thuyết trình nhóm <u>Kỹ năng</u> : nói và phát âm rõ, trôi chảy <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, có sự chuẩn bị	Giải quyết đúng yêu cầu đề bài (ý tưởng) Sử dụng ngữ pháp chuẩn, hạn chế tối đa các lỗi. Phát âm và sử dụng các đặc điểm của phát âm đúng chuẩn. Sử dụng ngữ điệu. Thông tin trình bày rõ ràng, tự tin.	10%
	A2.2. Bài kiểm tra tích hợp các kỹ năng dạng trắc nghiệm & tự luận (văn phạm, từ vựng, nghe + đọc + viết)		<u>Kiến thức</u> : từ vựng, văn phạm, ngữ âm, âm nhân và nội dung các bài 1-3 <u>Kỹ năng</u> : từ vựng, ngữ pháp, đọc, nghe, viết <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, trung thực, cẩn thận	Giải quyết đúng yêu cầu đề bài Trung thực, cẩn thận, hạn chế các lỗi.	30 %
A3. Đánh giá kết thúc	A3.1. Thi kết thúc học phần (vấn đáp)	G1 G2 G3 G4	<u>Kiến thức</u> : các chủ đề bám theo các đơn vị bài học và nội dung ôn tập <u>Kỹ năng</u> : nói và phát âm rõ, trôi chảy, nối từ, câu, sử dụng những đặc điểm trong phát âm tiếng Anh <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, có sự chuẩn bị	Giải quyết đúng yêu cầu đề bài (ý tưởng) Đảm bảo cách sử dụng vốn từ linh hoạt, tránh lặp từ quá nhiều. Sử dụng ngữ pháp chuẩn, hạn chế tối đa các lỗi. Phát âm và sử dụng các đặc điểm của phát âm đúng chuẩn. Sử dụng ngữ điệu. Thông tin trình bày rõ ràng. Lời nói trôi chảy.	50%

10. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Mục đánh giá A2.

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Phần thi Văn phạm, Từ vựng (Trắc nghiệm)					
Từ vựng	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR (L)	CĐR
<i>Số câu: 5</i> <i>Tỉ lệ: 50%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 3</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Văn phạm	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR (L)	CĐR
<i>Số câu: 5</i> <i>Tỉ lệ: 50%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 3</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng số câu: 10 <i>Tỉ lệ: 100%</i>	<i>Số câu: 0</i> <i>Tỉ lệ: 0%</i>	<i>Số câu: 6</i> <i>Tỉ lệ: 60%</i>	<i>Số câu: 3</i> <i>Tỉ lệ: 30%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 10%</i>	<i>Số câu: 0</i> <i>Tỉ lệ: 0%</i>
Phần thi Đọc					
Phần 1 Trắc nghiệm. Đọc hiểu và trả lời câu hỏi.	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR (L)	CĐR (L)
<i>Số câu: 15</i> <i>Tỉ lệ: 75 %</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 5</i>	<i>Số câu: 5</i>	<i>Số câu: 3</i>	<i>Số câu: 2</i>
Phần 2 Cloze test	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR (L)	CĐR (L)
<i>Số câu: 5</i> <i>Tỉ lệ: 25 %</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>
Tổng số câu: 20 <i>Tỉ lệ: 100%</i>	<i>Số câu: 0</i> <i>Tỉ lệ: 0%</i>	<i>Số câu: 7</i> <i>Tỉ lệ: 35%</i>	<i>Số câu: 6</i> <i>Tỉ lệ: 30%</i>	<i>Số câu: 4</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 3</i> <i>Tỉ lệ: 15%</i>
Phần thi Viết (30 minutes)					
Phần 3 (Viết 1 đoạn văn ngắn và email)	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR (L)	CĐR (L)
Email	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	
Đoạn văn ngắn	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>
Tổng số câu: 2 <i>Tỉ lệ: 100%</i>	<i>Số câu: 0</i> <i>Tỉ lệ: 0%</i>	<i>Số câu: 0</i> <i>Tỉ lệ: 0%</i>	<i>Số câu: 0</i> <i>Tỉ lệ: 0%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 50%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 50%</i>
Phần thi Nghe					
Phần 1 (Chọn hình ảnh)	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
<i>Số câu: 4</i> <i>Tỉ lệ: 40%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 3</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Phần 2 (Trắc nghiệm)	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
<i>Số câu: 3</i> <i>Tỉ lệ: 30%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>

Phần 3 (Chọn True/ False)	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
Số câu: 3 Tỉ lệ: 30%	Số câu: 0	Số câu: 1	Số câu: 1	Số câu: 1	Số câu: 0
Tổng số câu: 10 Tỉ lệ: 100%	Số câu: 0 Tỉ lệ: 0%	Số câu: 5 Tỉ lệ: 50%	Số câu: 3 Tỉ lệ: 30%	Số câu: 2 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 0 Tỉ lệ: 0 %

Mục đánh giá A3.

Phần thi vấn đáp Các thí sinh dự thi theo cá nhân.					
Phần 1 (2,5 điểm)	Giới thiệu bản thân <i>(Thí sinh trả lời các câu hỏi về các thông tin cơ bản: tên, tuổi, nơi ở, quê hương, gia đình, công việc...)</i>				
Số câu: 5 Tỉ lệ: 25%	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
	Số câu: 0	Số câu: 5	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0
Phần 2 (2,5 điểm)	Phần thi bốc thăm chủ đề <i>(có 5 chủ đề liên quan đến nội dung học phần. Thí sinh dựa vào 5 câu hỏi gợi ý để trình bày một bài nói ngắn về chủ đề đã bốc thăm. Thí sinh có thể được yêu cầu trả lời một đến 2 câu hỏi phụ liên quan đến chủ đề từ giám khảo sau khi kết thúc phần trình bày.)</i>				
Số câu: 5 Tỉ lệ: 25%	CĐR	CĐR	CĐR (L)	CĐR (L)	CĐR (L)
	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 3	Số câu: 2	Số câu: 0
Phần 3 (5,0 điểm)	Miêu tả tranh <i>(thí sinh bốc thăm phần miêu tả bức tranh, có 5 chủ đề theo hình ảnh, mỗi bức tranh cần miêu tả 5 ý chính: what-when-where-how- your feelings)</i>				
Số câu: 1 Tỉ lệ: 50%	CĐR	CĐR	CĐR (L)	CĐR (L)	CĐR (L)
	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 1
Tổng số câu: 11 Tỉ lệ: 100%	Số câu: 0 Tỉ lệ: 0%	Số câu: 5 Tỉ lệ: 25%	Số câu: 3 Tỉ lệ: 15%	Số câu: 2 Tỉ lệ: 10%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 50%

P.TRƯỞNG KHOA

ThS. Phạm Thành Trung

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

ThS. Trần Nữ Diễm My

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
KINH TẾ VI MÔ**

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Kinh tế vi mô
Tên học phần Tiếng Anh:	Micro Economics
Mã học phần:	06CQ0130
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	45 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về quyết định của người tiêu dùng và doanh nghiệp sử dụng tài nguyên khan hiếm, luật cầu và cung và hoạt động của thị trường trong việc cân bằng cung cầu, tính co giãn của tiêu dùng hàng hóa và dịch vụ, đặc điểm của phí sản xuất của doanh nghiệp, và quyết định của doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh và thị trường độc quyền.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Hiểu và ứng dụng khái niệm kinh tế vi mô trong tiêu dùng, sản xuất, cầu, cung và hoạt động của thị trường hàng hóa và dịch vụ.	2	PLO2
CLO2	Phân tích được hoạt động tiêu dùng, sản xuất, cầu, cung, thị trường hàng hóa và dịch vụ, các điều kiện kinh tế vi mô trong kinh doanh	3	PLO2 PLO8
CLO3	Đánh giá được các cách doanh nghiệp, hộ tiêu dùng ra quyết định chọn lựa.	4	PLO2 PLO8
CLO4	Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc. Tham dự tích cực và đầy đủ các buổi học.	3	PLO8 PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Khái niệm về kinh tế học và phương pháp học kinh tế	4	0	0	0	8	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
	Mười nguyên lý của Kinh tế học Con người ra quyết định và tương tác với nhau như thế nào? Nền kinh tế vận hành như thế nào? Sự phụ thuộc lẫn nhau, lợi ích từ thương mại								
2	Lý thuyết cầu và cung	4	0	0	0	8			
	-Các thị trường và sự cạnh tranh -Luật cầu. Luật cung. Sự kết hợp của cung và cầu. Cân bằng của thị trường -Giá cả phân bổ nguồn lực như thế nào								
3-4	Độ co giãn và ứng dụng	8	0	0	0	16			
	Các thị trường và sự cạnh tranh - Luật cầu. Luật cung. Sự kết hợp của cung và cầu. Cân bằng của thị trường								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Giá cả phân bổ nguồn lực như thế nào.								
4	Cung, cầu và chính sách chính phủ	4	0	0	0	8			
	- Can thiệp vào thị trường: giá sàn và giá trần, quota, Thuế - Độ co giãn giá của cầu và phạm vi ảnh hưởng của thuế								
5	Người tiêu dùng, nhà sản xuất và hiệu quả của thị trường	4	0	0	0	8			
	- Thặng dư tiêu dùng. Thặng dư sản xuất Hiệu quả thị trường. Ứng dụng: chi phí của thuế. Thương mại quốc tế								
6	Hành vi của doanh nghiệp: Chi phí sản xuất	4	0	0	0	8			
	Chi phí là gì. Các loại chi phí. Sản xuất và chi phí. Các đo lường khác nhau về chi phí						CLO1		A1
7	Hành vi của doanh nghiệp: Chi phí sản xuất	4	0	0	0	8	CLO2 CLO3 CLO4		A2
	- Chi phí là gì. Các loại chi phí. Sản xuất và chi phí. Các đo lường khác nhau về chi phí; - Chi phí trong ngắn hạn và trong dài hạn								A3
8	Hành vi của doanh nghiệp trên thị trường cạnh tranh	5	0	0	0	10			
	- Thị trường cạnh tranh là gì? - Tối đa hóa lợi nhuận và đường cung của doanh nghiệp cạnh tranh Đường cung trên thị trường cạnh tranh Bài tập 2. Áp dụng lý thuyết chi phí sản xuất và quyết định tối đa hóa lợi nhuận								

Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn.
Học ở lớp:
- Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;
- Thảo luận nhóm giải quyết tình huống.
Học ở nhà:
- Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
9	Hành vi của doanh nghiệp: doanh nghiệp độc quyền	4	0	0	0	8			
	- Nguyên nhân của độc quyền - Doanh nghiệp độc quyền đưa ra quyết định về sản xuất và giá cả như thế nào? - Tổn thất phúc lợi do độc quyền gây ra - Phân biệt giá của doanh nghiệp độc quyền: phân tích tình huống. Chính sách chính phủ đối với các doanh nghiệp độc quyền						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
10	Hành vi của doanh nghiệp: cạnh tranh độc quyền	4	0	0	0	8			
	Tổng	45				105			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO4	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống		30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 5 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>

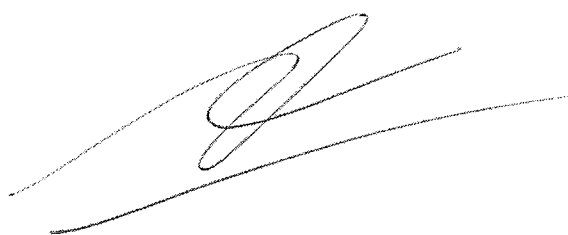
7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

[1] Trần Trung chuyển, Nguyễn Tri Khiêm. Kinh tế học vi mô. Giáo trình. 2018. Thư viện ĐH Nam Cần Thơ.

[2] Nguyễn Đại Thắng. 2011. Giáo trình kinh tế học vi mô. NXB Giáo Dục.

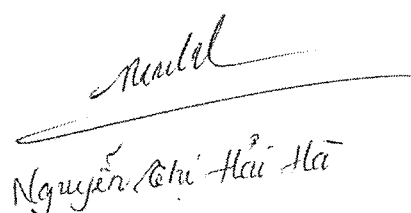
[3] Goodwin, Neva.J.Harris, J.A.Nelson, B.Roach và M.Torras. 2017. Microeconomics. M.E.Sharpe. New York.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
KINH TẾ VĨ MÔ

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Kinh tế vĩ mô
Tên học phần Tiếng Anh:	Macro Economics
Mã học phần:	06CQ0132
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	45 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	Kinh tế vi mô
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về khái niệm, công thức và cách thức sử dụng các công thức tính toán các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô quan trọng của nền kinh tế. Học phần còn cung cấp cho sinh viên kiến thức về các phương trình kinh tế, các mô hình kinh tế cách phân tích sự vận động và tương tác của chúng trong nền kinh tế trong dài hạn. Sau cùng, sinh viên được tiếp cận các mô hình kinh tế cơ bản để phân tích nguyên nhân biến động của nền kinh tế trong ngắn hạn.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Biết tính toán các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô quan trọng, và lựa chọn mô hình phân tích kinh tế trong ngắn hạn	4.0	PLO2 PLO8
CLO2	Phân tích được sự biến động của nền kinh tế đóng, mở trong dài hạn	4.0	PLO2 PLO8
CLO3	Biết vận dụng kinh tế học vĩ mô làm nền tảng kiến thức hỗ trợ cho các học phần chuyên môn khác	3.0	PLO2 PLO8
CLO4	Giải thích sự biến động của các chỉ tiêu vĩ mô của nền kinh tế và tác động của chính sách kinh tế vĩ mô đối với nền kinh tế	3.0	PLO2 PLO8
CLO5	Có thái độ phân tích khách quan, nghiêm túc đối với các chính sách điều hành kinh tế vĩ mô	3.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Chương 1: Tổng quan về kinh tế học vĩ mô	5	0	0	0	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1
	- Kinh tế học vĩ mô. Lạm phát và giảm phát. Chu kỳ kinh tế - Ưu nhược điểm của cơ chế thị trường. Công cụ điều tiết vĩ mô								
2	Chương 2: Đo lường tổng sản lượng quốc gia	5	0	0	0	10			A2
	- Cơ sở xây dựng và chỉnh sửa công thức tính toán các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô. - Hệ thống tài khoản quốc gia và hệ thống sản xuất vật chất - Thu nhập quốc nội (GDP) và thu nhập quốc dân (GNP) - GDP danh nghĩa, GDP thực và chỉ số điều								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	chỉnh GDP - Sự khác biệt giữa chỉ số điều chỉnh GDP và CPI								
3-4	Chương 3: Cân bằng nền kinh tế trong dài hạn	8	2	0	0	20			
	- Tổng cung hàng hóa và cung vốn - Tổng cầu hàng hóa và cầu vốn - Cân bằng thị trường hàng hóa của nền kinh tế - Cân bằng thị trường vốn của nền kinh tế - Phân tích tác động của lãi suất đối với trạng thái cân bằng. Bài tập 1. Phân tích so sánh các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô giữa các nước.								
5	4. Thất nghiệp	5	0	0	0	10			
	- Các loại thất nghiệp - Toàn dụng lao động và mô hình tỉ lệ thất nghiệp tự nhiên Các nguyên nhân thất nghiệp								
6-7	5. Tiền, lạm phát và cầu tiền của nền kinh tế	8	2	0	0	20			
	- Phương trình định lượng tiền - Đẳng thức Fisher - Hàm cầu tiền thực Bài tập 2. Áp dụng phương trình định lượng tiền và công thức Fisher để suy ra hàm cầu tiền								
8	6. Mô hình nền kinh tế mở	5	0	0	0	10			
	- Lưu chuyển vốn và hàng hóa quốc tế. - Mô hình phân tích sự vận động của dòng lưu chuyển vốn quốc tế. - Mô hình phân tích sự vận động của dòng lưu chuyển hàng hóa quốc tế. - Tác động của chính sách đến dòng lưu chuyển vốn và hàng hóa quốc tế.								

Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn.
Học ở lớp:
- Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;
- Thảo luận nhóm giải quyết tình huống.
Học ở nhà:
- Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.

A1
A2
A3



Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
9-10	7. Mô hình tổng cung –tổng cầu trong ngắn hạn	5	0	0	0	10			
	- Mô hình tổng cầu, tổng cung trong ngắn hạn. - Mô hình phân tích biến động của nền kinh tế trong ngắn hạn Bài tập 3. Áp dụng mô hình tổng cung và tổng cầu để ước tính mức định lượng tổng sản lượng								
	Tổng	45				105			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

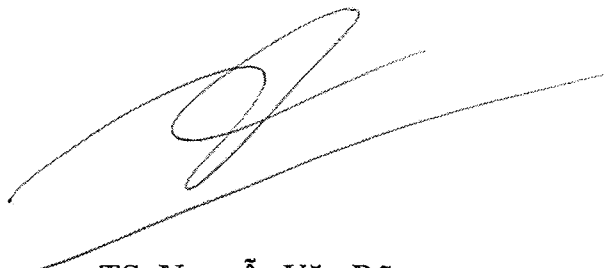
6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 5 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

- Trần Trung chuyên, Nguyễn Tri Khiêm. Kinh tế học vĩ mô. Giáo trình. 2018. Thư viện Đại học Nam Cần Thơ.
- Goodwin, Neva. J. Harris, J. A. Nelson, B. Roach, và M. Torras. 2017. Macroeconomics. M.E.Sharpe. New York. [339. G657].

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Nguyễn Thị Hải Hà

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN**

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Nguyên lý kế toán
Tên học phần Tiếng Anh:	Principles of Accounting
Mã học phần:	06CQ0956
Thuộc khối kiến thức:	Chuyên ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	TS. Nguyễn Văn Dũng
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	45 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ <i>Bắt buộc</i> ☐ <i>Tự chọn</i>
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Nguyên lý kế toán là học phần cung cấp kiến thức nền tảng về kế toán, giúp sinh viên hiểu rõ bản chất và vai trò của kế toán trong hoạt động tài chính của doanh nghiệp. Học phần này khái quát các lý thuyết cơ bản về kế toán, bao gồm trình bày và giải thích các khái niệm, nguyên tắc kế toán theo chuẩn mực hiện hành; phân loại và nhận diện các đối tượng kế toán như tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh; giới thiệu các phương pháp tính giá, phương pháp hạch toán và hệ thống tài khoản kế toán trong doanh nghiệp. Đồng thời, học phần cũng phân tích các hình thức kế toán, xác định các loại sổ sách kế toán phù hợp với từng mô hình doanh nghiệp và hướng dẫn vận dụng các nguyên tắc, phương pháp kế toán để tính toán, ghi chép và lập báo cáo tài chính theo quy định. Qua đó,

SV có thể hình thành kỹ năng cơ bản trong việc thu thập, xử lý và trình bày thông tin kế toán, làm nền tảng cho việc nghiên cứu các HP chuyên sâu về kế toán – tài chính sau này.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	<i>Trình bày</i> được các khái niệm, nguyên tắc cơ bản và vai trò của kế toán trong doanh nghiệp.	3.0	PLO3
CLO2	<i>Trình bày</i> được một số chỉ tiêu cơ bản trên báo cáo tài chính.	3.0	PLO3
CLO3	<i>Vận dụng</i> nguyên tắc và các PP kế toán để thực hiện ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo khoản mục kế toán.	3.0	PLO4
CLO4	<i>Tính toán</i> giá các đối tượng kế toán và lãi/lỗ trong KD	4.0	PLO4
CLO5	<i>Lập và phân loại</i> được chứng từ, sổ sách, báo cáo kế toán.	4.0	PLO5
CLO6	<i>Tích cực</i> tham gia học học tập.	3.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 1: Tổng quan về kế toán		4				10			
1	1.1 Khái niệm, nhiệm vụ và y/c KT 1.1.1 Khái niệm 1.1.2 Nhiệm vụ của kế toán 1.1.3 Vai trò và yêu cầu của kế toán 1.2 Đối tượng của kế toán 1.2.1 Tài sản 1.2.2 Nguồn hình thành 1.2.3 Sự vận động của tài sản trong quá trình sản xuất kinh doanh 1.3 Các nguyên tắc và giả định được thừa nhận 1.3.1 Các nguyên tắc KT đơn giản 1.3.2 Các giả định được thừa nhận Bài tập						CLO1 CLO2 CLO6	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A3
Chương 1: Tổng quan về kế toán		4				10			

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
2	1.4 Các phương pháp kế toán 1.4.1 Phương pháp chứng từ KT 1.4.2 PP đối ứng TK và ghi sổ kép 1.4.3 Phương pháp kiểm kê tài sản 1.4.4 Phương pháp tính giá tài sản 1.4.5 Phương pháp tính giá thành 1.4.6 PP tổng hợp – cân đối 1.5 Các căn cứ pháp lý dùng để thực hành kế toán tại VN, chế độ Kế toán. Bài tập								A1
	Chương 2: Báo cáo kế toán	4				10	CLO1 CLO2 CLO6		
3	2.1 Khái niệm về báo cáo kế toán. 2.2 Bảng cân đối kế toán 2.2.1 Khái niệm bảng cân đối KT 2.2.2 Nội dung và kết cấu bảng CĐKT 2.2.3 Sự thay đổi các khoản mục trên bảng cân đối kế toán 2.3 Bảng báo cáo KQKD 2.3.1 Khái niệm 2.3.2 Kết cấu của bảng kết quả HĐKD 2.4 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 2.5 Thuyết minh báo cáo tài chính Bài tập							Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A3
	Chương 3: Tài khoản và ghi sổ kép	4				10			A1
4	3.1 Tài khoản 3.1.1 Khái niệm về tài khoản 3.1.2 Nội dung kết cấu phân loại TK 3.1.3 Nguyên tắc ghi chép TK 3.1.4 Hệ thống tài khoản kế toán DN VN Bài tập								
	Chương 3: Tài khoản và ghi sổ kép	4				10			A1
5	3.2 Ghi sổ kép 3.2.1 Khái niệm ghi sổ kép. 3.2.2 Các loại định khoản – chuyển khoản - lên sơ đồ chữ T 3.3 Kế toán tổng hợp và KT chi tiết. 3.3.1 Kế toán tổng hợp 3.3.2 Kế toán chi tiết 3.3 Kế toán tổng hợp và KT chi tiết. 3.3.1 Kế toán tổng hợp 3.3.2 Kế toán chi tiết 3.4 Mối quan hệ giữa TK với bảng CĐKT 3.4.1 Sự giống nhau giữa TK với bảng CĐKT 3.4.2 Sự khác nhau giữa TK với BCĐKT 3.4.3 Quan hệ giữa TK và BCĐKT 3.5 Đối chiếu kiểm tra việc ghi chép trên TK Bài tập chương 3						CLO1 CLO4 CLO6		A2
									A3

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 4: Tính giá các đối tượng KT		4				10	CLO1 CLO4 CLO6	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A2 A3
6	4.1. Khái niệm và ý nghĩa tính giá 4.1.1 Khái niệm 4.1.2 Ý nghĩa tính giá 4.2 Các nhân tố a/h tới việc tính giá 4.2.1 Mức giá chung thay đổi 4.2.2 Yêu cầu quản lý nội bộ và đơn giản hóa công tác kế toán 4.2.3 Các nguyên tắc căn bản liên quan đến việc tính giá Bài tập								
Chương 4: Tính giá các đối tượng kế toán		4				10			
7	4.3 Tính giá một số đối tượng chủ yếu theo nguyên tắc giá gốc. 4.3.1 Tài sản cố định 4.3.2 Khấu hao TSCĐ 4.3.3 Nguyên vật liệu 4.3.4 Công cụ dụng cụ 4.3.5 Lương và các khoản trích theo lương Bài tập								
Chương 5: Kế toán quá trình kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp		8				20	CLO3 CLO4 CLO6		
8+9	5.1 Kế toán quá trình kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp sản xuất 5.1.1 Kế toán các yếu tố cơ bản của SX 5.1.2 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất 5.1.3 Tính giá thành sản phẩm 5.1.4 TK sử dụng và PP kế toán chủ yếu 5.1.5 Kế toán xác định kết quả KD DNSX 5.2 Kế toán quá trình kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp thương mại. 5.2.1 Khái niệm DN thương mại. 5.2.2 Tài khoản sử dụng 5.2.3 Kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại. Bài tập								
Chương 6: Chứng từ kế toán và kiểm kê		4				10	CLO1 CLO5 CLO6		
10	6.1 Chứng từ kế toán. 6.1.1 Khái niệm 6.1.2 Ý nghĩa và tác dụng của chứng từ KT 6.1.3 Tính chất pháp lý của chứng từ KT 6.1.4 Phân loại chứng từ kế toán. 6.2.4 Tổ chức kiểm kê. 6.2.5 Trình tự các công việc cần làm khi tiến hành kiểm kê. Bài tập								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 7: Sổ kế toán và hình thức sổ kế toán		4				5	CLO1 CLO5 CLO6		A1 A3
11	7.1 Sổ kế toán. 7.1.1 Khái niệm. 7.1.2 Các loại sổ kế toán 7.1.3 Phương pháp ghi sổ và sửa sổ 7.2 Hình thức sổ kế toán. 7.2.1 Khái niệm. 7.2.2 Hình thức sổ kế toán. 7.2.3 Giới thiệu mẫu sổ Nhật ký chung ÔN TẬP								
	Tổng	45				105			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (quá trình)	-Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) -Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp -Làm bài tập trên ở nhà -Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO3 CLO4 CLO6	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 2 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CĐR				
	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 3 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CĐR				
	Số câu: 0.5	Số câu:	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0

Chương 4 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CĐR				
	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 5 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CĐR				
	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0
Chương 6 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CĐR				
	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0
Tổng số câu: 5 Tỉ lệ: 100%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 2 Tỉ lệ: 40%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 0 Tỉ lệ: 0%

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Giáo trình

[1]. Bộ môn kế toán tài chính (2020), Giáo trình Nguyên Lý Kế Toán, Khoa KTQTL trường Đại học CN Miền Đông, lưu hành nội bộ.

Tài liệu tham khảo

[1]. Nguyễn Hữu Ánh, Phạm Đức Cường, Giáo trình Nguyên lý kế toán, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2020.

[2]. Võ Văn Nhị, Phạm Ngọc Toàn, Trần Thị Thanh Hải, ... [và những người khác], Nguyên lý kế toán, NXB Tài chính, 2018.

[3]. Võ Văn Nhị, Phạm Ngọc Toàn, Trần Thị Thanh Hải, ... [và những người khác], Nguyên lý kế toán: hệ thống bài tập & câu hỏi trắc nghiệm, NXB Tài chính, 2018.

[4]. Jerry J. Weygandt, Paul D. Kimmel, Donald E. Kieso, Nguyễn Thị Thu, ... [và những người khác], Nguyên lý kế toán, NXB Kinh tế TP. HCM, 2020.

[5]. Chế độ kế toán doanh nghiệp: theo thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 (06/2015), NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

TRƯỞNG KHOA

TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Nguyễn Văn Dũng

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
QUẢN TRỊ HỌC

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Quản trị học
Tên học phần Tiếng Anh:	Management
Mã học phần:	06CQ0233
Thuộc khối kiến thức:	Cơ sở ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	45 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Quản trị học bao gồm các kiến thức cơ bản về quá trình tổ chức và phối hợp hoạt động có hiệu quả của các cá nhân trong tổ chức nhằm đạt đến mục tiêu chung của cả tổ chức trong điều kiện biến động của môi trường kinh tế xã hội. Nội dung môn học gồm các vấn đề: Giới thiệu các khái niệm và vai trò của quản trị cũng như lịch sử hình thành của quản trị. Phân biệt hiệu quả và kết quả của quản trị, đồng thời nêu ra những phương pháp tiếp cận quản trị học trên cơ sở lý thuyết và thực tiễn của quản trị.

Cơ sở khoa học của quản trị: các lý thuyết quản trị, các nguyên tắc và phương pháp quản trị, thông tin và quyết định quản trị. Các chức năng quản trị: hoạch định, tổ chức, phối hợp, kiểm tra,

điều chỉnh và một số vấn đề về quản trị học hiện đại trong thế kỷ 21, chân dung các nhà quản trị & các kinh nghiệm quản trị của các công ty, doanh nghiệp trong nước và trên thế giới.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	<i>Trình bày</i> được các khái niệm cơ bản về quản trị	3.0	PLO2
CLO2	<i>Phân biệt</i> được các trường phái quản trị	3.0	PLO2
CLO3	<i>Phân tích</i> được các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến doanh nghiệp	3.0	PLO2 PLO5
CLO4	<i>Áp dụng</i> được 4 chức năng quản trị vào hoạt động quản trị doanh nghiệp	4.0	PLO2 PLO5 PLO8
CLO5	Tham gia học đầy đủ, tích cực thảo luận nhóm trên lớp. Có đạo đức tốt, trung thực.	3.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 1: Tổng quan về quản trị		4				10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A3
1	1.1 Khái niệm và chức năng quản trị 1.2 Nhà quản trị								
Chương 2: Sự phát triển của khoa học quản trị		4				10			

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
2	2.1 Bối cảnh lịch sử 2.2 Trường phái cổ điển 2.3 Trường phái tâm lý học XH 2.4 Trường phái định lượng trong quản trị 2.5 Trường phái hội nhập trong quản trị 2.6 Trường phái quản trị hiện đại								
Chương 3: Môi trường của tổ chức		4				10			
3	3.1 Khái niệm và phân loại 3.2 Vai trò và đặc điểm các loại môi trường 3.3 Kỹ thuật phân tích SWOT								
Chương 4: Thông tin và quyết định quản trị		4				10			
4	4.1 Thông tin 4.2 Quyết định quản trị 4.3 Phân loại quyết định quản trị 4.4 Quy trình ra quyết định 4.5 Mô hình ra quyết định								
Chương 5: Chức năng hoạch định		4				10			
5	5.1 Khái niệm và tác dụng của hoạch định 5.2 Mục tiêu nền tảng của hoạch định 5.3 Quá trình cơ bản của hoạch định 5.4 Hoạch định chiến lược 5.5 Hoạch định tác nghiệp Bài tập						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A2 A3
Chương 6: Chức năng tổ chức		4				10			
6	6.1 Khái niệm, vai trò và chức năng của tổ chức 6.2 Xây dựng cơ cấu tổ chức 6.3 Các mô hình cơ cấu tổ chức Bài tập								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 7: Chức năng điều khiển		4				10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A2 A3
7	7.1 Khái niệm và nội dung của chức năng điều khiển 7.2 Tuyển dụng và đào tạo nhân viên 7.3 Lãnh đạo 7.4 Động viên Bài tập								
Chương 8: Chức năng kiểm tra		8				20			
8-9	8.1 Khái niệm và các nguyên tắc xây dựng cơ chế kiểm tra 8.2 Các bước của quá trình kiểm tra 8.3 Các loại hình kiểm tra 8.4 Công cụ kiểm tra Bài tập								
10-11	Ôn tập (Bài tập, thuyết trình)	9				15			
Tổng		45				105			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	60

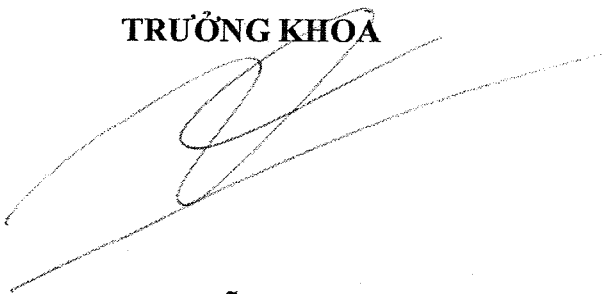
6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 0.5 (Tỷ lệ: 5%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 0.5 (Tỷ lệ: 5%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 0.5 (Tỷ lệ: 5%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 0.5 (Tỷ lệ: 5%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 2 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 6 <i>Số câu: 2 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 7 <i>Số câu: 2 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 8 <i>Số câu: 2 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 10 câu (Tỷ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỷ lệ 10%</i>	<i>Số câu: 4</i> <i>Tỷ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 3</i> <i>Tỷ lệ 30%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỷ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

- [1] Phan Thị Minh Châu, “Giáo trình quản trị học”, NXB Phương Đông, 2011
- [2] Nguyễn Thị Liên Diệp, “*Quản trị học*”, NXB Lao động xã hội, 2010
- [3] James H. Donnelly, Vũ Trọng Hùng, Phan Thắng, “*Quản trị học*”, NXB Lao động xã hội, 2008
- [4] Lưu Đan Thọ, “*Quản trị học trong xu thế hội nhập: những vấn đề cốt yếu của quản lý*” NXB Bộ Tài Chính, 2014

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



TS. Thái Khanh Khanh Trâm

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TÀI CHÍNH TIỀN TỆ**

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Tài chính tiền tệ
Tên học phần Tiếng Anh:	Monetary Finance
Mã học phần:	06CQ0229
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	45 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Môn học trang bị cho người học những kiến thức lý luận cơ bản, toàn diện về Tài chính - Tiền tệ, những hoạt động Tài chính - Tiền tệ chủ yếu trong các lĩnh vực khác nhau của nền KTQD như: Thị trường tài chính; Tài chính công; Tài chính doanh nghiệp; Tài chính hộ gia đình; Tài chính quốc tế và những kiến thức lý luận tổng quan về tiền tệ từ cơ bản đến hiện đại, vấn đề tiền tệ, tín dụng, lãi suất, các hoạt động của ngân hàng và các trung gian tài chính khác.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CĐR CTĐT tương ứng
CLO1	Hiểu và trình bày lại được các khái niệm cơ bản liên quan đến tiền tệ và lưu thông tiền tệ; tín dụng và lãi suất tín dụng; ngân sách nhà nước về thị trường tài chính, tài chính quốc tế	3.0	PLO2
CLO2	Giải thích được các khái niệm, bản chất và vai trò, nguyên tắc, loại hình bảo hiểm.	3.0	PLO2
CLO3	Phân loại các loại hình ngân hàng thương mại và vận dụng được các nghiệp vụ chủ yếu của NHTM, Bảo hiểm.	3.0	PLO2
CLO4	So sánh được các khái niệm cơ bản liên quan đến tài chính, các loại lạm phát và lãi suất.	4.0	PLO2
CLO5	Phân tích được bản chất của tài chính và chính sách tiền tệ quốc gia theo từng thời kì.	4.0	PLO2
CLO6	<i>Tham gia</i> học đầy đủ, tập trung và nhiệt tình trong quá trình học; thảo luận nhóm trên lớp. Có đạo đức tốt, trung thực, khách quan và công tâm khi giải quyết công việc; Tự tin và kiên trì theo đuổi mục tiêu.	3.0	PLO08 PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 1: Hệ thống tài chính		4				10		Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A3
1	1.1 Nguồn gốc và bản chất của tiền tệ 1.2 Các hình thái tiền tệ 1.3 Các chức năng của tiền tệ 1.4 Chế độ lưu thông tiền tệ 1.5 Cung – Cầu tiền tệ 1.6 Vai trò của tiền tệ Bài tập: Cung & Cầu tiền tệ						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5		

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 6: Bảo Hiểm		4				10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A2 A3
6	6.1 Sự cần thiết của bảo hiểm 6.2 Bảo hiểm thương mại 6.3 Bảo hiểm xã hội Thuyết trình nhóm								
Chương 7: Ngân hàng		4				10			
7	7.1 Sự ra đời và phát triển hệ thống ngân hàng 7.2 Ngân hàng trung ương 7.3 Ngân hàng trung gian Bài tập: Nghiệp vụ của NHTM								
Chương 8: Lạm phát và chính sách tiền tệ quốc gia		4				10			
8	8.1 Lạm phát 8.2 Chính sách tiền tệ quốc gia								
Chương 9: Thị trường tài chính		4				10			
9	9.1 Tổng quan thị trường tài chính 9.2 Thị trường tiền tệ 9.3 Các định chế tài chính trung gian								
Chương 10: Tài chính quốc tế		9				15			
10+11	10.1 Các khái niệm 10.2 Các hình thức quan hệ tài chính quốc tế 10.3 Cán cân thanh toán quốc tế Các tổ chức tài chính tín dụng quốc tế Ôn tập								
Tổng		45				105			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
	CĐR				

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 6 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 7 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 8 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 9 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 10 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 10 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 4</i> <i>Tỉ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

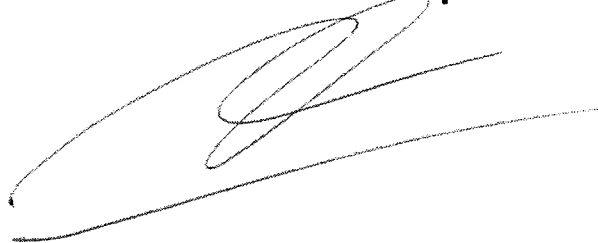
- [1] Lý thuyết tài chính tiền tệ, Dương Thị Bình Minh, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2001.
- [2] Sử Đình Thành, Dương Thị Bình Minh,... Nhập môn tài chính tiền tệ, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2006.
- [3] Nguyễn Hữu Tài. 2007. Lý thuyết tài chính tiền tệ, Đại học Kinh tế quốc dân, Hà nội.
- [4] Trần Ngọc Hoàng 2015. Giáo trình lý thuyết tài chính tiền tệ. Nhà Xuất bản kinh tế tài chính.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Nguyễn Văn Dũng

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
MARKETING CĂN BẢN**

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Marketing căn bản
Tên học phần Tiếng Anh:	Basic Marketing
Mã học phần:	06CQ0230
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	45 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về marketing, môi trường marketing và hành vi người tiêu dùng. Các kiến thức và kỹ năng đặc thù của marketing để tiếp cận với khách hàng và thị trường, phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị hàng hóa; các công cụ marketing điển hình trong lĩnh vực kinh doanh sản phẩm vật chất để triển khai chiến lược, kế hoạch marketing, tổ chức và đánh giá marketing.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Bày tỏ quan điểm cá nhân thông qua vận dụng các lý thuyết liên quan marketing căn bản để giải thích được thị trường, chiến lược thị trường, chương trình và các chính sách marketing của marketing mix	3.0	PLO2
CLO2	Biện luận được hoạt động sản xuất kinh doanh dựa trên thông tin marketing phục vụ ra quyết định của các bên liên quan	4.0	PLO8
CLO3	Vận dụng được phương pháp và khả năng tư duy hệ thống trong giải quyết các vấn đề marketing, quản trị của tổ chức trong đời sống, kinh tế và xã hội.	4.0	PLO8
CLO4	Có thái độ nghiêm túc trong quá trình làm việc nhóm, cũng như có đạo đức nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, và tinh thần trách nhiệm với cộng đồng. Thể hiện kỹ năng thu thập thông tin và phân tích khái quát các hoạt động marketing tại một doanh nghiệp cụ thể Tham dự lớp học đầy đủ.	3.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 1: Bản chất của Marketing		5				10			
1	1.1. Những vấn đề cơ bản về marketing								A1
	1.1.1. Khái niệm marketing								
	1.1.2. Vai trò của Marketing trong DN								
	1.1.3. Quá trình phát triển marketing								
	1.1.4. Mục tiêu, nhiệm vụ của marketing						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4		A2
	1.2. Quản trị marketing								
	1.2.1. Khái niệm, ý nghĩa của quản trị marketing								A3
	1.2.2. Các quan điểm quản trị marketing								
Chương 2: Môi trường marketing		5				10			

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
2	2.1 Hệ thống hoạt động 2.1.1 Môi trường marketing 2.1.2. Phân loại môi trường 2.2. Những yếu tố CB của MT vi mô 2.2.1. Doanh nghiệp 2.2.2. Người cung ứng 2.2.3. Các trung gian 2.2.4. Khách hàng 2.2.5. Đối thủ cạnh tranh 2.2.6. Công chúng trực tiếp 2.3. Môi trường vĩ mô 2.3.1. Môi trường nhân khẩu học 2.3.2. Môi trường kinh tế 2.3.3. Môi trường tự nhiên 2.3.4. Môi trường khoa học kỹ thuật 2.3.5. Môi trường chính trị 2.3.6 Môi trường văn hóa							Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
Chương 3: Thị trường và hành vi khách hàng		5				10			
3	3.1 Thị trường người tiêu dùng và hành vi mua của người tiêu dùng 3.1.1. Khái niệm 3.1.2. Mô hình hành vi của người tiêu dùng 3.1.3. Những đặc tính của người mua 3.1.4. Quy trình thông qua quyết định mua 3.1.5. Hệ thống thông tin marketing 3.2. Thị trường các doanh nghiệp và hành vi của tổ chức 3.2.1. Thị trường hàng tư liệu sản xuất 3.2.2. Thị trường các tổ chức thương mại 3.2.3. Thị trường các cơ quan nhà nước Bài tập						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4		
Chương 4: Chiến lược thị trường		5				10			
4	4.1 Phân đoạn thị trường 4.1.1 Khái niệm, vai trò của phân đoạn TT 4.2.2. Yêu cầu khi phân đoạn TT 4.3.3. Tiêu thức phân đoạn thị trường 4.2. Lựa chọn thị trường mục tiêu 4.2.1. Khái niệm, vai trò của TT mục tiêu 4.2.2. Yêu cầu đối với TT mục tiêu 4.2.3. Các phương án lựa chọn TT MT 4.2.4. Các chiến lược đáp ứng TT mục tiêu 4.3. Định vị thị trường Khái niệm, chiến lược, các bước tiến hành định vị TT Bài tập								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 5: Chính sách sản phẩm		5				10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
5	5.1. Sản phẩm trong marketing 5.1.1. Khái niệm 5.1.2. Thuộc tính và kết cấu sản phẩm 5.2. Quyết định sản phẩm 5.2.1. Quyết định về nhãn hiệu và bao gói sản phẩm 5.2.2. Quyết định về chủng loại và danh mục sản phẩm 5.2.3. Quyết định marketing SP mới 5.2.4. Marketing với chu kỳ sống của SP Bài tập								
Chương 6: Chính sách giá		5				15			
6	6.1. Các vấn đề chung về giá 6.2. Các y/t cơ bản ảnh hưởng tới quyết định chung về giá 6.2.1. Các nhân tố bên trong 6.2.2. Các nhân tố bên ngoài 6.3. Xác định mức giá cơ bản 6.3.1. Sự cần thiết 6.3.2. Tiến trình xác định mức giá CB 6.4. Các chiến lược giá 6.4.1. Xác định giá cho sản phẩm mới 6.4.2. Chiến lược giá dành cho danh mục hàng hóa 6.4.3. Các chiến lược điều chỉnh giá CB 6.5. Thay đổi giá 6.6. Lựa chọn các phản ứng về giá cạnh tranh Bài tập								
Chương 7: Chính sách phân phối		5				15			
7	7.1. Bản chất và tầm quan trọng của kênh phân phối (PP) 7.1.1. Khái niệm 7.1.2. Vai trò trung gian TM 7.1.3. Chức năng các thành viên thuộc kênh PP 7.2. Cấu trúc và tổ chức hoạt động của kênh PP 7.2.1. Cấu trúc kênh 7.2.2. Các hình thức tổ chức kênh PP 7.3. Lựa chọn và quản lý kênh PP 7.3.1. Lựa chọn và xây dựng kênh PP 7.3.2. Tuyển chọn thành viên kênh								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	7.3.3. Xác lập kênh 7.3.4. Quản lý kênh phân phối 7.3.5. Đ.giá và lựa chọn kênh PP Bài tập								
Chương 8: Chính sách xúc tiến hỗn hợp		5				10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
8	8.1. Khái quát về truyền thông trong marketing 8.2. Quy trình truyền thông 8.3. Các công cụ truyền thông 8.3.1. Quảng cáo 8.3.2. Quan hệ công chúng (Public Relation) 8.3.3. Khuyến mãi 8.3.4. Marketing trực tiếp Bài tập								
Chương 9: Tổ chức và đánh giá marketing		5				15			
9	9.1. Tổ chức bộ máy quản trị marketing trong doanh nghiệp 9.2. Kế hoạch thực hiện marketing trong doanh nghiệp 9.3. Kiểm tra và đánh giá chiến lược, chính sách marketing Ôn tập								
Tổng		45				105			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.		60

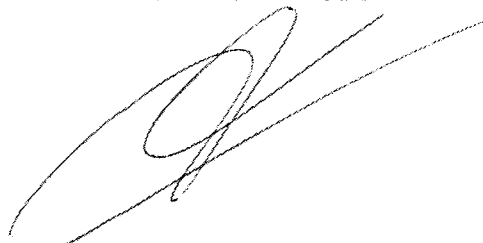
6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 16.7%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 16.7%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 16.7%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 6 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 16.7%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 7 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 16.7%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 8 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 16.7%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 6 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 16.7%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 16.7%</i>	<i>Số câu: 3</i> <i>Tỉ lệ 50%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 16.7%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

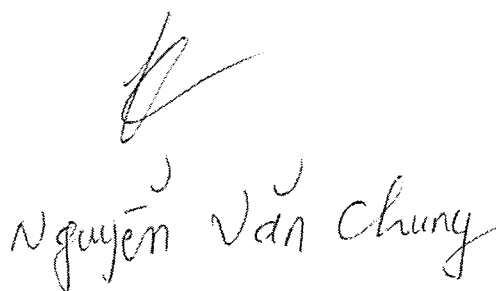
- [1]. Trần Minh Đạo (2009), *Giáo trình Marketing căn bản*, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân.
- [2]. Nguyễn Văn Phương và cộng sự (2021), *Giáo trình marketing căn bản*, NXB Đại học Nông nghiệp.
- [3]. Philip Kotler (2007), *Marketing căn bản*, NXB Lao Động Xã Hội.
- [4]. Kotler, P., & Armstrong, G. (2016), *Principles of Marketing 16th Edition*, NXB Prentice Hall
- [5]. Philip Kotler and Gary Amstrong (2014), *Principles of marketing*, 15th edition, Pearson Education.
- [6]. Philip Kotler (2008), *Những phương thức sáng tạo, chiến thắng và khống chế thị trường*, NXB Trẻ.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
PHÁP LUẬT VỀ CHỦ THỂ KINH DOANH

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Pháp luật về Chủ thể Kinh doanh
Tên học phần Tiếng Anh:	Business Laws
Mã học phần:	06CQ0537
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	45 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	06CQ0006
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần đề cập tới những quy định pháp luật trong hoạt động thương mại bao gồm: quy chế pháp lý của hộ kinh doanh, hợp tác xã, các loại hình doanh nghiệp; quy chế pháp lý về việc hình thành, tổ chức lại, giải thể, phá sản của thương nhân.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Nắm được khái niệm, đối tượng điều chỉnh, nguồn của luật thương mại; đặc điểm, các loại hoạt động thương mại	2.0	PLO2
CLO2	Nắm được định nghĩa, đặc điểm, các loại thương nhân, Thông qua việc tìm hiểu về các loại hình thương nhân: hộ kinh doanh, hợp tác xã, doanh nghiệp tư nhân công ty hợp danh, công ty TNHH1TV, công ty TNHH2TV trở lên, công ty cổ phần	3.0	PLO2
CLO3	Dựa vào những nội dung những quy định pháp luật, giải quyết được những bài tập, tình huống thực tế liên quan đến các nội dung đã trình bày ở trên	3.0	PLO9 PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 1. Những vấn đề lý luận cơ bản về Luật thương mại		2				5	CLO1 CLO2 CLO3	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
1	I. Quá trình hình thành và phát triển của Luật thương mại 1. Trên thế giới 2. Ở Việt Nam II. Khái quát về Luật thương mại 1. Khái niệm Luật thương mại 2. Đối tượng điều chỉnh và Phương pháp điều chỉnh của Luật thương mại 3. Nguồn của Luật thương mại								
Chương 2. Hoạt động thương mại và thương nhân		2				5			
1	I. Khái quát về hoạt động thương mại 1. Khái niệm hoạt động thương mại 2. Phân loại hoạt động thương mại II. Khái quát về thương nhân 1. Khái niệm 2. Phân loại thương nhân - Theo hình thức pháp lý - Theo cơ cấu sở hữu Theo mục tiêu hoạt động								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Chương 3. Tạo lập thương nhân	2				5			
2	I. Đăng ký hộ kinh doanh 1. Quyền thành lập hộ kinh doanh và nghĩa vụ đăng ký hộ kinh doanh 2. Trình tự, thủ tục đăng ký hộ KD II. Thành lập doanh nghiệp 1. Chủ thể có quyền thành lập DN 2. Trình tự, thủ tục thành lập DN III. Thành lập hợp tác xã 1. Chủ thể có quyền thành lập HTX 2. Trình tự, thủ tục thành lập HTX								
	Chương 4. Quy chế pháp lý về hộ KD	2				5			
2	I. Khái niệm II. Tổ chức và hoạt động III. Chấm dứt hoạt động								
	Chương 5. Quy chế pháp lý về DN tư nhân	4				10			
3	I. Khái niệm II. Vấn đề vốn III. Cơ cấu tổ chức quản lý Bài tập								
	Chương 6. QC pháp lý về công ty hợp danh	4				10			
4	I. Khái niệm II. Quyền và nghĩa vụ của TV công ty III. Vấn đề vốn IV. Cơ cấu tổ chức quản lý Bài tập								
	Chương 7. Quy chế pháp lý về công ty TNHH hai TV trở lên	4				10			
5	I. Khái niệm II. Quyền và nghĩa vụ của TV công ty III. Vấn đề vốn IV. Cơ cấu tổ chức quản lý Bài tập								
	Chương 8. Quy chế pháp lý về công ty TNHH một thành viên	4				10			
6	I. Khái niệm II. Quyền và nghĩa vụ của CSH công ty III. Vấn đề vốn IV. Cơ cấu tổ chức quản lý V. Những nội dung cơ bản về Doanh nghiệp Nhà nước Bài tập								

Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn.

Học ở lớp:

- Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;
- Thảo luận nhóm giải quyết tình huống.

Học ở nhà:

- Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.

A1

A2

A3



Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 9. QC pháp lý về công ty cổ phần		4				10	CLO1 CLO2 CLO3	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
7	I. Khái niệm, định nghĩa, đặc điểm II. Quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty III. Vấn đề vốn IV. Cơ cấu tổ chức quản lý Bài tập								
Chương 10. QC pháp lý về nhóm công ty		4				10			
8	I. Tập đoàn kinh tế, tổng công ty II. Công ty mẹ, công ty con Bài tập								
Chương 11. Quy chế pháp lý về HTX		4				10			
9	I. Khái niệm II. Quyền và nghĩa vụ của thành viên hợp tác xã III. Vấn đề vốn IV. Cơ cấu tổ chức quản lý								
Chương 12. Tổ chức lại và giải thể doanh nghiệp, hợp tác xã		4				8			
10	I. Tổ chức lại doanh nghiệp, HTX 1. Khái niệm 2. Các biện pháp tổ chức lại doanh nghiệp, hợp tác xã II. Giải thể doanh nghiệp, hợp tác xã 1. Khái niệm 2. Điều kiện giải thể 3. Thủ tục giải thể Bài tập								
Chương 13. Pháp luật về Phá sản (PS)		5				7			
11	I. Khái quát về PS 1. Khái niệm PS 2. Phân loại PS II. Trình tự, thủ tục giải quyết y/c PS 1. Nộp và thụ lý đơn yêu cầu và mở thủ tục PS 2. Những việc cần làm sau khi có quyết định mở thủ tục PS 3. Phục hồi hoạt động kinh doanh 4. Tuyên bố PS 5. Thi hành quyết định tuyên bố PS ÔN TẬP								
Tổng		45				105			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2 CLO3	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO1 CLO2 CLO3	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 4 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 6 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 7 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 8 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 9 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 10 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 11 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 12 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 13 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 10 câu (Tỷ lệ: 100%)	<i>Số câu: 3</i> <i>Tỷ lệ 30%</i>	<i>Số câu: 4</i> <i>Tỷ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 3</i> <i>Tỷ lệ 30%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Giáo trình, tài liệu học tập chính

1. *Giáo trình Luật Thương mại Việt Nam (tập 1)*, Trường ĐH Luật Hà Nội, NXB Tư pháp, 2018.

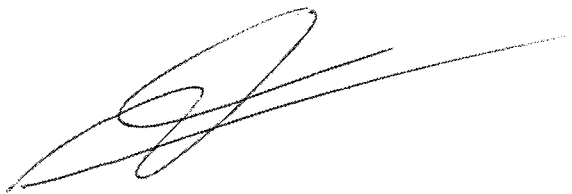
Các tài liệu tham khảo

1. *Giáo trình Luật kinh tế*, Phạm Duy Nghĩa, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2010
2. *Giáo trình Luật Thương mại – Phần chung và thương nhân*, Ngô Huy Cương, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2013.

Văn bản pháp luật

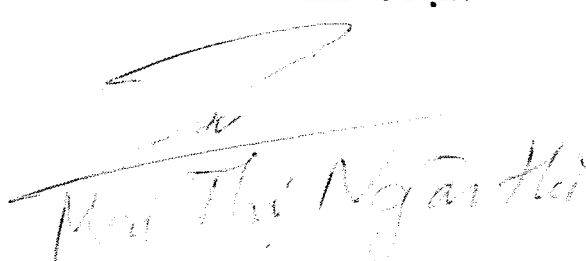
1. Luật doanh nghiệp 2014
2. Luật Hợp tác xã 2012
3. Luật Thương mại 2005
4. Nghị định 96/2015/NĐ-CP hướng dẫn Luật Doanh nghiệp 2014
5. Văn bản hợp nhất 902/VBHN-BKHĐT hợp nhất Nghị định về đăng ký doanh nghiệp (Nghị định 78/2018/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp và Nghị định 108/2018/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung Nghị định 78/2015/NĐ-CP)
6. Văn bản hợp nhất 906/VBHN-BKHĐT hợp nhất Nghị định hướng dẫn Luật Hợp tác xã 2012 (Nghị định 193/2013/NĐ-CP hướng dẫn Luật Hợp tác xã 2012 và Nghị định 107/2017/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 193/2013/NĐ-CP)
7. Thông tư 20/2015/TT-BKHĐT hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp
8. Thông tư 02/2019/TT-BKHĐT sửa đổi Thông tư 20/2015/TT-BKHĐT.
9. Và một số văn bản hướng dẫn khác.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH VÀ CÁC ĐỊNH CHẾ TÀI CHÍNH

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Thị trường Tài chính và các Định chế tài chính
Tên học phần Tiếng Anh:	Financial Markets and Financial Institutions
Mã học phần:	06CQ1115
Thuộc khối kiến thức:	Cơ sở ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	TS. Nguyễn Văn Dũng
Giảng viên tham gia giảng dạy:	TS. Nguyễn Văn Dũng ThS. Nguyễn Thị Kim Cương ThS. Phạm Thị Nhỏ
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	30tiết
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ <i>Bắt buộc</i> ☐ <i>Tự chọn</i>
Học phần trước:	Tài chính tiền tệ
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần Thị trường tài chính và các định chế tài chính cung cấp kiến thức nền tảng về các loại thị trường tài chính và các tổ chức tài chính trung gian. Nội dung học phần bao gồm các khái niệm, đặc điểm và cơ chế vận hành của thị trường tài chính, các công cụ tài chính được sử dụng trong thị trường vốn, thị trường tiền tệ và thị trường chứng khoán. Bên cạnh đó, học phần cũng đi sâu vào vai trò và chức năng của các định chế tài chính như ngân hàng thương mại, ngân hàng trung ương, công ty bảo hiểm, quỹ đầu tư và các tổ chức tài

chính phi ngân hàng khác.

Sinh viên sẽ được trang bị kiến thức giúp phân tích sự vận động của thị trường tài chính, hiểu rõ sự tác động của chính sách tiền tệ và tài chính đối với thị trường, đồng thời có thể vận dụng kiến thức này trong các tình huống thực tiễn.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Trình bày được các khái niệm cơ bản về thị trường tài chính và các định chế tài chính.	3.0	PLO3
CLO2	Phân tích vai trò của thị trường tài chính và các tổ chức tài chính trung gian trong nền kinh tế.	3.0	PLO3
CLO3	Nhận diện và đánh giá các công cụ tài chính chính yếu trong thị trường tài chính.	3.0	PLO4
CLO4	Vận dụng kiến thức để phân tích tình huống thực tế về thị trường tài chính và các chính sách điều tiết.	4.0	PLO4
CLO5	Đánh giá các rủi ro tài chính liên quan đến hoạt động của thị trường tài chính và các định chế tài chính.	4.0	PLO5
CLO6	Thể hiện tinh thần học tập tích cực và tư duy phản biện.	3.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Chương 1: Tổng quan về thị trường tài chính	3				6			
	1.1 Khái niệm thị trường tài chính 1.2 Phân loại thị trường tài chính 1.3 Vai trò của thị trường tài chính trong nền kinh tế 1.4 Các nhân tố ảnh hưởng đến thị trường tài chính						CLO1 CLO2 CLO6		A1 A3

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
2	Chương 2: Các công cụ tài chính trong thị trường tài chính	3		5		6	CLO1 CLO2 CLO6		A1
	2.1 Các loại công cụ tài chính 2.2 Chứng khoán nợ và chứng khoán vốn 2.3 Công cụ phái sinh tài chính và ứng dụng 2.4 Thực hành các công cụ tài chính								
3	Chương 3: Thị trường tiền tệ và thị trường vốn.	3				10			A3
	3.1 Cấu trúc thị trường tiền tệ 3.2 Các SP trên thị trường tiền tệ 3.3 Cấu trúc thị trường vốn 3.4 Trái phiếu và cổ phiếu								
4	Chương 4: Thị trường chứng khoán	3		5		10	CLO1 CLO3 CLO6	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1
	4.1 Khái niệm, cấu trúc và vai trò của thị trường chứng khoán 4.2 Hoạt động giao dịch chứng khoán 4.3 Các chỉ số chứng khoán quan trọng 4.4 Thực hành								
5	Chương 5: Ngân hàng thương mại và vai trò trong nền kinh tế	3		5		8			A2 A3
	5.1 Chức năng của ngân hàng thương mại 5.2 Các loại hình ngân hàng TM 5.3 Hoạt động huy động vốn và cho vay 5.4 Thực hành tại ngân hàng TM								
6	Chương 6: Ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ	3				10			
	6.1 Vai trò và chức năng của ngân hàng trung ương 6.2 Công cụ chính sách tiền tệ 6.3 Ảnh hưởng của chính sách tiền tệ đến thị trường tài chính								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
7	Chương 7: Các tổ chức tài chính phi ngân hàng	3		5		10	CLO3 CLO4 CLO6	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà	A1 A2 A3
	7.1 Công ty bảo hiểm 7.2 Quỹ đầu tư 7.3 Công ty TC và công ty CK 7.4 Thực hành tại các tổ chức tài chính phi ngân hàng								
8	Chương 8: Quản trị RR tài chính	3		5		15			
	8.1 Các loại rủi ro tài chính 8.2 Công cụ phòng ngừa rủi ro 8.3 Chiến lược quản lý rủi ro TC 8.4 Bài tập thực hành								
9	Chương 9: Chính sách tài chính - tiền tệ và thực tiễn thị trường tài chính Việt Nam	4		5		15	CLO3 CLO4 CLO6		
	9.1 Chính sách tài chính và tiền tệ 9.2 Tác động của chính sách đến TTTC 9.3 Đặc điểm TTTC Việt Nam 9.4 Cơ hội và thách thức 9.5 Xu hướng phát triển trong tương lai Ôn tập								
Tổng		30		30		90			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO2 CLO3 CLO4 CLO6	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 & 2 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 & 4 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 & 6 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 7 & 8 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 9 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 5 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

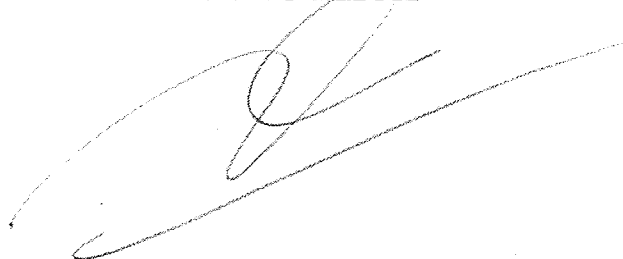
Giáo trình chính

1. Bộ môn Tài chính - Ngân hàng (2024), *Thị trường tài chính và các định chế tài chính*, Trường Đại học Công nghệ Miền Đông, lưu hành nội bộ.

Tài liệu tham khảo

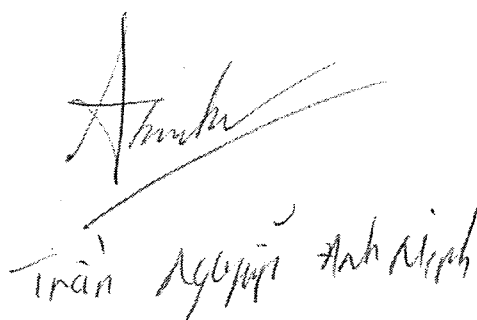
1. Frederic S. Mishkin (2022), *The Economics of Money, Banking and Financial Markets*, Pearson.
2. Fabozzi, F. J., Modigliani, F., & Jones, F. J. (2020), *Foundations of Financial Markets and Institutions*, Pearson.
3. Nguyễn Minh Kiều (2020), *Thị trường tài chính và các định chế tài chính*, NXB Tài chính.
4. Trần Ngọc Thơ (2019), *Thị trường tài chính và quản lý rủi ro tài chính*, NXB Kinh tế TP. HCM.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Trần Ngọc Thơ

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
NGUYÊN LÝ TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Nguyên lý Tài chính- Ngân hàng
Tên học phần Tiếng Anh:	Principles of Finance and Banking
Mã học phần:	06CQ1116
Thuộc khối kiến thức:	Cơ sở ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	TS. Vũ Thị Bích Quỳnh
Giảng viên tham gia giảng dạy:	TS. Vũ Thị Bích Quỳnh ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng ThS. Trần Nguyễn Anh Minh
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	45 tiết
Thực hành:	
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ <i>Bắt buộc</i> ☐ <i>Tự chọn</i>
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần Nguyên lý tài chính - ngân hàng cung cấp kiến thức nền tảng về tài chính và ngân hàng, bao gồm các nguyên lý cơ bản, các chức năng của hệ thống tài chính và ngân hàng trong nền kinh tế. Sinh viên sẽ hiểu được cơ chế hoạt động của các tổ chức tài chính, thị trường tài chính và chính sách tiền tệ, từ đó có thể ứng dụng trong thực tiễn kinh doanh và quản lý tài chính.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Trình bày được các khái niệm cơ bản về tài chính và ngân hàng.	3.0	PLO3
CLO2	Phân tích các thành phần của hệ thống tài chính.	3.0	PLO3
CLO3	Hiểu và áp dụng các nguyên tắc tài chính vào thực tiễn.	4.0	PLO4
CLO4	Đánh giá tác động của chính sách tài chính - tiền tệ đến nền kinh tế.	4.0	PLO4
CLO5	Thể hiện tinh thần học tập tích cực và tư duy phản biện.	3.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Chương 1: Tổng quan về tài chính và ngân hàng	5				15			
	1.1 Khái niệm và vai trò của TC-NH 1.2 Hệ thống TC và các thành phần 1.3 Chức năng của hệ thống TC 1.4 Thực hành tại NHTM								
2	Chương 2: Các công cụ tài chính và thị trường tài chính	10				15			
	2.1 Các loại công cụ tài chính 2.2 Cấu trúc và vai trò của thị trường tài chính 2.3 Ứng dụng công cụ tài chính trong kinh tế 2.4 Thực hành ứng dụng công cụ tài chính trong kinh tế						CLO1 CLO2 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A3
3	Chương 3: Ngân hàng thương mại và hoạt động tín dụng	10				20			
	3.1 Chức năng và vai trò của NHTM 3.2 Các loại hình tín dụng NH 3.3 RR tín dụng và cách quản lý 3.4 Thực hành HĐ TD tại NHTM								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
4	Chương 4: Ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ	10				15	CLO1 CLO3 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A2 A3
5	Chương 5: Quản trị tài chính doanh nghiệp	5				20			
6	Chương 6: Đầu tư tài chính và thị trường chứng khoán	5				20			
	4.1 Chức năng và nhiệm vụ của ngân hàng trung ương 4.2 Công cụ chính sách tiền tệ 4.3 Ảnh hưởng của chính sách tiền tệ đến nền kinh tế 4.5 Bài tập ngân hàng trung ương trong kinh tế 5.1 Khái niệm về quản trị tài chính 5.2 Các quyết định TC trong DN 5.3 Phân tích rủi ro tài chính 5.4 Thực hành phân tích RR tài chính 6.1 Các nguyên tắc CB của đầu tư TC 6.2 Thị trường chứng khoán và các công cụ đầu tư 6.3 Rủi ro và lợi suất trong đầu tư 6.4 Thực hành						CLO1 CLO4 CLO5		
	Tổng	45				105			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 & 6 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 5 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

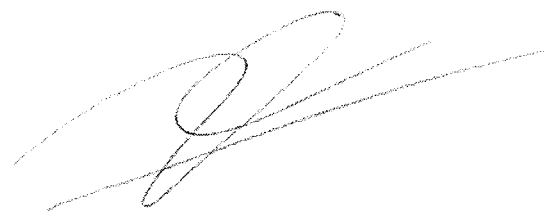
Giáo trình chính

1. Bộ môn Tài chính - Ngân hàng (2024), *Nguyên lý tài chính - ngân hàng*, Trường Đại học Công nghệ Miền Đông, lưu hành nội bộ.

Tài liệu tham khảo

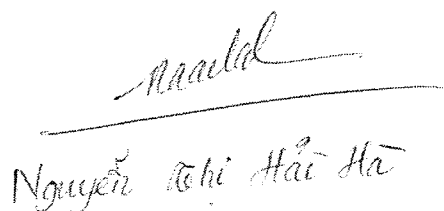
2. Mishkin, F. S. (2022), *The Economics of Money, Banking and Financial Markets*, Pearson.
3. Trần Viết Hoàng (2008) *Các Nguyên Lý Tiền Tệ Ngân Hàng Và Thị Trường Tài Chính*. NXB Thống kê
4. Ross, S., Westerfield, R., & Jaffe, J. (2020), *Corporate Finance*, McGraw-Hill.
5. Nguyễn Văn Tiên (2024), *Tài chính và tiền tệ*, NXB Tài Chính

TRƯỜNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Ngân hàng thương mại
Tên học phần Tiếng Anh:	Commercial Banking
Mã học phần:	06CQ1117
Thuộc khối kiến thức:	Chuyên ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	TS. Phan Ngọc Minh
Giảng viên tham gia giảng dạy:	TS. Phan Ngọc Minh ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng ThS. Trần Nguyễn Anh Minh
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	30 tiết
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ <i>Bắt buộc</i> ☐ <i>Tự chọn</i>
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần **Ngân hàng thương mại** cung cấp kiến thức chuyên sâu về hoạt động của các ngân hàng thương mại trong nền kinh tế. Sinh viên sẽ được trang bị kiến thức chuyên sâu về hoạt động của ngân hàng thương mại, từ cấu trúc tổ chức, huy động vốn, cấp tín dụng, quản trị rủi ro đến thanh tra, giám sát và quản lý hoạt động ngân hàng. Qua đó, sinh viên sẽ hiểu rõ các nguyên tắc, quy trình vận hành của ngân hàng thương mại và ứng dụng trong thực tế.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Trình bày được các khái niệm cơ bản về ngân hàng thương mại.	3.0	PLO4
CLO2	Hiểu và phân tích các nghiệp vụ của ngân hàng thương mại..	3.0	PLO4
CLO3	Đánh giá các rủi ro trong hoạt động ngân hàng và cách quản lý rủi ro.	4.0	PLO5
CLO4	Ứng dụng các nghiệp vụ ngân hàng vào thực tiễn hoạt động tài chính.	4.0	PLO5
CLO5	Thể hiện tinh thần học tập tích cực và tư duy phản biện.	3.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Chương 1: Tổng quan về tài chính và ngân hàng	5		5		10			
	1.1. Định nghĩa và phân loại ngân hàng thương mại. 1.2. Chức năng và vai trò của ngân hàng thương mại trong nền kinh tế. 1.3. Cấu trúc tổ chức và mô hình hoạt động của ngân hàng thương mại. 1.4. Các nguyên tắc hoạt động của ngân hàng thương mại Bài tập: Thảo luận nhóm về mô hình hoạt động và các nguyên tắc hoạt động của ngân hàng thương mại tại Việt Nam.						CLO1 CLO2 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A3
2	Chương 2: Huy động vốn của ngân hàng thương mại	5		5		10			

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	2.1. Khái niệm, vai trò và các hình thức huy động vốn. 2.2. Tiền gửi của khách hàng và cơ chế lãi suất. 2.3. Huy động vốn từ thị trường liên ngân hàng và phát hành giấy tờ có giá. 2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động huy động vốn của ngân hàng. Bài tập						CLO1 CLO2 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1
3	Chương 3: Hoạt động tín dụng ngân hàng	5		5		30			A3
	33.1. Nguyên tắc cấp tín dụng và các hình thức tín dụng 3.2. Quy trình cấp tín dụng và xét duyệt khoản vay 3.3. Quản trị rủi ro tín dụng và xử lý nợ xấu 3.4. Các mô hình chấm điểm tín dụng và đánh giá khách hàng Bài tập								
4	Chương 4: Dịch vụ ngân hàng thương mại	5		5		15	CLO1 CLO3 CLO5		A1
	4.1. Dịch vụ thanh toán và hệ thống thanh toán liên ngân hàng 4.2. Dịch vụ thẻ và ngân hàng điện tử 4.3. Bảo lãnh ngân hàng và tài trợ thương mại 4.4. Quản lý tài sản và dịch vụ ngân hàng đầu tư Bài tập								A2 A3

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
5	Chương 5: Quản trị rủi ro trong ngân hàng thương mại	5		5		15			
	5.1. Rủi ro tín dụng, rủi ro lãi suất và rủi ro thanh khoản. 5.2. Rủi ro hoạt động và rủi ro hệ thống 5.3. Các mô hình quản trị rủi ro trong ngân hàng. 5.4. Giám sát và kiểm soát rủi ro ngân hàng. Bài tập: Xây dựng kế hoạch quản trị rủi ro cho một ngân hàng thương mại						CLO1 CLO3 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A2
6	Chương 6: Thanh tra và giám sát ngân hàng	5		5		10			
	6.1. Hệ thống thanh tra và giám sát ngân hàng tại Việt Nam 6.2. Các phương pháp kiểm soát nội bộ và thanh tra tuân thủ 6.3. Quy trình xử lý vi phạm trong hoạt động ngân hàng 6.4. Các biện pháp nâng cao hiệu quả quản trị ngân hàng						CLO1 CLO4 CLO5		A3
Tổng		30		30		90			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 & 6 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 5 câu (Tỷ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỷ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỷ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỷ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỷ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

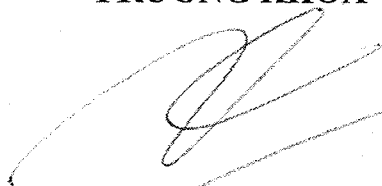
Giáo trình chính

1. Bộ môn Tài chính - Ngân hàng (2024), *Giáo trình ngân hàng thương mại*, Trường Đại học Công nghệ Miền Đông, lưu hành nội bộ.

Tài liệu tham khảo

2. Trần Thị Xuân Hương. (2021), *Giáo trình ngân hàng thương mại*, Nxb Kinh tế TP.HCM.
3. Phan Thị Thanh Hà (2024) *Giáo trình ngân hàng thương mại*, Nxb ĐH Kinh tế Quốc Dân.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Nguyễn Thị Hải Hà

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
NGHỆ THUẬT LÃNH ĐẠO**

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Nghệ thuật Lãnh đạo
Tên học phần Tiếng Anh:	Leadership
Mã học phần:	06CQ0574
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản có liên quan đến hoạt động lãnh đạo. Trên cơ sở đó đi vào phân tích: Bản chất của lãnh đạo; Phẩm chất & Kỹ năng của nhà lãnh đạo; Việc sử dụng quyền lực của nhà lãnh đạo sao cho có hiệu quả nhất; Sự phù hợp giữa phong cách của nhà lãnh đạo với từng hoàn cảnh cụ thể; Phát huy năng lực của tập thể; Khảo sát đánh giá hiệu quả lãnh đạo theo phương pháp khoa học nhằm đánh giá năng lực lãnh đạo, phân biệt được mặt mạnh, mặt yếu của người lãnh đạo và phân rõ trách nhiệm lãnh đạo.

Học phần này rất cần thiết đối với sinh viên khi tiếp cận các vấn đề thực tế trong quá trình ra quyết định.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	- Thích nghi với kiến thức căn bản về khái niệm, ý nghĩa; bản chất công việc và vai trò của lãnh đạo, các cách tiếp cận nghiên cứu về lãnh đạo và phân tích được các phẩm chất và kỹ năng lãnh đạo. - Thích nghi với kiến thức về quyền lực và sự ảnh hưởng, vận dụng các chiến lược ảnh hưởng trong thực tế, các phong cách lãnh đạo, sự giống và khác nhau giữa các mô hình lãnh đạo.	2.0	PLO3
CLO2	- Vận dụng được các lý thuyết của môn học để lựa chọn cách lãnh đạo trong sự thay đổi của tổ chức. - Ứng dụng kiến thức trong môn học vào giải quyết các tình huống lãnh đạo trong hoạt động sản xuất và kinh doanh của doanh nghiệp.	2.0	PLO3
CLO3	- Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu đánh giá hiệu quả lãnh đạo của một cá nhân/ doanh nghiệp. - Hình thành và phát triển (một bước) năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề trong quá trình lãnh đạo. - Phát triển kỹ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng.	3.0	PLO4
CLO4	- Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận cách thức tổ chức, thực hiện và đo lường hiệu quả nghệ thuật lãnh đạo của một cá nhân/ doanh nghiệp. - Đi học đúng giờ, tuân thủ nội quy nhà trường, làm bài tập về nhà đầy đủ.	4.0	PL10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ NGHỆ THUẬT LÃNH ĐẠO		7				15			
1-2	1.1. Khái quát về lãnh đạo 1.2 Phân biệt lãnh đạo và quản trị 1.3 Hiệu quả lãnh đạo 1.4 Các tiếp cận chủ yếu về LD Bài tập thảo luận nhóm								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	CHƯƠNG 2: QUYỀN LỰC VÀ SỰ ẢNH HƯỞNG	7				15			
3-4	2.1 Khái niệm sự ảnh hưởng và quyền lực 2.2 Phân biệt lãnh đạo và quyền lực 2.3 Phân biệt quyền lực và quyền hạn 2.4 Mối quan hệ giữa quyền lực và lãnh đạo 2.5 Một số vấn đề cần lưu ý khi phân quyền 2.6 Mô hình quyền lực và sự ảnh hưởng 2.7 Các chiến lược ảnh hưởng Bài tập tình huống								
	CHƯƠNG 3: PHẨM CHẤT VÀ KỸ NĂNG LÃNH ĐẠO	8				20			
5-6	3.1 Tổng kết về các nghiên cứu theo phẩm chất cá nhân 3.2 Các nghiên cứu khác về phẩm chất 3.3 Nghiên cứu về động cơ quản lý 3.4 Các kỹ năng quản trị Bài tập tình huống								
	CHƯƠNG 4: BẢN CHẤT CỦA CÔNG VIỆC VÀ PHONG CÁCH LÃNH ĐẠO	8				20			
7-8	4.1 Bản chất CV của người LD 4.2 Vai trò của người lãnh đạo 4.3 Phong cách lãnh đạo 4.3.1 Khái niệm về phong cách LD 4.3.2 Nghiên cứu của Kurt Lewin 4.4 Các mô hình nghiên cứu về phong cách lãnh đạo 4.4.1 Nghiên cứu hệ thống quản lý của R.Likert 4.4.2 Lãnh đạo theo tình huống 4.4.3 Mô hình lãnh đạo của P.Hersey-K.Blanchard, Thuyết chu kỳ trưởng thành 4.5 Lãnh đạo mới về chất 4.5.1 Lãnh đạo hấp dẫn 4.5.2 Các thuyết lãnh đạo mới về chất Ôn tập								
	Tổng	30				70			

Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn.

Học ở lớp:

- Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;
- Thảo luận nhóm giải quyết tình huống.

Học ở nhà:

- Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.

A1

A2

A3

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 2 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 3 (Tỷ lệ: 30%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 3 (Tỷ lệ: 30%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 2 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 10 câu (Tỷ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỷ lệ 10%</i>	<i>Số câu: 4</i> <i>Tỷ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 3</i> <i>Tỷ lệ 30%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỷ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

1. Nguyễn Hữu Lam (2009), “Nghệ thuật lãnh đạo”, NXB Thống kê
2. Nguyễn Hữu Lam (1997), “Đổi mới và phát triển tổ chức”, NXB giáo dục.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
THUẾ**

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Thuế
Tên học phần Tiếng Anh:	Taxation
Mã học phần:	06CQ0546
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Môn Thuế là môn học dành cho sinh viên khối ngành kinh tế với những kiến thức lý thuyết cơ bản về tài chính công và thuế; hệ thống thuế Việt Nam: Khái niệm, đặc điểm, đối tượng chịu thuế, đối tượng nộp thuế, căn cứ và phương pháp tính thuế, đăng ký, kê khai, nộp, miễn, giảm, hoàn, truy thu và thủ tục nộp của các luật thuế Việt Nam hiện hành.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Giải thích được khái niệm, đặc điểm, vai trò, phương pháp tính và đối tượng chịu thuế của: Thuế xuất nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân.	3.0	PLO2
CLO2	Vận dụng phương pháp tính các loại thuế để xác định số thuế xuất nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế GTGT, thuế bảo vệ môi trường, thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân phải nộp, được hoàn trong một trường hợp cụ thể. Đánh giá được tình hình kê khai và nộp thuế tại một doanh nghiệp cụ thể.	3.0	PLO2
CLO3	Thực hiện thành thạo và chuyên nghiệp trong các kỹ năng giao tiếp, thảo luận, viết tiểu luận và thuyết trình.	4.0	PLO8
CLO4	Thái độ học tập: Tham gia học đầy đủ, tập trung và nhiệt tình trong quá trình học, thảo luận nhóm trên lớp. Có đạo đức tốt, trung thực, khách quan và công tâm khi giải quyết công việc; Tự tin và kiên trì theo đuổi mục tiêu.	4.0	PLO8

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 1: Tổng quan về thuế		2	0	0	0	7			
1	1.1. Những vấn đề cơ bản về thuế 1.1.1. Khái niệm, lịch sử hình thành, bản chất và chức năng của thuế 1.1.2. Hệ thống thuế VN hiện hành. 1.1.3. Phân loại thuế 1.1.4. Các yếu tố cấu thành một sắc thuế 1.1.5. Các tiêu thức xây dựng hệ thống thuế 1.1.6. Tác động của chính sách thuế đến hoạt động kinh tế								
Chương 1: Tổng quan về thuế		2	0	0	0	7			

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	1.2. Quá trình phát triển và định hướng cải cách thuế Việt Nam 1.2.1 Hệ thống thuế VN hiện hành. 1.2.2 Quá trình phát triển và định hướng cải cách thuế Việt Nam						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
Chương 2: Thuế xuất khẩu – Thuế nhập khẩu		2	0	0	0	7			
2	2.1. Khái niệm, vai trò của thuế xuất, nhập khẩu 2.2. Hàng hóa chịu thuế 2.3 Đối tượng nộp thuế 2.4. Căn cứ và phương pháp tính thuế. Bài tập: Tính thuế XK-NK								
Chương 2: Thuế xuất khẩu – Thuế nhập khẩu		2	0	0	0	7			
2	2.5. Hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế 2.6. Biện pháp tự vệ bằng thuế quan. Bài tập: Tính hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế của thuế XK, NK								
Chương 3: Thuế bảo vệ môi trường và Thuế tiêu thụ đặc biệt		4	0	0	0	7			
3	3.1 Thuế Bảo vệ môi trường 3.1.1 Tổng quan về thuế BVMT 3.1.1.1 Khái niệm – mục đích 3.1.1.2 Đặc điểm 3.1.1.3 Vai trò 3.1.2 Nội dung cơ bản của thuế bảo vệ môi trường 3.1.2.1 Hàng hóa chịu thuế và không chịu thuế 3.1.2.2 Người nộp Thuế 3.1.2.3 Căn cứ và phương pháp tính Thuế 3.1.2.4 Đăng ký, kê khai, nộp thuế, giảm thuế, hoàn thuế Bài tập: tính thuế bảo vệ môi trường								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 3: Thuế bảo vệ môi trường và Thuế tiêu thụ đặc biệt		4	0	0	0	7	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
4	3.2 Thuế tiêu thụ đặc biệt 3.2.1 Khái niệm và mục đích 3.2.2 Đối tượng chịu thuế, đối tượng nộp thuế tiêu thụ đặc biệt. 3.2.3 Căn cứ và phương pháp tính thuế tiêu thụ đặc biệt 3.2.3.1 Căn cứ tính thuế tiêu thụ đặc biệt 3.2.3.2 Phương pháp tính thuế tiêu thụ đặc biệt 3.2.4 Đăng ký, kê khai, nộp thuế, giảm thuế, hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt. Bài tập: tính thuế tiêu thụ đặc biệt								
Chương 4: Thuế giá trị gia tăng		4	0	0	0	7			
5	4.1. Khái niệm và mục đích 4.2. Hàng hóa chịu Thuế, người nộp Thuế 4.3. Căn cứ và phương pháp tính Thuế 4.4. Đăng ký, kê khai, nộp thuế, hoàn thuế giá trị gia tăng. 4.5. Hóa đơn, chứng từ có liên quan Bài tập: tính thuế GTGT. Đăng ký, kê khai, nộp thuế, hoàn thuế GTGT								
Chương 5: Thuế thu nhập DN		4	0	0	0	7			
6	5.1. Khái niệm và mục đích 5.2. Đối tượng nộp thuế 5.3. Thu nhập chịu thuế, thu nhập không chịu thuế thu nhập DN 5.3.1. Căn cứ và phương pháp tính thuế thu nhập doanh nghiệp 5.3.2. Chi phí được trừ và chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN 5.3.3. Thu nhập chịu thuế khác 5.3.4. Chuyển lỗ 5.3.5. Trích lập quỹ NCKH 5.3.6. Thuế suất Bài tập: tính thuế thu nhập DN								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 6: Thuế thu nhập cá nhân		3	0	0	0	7	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
7	6.1. Khái niệm và mục đích. 6.2. Đối tượng nộp thuế TNCN 6.3.Căn cứ và PP tính thuế TNCN 6.3.1. Căn cứ, và phương pháp tính thuế TNCN đối với cá nhân cư trú 6.3.2. Căn cứ và phương pháp tính thuế TNCN đối với cá nhân ko cư trú 6.4. Đăng ký, kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế, thoái trả thuế TNCN 6.5.Trách nhiệm của các tổ chức và cá nhân trong việc thu, nộp thuế TNCN Bài tập: tính thuế thu nhập cá nhân								
Chương 7: Các sắc thuế khác, phí và lệ phí		3	0	0	0	7			
8	7.1. Thuế môn bài 7.2. Thuế tài nguyên 7.3. Thuế sử dụng đất nông nghiệp 7.4. Thuế phi nông nghiệp 7.5. Các loại phí và lệ phí Ôn tập.								
Tổng		30				70			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Nội dung \ Cấp độ	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 6 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

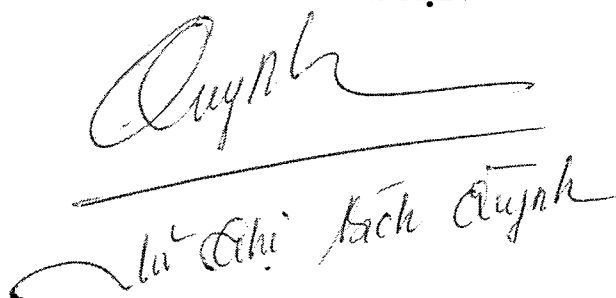
[1] Phan Hữu Nghi, Nguyễn Thị Bất (2020) Giáo trình thuế, NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Phân tích hoạt động kinh doanh
Tên học phần Tiếng Anh:	Business Operations Analysis
Mã học phần:	06CQ0620
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ <i>Bắt buộc</i> ☐ <i>Tự chọn</i>
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Môn học mô tả tình hình hoạt động thực tế và kết quả hoạt động của doanh nghiệp, từ đó đề xuất những biện pháp hợp lý để kiểm soát chi phí, khai thác khả năng tiềm tàng của doanh nghiệp nhằm gia tăng hiệu quả hoạt động. Bằng các phương pháp phân tích cụ thể giúp sinh viên hiểu và đánh giá đúng kết quả sản xuất, kinh doanh, tình hình tài chính của doanh nghiệp, cũng như phân tích các nhân tố ảnh hưởng, tìm những nguyên nhân khách quan cũng như chủ quan dẫn đến kết quả hoạt động của doanh nghiệp từ đó đưa ra những dự báo cung cấp thông tin làm cơ sở đưa ra những quyết định của doanh nghiệp.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Cung cấp kiến thức cơ bản xác định đối tượng, nội dung, ý nghĩa phân tích và dự báo hoạt động kinh doanh	4	PLO3
CLO1	Hiểu rõ những phương pháp phân tích và các chỉ tiêu phân tích tình hình sản xuất, chất lượng sản phẩm, phân tích các chỉ tiêu về chi phí, giá thành sản phẩm	4	PLO4
CLO1	Hiểu rõ các chỉ tiêu phân tích về tài chính như khả năng sinh lợi; khả năng thanh toán,...	4	PLO6 PLO7
CLO1	Biết vận dụng đúng các phương pháp phân tích cũng như hiểu rõ về cấu trúc hoạt động sản xuất và cấu trúc tài chính của doanh nghiệp.	4	PLO6 PLO7
CLO2	Kỹ năng phân tích và trình bày kết quả phân tích tình hình sản xuất KD, yếu tố ảnh hưởng cũng như nguyên nhân tác động.	4	PLO8
CLO2	Rèn luyện kỹ năng dựa trên các chỉ tiêu phân tích đưa ra các quyết định có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp và đề ra những biện pháp xử lý hiệu quả	4	PLO9
CLO2	Kỹ năng dự báo những biến động trong hoạt động SXKD	4	PLO9
CLO3	Có khả năng xử lý trước tình huống trong môi trường kinh doanh biến động, dự báo những biến động trong quá trình và kết quả kinh doanh	3	PLO10
CLO3	Tự nghiên cứu, tìm hiểu, tích lũy và khả năng học tập trọn đời. Hiểu biết về trách nhiệm xã hội, các vấn đề đạo đức và quyền công dân, từ đó tự chịu trách nhiệm và áp dụng trong Digital Marketing và cuộc sống cá nhân.	3	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 1: Nhập môn phân tích hoạt động kinh doanh		4				8	CLO1 CLO2 CLO3	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
1	1.1. Khái niệm, mục tiêu 1.2. Phương pháp phân tích hoạt động kinh doanh 1.3 Tổ chức và công tác phân tích								
Chương 2: Phân tích tình hình sản xuất		4				8			
2	2.1. Ý nghĩa phân tích 2.2. Phân tích kết quả sản xuất về mặt khối lượng 2.3. Phân tích kết quả sản xuất mặt chất lượng sản phẩm - Hướng dẫn thực hành bài tập 2.4. Phân tích các mối quan hệ trong sản xuất Bài tập tổng hợp								
Chương 3: Phân tích chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm		4				8			
3	3.1. Ý nghĩa phân tích 3.2. Phân tích chung tình hình thực hiện chi phí và giá thành 3.3. Phân tích tình hình thực hiện kế hoạch hạ thấp giá thành sản phẩm so sánh được 3.4. Phân tích các khoản mục giá thành Bài tập								
Chương 4: Phân tích tình hình tiêu thụ và lợi nhuận		4				8			
4	4.1. Ý nghĩa 4.2. Phân tích tình hình tiêu thụ 4.3. Phân tích tình hình lợi nhuận 4.4 Phân tích một số chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sinh lợi Bài tập								

Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn.

Học ở lớp:

- Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;
- Thảo luận nhóm giải quyết tình huống.

Học ở nhà:

- Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.

A1

A2

A3

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 5: Phân tích báo cáo tài chính		4				8	CLO1 CLO2 CLO3	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
5	5.1 Ý nghĩa phân tích 5.2. Dữ liệu phân tích 5.3. Phương pháp phân tích 5.4 Giới thiệu hệ thống báo cáo tài chính 5.5. Phân tích khái quát tình hình tài chính Bài tập								
Chương 5: Phân tích báo cáo tài chính		4				8			
6	5.6. Phân tích hiệu quả sử dụng vốn 5.7. Phân tích khả năng thanh toán 5.8. Phân tích cơ cấu vốn 5.9. Dự báo nhu cầu tài chính Bài tập								
Chương 6: Các phương pháp dự báo cơ bản		6				12			
7	Các phương pháp dự báo Ôn tập cuối kỳ								
	Tổng	30				70			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2 CLO3	10

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO1 CLO2 CLO3	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 8%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 2 (Tỉ lệ: 17%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 2 (Tỉ lệ: 17%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 2 (Tỉ lệ: 17%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 3 (Tỉ lệ: 25%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>
Chương 6 <i>Số câu: 2 (Tỉ lệ: 17%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>
Tổng cộng: 12 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 8%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 17%</i>	<i>Số câu: 3</i> <i>Tỉ lệ 25%</i>	<i>Số câu: 4</i> <i>Tỉ lệ 33%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 17%</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Sách, giáo trình

[1] Phạm Văn Dược (2015), Phân tích hoạt động kinh doanh, Nhà xuất bản Kinh tế TpHCM.

Tài liệu tham khảo

[2] Nguyễn Ngọc Quang (2011), Giáo trình phân tích hoạt động kinh doanh, Nhà xuất bản Giáo dục;

[3] Nguyễn Năng Phúc (2009), Phân tích kinh doanh (Lý thuyết và thực hành), Nhà xuất bản Tài chính Hà Nội;

[4] Nguyễn Trọng Cơ (2017), Giáo trình phân tích tài chính, Nhà xuất bản Tài chính.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Nguyễn Văn Dũng

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
CORE BANKING

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Core Banking
Tên học phần Tiếng Anh:	Core Banking
Mã học phần:	06CQ1118
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	TS. Phan Ngọc Minh
Giảng viên tham gia giảng dạy:	TS. Phan Ngọc Minh ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng ThS. Trần Nguyễn Anh Minh
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần Core Banking cung cấp cho sinh viên kiến thức về hệ thống Core Banking, nền tảng công nghệ thông tin trong lĩnh vực ngân hàng. Sinh viên sẽ tìm hiểu về các phân hệ quan trọng của Core Banking bao gồm: quản lý thông tin khách hàng, kế toán, biểu phí và lãi suất, tiền gửi, tiền vay, và thế chấp. Học phần giúp sinh viên nắm vững các quy trình xử lý nghiệp vụ ngân hàng trên hệ thống, phục vụ tốt cho công việc trong ngành tài chính - ngân hàng.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Hiểu được khái niệm, vai trò và nguyên tắc hoạt động của Core Banking.	2.0	PLO4
CLO2	Phân tích các phân hệ chính trong Core Banking và cách chúng hỗ trợ hoạt động ngân hàng.	3.0	PLO4
CLO3	Ứng dụng kiến thức về Core Banking vào các nghiệp vụ ngân hàng thực tế.	3.0	PLO5
CLO4	Đánh giá tác động của công nghệ Core Banking đối với ngành tài chính - ngân hàng.	4.0	PLO5
CLO5	Thể hiện tinh thần học tập tích cực và tư duy phân biện.	3.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Chương 1: Tổng quan về nghiệp vụ ngân hàng trên máy – Core Banking	4				10			
	1.1. Định nghĩa và vai trò của Core Banking 1.2. Sự phát triển của hệ thống ngân hàng lõi 1.3. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị ngân hàng Bài tập: Phân tích sự khác biệt giữa hệ thống ngân hàng truyền thống và Core Banking.						CLO1 CLO2 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A3
2	Chương 2: Phân hệ quản lý thông tin khách hàng	4				10			

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	2.1. Khái niệm và tầm quan trọng của quản lý thông tin khách hàng 2.2. Cấu trúc dữ liệu khách hàng trong Core Banking 2.3. Bảo mật và quyền riêng tư trong quản lý thông tin khách hàng Bài tập: Thực hành tạo và quản lý thông tin khách hàng trên hệ thống						CLO1 CLO2 CLO5		A1 A3
3	Chương 3: Phân hệ kế toán	5				10			
	3.1. Chức năng kế toán trong hệ thống Core Banking 3.2. Quy trình hạch toán kế toán trong Core Banking 3.3. Kiểm tra và điều chỉnh dữ liệu kế toán Bài tập						CLO1 CLO2 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A3
4	Chương 4: Phân hệ biểu phí và lãi suất	5				10			
	4.1. Các loại biểu phí và lãi suất trong ngân hàng 4.2. Cách cấu hình biểu phí và lãi suất trên hệ thống Core Banking 4.3. Tác động của chính sách lãi suất đối với khách hàng Bài tập: Xây dựng một bảng lãi suất và biểu phí cho một dịch vụ ngân hàng cụ thể						CLO1 CLO3 CLO5		A1 A2 A3

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
5	Chương 5: Phân hệ tiền gửi	5				10			
	5.1. Quy trình mở và quản lý tài khoản tiền gửi 5.2. Các loại tài khoản tiền gửi và đặc điểm 5.3. Hệ thống tự động xử lý giao dịch tiền gửi Bài tập						CLO1 CLO3 CLO5		A1 A2 A3
6	Chương 6: Phân hệ tiền vay	4				10			
	6.1. Quy trình xét duyệt và giải ngân khoản vay 6.2. Quản lý nợ và thanh toán khoản vay 6.3. Hệ thống theo dõi và xử lý nợ xấu Bài tập						CLO1 CLO4 CLO5		A1 A2 A3
7	Chương 7: Phân hệ thế chấp	3				10			
	7.1. Quy trình đăng ký và quản lý tài sản thế chấp 7.2. Định giá tài sản thế chấp trong Core Banking 7.3. Quy trình xử lý tài sản thế chấp khi phát sinh nợ xấu Bài tập						CLO1 CLO4 CLO5		A1 A2 A3
	Tổng	30				70			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 5 câu (Tỷ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỷ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỷ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỷ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỷ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

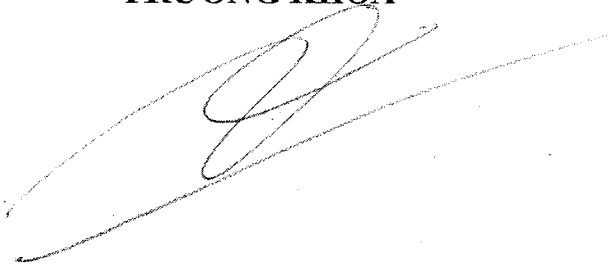
Giáo trình chính

1. Bộ môn Tài chính - Ngân hàng (2024), *Giáo trình Core Banking*, Trường Đại học Công nghệ Miền Đông, lưu hành nội bộ.

Tài liệu tham khảo

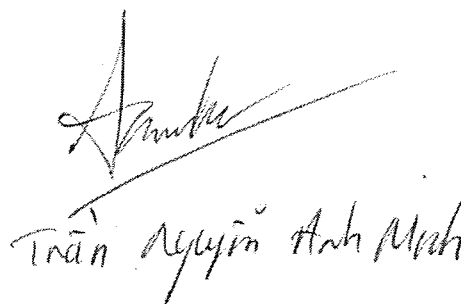
2. Hoàng Xuân Lâm. (2020), *Giáo trình nghiệp vụ ngân hàng trên máy*, NXB ĐH Kinh tế Quốc Dân.
3. Phan Thị Thanh Hà (2024) *Giáo trình ngân hàng thương mại*, NXB ĐH Kinh tế Quốc Dân.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Trần Nguyễn Anh Minh

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
THANH TOÁN QUỐC TẾ**

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Thanh toán quốc tế
Tên học phần Tiếng Anh:	International Payment
Mã học phần:	06CQ0543
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Môn học trình bày chi tiết về những kiến thức về thị trường hối đoái, các nghiệp vụ kinh doanh hối đoái và vận dụng nghiệp vụ phòng ngừa rủi ro tỉ giá; các phương tiện thanh toán được sử dụng trong thanh toán quốc tế; nắm vững cách thức lựa chọn và sử dụng các phương thức thanh toán quốc tế trong hợp đồng ngoại thương, đặc biệt là phương thức thanh toán L/C.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về thị trường ngoại hối và các nhân tố ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái trong các tình huống của doanh nghiệp	3.0	PLO2
CLO2	Phân biệt cách sử dụng các loại phương tiện thanh toán quốc tế, các phương thức thanh toán quốc tế phù hợp với từng tình huống cụ thể.	3.0	PLO2
CLO3	Phân tích L/C, Vận dụng kiểm tra, phát hiện những bất hợp lý và xử lý chứng từ khi thực hiện phương thức thanh toán tín dụng chứng từ.	4.0	PLO2
CLO4	Có kỹ năng vận dụng các nghiệp vụ kinh doanh hối đoái cơ bản và các công cụ phái sinh để hình thành kỹ năng đánh giá rủi ro và tư vấn về phòng tránh và xử lý rủi ro trong TTQT.	4.0	PLO2 PLO8
CLO5	Tham gia học đầy đủ, tập trung và nhiệt tình trong quá trình học, thảo luận nhóm trên lớp. Có đạo đức tốt, trung thực, khách quan và công tâm khi giải quyết công việc; Tự tin và kiên trì theo đuổi mục tiêu.	3.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 1: Những vấn đề cơ bản trong TTQT		2				4	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
1	1.1. Khái quát về TTQT 1.2 Đặc điểm của TTQT 1.3 Vai trò của TTQT 1.4 Các loại tiền tệ trong TTQT 1.5 Các điều kiện trong TTQT 1.6 Cán cân TTQT								
Chương 2: Tỷ giá hối đoái và Thị trường ngoại hối		3				6			
2	2.1. Tỷ giá hối đoái 2.2 Các phương pháp yết giá 2.3 Xác định tỷ giá theo phương pháp tính chéo 2.4 Các nhân tố ảnh hưởng đến sự biến động của tỷ giá 2.5 Các biện pháp điều chỉnh tỷ giá hối đoái								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 2: Tỷ giá hối đoái và Thị trường ngoại hối		3				6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
3	Bài tập + Tìm hiểu về ký hiệu tiền tệ của một số quốc gia + Xác định tỷ giá theo phương pháp tính chéo								
Chương 3: Nghiệp vụ KD hối đoái		3				10			
4	3.1. Cơ sở pháp lý 3.2. Nghiệp vụ giao ngay (Spot Operation). 3.3. Nghiệp vụ kỳ hạn (Forward Operation). 3.4. Nghiệp vụ hoán đổi tiền tệ (Currency Swaps). 3.5. Nghiệp vụ giao sau (Currency Futures Market). 3.6. Nghiệp vụ quyền chọn (Currency Options). Bài tập: Thực hành bài tập tình huống của nghiệp vụ hối đoái giao ngay, nghiệp vụ kinh doanh chênh lệch tỷ giá và nghiệp vụ hối đoái kỳ hạn								
Chương 3: Nghiệp vụ KD hối đoái		3				8			
5	3.4. Nghiệp vụ hoán đổi tiền tệ (Currency Swaps). 3.5. Nghiệp vụ giao sau (Currency Futures Market). 3.6. Nghiệp vụ quyền chọn (Currency Options). Bài tập + Thực hành bài tập tình huống của nghiệp vụ hối đoái giao ngay, nghiệp vụ kinh doanh chênh lệch tỷ giá và nghiệp vụ hối đoái kỳ hạn + Thực hành bài tập tình huống của nghiệp vụ quyền chọn + Thực hành bài tập tình huống của nghiệp vụ hoán đổi ngoại tệ								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 4: Phòng ngừa rủi ro Tỷ giá hối đoái		3				6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
6	4.1. Khái niệm rủi ro tỉ giá 4.2. Rủi ro tỉ giá hối đoái đối với doanh nghiệp 4.3. Rủi ro tỉ giá đối với ngân hàng thương mại								
Chương 5: Các phương tiện TTQT		3				6			
7	5.1. Hối phiếu (BILL OF EXCHANGE) 5.1.1 Khái Niệm 5.1.2 Các nghiệp vụ liên quan đến lưu thông hối phiếu Bài tập + Thiết lập hối phiếu dựa trên các chứng từ liên quan								
Chương 5: Các phương tiện TTQT		3				6			
8	5.2. Lệnh phiếu (PROMISSORY NOTE) 5.3. Séc (CHECK) 5.4. Thẻ thanh toán (PLASTIC CARD) Bài tập tình huống + Thảo luận về các nghiệp vụ phát hành và lưu thông Lệnh phiếu, Séc và thẻ								
Chương 6: Các phương thức TTQT		3				8			
9	6.1 Khái niệm về Phương thức thanh toán 6.2 Phương thức ghi sổ (OPEN ACCOUNT) 6.3 Phương thức thanh toán CAD 6.4 Phương thức chuyển tiền (REMITTANCE) Bài tập : Thảo luận về quy trình thực hiện nghiệp vụ, trường hợp áp dụng và phân tích ưu nhược điểm của phương thức ghi sổ và phương thức CAD								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 6: Các phương thức TTQT		2				4	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
10	6.5 Phương thức nhờ thu (COLLECTION) 6.5.1 Phương thức nhờ thu trơn 6.5.2 Phương thức nhờ thu kèm chứng từ 6.6 Phương thức tín dụng chứng từ (DOCUMENT CREDIT) Bài tập								
Chương 7: Bộ chứng từ trong TTQT		2				4			
11	7.1 Hóa đơn 7.2 Phiếu đóng gói (Parking list) 7.3 Bảng kê chi tiết (Specification). 7.4 Chứng từ vận tải (Transport documents) 7.5 Chứng từ bảo hiểm (Insurance Certificate/Policy). 7.6 Các loại giấy chứng nhận khác								
	Tổng	30				70			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 6 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 5 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

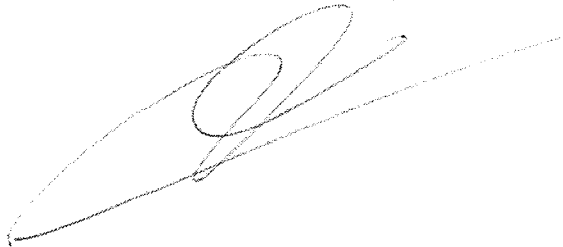
Giáo trình

1. Trần Hoàng Ngân, Nguyễn Minh Kiều (2007), “*Thanh toán quốc tế*”, Nhà xuất bản Thống kê.

Tài liệu tham khảo

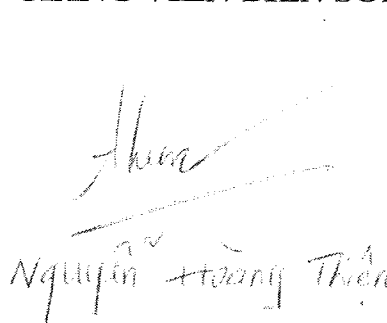
1. Nguyễn Thị Thu Thảo (2009), “*Nghiệp vụ thanh toán quốc tế*”, NXB Tài chính.
2. Lê Phan Thị Diệu Thảo, Lê Thị Anh Đào, Nguyễn Phước Kinh Kha và những người khác (2014), “*Giáo trình thực hành nghiệp vụ thanh toán quốc tế*”, NXB Phương Đông.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP**

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Tài chính Doanh nghiệp
Tên học phần Tiếng Anh:	Corporate Finance
Mã học phần:	06CQ0576
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	06CQ0229
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Mục tiêu của học phần Tài chính doanh nghiệp nhằm giúp người học có thể hiểu được Các khái niệm cơ bản có liên quan đến tài chính doanh nghiệp, đặc biệt nhấn mạnh đến công ty cổ phần, Các phương pháp định giá chứng khoán, Chi phí sử dụng vốn và các phương pháp xác định tỷ suất chi phí sử dụng vốn, Kỹ thuật xây dựng dòng ngân lưu của dự án đầu tư, Các tiêu chuẩn thẩm định hiệu quả tài chính của dự án đầu tư, Vận dụng các phương pháp thẩm định và lựa chọn dự án trong thực tiễn, Đánh giá rủi ro trong doanh nghiệp và rủi ro trong danh mục đầu tư của doanh nghiệp.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Hiểu và giải thích được những vấn đề chung cơ bản về tài chính doanh nghiệp, công thức toán tài chính, kỹ thuật định giá chứng khoán, cách xác định chi phí sử dụng vốn của doanh nghiệp, phương pháp xây dựng dòng tiền và thẩm định dự án, công thức tính rủi ro.	3.0	PLO2
CLO2	Vận dụng kiến thức để định giá chứng khoán, tính toán chi phí sử dụng vốn của từng nguồn tài trợ cá biệt và chi phí sử dụng vốn bình quân trọng số của doanh nghiệp (VACC, WMCC), xây dựng dòng tiền, thẩm định tính khả thi của dự án đầu tư.	3.0	PLO2
CLO3	Phân tích và đánh giá đưa ra các quyết định phù hợp trong quản trị nguồn vốn doanh nghiệp.	5.0	PLO3 PLO5 PLO8
CLO4	Tham gia học đầy đủ, tập trung và nhiệt tình trong quá trình học, thảo luận nhóm trên lớp. Có đạo đức tốt, trung thực, khách quan và công tâm khi giải quyết công việc; Tự tin và kiên trì theo đuổi mục tiêu.	3.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 1: Tổng quan về tài chính doanh nghiệp		3				7			
1	1.1 Khái niệm và bản chất của tài chính doanh nghiệp 1.2 Giới thiệu về công ty cổ phần và các loại hình DN 1.3.Khái niệm và bản chất của tài chính doanh nghiệp 1.4.Giới thiệu về công ty cổ phần và các loại hình DN 1.5.Vai trò của nhà quản trị tài chính doanh nghiệp Quyền sở hữu và quyền quản lý doanh nghiệp								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 2: Giá trị tiền tệ theo thời gian		3				7	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
2	2.1. Chính sách lãi suất 2.1.1. Lãi đơn 2.1.2. Lãi kép 2.2. Giá trị tương lai của tiền tệ 2.2.1. Giá trị tương lai của một lượng tiền tệ 2.2.2. Giá trị tương lai của một chuỗi tiền tệ không đều 2.2.3. Giá trị tương lai của một chuỗi tiền tệ đều 2.3.4. Giá trị hiện tại của một chuỗi tiền tệ đều vĩnh viễn								
Chương 3: Định giá chứng khoán		3				7			
3	3.1. Mục tiêu và nguyên tắc định giá chứng khoán 3.2. Định giá trái phiếu 3.2.1. Khái niệm cơ bản 3.2.2. Định giá trái phiếu 3.2.2.1. Trái phiếu chiết khấu 3.2.3.2. Trái phiếu CLOupon 3.3. Định giá cổ phần theo PP chiết khấu dòng cổ tức 3.4. Định gia cổ phần theo các phương pháp khác 3.4.1. Phương pháp chiết khấu dòng tiền tự do 3.4.2. Phương pháp thị trường								
Chương 4: Chi phí sử dụng vốn (CPSDV)		3				7			
4	4.1. Tổng quan về CPSDV 4.1.1. Khái niệm 4.1.2. Các loại CPSDV 4.2. CPSDV vay dài hạn 4.2.1. CPSDV vay trước thuế 4.2.1.1 CPSDV vay dài hạn NH 4.2.1.2. CPSDV huy động từ phát hành trái phiếu 4.2.2. CPSDV vay sau thuế 4.3. CPSDV cổ phần ưu đãi 4.3.1. Cổ tức ưu đãi 4.3.2. Tính toán CPSDV cổ phần ưu đãi - Rp								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 4: Chi phí sử dụng vốn (CPSDV)		3				7	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
5	4.4. Chi phí sử dụng vốn cổ phần thường 4.4.1. Tính chi phí sử dụng vốn cổ phần thường từ thu nhập giữ lại - Re 4.4.2. Tính chi phí sử dụng vốn cổ phần thường phát hành mới - Rne 4.5. Chi phí sử dụng vốn bình quân trọng số (WACC) 4.6. Tỷ suất chi phí sử dụng vốn biên tế 4.6.1. Khái niệm về WMCC 4.6.2. Điểm gãy-Bpj 4.7. Các vấn đề Quốc tế về chi phí sử dụng vốn 4.8. Một số quan điểm vận dụng tỷ suất chi phí sử dụng vốn làm tỷ suất chiết khấu trong thực tiễn								
Chương 5: Xây dựng ngân lưu dự án đầu tư		3				7			
6	5.1. Tổng quan về xây dựng ngân lưu dự án 5.2. Các loại dự án đầu tư và các quan điểm trong xây dựng ngân lưu dự án 5.3. Các quan điểm khi xây dựng ngân lưu dự án 5.3.1. Quan điểm tổng đầu tư 5.3.2. Quan điểm chủ đầu tư 5.3.3. Quan điểm ngân sách 5.4. Khái toán vốn đầu tư thuần ban đầu của dự án								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Chương 5: Xây dựng ngân lưu dự án đầu tư	3				7			
7	5.5. Các nguyên tắc khi xây ngân lưu dự án 5.6.1. Dòng tiền nên đo lường trên cơ sở tăng thêm 5.6.2. Dòng tiền nên tính toán trên cơ sở sau thuế 5.6.3. Tất cả tác động gián tiếp đều phải xem xét 5.6.4. Các chi phí thiệt hại không được tính vào dòng tiền 5.6.5. Phải tính chi phí cơ hội của tài sản 5.6.6. Phương pháp tính toán các khoản thu hồi tài sản cố định khi thanh lý 5.7. Vấn đề khấu hao tài sản cố định của dự án 5.7.1. Điều kiện tài sản cố định 5.7.2. Phương pháp khấu hao (PPKH) đường thẳng 5.7.3. PPKH nhanh 5.7.4. PPKH sản lượng 5.8. Thiết lập bảng ngân lưu ròng của dự án 5.8.1. Báo cáo thu nhập 5.8.2. Ngân lưu vào 5.9. Các vấn đề phát sinh khi xây dựng ngân lưu trong thực tiễn Bài tập: Xây dựng ngân lưu D.A						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
	Chương 6: Các tiêu chuẩn thẩm định tính khả thi của dự án đầu tư	3				7			
8	6.1. Tiêu chuẩn hiện giá thuần (NPV) 6.2. Tiêu chuẩn tỷ suất sinh lời nội hàm của dự án (IRR) 6.3. T/c chỉ số sinh lời (PI) 6.4. Tiêu chuẩn thời gian hoàn vốn 6.4.1. Thời gian hoàn vốn không chiết khấu (PP) 6.4.2. Thời gian hoàn vốn có chiết khấu (DPP) Bài tập:								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Chương 7: Vận dụng các phương pháp thẩm định dự án trong thực tiễn	3				7			
9	7.1. Đánh giá và lựa chọn dự án đầu tư trong điều kiện bị giới hạn nguồn vốn 7.1.1. Nguồn vốn bị giới hạn trong một thời kỳ 7.1.2. Nguồn vốn bị giới hạn trong nhiều thời kỳ 7.2. Đánh giá và lựa chọn các DAĐT không đồng nhất về thời gian 7.3. Đánh giá dự án đầu tư trực tiếp ra nước ngoài 7.3.1. PP dòng tiền thay thế 7.3.2. Phương pháp chuỗi tiền tệ đều thay thế hàng năm - EA 7.4. Các vấn đề phát sinh khác khi thẩm định DAĐT trong thực tiễn Bài tập:						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống.	A1
	Chương 8: Phương pháp đánh giá rủi ro trong doanh nghiệp	3				7		Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A2
10	8.1. Tổng quan về rủi ro 8.1.1. Rủi ro và tỷ suất sinh lợi 8.1.2. phân tích độ nhạy. 8.1.3. Phân phối xác suất 8.2. Đánh giá RR của dự án đơn lẻ 8.2.1. Phương sai và độ lệch chuẩn 8.2.2. Đo lường tính biến động 8.3. Đánh giá RR danh mục đầu tư 8.3.1. Lý thuyết danh mục 8.3.2. Tỷ suất sinh lợi mong đợi của danh mục 8.3.3. Hệ số tương quan 8.3.4. Tính rủi ro danh mục 8.3.5. Công thức chung để tính rủi ro danh mục 8.4. Đánh giá mối quan hệ giữa rủi ro và tỷ suất sinh lời Bài tập:								
	Tổng	30				70			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 6 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 5 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

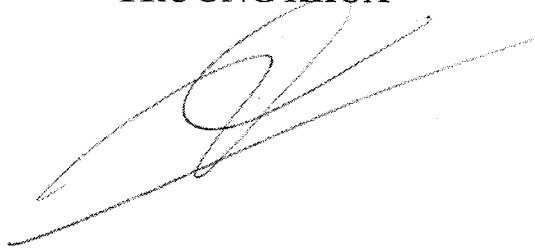
Tài liệu tham khảo

- [1] Ross Westerfield Jafee, *CLCorporate Finance*, Nhà xuất bản Kinh tế TP. HCM – 2019.
- [2] Hauker Ingi Jonasson, *Hoạch định chiến lược dự án*, Nhà xuất bản Thế giới, 2019.
- [3] Hauker Ingi Jonasson - Helgi thor Ingason, *Hoạch định chiến lược dự án*, NXB Thế giới, 2019.
- [4] Bùi Văn Vân, *Tài chính doanh nghiệp*, NXB Tài chính, 2015 (Tài liệu chưa tái bản)

Websit tham khảo tài liệu

- [5] [www. Tapchitaichinh.vn](http://www.Tapchitaichinh.vn)
- [6] www.financeplus.vn
- [7] www.CLOphieu68.vn
- [8] [www. CafeF.vn](http://www.CafeF.vn)

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Nguyễn Thị Hải Hà

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ CƠ BẢN

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Thương mại điện tử cơ bản
Tên học phần Tiếng Anh:	Basic E-commerce
Mã học phần:	06CQ1067
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	45 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần Thương mại điện tử cơ bản cung cấp kiến thức cơ bản và kỹ năng đặc thù của Thương mại điện tử ứng dụng công nghệ thông tin trong mọi hoạt động kinh doanh. Bởi vậy, sự phát triển của công nghệ thông tin sẽ thúc đẩy thương mại điện tử phát triển nhanh chóng hơn. Ngược lại, sự phát triển của thương mại điện tử cũng tạo đòn bẩy cho các lĩnh vực công nghệ thông tin phát triển như các nền tảng thương mại điện tử, thanh toán online.v.v...

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Bày tỏ quan điểm cá nhân thông qua vận dụng các lý thuyết liên quan Thương mại điện tử để giải thích được thị trường, chiến lược thị trường, chương trình và các chính sách trong tài chính doanh nghiệp, nhân sự.....	3.0	PLO2
CLO2	Biện luận được tác động Thương mại điện tử trong kinh doanh, quản trị dựa trên thông tin Thương mại điện tử ra quyết định của các bên liên quan.	4.0	PLO8
CLO3	Vận dụng được phương pháp và khả năng tư duy hệ thống trong giải quyết các vấn đề Thương mại điện tử, quản trị của tổ chức trong đời sống, kinh tế và xã hội.	4.0	PLO8
CLO4	Có thái độ nghiêm túc trong quá trình làm việc nhóm, cũng như có đạo đức nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, và tinh thần trách nhiệm với cộng đồng. Thể hiện kỹ năng thu thập thông tin và phân tích khái quát các hoạt động Thương mại điện tử tại một doanh nghiệp cụ thể Tham dự lớp học đầy đủ.	3.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 1 Tổng quan về TMĐT		4				8	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1
	1.1. Khái niệm TMĐT 1.2. Quá trình và xu hướng phát triển TMĐT 1.3. Đặc trưng của TMĐT 1.4. Các hình thức ứng dụng của TMĐT								
Chương 2: Cơ sở hạ tầng cho phát triển TMĐT		4				8			
	2.1. Hạ tầng cơ sở KT-CT-XH 2.2. Hạ tầng công nghệ. 2.3. Hạ tầng cơ sở nhân lực 2.4. Những đặc điểm cần có của tiền điện tử 2.5. Bảo mật và ATTT 2.6. Cơ sở hạ tầng thanh toán								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 3: Các hình thức giao dịch trong TMDT		4				8	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
	3.1. Tổng quan về giao dịch điện tử 3.2. Thương mại điện tử giữa các doanh nghiệp (Business-to-Business E-CIOMmerce). 3.3. Thương mại điện tử giữa doanh nghiệp và chính phủ (business-to-Government).. 3.4. Thương mại điện tử giữa người tiêu dùng và chính phủ (CIOnsumer-to-Government). 3.5. Người môi giới điện tử (The Digital Middleman)								
Chương 4: Xây dựng giải pháp thương mại điện tử cho doanh nghiệp		4				8			
	4.1 Xây dựng giải pháp thương mại điện tử cho doanh nghiệp 4.2. Xác định phương thức tiến hành thương mại điện tử 4.3. Các bước tiến hành triển khai thương mại điện tử								
Chương 5: Nghiên cứu thị trường trên mạng		8				20			
	5.1. Cách thức cung cấp thông tin trên mạng 5.2. Những nguồn thông tin mà bạn có thể tìm kiếm về những đối thủ cạnh tranh 5..3. Lập kế hoạch kinh doanh cho thương mại điện tử Bài tập								
Chương 6: Kỹ năng giao tiếp trực tuyến		8				20			
	6.1. Sử dụng thương điện tử trong giao dịch điện tử 6.2. Cách thức cải tiến giao tiếp và dịch vụ khách hàng thông qua thương điện tử và trang web 6.3 Cách thức tổ chức diễn đàn, hội thảo ảo có hiệu quả và chất lượng								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 7: Kỹ năng Marketing trực tuyến		8				20	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
	7.1.Cách thức thu hút khách hàng đến trang Web. 7.2.Những nhân tố giúp cho việc bán các sản phẩm, dịch vụ có hiệu quả trên mạng. 7.3.Những dịch vụ có thể triển khai được trên mạng 7.4.Những sản phẩm mà khách hàng có thể tìm mua trên mạng 7.5.Những vấn đề cần quan tâm đến nhà cung cấp dịch vụ mạng (ISP) và nhà thiết kế mạng Bài tập								
Chương 8: Các rủi ro trong hoạt động TMĐT và cách phòng chống		5				13			
	8.1. Các rủi ro 8.2. Phân loại rủi ro trong TMĐT 8.2.1. Nhóm rủi ro về dữ liệu: 8.2.2. Nhóm rủi ro về công nghệ 8.2.3. Nhóm rủi ro về thủ tục, quy trình giao dịch của tổ chức 8.2.4. Nhóm rủi ro về pháp luật và tiêu chuẩn công nghiệp 8.2.5. Ảnh hưởng của rủi ro trong TMĐT 8.2.6. Rủi ro có thể gây ra thiệt hại về vật chất: 8.2.7. Rủi ro có thể làm hạn chế hiệu quả trong kinh doanh 8.2.8. Rủi ro ảnh hưởng đến cơ hội kinh doanh của của DN Ôn tập								
Tổng		45				105			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống		30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.		60

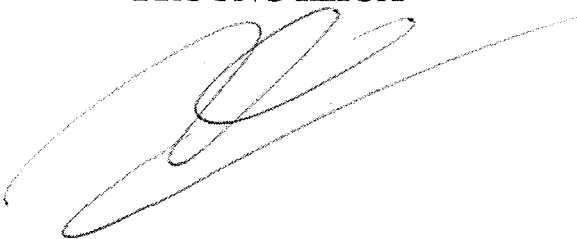
6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 6 <i>Số câu: 2 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 7 <i>Số câu: 2 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 8 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 10 câu (Tỷ lệ: 100%)	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỷ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 5</i> <i>Tỷ lệ 50%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỷ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỷ lệ 10%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

- [1] Giáo trình Hệ thống thông tin quản lý – TS. Phạm thị Thanh Hồng – NXB Bách khoa Hà nội, 2010.
- [2] Giáo trình "Phân tích, thiết kế và cài đặt HTTT quản lý", Trần Thành Trai, NXB Trẻ, 1996.
- [3] Giáo trình "Tin học ứng dụng", PGS. TS. Hàn Viết Thuận, NXB Thống kê, 2005.
- [4] "Xây dựng HTTT Phục vụ lãnh đạo và quản lý các tổ chức", Luis Rigaud, (bản dịch tiếng việt Ngô Trung Việt), Chương trình tin học nhà nước, 1988.
- [5] Giáo trình "Quản trị kinh doanh tổng hợp", NXB Thống kê, 2001.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Lê Minh Trung

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TIỀN SỐ VÀ CÔNG NGHỆ BLOCKCHAIN

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Tiền số và Công nghệ Blockchain
Tên học phần Tiếng Anh:	Cryptocurrencies and Blockchain technology
Mã học phần:	06CQ0726
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	45 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành, nguyên lý hoạt động, các ưu nhược điểm của Blockchain. Môn học cũng cung cấp bức tranh tổng quan về ứng dụng điển hình về Blockchain trong các lĩnh vực, ngành nghề, từ các ứng dụng trong chính phủ điện tử cho tới các ứng dụng chuyển đổi số của các tập đoàn kinh tế, tài chính, sản xuất, logistics, hải quan và an ninh.

Sinh viên có cơ hội được thực hành và thực hiện các thao tác cơ bản trên các mạng Blockchain công cộng phổ biến như Bitcoin, Ethereum, Binance Smart Chain và Cardano.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Hiểu và trình bày được những kiến thức cơ bản về Blockchain như: các khái niệm, đặc trưng, lợi ích và hạn chế của Blockchain; các thể hệ Blockchain, tình hình phát triển và pháp lý Blockchain ở Việt Nam và trên thế giới	3.0	PLO4
CLO2	Hiểu biết các công nghệ liên quan đến phát triển hệ thống Blockchain, thuật toán, hạ tầng công nghệ, các cơ chế đảm bảo đồng thuận và duy trì mạng lưới, minh bạch thông tin, API phát triển ứng dụng. Có kỹ năng phân tích và đánh giá cơ hội ứng dụng Blockchain vào trong doanh nghiệp, kỹ năng	4.0	PLO3
CLO3	Có kỹ năng tự xây dựng Hệ thống Blockchain đơn giản, tạo hợp đồng thông minh.	4.0	PLO6
CLO4	Có khả năng phân tích và đánh giá cơ hội ứng dụng Blockchain vào thực tiễn.	4.0	PLO9
CLO5	Có kỹ năng lựa chọn các giải pháp, công nghệ, phương tiện và cách thức thực hiện Blockchain vào giải quyết các vấn đề thực tế.	4.0	PLO9
CLO6	Có thái độ nghiêm túc trong quá trình làm việc nhóm, cũng như có đạo đức nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, và tinh thần trách nhiệm với cộng đồng. Tham dự lớp học đầy đủ.	3.0	PLO8 PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 1: Tổng quan và lịch sử công nghệ Blockchain		4				20			
	1.1. Khái niệm về Blockchain 1.2. Lịch sử công nghệ Blockchain 1.3. Lợi ích và hạn chế của Blockchain 1.4. Tình hình phát triển của Blockchain ở VN và thế giới Thảo luận nhóm								
Chương 2 Blockchain và tiền mã hóa		10				20			
	2.1 Lợi ích và hạn chế của tiền mã hóa 2.2 Giới thiệu bitcoin và các đồng tiền mã hóa 2.3 Thuật toán đào coin Thảo luận nhóm								

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: (Tỉ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: (Tỉ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu:</i> <i>Tỉ lệ %</i>	<i>Số câu:</i> <i>Tỉ lệ %</i>	<i>Số câu:</i> <i>Tỉ lệ %</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

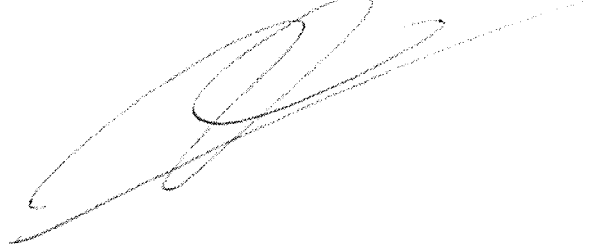
Giáo trình

- [1] Melanie Swan, LeVN dịch, Blockchain – Khởi Nguồn Cho Một Nền Kinh Tế Mới, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2018.

Tài liệu tham khảo

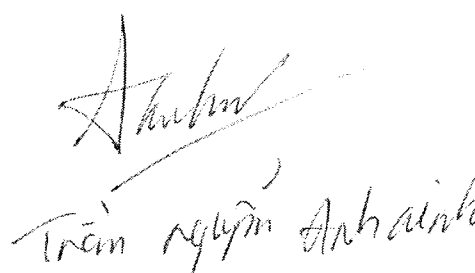
- [2] Don Tapscott, Alex Tapscott, Nguyệt Minh dịch, Cuộc cách mạng Blockchain, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2018.
- [3] Vikram Dhillon, Blockchain Enabled Applications Understand the Blockchain Ecosystem and How to Make it Work for You, APress, 2017.
- [4] Narayan Prusty, Building Blockchain Projects, Develop real-time practical DApps using Ethereum and JavaScript, Packt Publishing, 2017

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
QUẢN TRỊ VÀ CHIẾN LƯỢC NGÂN HÀNG

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Quản trị và chiến lược ngân hàng
Tên học phần Tiếng Anh:	Bank Management and Strategy
Mã học phần:	06CQ1119
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	TS. Phan Ngọc Minh
Giảng viên tham gia giảng dạy:	Ths. Nguyễn Thị Hiền Ths. Nguyễn Tiến Dũng TS. Phan Ngọc Minh
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	45 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần “Quản trị và Chiến lược Ngân hàng” nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng và kỹ năng phân tích, đánh giá trong hoạt động quản trị của các ngân hàng hiện đại. Nội dung học phần bao gồm:

- Giới thiệu vai trò, chức năng và tầm quan trọng của ngân hàng trong nền kinh tế.
- Phân tích môi trường kinh doanh, các yếu tố vĩ mô – vi mô ảnh hưởng đến hoạt động và chiến lược cạnh tranh của ngân hàng.

- Ứng dụng các công cụ, mô hình phân tích chiến lược (như SWOT, PESTEL, Five Forces, ...) vào thực tiễn xây dựng chiến lược phát triển.
- Xây dựng và triển khai các chính sách quản trị nội bộ, quản trị rủi ro, quản lý tài sản – nguồn vốn nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững.
- Phân tích, đánh giá hiệu quả của các chiến lược quản trị và đề xuất giải pháp cải tiến.

Qua đó, học phần giúp sinh viên phát triển tư duy chiến lược, kỹ năng ra quyết định và khả năng ứng dụng vào giải quyết các tình huống thực tiễn trong ngành ngân hàng.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Trình bày được khái niệm, vai trò và chức năng của quản trị ngân hàng trong nền kinh tế hiện đại.	3.0	PLO3
CLO2	Nhận diện được các yếu tố môi trường vĩ mô và vi mô ảnh hưởng đến chiến lược cạnh tranh của ngân hàng.	3.0	PLO3
CLO3	Vận dụng các công cụ phân tích chiến lược (SWOT, PESTEL, Five Forces, ...) vào việc xây dựng chiến lược phát triển.	4.0	PLO4
CLO4	Phân tích các chính sách quản trị, chiến lược phát triển nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động ngân hàng.	4.0	PLO6
CLO5	Phân tích các chiến lược quản trị và quản lý rủi ro trong NH	4.0	PLO6
CLO6	Tích cực tham gia thảo luận, phân tích tình huống thực tiễn và trình bày kết quả phân tích một cách logic.	3.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Chương 1: Giới thiệu quản trị và chiến lược ngân hàng	4				10	CLO1	Giới thiệu, trao đổi ý kiến.	A1 A3
	Vai trò, chức năng của ngân hàng trong nền kinh tế. Câu hỏi ngắn.							Giảng lý thuyết, trao đổi nhóm. Đọc slide, tài liệu giới thiệu.	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
2	Chương 1 (tt): Môi trường kinh doanh ngân hàng	4				10		Giảng lý thuyết, thảo luận nhóm.	A1 A3
	Phân tích yếu tố kinh tế, chính trị, pháp lý và xã hội ảnh hưởng đến hoạt động ngân hàng.						CLO2	Phân tích tình huống, thảo luận nhóm. Nghiên cứu báo cáo thị trường, tài liệu đọc thêm.	
3	Chương 2: Công cụ phân tích chiến lược trong ngân hàng	4				10		Giảng lý thuyết, bài tập tình huống.	
	Giới thiệu mô hình SWOT, PESTEL và Five Forces.						CLO3	Thực hành phân tích case study. Làm bài tập nhóm, trình bày kết quả.	
4	Chương 2 (tt): Ứng dụng các công cụ phân tích vào thực tiễn	4				10		Giảng lý thuyết kết hợp thực hành trên máy tính.	
	Phân tích chiến lược của các ngân hàng tiêu biểu.						CLO2 CLO3	Nghiên cứu case study, so sánh chiến lược. Thảo luận nhóm, trình bày phân tích.	
5	Chương 3: Phân tích chiến lược cạnh tranh cho ngân hàng	4				10		Giảng lý thuyết, thảo luận nhóm.	A1 A2 A3
	Các mô hình xây dựng chiến lược, lựa chọn hướng đi phát triển.						CLO3 CLO4	Phân tích, so sánh các chiến lược. Tra cứu tài liệu, nghiên cứu các chiến lược điển hình.	
6	Chương 3 (tt): Chính sách quản trị nội bộ hỗ trợ chiến lược	4				10		Giảng lý thuyết, trình bày ví dụ thực tiễn.	
	Phân tích chính sách, quy trình nội bộ và mô hình tổ chức trong ngân hàng.						CLO4	Thảo luận, phân tích quy trình quản trị. Nghiên cứu văn bản, tài liệu nội bộ của ngân hàng.	
7	Chương 4: Quản trị rủi ro và tài chính trong ngân hàng	4				10		Giảng lý thuyết, bài tập tình huống.	
	Nhận diện và phân loại rủi ro (tín dụng, thanh khoản, thị trường...).						CLO5	Nghiên cứu các báo cáo rủi ro và quy định pháp luật.	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
8	Chương 4: Quản trị rủi ro và tài chính trong ngân hàng (tt)	4				10		Giảng lý thuyết, bài tập tình huống. Phân tích tình huống, trao đổi nhóm. Nghiên cứu các báo cáo rủi ro và quy định pháp luật.	A1 A2 A3
	Phương pháp kiểm soát rủi ro trong ngân hàng.						CLO5		
9	Chương 4 (tt): Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong quản trị ngân hàng	4				10		Giảng lý thuyết, trình bày ví dụ thực tiễn. Thực hành trên máy tính, trình bày kết quả. Tìm hiểu phần mềm, tham khảo tài liệu điện tử	
	Vai trò của công nghệ thông tin trong tối ưu hóa quản trị và giám sát rủi ro.						CLO4 CLO5		
10	Chương 5: Đổi mới sáng tạo và chiến lược phát triển bền vững	4				10		Thảo luận nhóm, trình bày case study. Nghiên cứu, chuẩn bị báo cáo nhóm.	
	Phân tích các xu hướng đổi mới, sáng tạo trong sản phẩm - dịch vụ và chiến lược phát triển của ngân hàng.						CLO4 CLO6		
11	Tổng kết và ôn tập	4				5		Hỏi đáp, tổng hợp bài học. Ôn tập, tự chuẩn bị cho kỳ thi	A1 A3
	Ôn tập toàn bộ kiến thức, giải đáp thắc mắc; hướng dẫn ôn tập cho kỳ thi cuối kỳ.						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6		
	Tổng	45				105			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO5	10

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra quá trình giữa kỳ - Bài tập tình huống	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi Tự luận (hoặc Trắc nghiệm) tổng hợp nội dung học phần	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 5 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

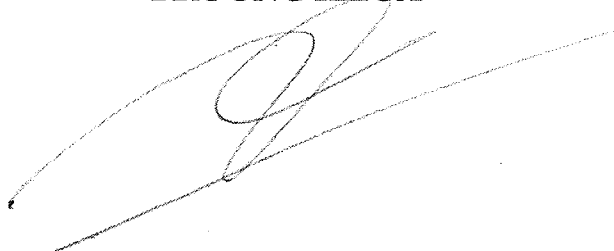
Giáo trình

1. Bộ môn Tài chính - Ngân hàng (2025), *Giáo trình Quản trị và Chiến lược Ngân hàng*, Trường Đại học Công nghệ Miền Đông, lưu hành nội bộ.

Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Thị Kim Hào & Nguyễn Thùy Dương, *Giáo trình Quản trị ngân hàng*, NXB Lao Động, 2024.
2. Nguyễn Duy Gia, *Quản trị chiến lược ngân hàng và phương thức quản trị điều hành ngân hàng thương mại Việt Nam*, NXB ĐH Quốc Gia TPHCM, 2009.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Lê Minh Trung

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
QUẢN TRỊ NGÂN QUỸ**

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Quản trị ngân quỹ
Tên học phần Tiếng Anh:	Cash Management
Mã học phần:	06CQ1120
Thuộc khối kiến thức:	Chuyên ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	Ts. Phan Ngọc Minh
Giảng viên tham gia giảng dạy:	Ts. Phan Ngọc Minh ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng ThS. Trần Nguyễn Anh Minh
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	30 tiết
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ <i>Bắt buộc</i> ☐ <i>Tự chọn</i>
Học phần trước:	Ngân hàng thương mại
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần này cung cấp các kiến thức chuyên sâu về quản trị ngân quỹ, giúp sinh viên hiểu và vận dụng các kỹ thuật quản lý tiền mặt, dòng tiền, lập kế hoạch ngân quỹ, kiểm soát thanh khoản và quản lý rủi ro tài chính. Nội dung học phần bao gồm các phương pháp dự báo tài chính, tối ưu hóa ngân quỹ, công cụ tài chính hỗ trợ quản lý dòng tiền, cùng với các ứng dụng công nghệ trong quản trị ngân quỹ hiện đại. Sinh viên sẽ được thực hành trên các tình huống thực tế, nghiên cứu các mô hình ngân quỹ hiện đại, đồng thời phân tích và đề

xuất các chiến lược quản trị ngân quỹ phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp và tổ chức tài chính.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Giải thích được các nguyên lý và khái niệm cơ bản về quản trị ngân quỹ..	2.0	PLO5
CLO2	Phân tích các công cụ và phương pháp kiểm soát dòng tiền hiệu quả.	3.0	PLO5
CLO3	Lập kế hoạch và dự báo ngân quỹ trong điều kiện thực tế.	3.0	PLO6
CLO4	Đánh giá các rủi ro liên quan đến quản trị ngân quỹ và đề xuất biện pháp kiểm soát.	4.0	PLO6
CLO5	Thể hiện tinh thần học tập tích cực và tư duy phản biện.	3.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Chương 1: Tổng quan về quản trị ngân quỹ	5		5		10			
	1.1. Khái niệm và vai trò của quản trị ngân quỹ trong tổ chức tài chính và doanh nghiệp. 1.2. Mục tiêu của quản trị ngân quỹ: đảm bảo thanh khoản, tối ưu hóa lợi nhuận và quản lý rủi ro. 1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản trị ngân quỹ trong ngân hàng và DN 1.4. Mối quan hệ giữa quản trị ngân quỹ và các hoạt động tài chính khác. Bài tập: Phân tích mô hình quản trị ngân quỹ của một ngân hàng thương mại tại Việt Nam.						CLO1 CLO2 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A3

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
2	Chương 2: Quản trị dòng tiền và thanh khoản	5		5		15			
	2.1. Khái niệm dòng tiền và tầm quan trọng của thanh khoản 2.2. Phương pháp dự báo dòng tiền và kiểm soát dòng tiền ngắn hạn 2.3. Các mô hình quản lý thanh khoản doanh nghiệp 2.4. Công cụ hỗ trợ tối ưu hóa dòng tiền Bài tập: Xây dựng kế hoạch dòng tiền cho một doanh nghiệp vừa và nhỏ.						CLO1 CLO2 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A3
3	Chương 3: Quản trị nguồn vốn trong ngân hàng và doanh nghiệp	5		5		15			
	3.1. Cơ cấu nguồn vốn: vốn tự có, vốn huy động và các nguồn vốn khác 3.2. Quản lý vốn tự có và vai trò trong hoạt động ngân hàng 3.3. Cơ chế quản lý nguồn vốn: tập trung và phi tập trung 3.4. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn vốn Bài tập: Phân tích cơ cấu nguồn vốn của một ngân hàng và đề xuất chiến lược quản lý hiệu quả.						CLO1 CLO2 CLO5		
4	Chương 4: Công cụ tài chính trong quản trị ngân quỹ	5		5		20			

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	4.1. Các công cụ đầu tư ngắn hạn: tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi, thương phiếu 4.2. Quản lý danh mục đầu tư ngân quỹ: nguyên tắc và chiến lược 4.3. Sử dụng công cụ phái sinh trong quản lý rủi ro liên quan đến ngân quỹ 4.4. Ảnh hưởng của thị trường tài chính đến quản lý ngân quỹ Bài tập: Phân tích tác động của thị trường chứng khoán đối với quản lý ngân quỹ.							Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A2 A3
5	Chương 5: Quản lý RR ngân quỹ	5		5		20	CLO1 CLO3 CLO5		
	5.1. Nhận diện các loại rủi ro liên quan đến ngân quỹ: rủi ro thanh khoản, rủi ro tín dụng, rủi ro TTr 5.2. Phương pháp đánh giá và đo lường rủi ro ngân quỹ 5.3. Chiến lược và công cụ quản lý rủi ro: sử dụng công cụ phái sinh, đa dạng hóa nguồn vốn 5.4. Quy trình kiểm soát và giám sát rủi ro trong quản lý ngân quỹ Bài tập: Phân tích rủi ro thanh khoản của một ngân hàng trong giai đoạn khủng hoảng tài chính và đề xuất biện pháp phòng ngừa.								
6	Chương 6: Công nghệ trong quản trị ngân quỹ	5		5		15	CLO1 CLO4 CLO5		
	6.1. Hệ thống thanh toán điện tử và ngân quỹ số 6.2. Ứng dụng phần mềm quản lý ngân quỹ trong doanh nghiệp 6.3. Ảnh hưởng của chuyển đổi số đến quản trị ngân quỹ 6.4. Tích hợp quản lý ngân quỹ vào hệ thống ERP								
Tổng		30		30		90			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)	CĐR				
	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 2 Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)	CĐR				
	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 3 Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)	CĐR				
	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 4 Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)	CĐR				
	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0
Chương 5 & 6 Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)	CĐR				
	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0
Tổng cộng: 5 câu (Tỷ lệ: 100%)	Số câu: 1 Tỷ lệ 20%	Số câu: 1 Tỷ lệ 20%	Số câu: 2 Tỷ lệ 40%	Số câu: 1 Tỷ lệ 20%	Số câu: 0

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Giáo trình chính

1. Bộ môn Tài chính - Ngân hàng (2025), *Giáo trình quản trị ngân quỹ*, Trường Đại học Công nghệ Miền Đông, lưu hành nội bộ.

Tài liệu tham khảo

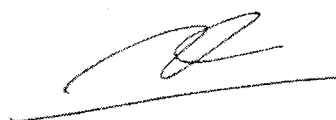
2. Đỗ Thị Kim Hảo. (2023), *Giáo trình Quản trị ngân hàng*, NXB Lao Động.
3. Phan Thị Thu Hà (2023) *Giáo trình Quản trị ngân hàng thương mại* NXB Giao thông vận tải.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Nguyễn Văn Dũng

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
QUẢN TRỊ CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Quản trị công nghệ tài chính
Tên học phần Tiếng Anh:	Finance technology management
Mã học phần:	06CQ0728
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần Quản trị công nghệ tài chính cung cấp kiến thức cơ bản về công nghệ và kiến thức kỹ năng quản trị công nghệ trong doanh nghiệp để phân tích, đánh giá, lựa chọn, chuyển giao được công nghệ thích hợp phục vụ cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đạt hiệu quả cao.

Ngoài ra học phần còn trang bị kiến thức, phương pháp luận về công tác quản lý công nghệ phục vụ cho chiến lược đầu tư đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	- Giải thích được các thuật ngữ, khái niệm trong lĩnh vực quản trị công nghệ. - Người học có nhận thức đúng về công nghệ. - Người học hiểu, biết bao trùm cả bốn khả năng của công nghệ.	3.0	PLO2
CLO2	- Người học hiểu, biết bao trùm cả bốn khía cạnh của công nghệ. - Trình bày được thành phần kỹ thuật của công nghệ và tầm quan trọng của thành phần kỹ thuật trong doanh nghiệp. - Trình bày được thành phần con người của công nghệ và tầm quan trọng của thành phần con người trong doanh nghiệp. - Trình bày được thành phần thông tin của công nghệ và tầm quan trọng của thông tin trong việc phát triển công nghệ của doanh nghiệp	4.0	PLO8
CLO3	- Hiểu được khả năng ứng dụng khoa học quản trị vào lĩnh vực đầu tư phát triển công nghệ và trình bày được mục tiêu phát triển công nghệ trong doanh nghiệp - Hiểu được môi trường công nghệ là gì và phân tích được hiện trạng môi trường công nghệ ở Việt Nam - Có nhận thức đúng về năng lực công nghệ và có khả năng đào tạo được các loại năng lực công nghệ cho lực lượng lao động của doanh nghiệp	4.0	PLO3
CLO4	- Có nhận thức đúng về đổi mới công nghệ và hiểu được các tác động của đổi mới công nghệ đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp - Trình bày được tiến trình chuyển giao công nghệ và có kỹ năng lập kế hoạch chuyển giao công nghệ. - Ứng dụng được các phương pháp dự báo, phương pháp phân tích công việc để lập được bảng dự báo nhu cầu công nghệ của doanh nghiệp - Ứng dụng được kiến thức về năng lực công nghệ để hình thành các kỹ năng đánh giá công nghệ, kỹ năng lựa chọn được công nghệ cho sản xuất thực tế - Sau khi lĩnh hội tri thức về quản trị công nghệ, người học sẽ có thái độ quan tâm đúng mức tới lĩnh vực quản trị công nghệ trong doanh nghiệp công nghiệp, từ đó có khả năng nhận thức nhanh các vấn đề công nghệ nảy sinh trong thực tế để đề ra đúng hướng xử lý giải quyết vấn đề công nghệ trong sản xuất kinh doanh.	3.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Chương 1. Tổng quan về Quản trị công nghệ. I. Khái niệm về công nghệ 1. Các định nghĩa CN theo quan điểm khác nhau. 2. Vai trò của CN trong SXKD 3. Đặc trưng cơ bản của CN II. Chu kỳ sống của CN. 1. Khái niệm chu kỳ sống CN 2. Giai đoạn hình thành CN 3. Giai đoạn phát triển công nghệ. 4. Giai đoạn bảo hòa công nghệ. 5. Giai đoạn suy thoái, lạc hậu công nghệ.	3				5		Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	
2	Chương 2. Môi trường phát triển công nghệ.	3				5	CLO1		A1
3-4	Chương 3. Quản lý công nghệ. Hoạch định công nghệ 3.1. Khái niệm về hoạch định CN 3.2. Mục tiêu quản trị công nghệ 3.3. Chức năng của công tác quản trị công nghệ trong doanh nghiệp Thảo luận nhóm	8				15	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5		A2
5-6	Chương 4. Đánh giá năng lực công nghệ - Dự báo nhu cầu công nghệ 4.1. Khái niệm về năng lực CN 4.2. Các chỉ tiêu đánh giá năng lực công nghệ. 4.3. Phương pháp phân tích năng lực công nghệ. 4.4. Đánh giá năng lực công nghệ của doanh nghiệp. Thảo luận nhóm	8				20			A3

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
7-8	Chương 5. Đổi mới công nghệ 5.1. Khái niệm đổi mới công nghệ 5.2. Tác động của đổi mới công nghệ đến sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. 5.3. Các hình thức đổi mới CN 5.4. Chiến lược đổi mới CN Thảo luận nhóm	8				20		Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống.	
9	Chương 6. Chuyển giao công nghệ 6.1. Khái niệm chuyển giao công nghệ. + Điều kiện để thành công trong chuyển giao công nghệ. + Vai trò của chuyển giao công nghệ trong công nghiệp hóa – hiện đại hóa. 6.2. Phương pháp lựa chọn công nghệ thích hợp cho doanh nghiệp. 6.3. Trình tự tiến hành chuyển giao công nghệ. + Đánh giá hiệu quả chuyển giao công nghệ Ôn tập	2				5	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
	Tổng	30				70			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 5 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

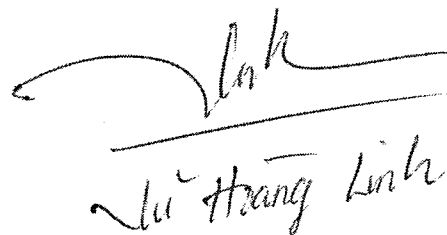
- [1]. Nguyễn Đăng Đâu (2007), *Giáo trình Quản trị công nghệ*, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân.
- [2]. Đặng Vũ Tùng (2014), *Giáo trình Quản trị công nghệ*, NXB Đại học Bách khoa Hà Nội.
- [3]. Phan Tú Anh (2007), *Bài giảng Quản trị công nghệ*, Học viện bưu chính viễn thông.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Linh

Nữ Hoàng Linh

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng
Tên học phần Tiếng Anh:	English for Finance and Banking
Mã học phần:	06CQ1121
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	TS. Nguyễn Văn Dũng
Giảng viên tham gia giảng dạy:	TS. Nguyễn Văn Dũng ThS. Phạm Thành Trung ThS. Trần Nữ Diễm My
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	45 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ <i>Bắt buộc</i> ☐ <i>Tự chọn</i>
Học phần trước:	Tiếng Anh 1
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng là học phần cung cấp kiến thức nền tảng về kế toán, cơ bản ở lĩnh vực Tài chính và Ngân hàng bằng tiếng Anh như: Cổ phiếu, Cổ phần, Tài chính doanh nghiệp, Sáp nhập và Hợp nhất, Ngân hàng trung ương, Ngân hàng thương mại, Tài chính quốc tế. Đồng thời, học phần cũng vận dụng lập báo cáo tài chính bằng tiếng Anh. Qua đó, sinh viên có thể hình thành kỹ năng cơ bản trong việc nghe, đọc hiểu các tài liệu chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Hiểu và dịch được những kiến thức nền tảng bằng tiếng Anh trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng. Understand and translate basic knowledge in English in the field of Finance - Banking.	2.0	PLO3
CLO2	Vận dụng kiến thức để lập các báo cáo tài chính theo chuẩn quốc tế. Apply knowledge to prepare financial reports according to international standards	3.0	PLO4
CLO3	Thể hiện tốt vai trò trong thảo luận nhóm, thuyết trình, nghiên cứu tài liệu trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng bằng tiếng Anh. Perform well in group discussions, presentations, and document research in the field of Finance and Banking in English.	3.0	PLO9
CLO4	Đi học đúng giờ, tuân thủ nội quy nhà trường, làm bài tập về nhà đầy đủ. Go to school on time, obey school rules, do homework completely	3.0	PLO1

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Unit 1: Stocks and shares	4				10			
	6.1 Vocabulary 6.1.1 Introduce new words 6.1.2 Explain new words in both Vietnamese and English 6.1.3 Game of words 6.2 Reading text 6.2.1 Scanning whole text to summarize the content 6.2.2 Scrutinizing passages in groups 6.2.3 Translating into Vietnamese 6.3 Discussion 6.4 Listening						CLO1 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A3

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
2	Unit 2: Corporate finance	4				10			
	5.1. Vocabulary 5.1.1 Introduce new words 5.1.2 Explain new words in both Vietnamese and English 5.1.3 Game of words 5.2 Reading text 5.2.1 Scanning whole text to summarize the content 5.2.2 Scrutinizing passages in groups 5.2.3 Translating into Vietnamese						CLO1 CLO3 CLO4		A1
3	Unit 2: Corporate finance	4				10			
	5.3. Listening 5.4. Exercise 5.4.1 Balance sheet 5.4.2 Income Statement						CLO1 CLO2 CLO4		A2
4	Unit 2: Corporate finance	4				10			
	5.4.3 Cash Flow Statement 5.4.4 Financial Statements						CLO2 CLO4		A3
5	Unit 3: Mergers and acquisitions	4				10			
	7.1 Vocabulary 7.1.1 Introduce new words 7.1.2 Explain new words in both Vietnamese and English 7.1.3 Game of words 7.2 Reading text 7.2.1 Scanning whole text to summarize the content 7.2.2 Scrutinizing passages in groups						CLO1 CLO3 CLO4		A1
6	Unit 3: Mergers and acquisitions	4				10			
	7.2.3 Translating into Vietnamese 7.4 Listening 7.3 Discussion						CLO1 CLO3 CLO4		A2
7	Unit 4: Central banking	4				10			A3

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	8.1 Vocabulary 8.1.1 Introduce new words 8.1.2 Explain new words in both Vietnamese and English 8.2 Reading text 8.2.1 Scanning whole text to summarize the content 8.2.2 Scrutinizing passages in groups 8.2.3 Translating into Vietnamese 8.3 Discussion						CLO1 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
8	Unit 5: Commercial and retail banking	4				10			
	9.1 Vocabulary 1.1.1 Introduce new words 9.1.2 Explain new words in both Vietnamese and English 9.1.3 Game of words 9.2 Reading text 9.2.1 Scanning whole text to summarize the content						CLO1 CLO3 CLO4		
9	Unit 5: Commercial and retail banking	4				5			
	9.2.2 Scrutinizing passages in groups 9.2.3 Translating into Vietnamese 9.4 Listening 9.3 Discussion						CLO1 CLO3 CLO4		
10	Unit 6: Financing international trade	4				5			
	10.1 Vocabulary 10.1.1 Introduce new words 10.1.2 Explain new words in both Vietnamese and English 10.1.3 Game of words 10.2 Reading 10.2.1 Bill of exchange						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4		
11	Unit 6: Financing international trade	4				5			
	10.2.2 Letter of Credit 10.3 Discussion						CLO2 CLO4		
Tổng		45				105			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO4	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO1 CLO2 CLO3	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Đề thi cuối kỳ là đề thi trắc nghiệm gồm có các nội dung từ chương 1 đến chương 5	CLO1 CLO2	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 10 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 5</i>	<i>Số câu: 5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 15 (Tỷ lệ: 30%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 5</i>	<i>Số câu: 5</i>	<i>Số câu: 5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 10 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 5</i>	<i>Số câu: 5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 5 (Tỷ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 10 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 5</i>	<i>Số câu: 5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 50 câu (Tỷ lệ: 100%)	<i>Số câu: 20</i> <i>Tỷ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 25</i> <i>Tỷ lệ 50%</i>	<i>Số câu: 5</i> <i>Tỷ lệ 10%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

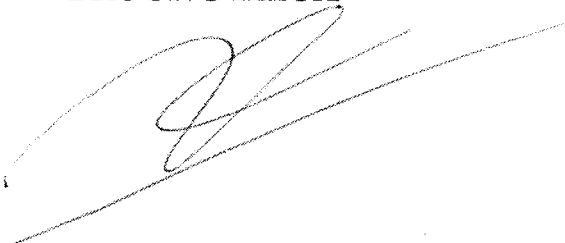
Giáo trình

- [1] Ian Mackenzie, *English For The Financial Sector*, Cambridge University, 2008.
- [2] Ian Mackenzie, *Professional English in use Finance*, Cambridge University, 2006.

Tài liệu tham khảo

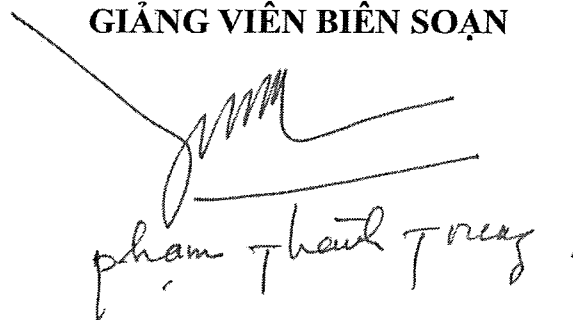
- [1] Christine Johnson, *Market Leader Banking and Finance*, Pearson Education Limited, 2000.
- [2] Jon Marks, *Check your English Vocabulary for Banking and Finance*, A&C Black Publishers Ltd, 2007.
- [3] Tricia Smith, *Market Leader Business Law*, Pearson Education Limited, 2000.

TRƯỜNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



phạm Thanh Trạng.

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
LUẬT CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Luật các tổ chức tín dụng
Tên học phần Tiếng Anh:	Law on Credit Institutions
Mã học phần:	06CQ1122
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	ThS. Mai Thị Ngân Hà
Giảng viên tham gia giảng dạy:	ThS. Mai Thị Ngân Hà ThS. Nguyễn Xuân Tài
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần **Luật các tổ chức tín dụng** là học phần bắt buộc của chương trình đào tạo Luật Kinh tế tại Học viện ngân hàng, thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần đề cập tới những quy định pháp luật cơ bản trong lĩnh vực ngân hàng bao gồm: hệ thống các quy định pháp luật về Ngân hàng nhà nước Việt Nam, các quy định pháp luật về Tổ chức tín dụng và hoạt động kinh doanh của Tổ chức tín dụng.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CĐR CTĐT tương ứng
CLO1	Phân tích các kiến thức pháp luật về tổ chức, hoạt động của NHNN và tổ chức, hoạt động của TCTD để đưa ra luận điểm giải quyết các vấn đề, tình huống thực tế.	3.0	PLO3
CLO2	Xây dựng các nhận định, đánh giá chuyên môn trên cơ sở xem xét đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp trong lĩnh vực pháp luật ngân hàng.	3.0	PLO4
CLO3	Tổ chức thiết kế và thực hiện báo cáo nghiên cứu trong lĩnh vực pháp luật ngân hàng.	3.0	PLO5
CLO6	Tích cực tham gia học học tập.	3.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về pháp luật ngân hàng	4				5			
	1.1. Tính tất yếu khách quan của sự tồn tại pháp luật về các TCTD 1.1.1. Vai trò của các TCTD và hoạt động các TCTD trong nền kinh tế 1.1.2. Sự cần thiết của việc điều chỉnh bằng pháp luật đối với các TCTD và hoạt động tín dụng 1.2. Khái niệm pháp luật ngân hàng 1.2.1. Đối tượng điều chỉnh 1.2.2. Phương pháp điều chỉnh 1.2.3. Nguồn của pháp luật về các TCTD 1.2.4. Định nghĩa pháp luật các TCTD 1.2.5. Vai trò của pháp luật các TCTD 1.3. Lịch sử hình thành và phát triển của pháp luật ngân hàng ở Việt Nam					CLO1 CLO2 CLO6	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A3	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Chương 2: Pháp luật về NHNN Việt Nam	4				5			
	2.1. Khái quát chung về NHNN 2.1.1 Khái quát quá trình hình thành của NHTW ở các quốc gia trên thế giới 2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của NHNN Việt Nam 2.1.3. Khái niệm Ngân hàng nhà nước 2.2. Chức năng của NHNN Việt Nam 2.2.1. Chức năng quản lý nhà nước 2.2.2. Chức năng NHTW 2.3. Cơ cấu tổ chức và quản lý, điều hành ngân hàng nhà nước 2.3.1. Cơ cấu tổ chức Ngân hàng nhà nước 2.3.2. Quản lý, điều hành NHNN 2.4. Hoạt động của Ngân hàng nhà nước 2.4.1. Hoạt động với tư cách là cơ quan quản lý nhà nước 2.4.2. Hoạt động với tư cách là NHTW							Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A3
	Chương 3: Pháp luật về tổ chức tín dụng	4				5	CLO1 CLO2 CLO3 CLO6		
	3.1. Khái quát chung về TCTD 3.1.1. Khái niệm TCTD 3.1.2. Phân loại TCTD 3.2. Thành lập, tổ chức lại, giải thể và phá sản TCTD 3.2.1. Thành lập TCTD 3.2.2. Tổ chức lại TCTD 3.2.3. Giải thể TCTD 3.2.4. Phá sản TCTD								
	Chương 3: Pháp luật về tổ chức tín dụng (TT)	4				10			
	3.3. Cơ cấu tổ chức, hoạt động quản lý, điều hành TCTD 3.3.1. TCTD cổ phần 3.3.2. TCTD TNHH 3.3.3. TCTD HTX 3.4. Các nguyên tắc cơ bản trong hoạt động kinh doanh ngân hàng 3.5 Các giới hạn nhằm đảm bảo an toàn trong hoạt động KD của các TCTD. (SV tự nghiên cứu theo hướng dẫn của GV)								A1 A2 A3

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Chương 4: Pháp luật về huy động vốn của tổ chức tín dụng	4				5	CLO1 CLO2 CLO3 CLO6	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A2 A3
	4.1. Khái quát về huy động vốn của TCTD 4.1.1. Khái niệm huy động vốn của TCTD 4.1.2. Phân loại huy động vốn của TCTD 4.1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến huy động vốn của TCTD 4.1.4. Vai trò của huy động vốn 4.2. Các hình thức huy động vốn của TCTD 4.2.1. Hoạt động nhận tiền gửi 4.2.2. Hoạt động phát hành giấy tờ có giá 4.2.3. Hoạt động vay vốn trên thị trường liên ngân hàng 4.2.4. Hoạt động vay tái cấp vốn tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam								
	Chương 5: Pháp luật về cấp tín dụng của tổ chức tín dụng	4				5			
	5.1. Khái quát chung về cấp TD của TCTD 5.1.1. Khái niệm cấp tín dụng của TCTD 5.1.2. Phân loại cấp tín dụng của TCTD 5.1.3. Các hạn chế trong cấp TD của TCTD 5.2. Các hình thức cấp tín dụng của TCTD 5.2.1. Cho vay 5.2.2. Bảo lãnh ngân hàng 5.2.3. Chiết khấu giấy tờ có giá 5.2.4. Cho thuê tài chính 5.2.5. Bao thanh toán 5.2.6. Thư tín dụng								
	Chương 6: Pháp luật về cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản của TCTD	4				5			
	6.1. Khái quát về dịch vụ thanh toán 6.1.1. Khái niệm dịch vụ thanh toán 6.1.2. Phân loại dịch vụ thanh toán 6.2. Chế độ mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại TCTD (Sinh viên tự nghiên cứu theo hướng dẫn của giảng viên) 6.3. Các hình thức thanh toán qua tài khoản 6.3.1. Thanh toán bằng séc 6.3.2. Thanh toán qua ủy nhiệm chi 6.3.3. Thanh toán quy ủy nhiệm thu 6.3.4. Thanh toán qua thẻ ngân hàng Bài tập								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Chương 7: Pháp luật về ngoại hối	2				5			
	7.1. Khái quát về ngoại hối và hoạt động ngoại hối						CLO2 CLO3 CLO6		A1
	7.2. Quản lý nhà nước về ngoại hối và hoạt động ngoại hối								A3
	7.3. Quy định pháp luật Việt Nam về ngoại hối								
	Ôn tập								
	Tổng	30				70			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO6	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO1 CLO2 CLO3 CLO6	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 3 Số câu: 2 (Tỉ lệ: 40%)	CDR				
	Số câu: 1	Số câu: 1	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0

Chương 4 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 6 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 5 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

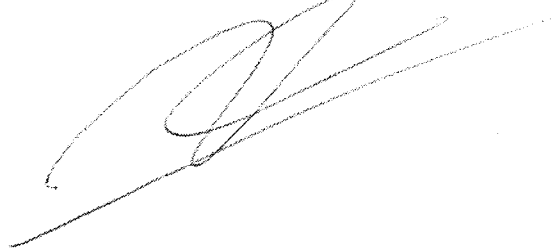
Giáo trình

- [1]. Học viện Ngân hàng (2022), *Giáo trình Luật Ngân hàng Việt Nam*, Nxb. Lao Động, Hà Nội.
- [2]. Trường Đại học Luật Hà Nội (2021), *Giáo trình Luật Ngân hàng Việt Nam*, Nxb. CAND, Hà Nội

Tài liệu tham khảo

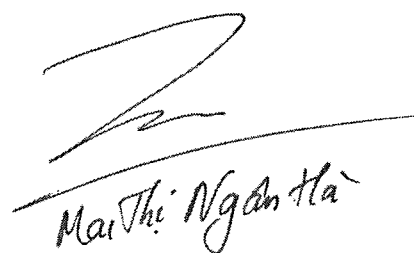
- [1]. Trương Thanh Đức (2022), *9 biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật
- [2]. Lương Khải Ân (2022), *Hợp đồng cho vay trong lĩnh vực tín dụng ngân hàng - Lý luận và thực tiễn*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
NGHIỆP VỤ KẾ TOÁN TRONG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Nghệp vụ kế toán trong ngân hàng thương mại
Tên học phần Tiếng Anh:	Accounting Operations in Commercial Banking
Mã học phần:	06CQ1123
Thuộc khối kiến thức:	Chuyên ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	Ts. Phan Ngọc Minh
Giảng viên tham gia giảng dạy:	Ts. Phan Ngọc Minh TS. Vũ Hoàng Linh Ths. Phạm Bích Ngọc
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	30 tiết
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	Ngân hàng thương mại
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần này cung cấp kiến thức về nguyên tắc, quy trình và các nghiệp vụ kế toán áp dụng trong ngân hàng thương mại. Sinh viên sẽ tìm hiểu về hệ thống tài khoản kế toán ngân hàng, hạch toán các nghiệp vụ huy động vốn, cấp tín dụng, thanh toán, kinh doanh ngoại hối và quản lý rủi ro tài chính trong ngân hàng. Học phần cũng giúp sinh viên nắm vững các chuẩn mực kế toán và báo cáo tài chính ngân hàng theo quy định hiện hành.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Giải thích được các nguyên tắc kế toán áp dụng trong ngân hàng thương mại.	2.0	PLO6
CLO2	Thực hiện hạch toán các nghiệp vụ kế toán chủ yếu trong ngân hàng.	3.0	PLO6
CLO3	Phân tích báo cáo tài chính ngân hàng và đánh giá hiệu quả hoạt động.	3.0	PLO7
CLO4	Ứng dụng các quy định và chuẩn mực kế toán vào thực tế nghiệp vụ ngân hàng.	4.0	PLO7
CLO5	Thể hiện tinh thần học tập tích cực và tư duy phản biện.	3.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Chương 1: Tổng quan về kế toán ngân hàng thương mại	5		5		15			
	1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của kế toán ngân hàng thương mại 1.2. Hệ thống tài khoản kế toán ngân hàng theo quy định 1.3. Các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán trong hoạt động ngân hàng 1.4. Quy trình kế toán trong ngân hàng thương mại Bài tập: Phân tích hệ thống tài khoản kế toán ngân hàng và ứng dụng thực tế.						CLO1 CLO2 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A3
2	Chương 2: Kế toán tiền mặt và huy động vốn	5		5		15			

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	2.1. Kế toán tiền mặt và tiền gửi của khách hàng 2.2. Kế toán thanh toán không dùng tiền mặt 2.3. Kế toán phát hành giấy tờ có giá Bài tập: Hạch toán các nghiệp vụ tiền mặt và huy động vốn trong ngân hàng.								
3	Chương 3: Kế toán tín dụng và đầu tư	5		5		15	CLO1 CLO2 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1
	3.1. Nguyên tắc và quy trình kế toán tín dụng 3.2. Kế toán cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn 3.3. Kế toán đầu tư chứng khoán và các công cụ tài chính khác 3.4. Kế toán dự phòng rủi ro tín dụng Bài tập: Ghi nhận các nghiệp vụ tín dụng và đầu tư trong ngân hàng.								A3
4	Chương 4: Kế toán kinh doanh ngoại hối và phái sinh tài chính	5		5		15	CLO1 CLO3 CLO5		A1 A2 A3
	4.1. Kế toán mua bán ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá 4.2. Kế toán các hợp đồng phái sinh tài chính 4.3. Ứng dụng IFRS trong kế toán ngoại hối 4.4. Kiểm soát rủi ro kế toán trong kinh doanh ngoại hối Bài tập: Hạch toán các nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ và phái sinh tài chính.								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
5	Chương 5: Kế toán tài sản cố định và chi phí ngân hàng	5		5		15	CLO1 CLO3 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1
	5.1. Kế toán mua sắm, khấu hao tài sản cố định 5.2. Kế toán chi phí hoạt động ngân hàng 5.3. Kế toán doanh thu và lợi nhuận ngân hàng 5.4. Phân tích hiệu quả tài chính ngân hàng Bài tập: Ghi nhận chi phí và đánh giá hiệu quả tài chính của ngân hàng.								A2
6	Chương 6: Báo cáo tài chính và phân tích hiệu quả ngân hàng	5		5		15	CLO1 CLO4 CLO5		A3
	6.1. Các loại báo cáo tài chính ngân hàng 6.2. Phương pháp lập báo cáo tài chính ngân hàng 6.3. Phân tích báo cáo tài chính và các chỉ số tài chính ngân hàng 6.4. Ứng dụng công nghệ trong lập và phân tích báo cáo tài chính Bài tập: Phân tích báo cáo tài chính của một ngân hàng thực tế.								
Tổng		30		30		90			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 5 câu (Tỷ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỷ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỷ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỷ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỷ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Giáo trình chính

1. Bộ môn Tài chính - Ngân hàng (2025), *Giáo trình Nghiệp vụ kế toán trong ngân hàng*, Trường Đại học Công nghệ Miền Đông, lưu hành nội bộ.

Tài liệu tham khảo

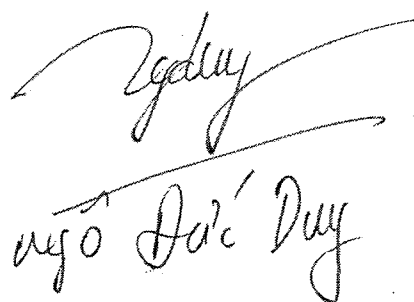
2. Đỗ Thị Kim Hảo. (2023), *Giáo trình kế toán ngân hàng*, NXB Kinh tế HCM.
3. Nguyễn Phú Giang (2023) *Giáo trình kế toán ngân hàng* NXB Tài chính.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ngô Đức Duy

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
KẾ TOÁN TÀI CHÍNH**

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Kế toán tài chính
Tên học phần Tiếng Anh:	Financial Accounting
Mã học phần:	06CQ0736
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	45 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	06CQ0956
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần này được thiết kế để giới thiệu bản chất, nhiệm vụ, nguyên tắc và phương pháp hạch toán kế toán tài chính đối với những đối tượng thuộc các quá trình hoạt động chủ yếu của doanh nghiệp. Nội dung chính của học phần gồm: Kế toán vốn bằng tiền và các khoản ứng trước; kế toán các khoản phải thu, kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ; kế toán tài sản cố định; kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Nhận thức được tầm quan trọng của dữ liệu kế toán, báo cáo kế toán trong doanh nghiệp để nâng cao trách nhiệm của bản thân đối với nghề.	3.0	PLO2 PLO6
CLO2	Vận dụng nguyên tắc và các phương pháp kế toán để thực hiện ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo khoản mục kế toán của từng chương.	3.0	PLO2 PLO6
CLO3	Lập được báo cáo cân đối kế toán.	3.0	PLO2 PLO6
CLO4	Xây dựng cách thức tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.	3.0	PLO2 PLO8
CLO5	Đánh giá hiệu quả của từng phương pháp tính giá thành.	3.0	PLO8
CLO6	Sinh viên tham gia đầy đủ giờ lên lớp, làm bài tập đầy đủ theo số giờ quy định, hiểu và tuân thủ đúng chế độ kế toán, kê khai thông tin minh bạch, theo đúng pháp lý Trên cơ sở các kiến thức và kỹ năng được trang bị sinh viên có thể tự học và nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm	3.0	PL10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 1: Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp		5				5	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1
1	1.1. Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán, cấu trúc pháp lý 1.2. Tổ chức hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán, bộ máy kế toán								
Chương 2: Kế toán vốn bằng tiền, các khoản phải thu và các khoản ứng trước		8				20			A2
2-3	2.1 KT vốn bằng tiền 2.2 KT các khoản phải thu, ứng trước Bài tập								
Chương 3: Kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ		8				20			A3
4-5	3.1. Kế toán nguyên vật liệu 3.2. Kế toán công cụ dụng cụ Bài tập								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 4: Kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp		8				20	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
6-7	4.1. Khái niệm và tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ, xác định nguyên giá TSCĐ 4.2. Kế toán tăng giảm TSCĐ 4.3. KT khấu hao TSCĐ, sửa chữa TCSD Bài tập								
Chương 5: Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương		8				20			
8-9	5.1. Kế toán tiền lương 5.2. Kế toán các khoản trích theo lương Bài tập								
Chương 6: Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm		8				20			
10-11	6.1. Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp SX. Khái niệm chi phí SX và giá thành, phân loại chi phí 6.2. Quy trình tổ chức kế toán chi phí SX và tính giá thành, kết cấu chi phí 6.3. Kế toán tập hợp chi phí SX 6.4. Kế toán đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ 6.5. Kế toán tổng hợp chi phí SX và tính giá thành sản phẩm 6.6. Kế toán tính giá thành sản phẩm Bài tập								
Tổng		45				105			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO2 CLO3 CLO6	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO2 CLO4 CLO6	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 12.5%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 2 (Tỉ lệ: 25%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 2 (Tỉ lệ: 25%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 12.5%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 12.5%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>
Chương 6 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 12.5%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 8 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 12.5%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 12.5%</i>	<i>Số câu: 4</i> <i>Tỉ lệ 50%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 12.5%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 12.5%</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Sách, giáo trình:

1. Khoa kế toán kiểm toán, kế toán tài chính quyển 1, Đại học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản kinh tế TPHCM, năm 2015.
2. Khoa kế toán kiểm toán, *Bài tập Kế toán tài chính*, Đại học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản kinh tế TPHCM, năm 2017.

Tài liệu tham khảo:

3. Phan Đức Dũng, Kế toán tài chính, Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản thống kê, năm 2016
4. Thông tư 200/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014
5. Các website: danketoan.com, ketoanthucte.com.vn, gdt.gov.vn,...

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Đầu tư tài chính
Tên học phần Tiếng Anh:	Financial Investments
Mã học phần:	06CQ0732
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về đầu tư tài chính, trên cơ sở đó có thể tiếp cận với quản trị đầu tư tài chính hiện đại. Người học sẽ được trang bị những kiến thức nền tảng về các lý thuyết đầu tư, hiểu được một cách toàn diện quan hệ rủi ro-lợi tức, các mô hình định giá tài sản tài chính cũng như nghiên cứu những phát triển gần đây trong quản trị danh mục đầu tư tài chính. Học phần cũng cung cấp những kiến thức về các công cụ tài chính được sử dụng trong đầu tư và quản trị rủi ro.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Bày tỏ quan điểm cá nhân thông qua vận dụng các lý thuyết liên quan kiến thức nền tảng về lý thuyết danh mục đầu tư, các mô hình định giá tài sản trong đầu tư tài chính	3.0	PLO2
CLO2	Phân tích và vận dụng được tác động kiến thức liên quan đến các chiến lược đầu tư tài chính và quản trị danh mục đầu tư cổ phiếu và trái phiếu. Phân tích và vận dụng kiến thức cơ bản và kỹ thuật giao dịch một số công cụ tài chính phái sinh trên thị trường.	4.0	PLO6
CLO3	Vận dụng được những kiến thức về lý thuyết để giải quyết các tình huống cụ thể trong thực tế đầu tư, sử dụng các phương pháp phân tích phù hợp để đưa ra quyết định đầu tư và lựa chọn danh mục đầu tư tối ưu Thể hiện khả năng ứng dụng các phương pháp và kỹ thuật để phân tích và định giá cổ phiếu, trái phiếu cũng như đánh giá hiệu quả danh mục đầu tư trong thực tế.	4.0	PLO8
CLO4	Có thái độ nghiêm túc trong quá trình làm việc nhóm, cũng như có đạo đức nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, và tinh thần trách nhiệm với cộng đồng. Thể hiện kỹ năng thu thập thông tin và phân tích khái quát các hoạt động Đầu tư tài chính tại một doanh nghiệp cụ thể. Tham dự lớp học đầy đủ.	3.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 1: Lý thuyết danh mục đầu tư		4				8			
1	1.1 Những vấn đề cơ bản về đầu tư 1.1.1 Khái niệm đầu tư 1.1.2 Tài sản thực và Tài sản tài chính 1.1.3 Quy trình đầu tư 1.2 Rủi ro và tỷ suất lợi tức						CLO1 CLO2	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp:	A1

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	1.2.1 Đo lường tỷ suất lợi tức 1.2.2 Đo lường rủi ro và Phần bù rủi ro 1.2.3 Ngại rủi ro và giá trị hữu dụng 1.2.4 Phân bổ vốn giữa TSRR và TS phi RR 1.3. Lựa chọn danh mục đầu tư tối ưu 1.3.1 Đa dạng hóa và giảm rủi ro 1.3.2 Trường hợp ko tồn tại TS phi RR 1.3.3 Trường hợp tồn tại tài sản phi RR 1.3.4 Mô hình chỉ số đơn							- Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A3
Chương 2: Các mô hình định giá tài sản		8				20			
2-3	2.1. Mô hình định giá TS vốn (CAPM) 2.1.1 Các giả thiết của mô hình 2.1.2 Danh mục đầu tư thị trường 2.1.3 Đường thị trường chứng khoán 2.2. Lý thuyết định giá Arbitrage (APT) 2.2.1 Danh mục đầu tư được đa dạng hóa và mô hình APT 2.2.2 So sánh mô hình APT và mô hình CAPM 2.2.3 Mô hình APT đa nhân tố Bài tập						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống.	A1 A2 A3
Chương 3: Phân tích và định giá cổ phiếu		8				20			
4-5	3.1. P.tích vĩ mô và phân tích ngành 3.1.1 Phân tích vĩ mô 3.1.2 Phân tích ngành 3.2 Phân tích công ty 3.2.1 Phân tích tài chính 3.2.2 Phân tích rủi ro 3.2.3 Phân tích tiềm năng tăng trưởng 3.3. Định giá cổ phiếu 3.3.1 Định giá cổ phiếu dựa vào mô hình DDM 3.3.2 Định giá cổ phiếu dựa vào chỉ số giá cổ phiếu/thu nhập (P/E) Bài tập							Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 4: Phân tích và định giá trái phiếu		6				12	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống.	A1 A2 A3
6+7	4.1. Định giá trái phiếu và lãi suất trái phiếu 4.1.1 Định giá trái phiếu 4.1.2 Lãi suất trái phiếu 4.2. Cấu trúc kỳ hạn của lãi suất 4.2.1 Đường cong lãi suất 4.2.2 Lý thuyết cấu trúc kỳ hạn của lãi suất 4.3. Quản trị danh mục đầu tư trái phiếu 4.3.1 Thời hạn hoàn trả trung bình (Duration) 4.3.2 Độ lồi (Convexity) 4.3.3 Quản trị thụ động và chủ động danh mục đầu tư trái phiếu Bài tập								
Chương 5: Chứng khoán phái sinh		4				10			
8	5.1. Hợp đồng kỳ hạn và hợp đồng tương lai 5.1.1 Hợp đồng kỳ hạn 5.1.2 Hợp đồng tương lai 5.1.3 So sánh hợp đồng kỳ hạn và hợp đồng tương lai 5.2. Hợp đồng quyền chọn 5.2.1 Các loại quyền chọn 5.2.2 Kỹ thuật giao dịch 5.3. Hợp đồng hoán đổi 5.3.1 Hoán đổi lãi suất 5.3.2 Hoán đổi tiền tệ Bài tập						Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.		
	Tổng	30				70			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO4	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO1 CLO2 CLO3	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 5 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 3</i> <i>Tỉ lệ 60%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

1. Giáo trình Đầu tư tài chính, Võ Thị Thúy Anh, Nhà xuất bản Tài chính (2014). 12.2.

2. Tài liệu tham khảo:

2.1. Essentials of Investments, 9 th Edition; Bodie, Z., Kane, A., Marcus, A. J.; McGraw-Hill (2013).

2.2. Investments, 9 th Edition; Bodie, Z., Kane, A., Marcus, A. J., Jain, R.; McGrawHill (2014).

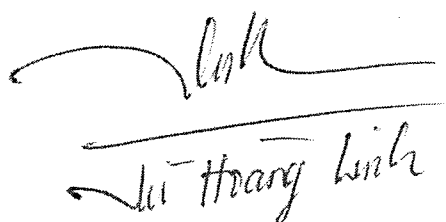
2.3. Analysis of Investments and Management of Portfolios, 10th Edition; Reilly, F. K., Brown, K. C.; Thomson - South Western (2012).

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Lưu Hoàng Linh

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
THIẾT LẬP VÀ THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Thiết lập & thẩm định dự án đầu tư
Tên học phần Tiếng Anh:	Investment Project Appraisal
Mã học phần:	06CQ0596
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư trang bị cho sinh viên những kiến thức liên quan đến việc lập và thẩm định một dự án đầu tư, cụ thể như sau: Nhận diện các cơ hội đầu tư để xác định ý tưởng hình thành dự án, giới thiệu về dự án đầu tư và môi trường đầu tư của dự án; Nội dung các bước phân tích: xây dựng báo cáo tiền khả thi, khả thi, quyết định triển khai thực hiện dự án; Cách thức phân tích tài chính, phân tích ngân lưu của dự án, cách thức phân tích rủi ro trong việc đánh giá hiệu quả dự án đầu tư; Lập và thẩm định một dự án đầu tư cụ thể.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CĐR CTĐT tương ứng
CLO1	Hiểu được các khái niệm cơ bản liên quan đến dự án đầu tư và thẩm định dự án đầu tư	2.0	PLO2 PLO5
CLO2	Phân tích được các thông số của một dự án đầu tư	4.0	PLO2 PLO8
CLO3	Đánh giá được tính khả thi và đánh giá được rủi ro của một dự án đầu tư.	5.0	PLO2 PLO8
CLO4	Tham gia học đầy đủ, tập trung và nhiệt tình trong quá trình học, thảo luận nhóm trên lớp. Có đạo đức tốt, trung thực, khách quan và công tâm khi giải quyết công việc; Tự tin và kiên trì theo đuổi mục tiêu.	3.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 1: Tổng quan về thiết lập và thẩm định dự án đầu tư. (TL&TĐDAĐT)		3				10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 "	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
1	1.1 Các khái niệm cơ bản 1.2 Vai trò của việc TL&TĐDAĐT 1.3 Các giai đoạn TL&TĐDAĐT 1.4 Các nội dung cơ bản của một dự án đầu tư theo luật định.								
Chương 2: Phân tích thị trường sản phẩm và dịch vụ của dự án đầu tư.		8				20			
2+3	2.1 Nhu cầu về sản phẩm và dịch vụ 2.1.1 Lựa chọn SP bằng PP định lượng 2.1.2 Lựa chọn SP bằng PP định tính 2.1.3 Mô tả SP Bài tập: Bài tập về thuật toán và sử dụng cây quyết định 2.2 Phân tích môi trường kinh doanh 2.3 Ước tính nhu cầu và khả năng 2.4 Phân tích SWOT 2.5 Xác định giá bán SP Bài tập: Hãy lập ma trận SWOT cho một dự án nào đó bất kỳ								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 3: Phân tích các yếu tố đầu vào		8				10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống.	A1 A2 A3
4+5	3.1 Xác định công suất của dự án 3.2 Lựa chọn công nghệ 3.3 Nhu cầu trang thiết bị 3.4 Nhu cầu nguyên nhiên vật liệu 3.4.1 Nguyên vật liệu 3.4.2 Nhiên liệu, điện, nước, khí 3.5 Địa điểm đầu tư (các tiêu chí trong việc lựa chọn địa điểm) 3.5.1 Lựa chọn địa điểm đầu tư 3.5.2 Phương pháp sơ đồ thanh ngang – Sơ đồ Gantt 3.6 Nhu cầu XDCB 3.7 Hướng dẫn sử dụng phần mềm M.Project trong lập lịch trình DA Bài tập: Lập sơ đồ Gantt cho các DA								
Chương 4: Phân tích tổ chức quản lý dự án		4				10			
6+7	4.1 Các hình thức tổ chức quản lý 4.2 Ước tính nhu cầu nhân sự 4.3 Khả năng đáp ứng nguồn nhân lực 4.4 Lựa chọn hình thức trả lương cho các loại lao động								
Chương 5: Tổng hợp các dữ liệu cơ bản để phân tích dự án		4				10		Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	
8	5.1 Các nhóm thông số cơ bản 5.1.1 Dự tính tổng vốn đầu tư 5.1.2 Dự trù nguồn ngân quỹ 5.1.3 Dự kiến DT hàng năm của dự án 5.1.4 Dự tính các loại chi phí hàng năm 5.2 Các bảng kế hoạch tài chính dự án 5.2.1 Bảng kế hoạch đầu tư 5.2.2 Kế hoạch khấu hao 5.2.3 Tính toán nhu cầu vốn lưu động 5.2.4 Các bảng kế hoạch tài chính dự án 5.2.4 Kế hoạch trả nợ 5.2.5 Bảng dự tính doanh thu 5.2.6 Dự trù các loại CP hàng năm của dự án 5.2.7 Dự trù lãi lỗ của dự án Bài tập: Lập các báo cáo tài chính								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 6: Xây dựng kế hoạch ngân lưu dự án		3				10			
8	6.1 Tổng quan về ngân lưu của dự án 6.1.1 Các nguyên tắc khi XD ngân lưu 6.1.2 Vấn đề thời giá của tiền tệ và các loại lãi suất 6.1.3 Vấn đề xác định tỷ suất chiết khấu 6.1.4 Xác định khoản thu hồi tài sản cố định sau thuế TNDN Bài tập: Lập bảng ngân lưu của các DA								
	Tổng	30				70			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO4	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO1 CLO2 CLO3	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.		60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ \ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Nội dung					

Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 5 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 3</i> <i>Tỉ lệ 60%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Sách, giáo trình:

- [1] PGS, TS Nguyễn Quang Thu, ThS Nguyễn Quốc Ân, TS Nguyễn Thị Hà, ThS Phan Thị Thu Hương (2017), *Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư*, NXB Thống kê,

Tài liệu tham khảo:

- [2] Belli và cộng sự (2002), *Phân tích kinh tế các hoạt động đầu tư – Công cụ phân tích và ứng dụng thực tế*, NXB Văn hoá – Thông tin,
- [3] PGS.TS. Lưu Thị Hương (2004), *Thẩm định tài chính dự án*, NXB Tài chính.
- [4] TS. Nguyễn Minh Kiều (2009), *Tín dụng và thẩm định tín dụng ngân hàng*, NXB Thống kê.

Các website:

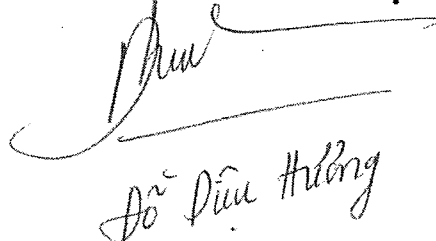
- [5] <https://www.sbv.gov.vn>
- [6] <https://fsppm.fuv.edu.vn/vn/mpp8/ho-c-ky-he-2016/tham-dinh-dau-tu-cong/>

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Phân tích tài chính doanh nghiệp
Tên học phần Tiếng Anh:	Corporate Finance
Mã học phần:	06CQ0733
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	45 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần Phân tích tài chính doanh nghiệp là học phần thuộc khối kiến thức ngành, phân tích tài chính doanh nghiệp là yêu cầu không thể thiếu đối với các nhà quản trị, các nhà đầu tư, các chủ nợ và cơ quan quản lý Nhà nước trong việc đưa ra quyết định kinh tế. Vì vậy, phân tích tài chính doanh nghiệp là một học phần quan trọng và cần thiết trong chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ tài chính. Nội dung cơ bản của môn phân tích tài chính doanh nghiệp bao gồm các vấn đề như tổng quan về phân tích tài chính doanh nghiệp, hệ thống báo cáo tài chính, phân tích kết quả kinh doanh, phân tích tài sản và nguồn vốn, phân tích lưu chuyển tiền tệ và phân tích tỷ số tài chính của doanh nghiệp.

Học phần hướng dẫn sinh viên các phương pháp, kỹ năng phân tích tài chính của các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Hiểu được những vấn đề cơ bản về phân tích tài chính doanh nghiệp như: nguồn dữ liệu phân tích, phương pháp phân tích và quy trình phân tích tài chính doanh nghiệp	3.0	PLO1
CLO2	Hiểu hệ thống báo cáo tài chính ở Việt Nam; hiểu kết cấu và đọc các thành phần trong báo cáo tài chính; biết ảnh hưởng của các nhà quản trị doanh nghiệp tới báo cáo tài chính DN	3.0	PLO1
CLO3	Hiểu được chính sách huy động vốn của doanh nghiệp, biết báo cáo tài chính.	3.0	PLO3
CLO4	Phân tích được kết quả kinh doanh và chính sách phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp. Phân tích sự biến động, cơ cấu và hiệu quả sử dụng tài sản, nguồn vốn trong doanh nghiệp. Phân tích sự lưu chuyển và mục đích sử dụng của các dòng tiền trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.	4.0	PLO5
CLO5	Vận dụng để đánh giá khả năng sinh lợi và dự báo được các rủi ro trong hoạt động kinh doanh; Tính toán, dự báo để quyết định được các phương án đầu tư hiệu quả.	4.0	PLO7
CLO6	Hình thành kỹ năng tự học tập, nghiên cứu và làm việc nhóm	3.0	PLO8 PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Chương 1: Tổng quan về phân tích tài chính doanh nghiệp	8				5			

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1+2	1.1 Mục tiêu, chức năng của phân tích tài chính doanh nghiệp 1.2 Đối tượng và nội dung nghiên cứu của phân tích tài chính doanh nghiệp 1.3 Phương pháp phân tích tài chính doanh nghiệp 1.4 Tổ chức phân tích tài chính trong doanh nghiệp Bài tập						CLO1		A1
Chương 2: Hệ thống báo cáo tài chính doanh nghiệp		10				17			A3
3+4	2.1 Bảng cân đối kế toán 2.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Hướng dẫn làm bài tập chương 2 2.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 2.4 Thuyết minh báo cáo tài chính 2.5 Phân tích tài chính Bài tập						CLO1 CLO2	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống.	
Chương 3: Phân tích khái quát tình hình tài chính doanh nghiệp		4				8			
5	3.1 Phân tích khái quát quy mô tài chính doanh nghiệp 3.2 Phân tích khái quát cấu trúc tài chính cơ bản của doanh nghiệp 3.3 Phân tích khái quát khả năng sinh lời của doanh nghiệp Bài tập						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1
Chương 4: Phân tích chính sách tài chính của doanh nghiệp		4				7			A2
6	4.1 Phân tích chính sách huy động vốn của doanh nghiệp 4.2 Phân tích chính sách đầu tư của doanh nghiệp 4.3 Phân tích chính sách tín dụng của doanh nghiệp 4.4 Phân tích chính sách phân phối kết quả kinh doanh						CLO3 CLO4		A3

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 5: Phân tích tiềm lực tài chính của doanh nghiệp		8				15	CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
7+8	5.1 Phân tích tình hình và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp 5.2 Phân tích tình hình lưu chuyển tiền của doanh nghiệp 5.3 Phân tích khả năng thanh toán 5.4 Phân tích tốc độ luân chuyển vốn của doanh nghiệp 5.5 Phân tích khả năng sinh lời của doanh nghiệp								
Chương 6: Phân tích tình hình tăng trưởng của doanh nghiệp		4				8	CLO3 CLO4 CLO5		
9	6.1 Phân tích tình hình tăng trưởng của doanh nghiệp 6.2 Phân tích đòn bẩy tài chính doanh nghiệp								
Chương 7: Dự báo tài chính DN		7				10	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6		
10	7.1 Mục tiêu dự báo tài chính doanh nghiệp 7.2 Phương pháp dự báo tài chính doanh nghiệp Ôn tập, kiểm tra								
Tổng		45							

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO6	10

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO1 CLO2 CLO3	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tổng hợp kiến thức	CLO4 CLO5	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 10 (Tỷ lệ: 16.7%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 4</i>	<i>Số câu: 4</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 12 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 3</i>	<i>Số câu: 3</i>	<i>Số câu: 3</i>	<i>Số câu: 3</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 6 (Tỷ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 6 (Tỷ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 10 (Tỷ lệ: 16.7%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 2</i>
Chương 6 <i>Số câu: 6 (Tỷ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 7 <i>Số câu: 10 (Tỷ lệ: 16.7%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 2</i>
Tổng cộng: 60 câu (Tỷ lệ: 100%)	<i>Số câu: 17</i> <i>Tỷ lệ 28.3%</i>	<i>Số câu: 17</i> <i>Tỷ lệ 28.3%</i>	<i>Số câu: 15</i> <i>Tỷ lệ 25%</i>	<i>Số câu: 7</i> <i>Tỷ lệ 11.5%</i>	<i>Số câu: 4</i> <i>Tỷ lệ 6.7%</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Sách, giáo trình chính

1. Ngô Kim Phụng – Lê Hoàng Vinh (Đồng chủ biên) 2018, Giáo trình Phân tích tài chính doanh nghiệp, Trường ĐH Ngân hàng TP. HCM- Nhà xuất bản Kinh Tế TP.HCM.

Tài liệu tham khảo

2. Nguyễn Năng Phúc (chủ biên) 2013; Giáo trình phân tích báo cáo tài chính, Đại học Kinh tế quốc dân , 358 tr. ; 24 cm (16730)
3. Nguyễn Văn Tuấn (chủ biên) 2020, Giáo trình Phân tích tài chính doanh nghiệp, Trường ĐH Công Nghiệp Thực Phẩm TP. HCM- Lưu hành nội bộ.
4. Nguyễn Trọng Cơ, Nghiêm Thị Thà (chủ biên) 2017; Giáo trình Phân tích tài chính, Tài chính , 2017 .- 223 tr. ; 24 cm (21674).

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Nguyễn Thị Hồng Tâm

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
KIỂM TOÁN**

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Kiểm toán
Tên học phần Tiếng Anh:	Auditing
Mã học phần:	06CQ0735
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	06CQ0956
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản và cần thiết về kiểm toán. Cụ thể, có 6 nội dung chính được giảng dạy trong học phần này. Một là tổng quan về kiểm toán. Hai là nội dung về môi trường kiểm toán. Ba là nội dung về hệ thống kiểm soát nội bộ; phần này sẽ giới thiệu những vấn đề chung về kiểm soát nội bộ và nghiên cứu kiểm soát nội bộ của kiểm toán viên. Bốn là nội dung về chuẩn bị kiểm toán; Năm là nội dung về bằng chứng kiểm toán; phần này sẽ trình bày những vấn đề khái niệm, yêu cầu, các phương pháp thu thập bằng chứng kiểm toán và một số bằng chứng kiểm toán đặc biệt. Sáu là nội dung về báo cáo kiểm toán; phần này sẽ trình bày khái niệm, yêu cầu và các loại ý kiến trên báo cáo kiểm toán.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	<i>Nắm được</i> khái niệm, vai trò, lịch sử phát triển, yêu cầu kiểm toán viên, quy trình trong kiểm toán.	2.0	PLO4
CLO2	<i>Hiểu được</i> nội dung về môi trường kiểm toán, chuẩn mực, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm trong kiểm toán.	2.0	PLO4
CLO2	<i>Hiểu được</i> định nghĩa và các bộ phận hợp thành KSNB, những hạn chế của KSNB, mục đích nghiên cứu của Kiểm toán viên về KSNB.	2.0	PLO4
CLO1	<i>Nắm được</i> nội dung về thu thập bằng chứng trong kiểm toán, các loại báo cáo trong kiểm toán.	2.0	PLO4
CLO3	<i>Xác định và Phân loại được</i> đối tượng kiểm toán, bằng chứng kiểm toán. phác thảo được báo cáo kiểm toán	3.0	PLO7
CLO4	<i>Nhận thức</i> về vai trò của kiểm toán trong doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Fintech.	3.0	PLO7
CLO5	Có thái độ nghiêm túc trong quá trình làm việc nhóm, cũng như có đạo đức nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, và tinh thần trách nhiệm với cộng đồng. Tham dự lớp học đầy đủ.	3.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 1: Tổng quan về kiểm toán		4				5	CLO1 CLO5		A1 A2 A3
1	1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của kiểm toán								
	1.2. Định nghĩa, vai trò, chức năng của kiểm toán								
	1.3. Đối tượng và phương pháp kiểm toán.								
	1.4. Phân loại kiểm toán								
	1.5. Tổ chức kiểm toán								
	1.6. Quy trình kiểm toán								
Thảo luận về tình huống									

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Chương 2: Môi trường kiểm toán	4				5			
2	2.1. Khái quát về môi trường kiểm toán 2.2. Chuẩn mực kiểm toán 2.3. Đạo đức nghề nghiệp 2.4. Trách nhiệm của kiểm toán viên Bài tập								
	Chương 3: Hệ thống kiểm soát nội bộ	8				20			
3+4	3.1. Định nghĩa và các bộ phận hợp thành hệ thống kiểm soát nội bộ 3.2. Những hạn chế vốn có của kiểm soát nội bộ 3.3. Mục đích nghiên cứu kiểm soát nội bộ của kiểm toán viên Bài Kiểm tra giữa kỳ								
	Chương 4: Bằng chứng kiểm toán	8				20	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5		
5+6	4.1. Khái niệm bằng chứng kiểm toán 4.2. Yêu cầu của bằng chứng kiểm toán 4.3. Các phương pháp thu thập bằng chứng kiểm toán 4.4. Một số bằng chứng kiểm toán đặc biệt Bài tập								
	Chương 5: Báo cáo kiểm toán	6				10			
7+8	5.1. Khái niệm và vai trò của báo cáo kiểm toán 5.2. Các yếu tố của báo cáo kiểm toán 5.3. . Các loại ý kiến trên báo cáo kiểm toán 5.4. Văn hóa ứng xử trong đàm phán và thương lượng 5.5. Một số lưu ý khi lập báo cáo kiểm toán Ôn tập								
	Tổng	30				70			

Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn.

Học ở lớp:

- Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;
- Thảo luận nhóm giải quyết tình huống.

Học ở nhà:

- Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.

A1
A2
A3

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 5 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 5 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 5 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 5 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 5 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu:</i> <i>Tỉ lệ %</i>	<i>Số câu:</i> <i>Tỉ lệ %</i>	<i>Số câu:</i> <i>Tỉ lệ %</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Tài liệu chính:

- [1] Tài liệu bài giảng Kiểm toán (Fintech) – Đại học Công Nghệ Miền Đông (2023)

Tài liệu tham khảo:

- [1] Bộ môn Kiểm toán khoa Kế toán – Kiểm toán (2014), Giáo trình kiểm toán toàn tập (Phần 1,2), Đại học Kinh tế TP.HCM, Nhà xuất bản Đại học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.
- [2] Bộ môn Kiểm toán khoa Kế toán – Kiểm toán (2015), Bài tập kiểm toán, Đại học Kinh tế TP.HCM, Nhà xuất bản Thống kê.
- [3] Bộ môn Kiểm toán khoa Kế toán – Kiểm toán (2016), Kiểm soát nội bộ, Đại học Kinh tế TP.HCM, Nhà xuất bản Thống kê.
- [4] Bộ Tài chính, Hệ thống Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

Các website:

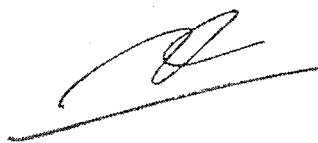
- [5] <http://www.vacpa.org.vn>
- [6] <http://www.kiemtoan.com.vn/>
- [7] <http://hoiketoan-tp.org.vn>

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Nguyễn Văn Dũng

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
QUẢN TRỊ RỦI RO TÀI CHÍNH

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Quản trị rủi ro tài chính
Tên học phần Tiếng Anh:	Financial risk management
Mã học phần:	06CQ0738
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	45 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	06CQ0576
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức về những rủi ro tài chính, các sản phẩm phái sinh cơ bản và các chiến lược sử dụng công cụ phái sinh để phòng ngừa rủi ro tài chính. Bên cạnh đó, còn trang bị các kỹ năng xây dựng và phân tích chiến lược phòng ngừa rủi ro bằng công cụ phái sinh.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Nhận diện các loại rủi ro trong Quản trị rủi ro tài chính.	2.0	PLO 2
CLO2	Xác định nguyên nhân và đưa ra cách thức phòng ngừa rủi ro một cách phù hợp, hiệu quả đối với Quản trị rủi ro tài chính.	2.0	PLO 3
CLO3	Vận dụng các phương pháp và mô hình để phòng ngừa rủi ro trong Quản trị rủi ro tài chính.	3.0	PLO 8
CLO4	Đánh giá, phân tích hoạt động của các ngân hàng, DN thông qua các công cụ Quản trị rủi ro tài chính.	4.0	PLO 5
CLO5	Phối hợp làm việc nhóm trong xử lý các tình huống.	3.0	PLO 5

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 1 Những nội dung cơ bản của quản trị rủi ro doanh nghiệp.		8				20	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
1+2	1.1. Giới thiệu môn học và đề cương chi tiết môn học 1.2. Quy trình quản trị rủi ro 1.3. Phân loại rủi ro 1.4. Các sản phẩm phái sinh cơ bản Các thuật ngữ quan trọng Bài tập								
Chương 2: Phòng ngừa rủi ro bằng hợp đồng quyền chọn.		8				20			
3+4	2.1. Mô tả hợp đồng quyền chọn 2.2. Định giá quyền chọn 2.3. Giá trị quyền chọn 2.4. Chiến lược quyền chọn Bài tập								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 3: Phòng ngừa rủi ro bằng hợp đồng kỳ hạn, giao sau		12				30	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
5-7	3.1. Mô tả và định giá hợp đồng kỳ hạn 3.2. Mô tả và định giá hợp đồng giao sau 3.3. Chiến lược phòng ngừa rủi ro bằng hợp đồng kỳ hạn 3.4. Chiến lược phòng ngừa rủi ro bằng hợp đồng giao sau Bài tập								
Chương 4: Phòng ngừa rủi ro bằng hợp đồng hoán đổi		17				35			
8-11	4.1. Hoán đổi lãi suất 4.2. Hoán đổi tiền tệ 4.3. Hoán đổi tài sản vốn 4.4. Hoán đổi hàng hóa Bài tập								
	Tổng	45				105			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.		60

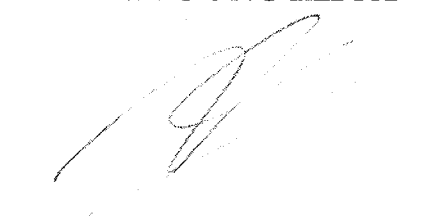
6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 16.7%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 16.7%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 2 (Tỉ lệ: 33%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 2 (Tỉ lệ: 33%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 6 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 16.7%</i>	<i>Số câu: 3</i> <i>Tỉ lệ 50%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 33%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

1. PGS.TS. Nguyễn Minh Kiều - Quản trị rủi ro tài chính, xuất bản Tài chính năm 2012.
2. Nguyễn Thị Ngọc Loan (2019), Nhận diện rủi ro tài chính và giải pháp ổn định an ninh tài chính doanh nghiệp, Tạp chí Tài chính kỳ 1 tháng 10/2019;
3. Hướng dẫn phân tích rủi ro tài chính và dự báo các chỉ tiêu tài chính chủ yếu, <https://phantichtaichinh.com/phan-tich-rui-ro-tai-chinh-va-du-bao-cac-chi-tieu-tai-chinh-chu-yeu/>;
4. Một số rủi ro tài chính trong doanh nghiệp và cách hạn chế những rủi ro đó, <http://luatthienthanh.vn/mot-so-rui-ro-tai-chinh-trong-doanh-nghiep-va-ch-han-che-nhung-rui-ro-do-nd,21908>;
5. Phân tích rủi ro tài chính là gì? Cách ngăn ngừa và xử lý rủi ro, <https://smartrain.vn/phan-tich-rui-ro-tai-chinh-la-gi-cach-ngan-ngua-va-xu-ly-rui-ro.html>.
6. Don M.Chance và Robert Brooks, 2015, Sản phẩm phái sinh và quản trị rủi ro tài chính, Cengage Learning.

TRƯỞNG KHOA


TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN


Đỗ Văn Hùng

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
KINH DOANH NGOẠI HỐI

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Kinh doanh ngoại hối
Tên học phần Tiếng Anh:	Foreign Exchange Trading
Mã học phần:	06CQ1124
Thuộc khối kiến thức:	Chuyên ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	TS. Phan Ngọc Minh
Giảng viên tham gia giảng dạy:	TS. Phan Ngọc Minh ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng ThS. Trần Nguyễn Anh Minh
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	30 tiết
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần "Kinh doanh ngoại hối" cung cấp kiến thức cơ bản và chuyên sâu về thị trường ngoại hối, các sản phẩm ngoại hối, cơ chế hoạt động và các chiến lược giao dịch. Sinh viên sẽ tìm hiểu về tỷ giá hối đoái, các yếu tố ảnh hưởng đến tỷ giá, cũng như các công cụ phòng ngừa rủi ro tỷ giá. Ngoài ra, học phần còn hướng dẫn thực hành các nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối tại ngân hàng thương mại và doanh nghiệp.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Hiểu được các khái niệm, nguyên tắc và cơ chế hoạt động của thị trường ngoại hối.	2.0	PLO6
CLO2	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái và dự báo xu hướng tỷ giá.	3.0	PLO6
CLO3	Vận dụng các công cụ tài chính để phòng ngừa rủi ro tỷ giá.	3.0	PLO7
CLO4	Thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối tại ngân hàng thương mại và doanh nghiệp.	4.0	PLO9
CLO5	Thể hiện tinh thần học tập tích cực và tư duy phản biện.	3.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Chương 1: Tổng quan về thị trường ngoại hối	6		6		20			
	1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của thị trường ngoại hối 1.2. Các chủ thể tham gia trên thị trường ngoại hối 1.3. Các phương thức giao dịch ngoại hối 1.4. Cơ chế hình thành tỷ giá hối đoái Bài tập: Phân tích thị trường ngoại hối và các yếu tố tác động đến tỷ giá.						CLO1 CLO2 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A3
2	Chương 2: Các nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối	6		6		20			

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	2.1. Giao dịch giao ngay (Spot) 2.2. Giao dịch kỳ hạn (Forward) 2.3. Giao dịch hoán đổi (Swap) 2.4. Giao dịch quyền chọn (Option) 2.5. Kinh doanh ngoại hối tại ngân hàng thương mại Bài tập: Thực hành tính toán và ghi nhận giao dịch ngoại hối.						CLO1 CLO2 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1
3	Chương 3: Quản lý rủi ro trong kinh doanh ngoại hối	6		6		20	CLO1 CLO2 CLO5		A3
	3.1. Các loại rủi ro trong kinh doanh ngoại hối 3.2. Công cụ phòng ngừa rủi ro tỷ giá 3.3. Quản lý rủi ro trong ngân hàng thương mại và doanh nghiệp Bài tập: Ứng dụng các công cụ phái sinh để phòng ngừa rủi ro tỷ giá.								
4	Chương 4: Phân tích và dự báo tỷ giá hối đoái	6		6		15	CLO1 CLO3 CLO5	A1	
	4.1. Các yếu tố kinh tế vĩ mô ảnh hưởng đến tỷ giá 4.2. Phương pháp phân tích cơ bản và kỹ thuật trong dự báo tỷ giá 4.3. Ứng dụng mô hình kinh tế trong dự báo tỷ giá Bài tập: Phân tích biến động tỷ giá và đưa ra dự báo.							A2 A3	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
5	Chương 5: Ứng dụng công nghệ trong kinh doanh ngoại hối	6		6		15		Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	
	5.1. Giao dịch ngoại hối trên các nền tảng điện tử 5.2. Công nghệ Blockchain và tiền điện tử trong kinh doanh ngoại hối 5.3. Xu hướng phát triển của thị trường ngoại hối trong kỷ nguyên số Bài tập: Trải nghiệm giao dịch ngoại hối trên nền tảng giả lập.						CLO1 CLO3 CLO5		A1 A2 A3
Tổng		30		30		90			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 5 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

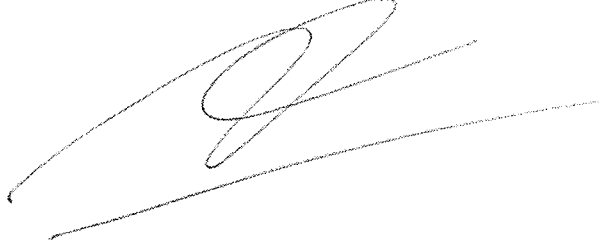
Giáo trình chính

1. Bộ môn Tài chính - Ngân hàng (2025), *Giáo trình kinh doanh ngoại hối*, Trường Đại học Công nghệ Miền Đông, lưu hành nội bộ.

Tài liệu tham khảo

2. Nguyễn Minh Kiều. (2021), *Giáo trình kinh doanh ngoại hối*, NXB Thông tin truyền thông.
3. Nguyễn Văn Tiến (2021) *Giáo trình quản trị rủi ro ngoại hối trong kinh doanh quốc tế*. NXB ĐH Kinh tế Quốc Dân.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Trần Nguyễn Anh Ninh

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
PHÂN TÍCH TÍN DỤNG VÀ QUẢN TRỊ CHO VAY

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Phân tích tín dụng và Quản trị cho vay
Tên học phần Tiếng Anh:	Credit Analysis and Loan Management
Mã học phần:	06CQ1125
Thuộc khối kiến thức:	Chuyên ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	TS. Nguyễn Quốc Huy
Giảng viên tham gia giảng dạy:	TS. Nguyễn Văn Dũng Ths. Nguyễn Thị Hiền Ths. Nguyễn Tiến Dũng
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	30 tiết
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	Ngân hàng thương mại
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần “Phân tích tín dụng và Quản trị cho vay” cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cơ bản về:

- Khái niệm tín dụng, vai trò của tín dụng trong hệ thống ngân hàng và tài chính.
- Quy trình cho vay từ thẩm định, giải ngân đến giám sát và kiểm soát rủi ro.
- Các chỉ tiêu tài chính và phi tài chính đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng.

- Ứng dụng các công cụ định lượng và định tính trong phân tích tín dụng.
- Xây dựng và vận dụng chính sách tín dụng, quản trị danh mục cho vay nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng. Thông qua học phần, sinh viên được rèn luyện khả năng phân tích, đánh giá và đưa ra quyết định cho vay dựa trên các tình huống thực tiễn của ngành tài chính – ngân hàng.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Trình bày được khái niệm, vai trò và quy trình tín dụng trong hệ thống ngân hàng.	3.0	PLO3
CLO2	Nhận diện các chỉ tiêu tài chính và phi tài chính trong đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng.	3.0	PLO3
CLO3	Vận dụng các công cụ định lượng và định tính trong phân tích tín dụng.	3.0	PLO4
CLO4	Phân tích chính sách tín dụng, giám sát quá trình cho vay hiệu quả.	4.0	PLO6
CLO5	Phân tích rủi ro tín dụng để có các biện pháp kiểm soát phù hợp.	4.0	PLO6
CLO6	Tích cực tham gia thảo luận và phân tích tình huống thực tế để nâng cao năng lực ra quyết định.	3.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Chương 1: Tổng quan về tín dụng và quản trị cho vay	5		10		15	CLO1	Giới thiệu, trao đổi ý kiến.	A1 A3
	1.1. Khái niệm và vai trò của tín dụng Tín dụng là gì? Định nghĩa và bản chất của tín dụng trong hệ thống tài chính.							Giảng lý thuyết, thảo luận nhóm. Đọc tài liệu, xem slide bài giảng.	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Vai trò của tín dụng đối với nền kinh tế và các chủ thể kinh tế. Phân loại tín dụng: Tín dụng ngân hàng, tín dụng thương mại, tín dụng tiêu dùng, tín dụng nhà nước. 1.1.1. Lịch sử phát triển của tín dụng Sự hình thành và phát triển của tín dụng từ cổ đại đến hiện đại. Những cột mốc quan trọng trong sự phát triển của hệ thống tín dụng ngân hàng. 1.1.2. Nguyên tắc hoạt động tín dụng Nguyên tắc hoàn trả. Nguyên tắc có lãi. Nguyên tắc thời hạn. Nguyên tắc bảo đảm. 1.2. Quản trị cho vay trong ngân hàng Mục tiêu của quản trị cho vay. Các nguyên tắc trong quản trị tín dụng. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản trị cho vay. Thực hành: Thực tế quan sát tại ngân hàng về quy trình cấp tín dụng. Gặp gỡ chuyên viên tín dụng để tìm hiểu quy trình thẩm định.								
2	Chương 2: Các chỉ tiêu đánh giá tín dụng	5		5		15	CLO1		
	2.1. Quy trình cho vay Các bước trong quy trình cấp tín dụng: thẩm định, phê duyệt, giải ngân, giám sát và thu hồi. Hồ sơ tín dụng và các yếu tố quan trọng trong hồ sơ vay vốn. Phân loại các hình thức cho vay: vay ngắn hạn, trung hạn, dài hạn, vay có tài sản đảm bảo, vay tín chấp.								A1 A3

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	2.1.1. Thẩm định tín dụng Các yếu tố cần xem xét khi thẩm định khoản vay. Mô hình thẩm định tín dụng phổ biến. 2.1.2. Giải ngân và kiểm soát rủi ro Điều kiện giải ngân và quy trình thực hiện. Cách thức kiểm soát rủi ro trong quá trình giải ngân. Thực hành: Nghiên cứu hồ sơ vay thực tế tại ngân hàng. Thực hành lập báo cáo thẩm định tín dụng dựa trên tình huống giả định.								
3	Chương 3: Phân tích chính sách tín dụng và quy trình cho vay	5		5		15			
	3.1. Xây dựng chính sách tín dụng Nguyên tắc xây dựng chính sách tín dụng. Các yếu tố ảnh hưởng đến chính sách tín dụng. So sánh chính sách tín dụng giữa các ngân hàng. 3.1.1. Quy trình thẩm định và quyết định cho vay Cách thức đánh giá khách hàng vay vốn. Các tiêu chí xét duyệt hồ sơ vay. 3.1.2. Giám sát khoản vay Theo dõi và đánh giá hiệu quả sử dụng vốn vay. Phương pháp giám sát tín dụng. Thực hành: Thảo luận tình huống về rủi ro tín dụng. Phân tích các biện pháp giám sát khoản vay tại ngân hàng.						CLO1 CLO2	Giảng lý thuyết, bài tập tình huống. Thảo luận nhóm, giải bài tập tình huống. Tra cứu ví dụ, phân tích báo cáo tài chính.	A1 A2 A3
4	CHƯƠNG 4: Phân tích rủi ro tín dụng và biện pháp kiểm soát	5		5		15	CLO2		

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra CLO3	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	4.1. Phân loại rủi ro tín dụng Rủi ro tín dụng và nguyên nhân phát sinh. Các loại rủi ro trong hoạt động tín dụng. 4.1.1. Rủi ro từ khách hàng Nguyên nhân từ năng lực tài chính và quản lý của khách hàng. Phương pháp đánh giá rủi ro khách hàng. 4.1.2. Rủi ro từ ngân hàng Rủi ro xuất phát từ chính sách tín dụng. Rủi ro do quy trình quản lý tín dụng. 4.2. Biện pháp kiểm soát và giảm thiểu rủi ro Xây dựng hệ thống kiểm soát tín dụng hiệu quả. Các biện pháp đảm bảo an toàn tín dụng: Thế chấp, bảo lãnh, hợp đồng tín dụng. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý rủi ro tín dụng. Thực hành: Mô phỏng một tình huống rủi ro tín dụng và đề xuất phương án xử lý. Thảo luận về các biện pháp kiểm soát rủi ro trong thực tế ngân hàng.							Giảng lý thuyết kết hợp thực hành trên máy tính. Thực hành tính toán trên phần mềm, trình bày kết quả. Làm bài tập tính toán, nghiên cứu case study.	A1 A2 A3
5	CHƯƠNG 5: Quản lý danh mục cho vay và ứng dụng CNTT	5		5		15			
	5.1. Kỹ thuật quản lý danh mục cho vay Phương pháp quản lý danh mục tín dụng. Đánh giá hiệu quả danh mục cho vay. 5.1.1. Công cụ giám sát tín dụng Các chỉ số giám sát rủi ro tín dụng. Ứng dụng phần mềm giám sát tín dụng. 5.1.2. Đánh giá hiệu quả danh mục tín dụng Các tiêu chí đánh giá danh mục tín dụng. Phân tích hiệu quả của danh mục cho vay.						CLO3 CLO4	Giảng lý thuyết, thảo luận nhóm. So sánh, thảo luận các chính sách tín dụng. Nghiên cứu các chính sách tín dụng của ngân hàng.	

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	5.2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị tín dụng Các hệ thống phần mềm hỗ trợ giám sát tín dụng. Ứng dụng AI và Big Data trong phân tích tín dụng. Thực hành: Thực hành sử dụng phần mềm quản lý tín dụng. Phân tích danh mục tín dụng từ dữ liệu ngân hàng thực tế.								
6	CHƯƠNG 6: Phân tích case study và ứng dụng thực tiễn	5		5		15			
	6.1. Phân tích tình huống thực tế về tín dụng Nghiên cứu các trường hợp thực tế về cấp tín dụng và quản trị rủi ro. Bài học rút ra từ các tình huống thực tế. 6.1.1. Case study về thất bại tín dụng Phân tích nguyên nhân dẫn đến nợ xấu. Đánh giá hậu quả và bài học kinh nghiệm. 6.1.2. Case study về quản trị tín dụng thành công Chiến lược quản trị tín dụng hiệu quả từ các ngân hàng. Các yếu tố giúp nâng cao hiệu quả tín dụng. Thực hành: Thực hành phân tích case study thực tế từ ngân hàng. Đánh giá hiệu quả của một chính sách tín dụng tại ngân hàng cụ thể.						CLO4 CLO5	Giảng lý thuyết, trình bày ví dụ thực tiễn. Trình bày case study, phân tích tình huống. Tìm hiểu qua tài liệu, phân tích ví dụ thực tế.	A1 A2 A3
Tổng		30		30		90			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi Tự luận hoặc Trắc nghiệm tổng hợp theo nội dung học phần	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 5 câu (Tỷ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỷ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỷ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỷ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỷ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Giáo trình

1. Bộ môn Tài chính - Ngân hàng (2025), *Giáo trình Phân tích tín dụng và Quản trị cho vay*, Trường Đại học Công nghệ Miền Đông, lưu hành nội bộ.

Tài liệu tham khảo

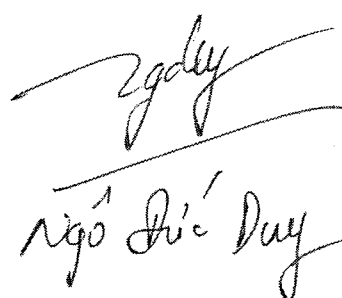
1. Tô Ngọc Hưng, *Giáo trình Tín dụng ngân hàng*, NXB Lao động - Xã hội, 2019.
2. Nguyễn Văn Tiến, *Giáo trình Quản trị ngân hàng thương mại*, NXB Thống kê, 2013.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Ngô Đức Duy

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Thị trường chứng khoán
Tên học phần Tiếng Anh:	Stock Market
Mã học phần:	06CQ0587
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần Thị trường chứng khoán trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán như vai trò của thị trường chứng khoán đối với nền kinh tế thị trường, các loại thị trường chứng khoán; hàng hoá, chủ thể của thị trường chứng khoán; các quy định cơ bản về phát hành chứng khoán trên thị trường sơ cấp cơ chế tổ chức hoạt động và giao dịch của thị trường chứng khoán, sở giao dịch chứng khoán, nghiệp vụ phát hành chứng khoán, hoạt động của công ty chứng khoán.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Cung cấp kiến thức cơ bản về hệ thống, cơ chế và phương thức hoạt động thị trường chứng khoán	4	PLO5
CLO2	Hiểu được tầm quan trọng của thị trường chứng khoán đối với nền kinh tế	4	PLO6
CLO3	Tiếp cận, tìm hiểu nguyên lý và có thể thực hành được các nghiệp vụ trên thị trường chứng khoán như: phát hành chứng khoán, giao dịch chứng khoán với tư cách của nhiều chủ thể khác nhau	4 4	PLO6 PLO7
CLO4	<i>Có khả năng phân tích đánh giá</i> và xử lý những vấn đề nảy sinh trong quá trình huy động vốn doanh nghiệp. <i>Có thể phân tích</i> tổng hợp các số liệu để đưa ra những đánh giá cho thị trường chứng khoán về việc đầu tư vào các thị trường cổ phiếu, trái phiếu. Hiểu và tuân thủ các quy định của luật chứng khoán. Lập ra những kế hoạch đầu tư tối ưu và giải quyết những vấn đề do thị trường gây ra	5	PLO6 PLO7
CLO5	Có khả năng làm việc với những kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán; hình thành và phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm; trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá. thực hiện các giao dịch mua bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán.	4	PLO8
CLO6	Sinh viên có thái độ yêu thích môn học, tiếp nhận những kiến thức mới của môn học và áp dụng chúng vào thực tế. Người học có thái độ trung thực trong quá trình hành nghề và tuân thủ pháp luật và những quy định của luật chứng khoán đề ra. Hiểu biết về trách nhiệm xã hội, các vấn đề đạo đức và quyền công dân, từ đó tự chịu trách nhiệm và áp dụng trong quản trị kinh doanh và cuộc sống cá nhân.	3	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 1: Tổng quan về thị trường chứng khoán		4				10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
	1.1. Thị trường tài chính 1.2. Thị trường chứng khoán 1.3 Cơ chế hoạt động của thị trường chứng khoán 1.4 Các hành vi tiêu cực trên thị trường chứng khoán Bài tập								
Chương 2: Công ty cổ phần và công ty chứng khoán		4				10			
	2.1. Khái niệm, đặc điểm 2.2. Cơ cấu tổ chức 2.3. Các loại hình công ty cổ phần 2.4. Các nguồn tài trợ 2.5. Chính sách cổ tức 2.6. Tổng quan về công ty chứng khoán 2.7. Thành lập công ty chứng khoán 2.8. Các nghiệp vụ của công ty chứng khoán 2.9. Quản lý an toàn tài chính và giám sát Bài tập								
Chương 3: Chứng khoán		8				20			
	3.1. Khái niệm và đặc trưng cơ bản của chứng khoán 3.2. Phân loại 3.3. Các loại chứng khoán trên thị trường 3.4. Chứng khoán phái sinh Bài tập								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 4: Phát hành chứng khoán		8				20	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
	4.1. Giới thiệu về thị trường chứng khoán 4.2. Phân loại 4.3. Phát hành chứng khoán lần đầu ra công chúng 4.4. Phát hành trái phiếu chính phủ 4.5. Phát hành trái phiếu công ty 4.6. Phát hành cổ phiếu Bài tập								
Chương 5: Sở giao dịch chứng khoán		3				5			
	5.1. Khái niệm 5.2. Tổ chức của sở giao dịch chứng khoán 5.3. Tài chính của sở giao dịch chứng khoán 5.4. Thành viên của sở giao dịch chứng khoán 5.5. Nhiệm vụ chứng khoán 5.6. Hệ thống giao dịch chứng khoán 5.7. Các vấn đề giao dịch chứng khoán liên quan Bài tập								
Chương 6: Quỹ đầu tư và công ty quản lý Quỹ		3				5			
	6.1. Quỹ đầu tư - Khái niệm, vai trò - Phân loại quỹ đầu tư - Phương pháp thành lập, quản lý và hoạt động - Đánh giá kết quả hoạt động 6.2 Công ty quản lý quỹ Ôn tập								
	Tổng	30				70			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2 CLO3	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 8%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 2 (Tỷ lệ: 17%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 2 (Tỷ lệ: 17%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 2 (Tỷ lệ: 17%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 3 (Tỷ lệ: 25%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>
Chương 6 <i>Số câu: 2 (Tỷ lệ: 17%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>
Tổng cộng: 12 câu (Tỷ lệ: 100%)	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỷ lệ 17%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỷ lệ 17%</i>	<i>Số câu: 4</i> <i>Tỷ lệ 33%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỷ lệ 17%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỷ lệ 17%</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Sách, giáo trình

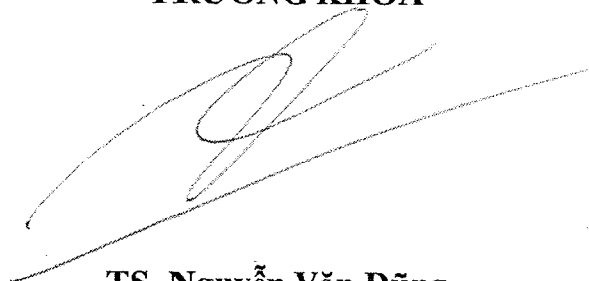
[1]. Bùi Kim Yến (2013), *Thị trường chứng khoán*, NXB Lao động - xã hội

Tài liệu tham khảo

[2]. Howard Marks, Người Dịch Nguyễn Minh Chung (2019), *Phân Tích Thị Trường Chứng Khoán*, NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân

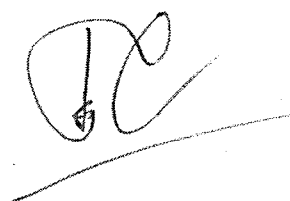
[3]. Bùi Kim Yến, Trần Huy Hoàng, Thân Thị Thu Thủy (2016), *Giáo trình Thị trường tài chính*, NXB Kinh tế TP.HCM

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Lê Minh Trung

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
QUẢN TRỊ BÁN HÀNG**

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Quản trị bán hàng
Tên học phần Tiếng Anh:	Sales management
Mã học phần:	06CQ0585
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần Quản trị bán hàng được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác bán hàng, cách thức tổ chức và quản lý bán hàng tại doanh nghiệp. Nội dung chi tiết bao gồm: Tổng quan về bán hàng và quản trị bán hàng; Xây dựng kế hoạch bán hàng; Kỹ thuật bán hàng và chăm sóc khách hàng; Thiết kế và tổ chức lực lượng bán hàng trong doanh nghiệp; Quản trị đội ngũ bán hàng và phân tích đánh giá kết quả bán hàng.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Chương 2. Xây dựng kế hoạch bán hàng của doanh nghiệp	4				8			
2	2.1. Kế hoạch bán hàng của DN 2.1.1. Khái niệm và vai trò của kế hoạch BH 2.1.2. Nội dung của kế hoạch bán hàng 2.1.3. Các loại kế hoạch bán hàng 2.2. Dự báo bán hàng 2.2.1. Vai trò của dự báo bán hàng 2.2.2. Các chỉ tiêu phản ánh KQ dự báo BH 2.2.3. Các căn cứ và PP dự báo BH 2.2.4. Quy trình dự báo bán hàng trong DN 2.3. Xây dựng mục tiêu bán hàng 2.3.1. Khái niệm và các loại mục tiêu BH 2.3.2. Các căn cứ xây dựng mục tiêu BH 2.3.3. Quy trình xây dựng mục tiêu bán hàng trong doanh nghiệp 2.3.4. Các t/c SMART của mục tiêu BH 2.4. Xác định các HĐ và chương trình BH 2.4.1. Xác định các hoạt động bán hàng 2.4.2. Xây dựng các chương trình bán hàng 2.5. Xây dựng ngân sách bán hàng 2.5.1. Khái niệm và vai trò của ngân sách BH 2.5.2. Các PP xây dựng ngân sách BH 2.5.3. Nội dung của ngân sách bán hàng Thảo luận bài tập nhóm, giải quyết các tình huống nhóm						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
	Chương 3: Tổ chức mạng lưới bán hàng của doanh nghiệp	6				18			
3+4	3.1. Khái niệm và vai trò của cơ cấu tổ chức mạng lưới bán hàng 3.1.1. Khái niệm cơ cấu tổ chức mạng lưới bán hàng 3.1.2. Vai trò của cơ cấu tổ chức mạng lưới bán hàng 3.1.3. Các chức danh bán hàng chủ yếu trong cơ cấu tổ chức mạng lưới bán hàng 3.2. Một số dạng cơ cấu tổ chức mạng lưới bán hàng cơ bản 3.2.1. Cơ cấu tổ chức mạng lưới bán hàng theo khu vực địa bàn 3.2.2. Cơ cấu tổ chức mạng lưới bán hàng theo sản phẩm 3.2.3. Cơ cấu tổ chức mạng lưới bán hàng theo khách hàng 3.2.4. Cơ cấu tổ chức mạng lưới bán hàng hỗn hợp								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	3.3. Các căn cứ lựa chọn và yêu cầu của cơ cấu tổ chức mạng lưới bán hàng 3.3.1. Các căn cứ lựa chọn cơ cấu tổ chức mạng lưới bán hàng 3.3.2. Các yêu cầu đối với cơ cấu tổ chức mạng lưới bán hàng 3.4. Tổ chức hệ thống điểm và tuyến BH 3.4.1. Khái niệm và vai trò của điểm và tuyến bán hàng của doanh nghiệp 3.4.2. Tổ chức hệ thống điểm BH của DN 3.4.3. Tổ chức tuyến bán hàng của DN Thảo luận bài tập nhóm, giải quyết các tình huống nhóm								
Chương 4: Tổ chức lực lượng bán hàng của doanh nghiệp		8				20			
5+6	4.1. Khái niệm, vai trò và phân loại lực lượng bán hàng của doanh nghiệp 4.1.1. Khái niệm lực lượng bán hàng 4.1.2. Vai trò của lực lượng bán hàng 4.1.3. Phân loại lực lượng bán hàng 4.2. Xác định quy mô và cơ cấu lực lượng bán hàng của doanh nghiệp 4.2.1. Xác định quy mô lực lượng bán hàng 4.2.2. Xác định cơ cấu lực lượng bán hàng 4.3. Xây dựng định mức cho lực lượng BH 4.3.1. Khái niệm và tầm quan trọng của việc xây dựng định mức cho lực lượng bán hàng 4.3.2. Các loại định mức bán hàng 4.3.3. Các căn cứ xây dựng định mức cho lực lượng bán hàng 4.4. Tuyển dụng và đào tạo lực lượng bán hàng của doanh nghiệp 4.4.1. Tuyển dụng lực lượng bán hàng 4.4.2. Đào tạo và phát triển lực lượng BH 4.5. Tạo động lực cho lực lượng bán hàng của doanh nghiệp 4.5.1. Khái niệm và vai trò của tạo động lực cho lực lượng bán hàng 4.5.2. Quy trình tạo động lực cho lực lượng bán hàng 4.5.3. Các biện pháp chủ yếu tạo động lực cho lực lượng bán hàng Thảo luận bài tập nhóm						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
Chương 5: Kiểm soát bán hàng của doanh nghiệp		4				8			

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
7	5.1 Kiểm soát hoạt động bán hàng 5.1.1. Xây dựng HT tiêu chuẩn kiểm soát 5.1.2. Đo lường kết quả hoạt động bán hàng 5.1.3. Đánh giá kết quả hoạt động bán hàng và triển khai các hoạt động điều chỉnh 5.2. Đánh giá mức độ hoàn thành công việc của lực lượng bán hàng 5.2.1. Xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá 5.2.2. Tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành công việc của lực lượng bán hàng 5.2.3. Một số sai lầm cần tránh khi đánh giá lực lượng bán hàng Thảo luận bài tập nhóm, tình huống thực tế						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
Chương 6: Tổ chức các hoạt động hỗ trợ bán hàng của doanh nghiệp		4				8			
8	6.1. Tổ chức hoạt động khuyến mãi bán hàng 6.1.1. Khái quát về khuyến mãi bán hàng 6.1.2. Xây dựng CT khuyến mãi bán hàng 6.1.3. Tổ chức thực hiện CT khuyến mãi BH 6.1.4. Kiểm soát hoạt động khuyến mãi BH 6.2. Tổ chức các dịch vụ sau bán hàng 6.2.1. Hoạt động bảo hành sản phẩm 6.2.2. Hoạt động vận chuyển, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì sản phẩm 6.2.3. Hoạt động tư vấn sử dụng sản phẩm 6.2.4. Hoạt động chăm sóc khách hàng Ôn tập								
Tổng		30				70			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.		60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 2 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 2 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 2 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 2 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 6 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>
Tổng cộng: 11 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 10%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 4</i> <i>Tỉ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 10%</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Sách, giáo trình:

[1] Lưu Đan Thọ- Lương văn Quốc (2016), *Quản trị bán hàng*, NXB tài chính.

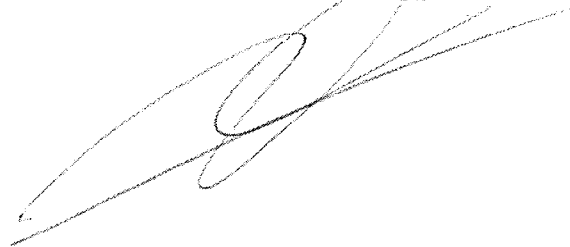
Tài liệu tham khảo:

[2] Bùi văn Danh và nhóm tác giả (2017), *Quản trị bán hàng*, NXB Phương Đông.

[3] Lưu Đan Thọ- Nguyễn Vũ Quân (2016), *Quản trị bán hàng hiện đại*, NXB Tài Chính.

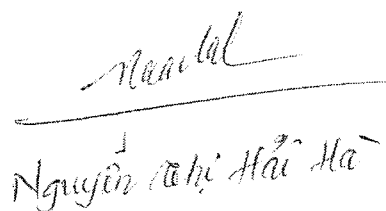
[4] Brian Tracy (2015), *Sales Management*, Amacom ISBN 9780814436301.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
HOẠT ĐỘNG BẢO HIỂM QUA KÊNH NGÂN HÀNG

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Hoạt động bảo hiểm qua kênh ngân hàng
Tên học phần Tiếng Anh:	Bancassurance Operations
Mã học phần:	06CQ1126
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	TS. Phan Ngọc Minh
Giảng viên tham gia giảng dạy:	TS. Phan Ngọc Minh TS. Vũ Hoàng Linh Ths. Phạm Bích Ngọc
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần "Hoạt động bảo hiểm qua kênh ngân hàng" cung cấp kiến thức về mô hình hợp tác giữa ngân hàng và công ty bảo hiểm, cơ chế hoạt động của Bancassurance, các sản phẩm bảo hiểm được phân phối qua ngân hàng và các yếu tố tác động đến sự phát triển của mô hình này. Sinh viên sẽ được tìm hiểu về các quy định pháp lý, chiến lược kinh doanh, quy trình triển khai và quản lý rủi ro trong hoạt động Bancassurance.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Hiểu được mô hình, nguyên tắc và cơ chế hoạt động của Bancassurance	2.0	PLO6
CLO2	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của Bancassurance.	3.0	PLO6
CLO3	Vận dụng kiến thức để đề xuất chiến lược triển khai Bancassurance tại ngân hàng.	3.0	PLO7
CLO4	Đánh giá các rủi ro và biện pháp quản lý rủi ro trong hoạt động Bancassurance.	4.0	PLO9
CLO5	Thể hiện tinh thần học tập tích cực và tư duy phản biện.	3.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Chương 1: Tổng quan về Bancassurance	5				15	CLO1 CLO2 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A3
	1.1. Khái niệm, đặc điểm và lợi ích của Bancassurance 1.2. Lịch sử hình thành và phát triển Bancassurance 1.3. Các mô hình hợp tác giữa ngân hàng và công ty bảo hiểm 1.4. Các bên liên quan trong hoạt động Bancassurance								
2	Chương 2: Sản phẩm bảo hiểm qua kênh ngân hàng	7				15			
	22.1. Phân loại sản phẩm bảo hiểm trong Bancassurance 2.2. Đặc điểm và cách phân phối sản phẩm bảo hiểm nhân thọ 2.3. Đặc điểm và cách phân phối sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ 2.4. Phân tích xu hướng phát triển sản phẩm Bancassurance								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
3	Chương 3: Quy trình triển khai Bancassurance tại NH	6				15	CLO1 CLO2 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A3
	3.1. Quy trình tiếp thị và bán hàng sản phẩm bảo hiểm 3.2. Các kỹ năng cần thiết cho nhân viên NH khi bán bảo hiểm 3.3. Chính sách hoa hồng và lợi ích tài chính cho ngân hàng 3.4. Hỗ trợ khách hàng và dịch vụ sau bán hàng								
4	Chương 4: Quản lý rủi ro trong Bancassurance	6				15	CLO1 CLO3 CLO5		A1 A2 A3
	4.1. Các loại rủi ro trong hoạt động Bancassurance 4.2. Biện pháp kiểm soát và giảm thiểu rủi ro 4.3. Các quy định pháp lý liên quan đến Bancassurance								
5	Chương 5: Chiến lược phát triển Bancassurance	6				10			
	5.1. Yếu tố tác động đến sự phát triển của Bancassurance 5.2. Chiến lược tiếp thị và mở rộng mạng lưới Bancassurance 5.3. Ứng dụng công nghệ trong Bancassurance								A1 A2 A3
Tổng		30				70			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30

A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 5 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

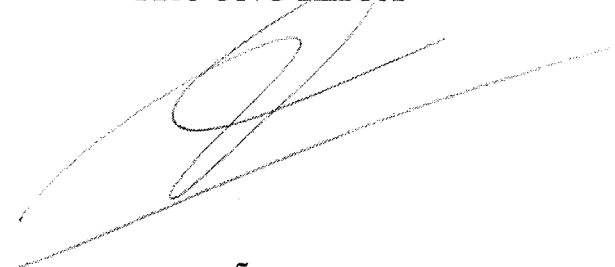
Giáo trình chính

- Bộ môn Tài chính - Ngân hàng (2025), Giáo trình Hoạt động bảo hiểm qua kênh ngân hàng, Trường Đại học Công nghệ Miền Đông, lưu hành nội bộ.

Tài liệu tham khảo

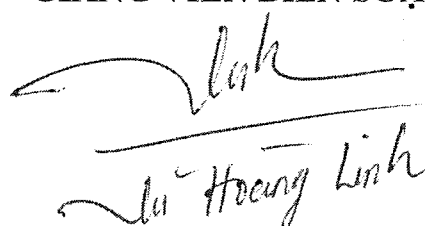
- Đặng Văn Dân. (2019), Giáo trình bảo hiểm. NXB Tài Chính.
- Nguyễn Văn Định (2012) Giáo trình bảo hiểm. NXB ĐH Kinh tế Quốc Dân.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TÀI CHÍNH CÁ NHÂN**

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Tài chính cá nhân
Tên học phần Tiếng Anh:	Personal Finance
Mã học phần:	06CQ1127
Thuộc khối kiến thức:	Chuyên ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	TS. Phan Ngọc Minh
Giảng viên tham gia giảng dạy:	TS. Phan Ngọc Minh TS. Nguyễn Thị Hồng Tâm Ths. Phạm Bích Ngọc
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần "Tài chính cá nhân" trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cần thiết để quản lý tài chính cá nhân hiệu quả, bao gồm lập ngân sách, quản lý thu nhập, tiết kiệm, đầu tư, vay nợ và bảo vệ tài chính. Sinh viên sẽ hiểu rõ cách xây dựng kế hoạch tài chính phù hợp với mục tiêu cá nhân, kiểm soát rủi ro tài chính và các nguyên tắc để tối ưu hóa tài sản cá nhân trong dài hạn.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Hiểu được các nguyên tắc cơ bản về quản lý tài chính cá nhân	2.0	PLO6
CLO2	Ứng dụng các PP lập ngân sách, quản lý thu nhập và chi tiêu.	3.0	PLO6
CLO3	Phân tích các hình thức đầu tư và tiết kiệm cá nhân.	3.0	PLO7
CLO4	Đánh giá các rủi ro tài chính và biện pháp bảo vệ tài chính..	4.0	PLO9
CLO5	Lập kế hoạch tài chính cá nhân phù hợp với từng giai đoạn cuộc đời.	4.0	PLO9
CLO6	Thể hiện tinh thần học tập tích cực và tư duy phản biện.	3.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Chương 1: Tổng quan về tài chính cá nhân	5				15			
	1.1. Khái niệm và vai trò của tài chính cá nhân 1.2. Nguyên tắc quản lý tài chính cá nhân hiệu quả 1.3. Tác động của tài chính cá nhân đến đời sống kinh tế 1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tài chính cá nhân Bài tập: Xây dựng kế hoạch tài chính cá nhân ngắn hạn.						CLO1 CLO2 CLO6	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A3
2	Chương 2: Lập kế hoạch tài chính cá nhân	7				15			
	2.1. Xây dựng ngân sách cá nhân và kiểm soát chi tiêu 2.2. Các phương pháp quản lý dòng tiền hiệu quả 2.3. Công cụ và ứng dụng hỗ trợ lập kế hoạch tài chính 2.4. Quản lý thu nhập chủ động và thụ động Bài tập: Thiết lập ngân sách cá nhân cho 6 tháng.						CLO1 CLO2 CLO2 CLO6		A1 A3

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
3	Chương 3: Tiết kiệm và đầu tư	6				15			
	3.1. Lợi ích của tiết kiệm và các loại hình tiết kiệm cá nhân 3.2. Các nguyên tắc đầu tư cơ bản 3.3. So sánh các kênh đầu tư phổ biến: cổ phiếu, trái phiếu, bất động sản, quỹ đầu tư 3.4. Rủi ro và lợi nhuận trong đầu tư cá nhân Bài tập: Lựa chọn kênh đầu tư phù hợp với mức độ chấp nhận rủi ro cá nhân.						CLO1 CLO2 CLO3 CLO6	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A3
4	Chương 4: Quản lý tín dụng và nợ cá nhân	6				15			
	4.1. Các loại hình tín dụng cá nhân: vay mua nhà, vay tiêu dùng, vay thấu chi 4.2. Chiến lược sử dụng thẻ tín dụng hiệu quả 4.3. Kiểm soát và xử lý nợ xấu 4.4. Tác động của điểm tín dụng đến khả năng vay vốn Bài tập: Đánh giá tác động của lãi suất đến số tiền trả nợ hàng tháng.						CLO1 CLO3 CLO4 CLO6		A1 A2 A3
5	Chương 5: Bảo vệ tài chính cá nhân	6				10			
	5.1. Tầm quan trọng của bảo hiểm trong tài chính cá nhân 5.2. Các loại hình bảo hiểm phổ biến: bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tài sản 5.3. Cách lựa chọn gói bảo hiểm phù hợp với nhu cầu cá nhân 5.4. Lập kế hoạch bảo vệ tài chính dài hạn Bài tập: Xây dựng kế hoạch tài chính cá nhân cho 10 năm tới.						CLO1 CLO4 CLO5 CLO6		
	Tổng	30				70			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)

A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1; CLO3 CLO4; CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO2; CLO3 CLO4; CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1; CLO2 CLO3; CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Nội dung \ Cấp độ	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 5 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Giáo trình chính

- Bộ môn Tài chính - Ngân hàng (2025), Giáo trình Tài chính cá nhân, Trường Đại học Công nghệ Miền Đông, lưu hành nội bộ.

Tài liệu tham khảo

- Lâm Minh Chánh. (2023), Giáo trình Tài chính cá nhân. NXB Phụ Nữ Việt Nam.
- Đỗ Hoài Linh (2023) Giáo trình bảo hiểm. NXB ĐH Kinh tế Quốc Dân.

TRƯỞNG KHOA

TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Nguyễn Thị Hải Hà

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
THỰC TẬP VÀ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Thực tập và khóa luận tốt nghiệp Tài chính ngân hàng
Tên học phần Tiếng Anh:	Final Thesis and Graduation Project
Mã học phần:	06CQ1128
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	TS. Nguyễn Văn Dũng
Giảng viên tham gia giảng dạy:	Tập thể giảng viên
Số tín chỉ:	10
Lý thuyết:	0
Thực hành:	300 tiết
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần "Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp Tài chính ngân hàng" giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn công việc tại các tổ chức tài chính, ngân hàng, công ty chứng khoán hoặc doanh nghiệp. Sinh viên sẽ tham gia thực tập để thu thập dữ liệu thực tế, từ đó viết báo cáo thực tập và hoàn thành khóa luận tốt nghiệp theo đúng quy định của trường. Học phần này giúp sinh viên nâng cao kỹ năng nghiên cứu, phân tích, xử lý dữ liệu và trình bày kết quả nghiên cứu.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Áp dụng kiến thức đã học để phân tích và giải quyết các vấn đề thực tế trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.	3.0	PLO7
CLO2	Nâng cao kỹ năng nghiên cứu, thu thập và xử lý dữ liệu tài chính thực tế.	4.0	PLO9
CLO3	Rèn luyện kỹ năng lập luận, viết báo cáo khoa học và trình bày khóa luận tốt nghiệp.	4.0	PLO8
CLO4	Thể hiện tinh thần học tập tích cực và tư duy phản biện.	3.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Giai đoạn 1: Thực tập tại doanh nghiệp			200		100		Dạy: - Giải thích và đưa ra những định hướng, vấn đề cụ thể thực tế SV có thể ứng dụng khi đi thực tập. Học ở DN: - SV đi thực tế đến các DN, ngân hàng tìm hiểu công việc hay chủ đề thực tập nào đó. - SV làm báo cáo tình hình theo yêu cầu của GVHD và DN. Học ở nhà: SV tìm hiểu thêm các thông tin về DN và lĩnh vực tài chính – ngân hàng.	A1 A3
	1.1. Sinh viên đến DN (Ngân hàng – Công ty tài chính tìm hiểu về đơn vị thực tập và mô hình hoạt động. 1.2. Tìm hiểu cơ cấu tổ chức và bộ phận tài chính (Các phòng ban trong ngân hàng) tại đơn vị đến thực tập. 1.3. Quan sát và tham gia các nghiệp vụ tài chính, kế toán, tín dụng, đầu tư... 1.4. Thu thập số liệu và tài liệu phục vụ cho khóa luận tốt nghiệp 1.5. Báo cáo tình hình thực tập theo hướng dẫn của giảng viên và đơn vị thực tập. Báo cáo: Nộp báo cáo thực tập có xác nhận của đơn vị thực tập.						CLO4		

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
2	Giai đoạn 2: Nghiên cứu và hoàn thiện khóa luận tốt nghiệp			100		100			
	2.1. Xác định đề tài nghiên cứu phù hợp với chuyên ngành tài chính ngân hàng. Liên quan đến lĩnh vực tài chính - ngân hàng. 2.2. Xây dựng đề cương chi tiết cho khóa luận tốt nghiệp 2.3. Thu thập, phân tích và xử lý số liệu tài chính 2.4. Viết các chương nội dung chính của khóa luận 2.5. Kiểm tra, chỉnh sửa và hoàn thiện khóa luận tốt nghiệp Báo cáo: Trình bày khóa luận trước hội đồng bảo vệ.						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: - GV tư vấn giúp SV Xác định đề tài nghiên cứu phù hợp với chuyên ngành tài chính ngân hàng. - Hướng dẫn SV cách viết khóa luận TN. - Học ở DN: SV tiếp tục thu thập dữ liệu để hoàn thiện báo cáo. Học ở nhà: SV viết đề tài đã chọn đề nộp về cho giáo viên.	A1 A2 A3
	Tổng			300		200			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi thực tập đều, đúng giờ) - Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia tham dự buổi gặp GVHD bắt buộc	CLO4	10
A2. GVPB đánh giá hình thức và nội dung của bài khóa luận TN ngành TCNH.	Chất lượng báo cáo dựa vào hình thức, nội dung khoá luận với chuyên ngành đào tạo	CLO1 CLO2 CLO3	30
A3. Hội đồng đánh giá bài khóa luận của SV.	Kỹ năng thuyết trình, trả lời và chất lượng Khóa luận nộp.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

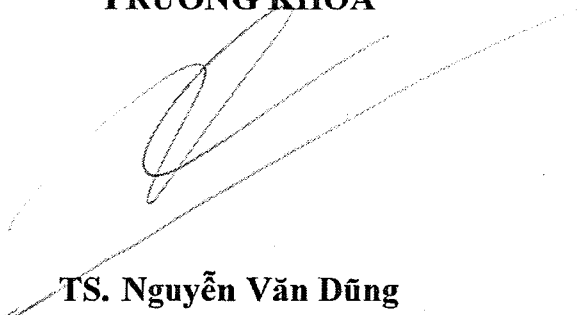
Giáo trình chính

1. Bộ môn Tài chính - Ngân hàng (2025), Quy định về khoá luận tốt nghiệp ngành TCNH của Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật Trường ĐH CN Miền Đông, lưu hành nội bộ.

Tài liệu tham khảo

1. Các tài liệu, giáo trình chuyên ngành Tài chính ngân hàng.
2. Các tài liệu của các ngân hàng, doanh nghiệp.
3. Các văn bản quy định của nhà nước có liên quan.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Nguyễn Văn Dũng

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
PHÂN TÍCH DỮ LIỆU LỚN TRONG TÀI CHÍNH

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Phân tích dữ liệu lớn trong tài chính
Tên học phần Tiếng Anh:	Financial Big Data Analytics
Mã học phần:	06CQ0742
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	0
Thực hành:	60 tiết
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần Phân tích dữ liệu lớn trong tài chính giới thiệu dữ liệu lớn tài chính, lý thuyết và phương pháp phân tích nâng cao cũng như công nghệ và công cụ để phân tích chúng. Học phần cũng giới thiệu các nội dung phân tích dữ liệu lớn trong lĩnh vực cho vay ngang hàng, ví điện tử, quản lý tài sản trên nền tảng công nghệ. Các mô hình khai thác và phân tích dữ liệu lớn trong tài chính hiện nay, ứng dụng trong các lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, bất động sản và tương lai của bigdata trong Tài chính ngân hàng.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Mô tả được dữ liệu lớn trong tài chính, các phương thức khai thác, xử lý dữ liệu	3.0	PLO1
CLO2	Nắm được Tầm quan trọng của phân tích dữ liệu lớn trong tài chính	3.0	PLO2
CLO3	Vận dụng được kết quả trong phân tích dữ liệu lớn để đưa ra quyết định trong kinh doanh	5.0	PLO4
CLO4	Ứng dụng Các mô hình dữ liệu lớn trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, bất động sản	4.0	PLO6
CLO5	Hình thành kỹ năng tự học và xử lý các vấn đề phát sinh	3.0	PLO9, PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 1: Tổng quan về dữ liệu lớn trong tài chính							CLO1 CLO2	- GV sử dụng tài liệu, máy tính và projector để hướng dẫn - SV Đọc trước nội dung tài liệu ở nhà Đặt câu hỏi, nêu ví dụ thực tiễn, gợi ý tư duy phản biện. Đặt câu hỏi, nêu ví dụ thực tiễn, gợi ý tư duy phản biện.	A1 A2 A3
	Khái niệm về dữ liệu và khai thác dữ liệu tài chính								
	Khai thác dữ liệu tài chính theo cách truyền thống								
	Các công nghệ đột phá trong lĩnh vực phân tích và xử lý dữ liệu								
	Tổng quan về dữ liệu lớn trong công nghệ tài chính								
	Quá trình hình thành và phát triển của ngành khai thác dữ liệu lớn trong lĩnh vực tài chính								
Chương 2: Tầm quan trọng của phân tích dữ liệu lớn trong tài chính									

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Tạo ra các mô hình quản lý KH mới Đánh giá và quản trị rủi ro Khai thác được thông tin để hướng khách hàng mục tiêu Nâng cao được sự bảo mật thông tin Chatbots, Bots và tự động hóa quy trình robot Y/c mới về trải nghiệm người dùng Ứng dụng AI trong lĩnh vực TC Nâng cao tính cạnh tranh trong lĩnh vực Tài chính ngân hàng Đưa ra quyết định phù hợp trong chiến lược kinh doanh						CLO1 CLO2	- GV sử dụng tài liệu, máy tính và projector để hướng dẫn - SV Đọc trước nội dung tài liệu ở nhà	A1
	Chương 3: Các mô hình khai thác và phân tích dữ liệu lớn trong tài chính							Đặt câu hỏi, nêu ví dụ thực tiễn, gợi ý tư duy phản biện.	A2
	Các mô hình dữ liệu lớn của các công ty Fintech lớn trên thế giới: Mỹ, Châu Âu, Châu Á. Bigdata trong ngân hàng số Bigdata trong lĩnh vực thanh toán Bigdata trong lĩnh vực bảo hiểm Bigdata trong cho vay ngang hàng Bigdata và công nghệ tài chính trong lĩnh vực bất động sản Tương lai của bigdata trong Tài chính ngân hàng Ôn tập, kiểm tra						CLO3 CLO4 CLO5	Đặt câu hỏi, nêu ví dụ thực tiễn, gợi ý tư duy phản biện.	A3
	Tổng								

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO5	10

A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO1 CLO2 CLO3	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO4 CLO5	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 6 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 12 (Tỉ lệ: 40%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 4</i>	<i>Số câu: 4</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 12 (Tỉ lệ: 40%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 4</i>	<i>Số câu: 4</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 30 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 10</i> <i>Tỉ lệ 33.3%</i>	<i>Số câu: 10</i> <i>Tỉ lệ 33.3%</i>	<i>Số câu: 6</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 4</i> <i>Tỉ lệ 13.3%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

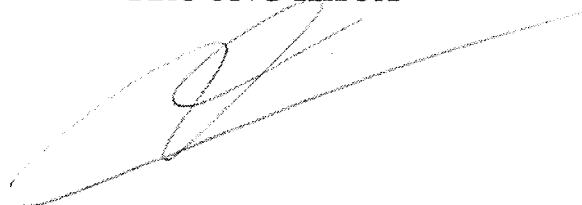
Sách, giáo trình chính

- EMC Education Services (2010). Data Science & Big Data Analytics: Discovering, Analyzing, Visualizing and Presenting Data, John Wiley & Sons, Inc., ISBN 978-1-118-87613-8.
- Bài giảng môn Phân tích dữ liệu lớn trong tài chính (2023), Trường Đại học Công nghệ Miền Đông.

Tài liệu tham khảo

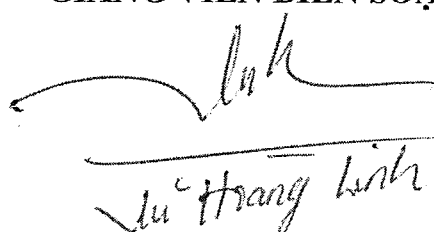
- Kuan-Ching Li, Hai Jiang, Laurence T. Yang, and Alfredo Cuzzocrea (2015). Big Data: Algorithms, Analytics, and Applications. Chapman & Hall Book, CRC Press, ISBN: 978-1-4822-4055-9, Chapter 17, pp 329 - 356.
- Kiran Chaudhary, Mansaf Alam (2022) - Big Data Analytics_ Applications in Business and Marketing-Auerbach Publications

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
QUẢN TRỊ DỰ ÁN KHỞI NGHIỆP

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Quản trị dự án khởi nghiệp
Tên học phần Tiếng Anh:	Start-up project management
Mã học phần:	06CQ0743
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	0
Thực hành:	60 tiết
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Môn học Quản trị dự án khởi nghiệp cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản để quản trị quá trình của một tổ chức khởi nghiệp, từ phát sinh ý tưởng đến nhận dạng được cơ hội kinh doanh, đến ứng dụng mô hình tổ chức khởi nghiệp phù hợp để có thể triển khai vận hành một tổ chức khởi nghiệp thực tế.

Đây là môn học đòi hỏi học viên có cái nhìn về tổng quan về doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khi vừa mới bắt đầu, chính vì vậy học viên cần được trang bị những kiến thức nền tảng về quản trị kinh doanh, lập kế hoạch kinh doanh, marketing căn bản, hành vi khách hàng, pháp luật cơ bản và chuyên ngành.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Hiểu rõ quá trình khởi nghiệp Đánh giá và ứng dụng mô hình khởi nghiệp phù hợp và khả thi Nắm vững mối quan hệ giữa tổ chức khởi nghiệp với hệ sinh thái khởi nghiệp	3.0	PLO2
CLO2	Nhận dạng ý tưởng kinh doanh khả thi và Kiểm chứng mô hình kinh doanh phù hợp với ý tưởng Trải nghiệm quá trình hiện thực hóa ý tưởng kinh doanh và điều hành tổ chức khởi nghiệp	4.0	PLO8
CLO3	Xây dựng cho mình phẩm chất đạo đức tốt nhằm mục đích nhận thức rõ mức độ hữu ích của ý tưởng, sản phẩm đến nhu cầu của khách hàng Có tinh thần trách nhiệm, cam kết thực hiện mục tiêu chung với chất lượng cao nhất có thể, có tinh thần kỷ luật và tự giác đối với công việc và phát triển bản thân. Tham gia lớp học đầy đủ.	3.0	PL10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Chương 1: Tổng quan về Quản trị dự án khởi nghiệp	4				5	CLO1	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
	1.1.Khái niệm khởi nghiệp 1.2.Đặc tính của quá trình khởi nghiệp 1.3.Ý nghĩa vai trò của khởi nghiệp 1.4.Quản trị quá trình khởi nghiệp 1.5. Mô hình khởi nghiệp 1.6. Pháp lý trong khởi nghiệp								
2	Chương 2: Các giai đoạn khởi nghiệp	4				10			
	2.1 Nhận dạng “người khởi nghiệp” 2.2. Các giai đoạn của “startup” 2.3 Phác thảo kế hoạch khởi nghiệp						CO1 CO2		

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
3	Chương 3: Xây dựng kế hoạch dự án khởi nghiệp	7				15			
	3.1 Giới thiệu chung 3.2 Miêu tả hoạt động kinh doanh. 3.3 Nghiên cứu và phân tích thị trường. 3.4 Phát triển và sản xuất. 3.5 Bán hàng và marketing 3.6 Ban quản lý và Kế hoạch tài chính						CLO1 CLO2	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn, đặt câu hỏi thảo luận. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1
4	Chương 4: Điều hành tổ chức dự án khởi nghiệp	8				10			
	4.1 Các đặc tính của quá trình điều hành tổ chức khởi nghiệp hiệu quả 4.2 Mô hình điều hành tổ chức KN						CLO1 CLO2 CLO3		A2
5	Chương 5: Phương pháp trình bày dự án khởi nghiệp hiệu quả	6				10			
	5.1 Các phương pháp trình bày 5.2 Cấu trúc phần trình bày 5.3 Kỹ năng và công cụ								A3
6+7	Chương 6: Thực hành dự án khởi nghiệp					9	CLO2 CLO3		
	6.1 Phát thảo nội dung dự án KN 6.2 Trình bày dự án khởi nghiệp								
	Tổng								

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	30

A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	60

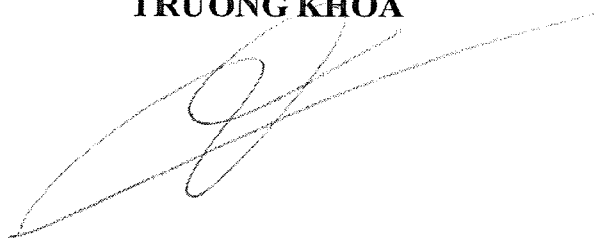
6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 33.3%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 33.3%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 33.3%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 3 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 33.3%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 33.3%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 33.3%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

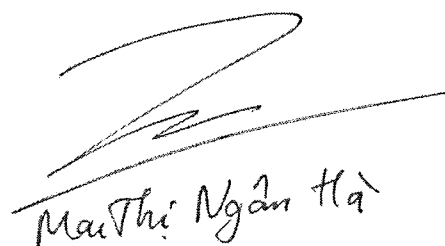
- [1]. PGS. TS Nguyễn Thị Liên Diệp (2017). *Quản trị Khởi nghiệp*. Hà Nội: NXB Hồng Đức.
- [2]. Osterwalder, Alexander (2017). *Business model generation- Tạo lập mô hình kinh doanh*. Hà Nội: NXB Lao Động.
- [3]. Trịnh Thùy Anh, (2018). *Quản trị dự án*. Đại học Quốc gia TP. HCM.
- [4]. Castrina Sean C (2015). 8 Quy tắc vàng khởi nghiệp - 8 Unbreakable rules for business start-up success. Thanh Hóa: Thanh Hóa
- [5]. Kuratko, Donald F (2017). *Entrepreneurship: theory, process, practice*. Boston, Massachusetts: Cengage Learning.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Quản trị tài chính quốc tế
Tên học phần Tiếng Anh:	International Financial Management
Mã học phần:	06CQ0744
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	0
Thực hành:	60 tiết
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần Quản trị tài chính quốc tế trang bị kiến thức, kỹ năng căn bản cho các sinh viên thuộc các ngành đào tạo liên quan đến quản lý kinh tế và quản trị kinh doanh của các tổ chức kinh tế (economic entity) có liên quan đến các giao dịch kinh tế, kinh doanh vượt ra khỏi biên giới quốc gia. Các nội dung giảng dạy của học phần tập trung vào thiết lập các nền tảng lý thuyết cũng như cung cấp các cơ sở cho chính sách kinh tế ở cấp vĩ mô và quy định về vận hành ở cấp vi mô của Tài chính Quốc tế.

Nội dung học phần đề cập và nghiên cứu các vấn đề cơ bản nhất về các phạm trù và hoạt động tài chính quốc tế và quản trị tài chính quốc tế, cụ thể: Những vấn đề cơ bản về Tài chính

quốc tế và Quản trị Tài chính quốc tế; Hệ thống tiền tệ quốc tế, Cán cân thanh toán quốc tế, Tỷ giá và Chính sách tỷ giá, Các quan hệ ngang giá quốc tế trong việc hình thành tỷ giá hối đoái, Thị trường ngoại hối và các giao dịch trên thị trường ngoại hối, và Quản trị rủi ro tỷ giá.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Sinh viên so sánh và phân tích vấn đề quản trị tài chính trong hoạt động của các chủ thể, có phạm vi hoạt động vượt khỏi biên giới ảnh hưởng quốc gia đặc biệt là các công ty đa quốc gia.	3.0	PLO3
CLO2	Trang bị nhận thức về xây dựng chiến lược kinh doanh, chiến lược tạo vốn và quản lý các nguồn vốn; phân tích và phân khúc thị trường, phân tích năng lực tài chính của doanh nghiệp, quá trình vận hành và quản lý chiến lược.	3.0	PLO3
CLO3	Sinh viên vận dụng được kiến thức về quản trị tài chính quốc tế để nhận định, phân tích, và giải quyết các rủi ro tài chính khi tiến hành hoạt động kinh doanh quốc tế như rủi ro tỷ giá hối đoái, rủi ro giao dịch, rủi ro chuyển đổi và rủi ro kinh tế.	4.0	PLO8
CLO4	Sinh viên có năng lực làm việc độc lập, có khả năng lập kế hoạch, thực hiện, điều phối và đánh giá các hoạt động quản trị tài chính quốc tế.	3.0	PL10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	CHƯƠNG 1 – GIỚI THIỆU CHUNG VỀ QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH QUỐC TẾ								
	1.1. Giới thiệu chung về tài chính quốc tế 1.2. Các quan niệm về tài chính quốc tế 1.3. Nội dung thuộc quan hệ tài chính quốc tế 1.4. Các chủ thể tham gia quan hệ tài chính quốc tế 1.5. Cơ sở hình thành và phát triển của tài chính quốc tế 1.6. Tác động của việc tham gia tài chính quốc tế đối với các quốc gia 1.7. Quản trị tài chính quốc tế						CLO1		

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	1.8. Khái niệm quản trị tài chính quốc tế 1.9. Các vấn đề cơ bản về công ty đa quốc gia 1.10. Khái niệm và cơ sở hình thành của công ty đa quốc gia 1.11. Động cơ hoạt động kinh doanh quốc tế của công ty đa quốc gia 1.12. Cách thức mở rộng kinh doanh quốc tế của công ty đa quốc gia 1.13. Quản trị Tài chính công ty đa quốc gia 1.14. Mục tiêu quản trị tài chính của công ty đa quốc gia 1.15. Mô hình quản trị tài chính của công ty đa quốc gia 1.16. Vấn đề người đại diện 1.17. Quản trị rủi ro hối đoái 1.18. Mục đích, phạm vi, đối tượng và PP nghiên cứu 1.19. Mục đích và phạm vi nghiên cứu Đối tượng và phương pháp nghiên cứu								
2	CHƯƠNG 2 – HỆ THỐNG TIỀN TỆ QUỐC TẾ								
	2.1. Tổng quan về Hệ thống Tiền tệ Quốc tế 2.2. Hệ thống Tiền tệ QT qua các giai đoạn lịch sử 2.2.1. Giai đoạn 1: Chế độ đồng/song bản vị 2.2.2. Giai đoạn 2: Chế độ bản vị vàng 2.2.3. Giai đoạn 3: IMS trong hai cuộc chiến tranh TG 2.2.4. Giai đoạn 4: Hệ thống Bretton Woods 2.2.5. Giai đoạn 5: IMS hậu Bretton Woods 2.3. Liên minh Tiền tệ Châu Âu 2.3.1. Hoàn cảnh ra đời của liên minh tiền tệ Châu Âu 2.3.2. Chi phí và lợi ích khi gia nhập liên minh tiền tệ 2.4. Hệ thống Tiền tệ Quốc tế ngày nay Các cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ quốc tế							Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1
3	CHƯƠNG 3 – CÁN CÂN THANH TOÁN QT						CLO1 CLO2		A2
	3.1 Tổng quan về cán cân thanh toán quốc tế (BOP) 3.2 Khái niệm và vai trò của BOP 3.3 Phân loại BOP 3.4 Nguyên tắc hạch toán BOP 3.5 Vai trò của BOP trong nghiên cứu QT TC QT 3.6 Nội dung của cán cân thanh toán quốc tế 3.7 Cán cân vãng lai 3.8 Cán cân vốn và tài chính 3.9 Nhầm lẫn và sai sót 3.10 Cán cân bù đắp chính thức 3.11 Một số phân tích cơ bản 3.12 Cân bằng cán cân thanh toán quốc tế 3.13 Trường hợp BOP thặng dư 3.14 Trường hợp BOP thâm hụt Cán cân thanh toán quốc tế của một số quốc gia đang phát triển								A3

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
4	CHƯƠNG 4. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TỶ GIÁ								
	4.1. Tổng quan về tỷ giá 4.1.1. Khái niệm, vai trò của tỷ giá 4.1.2. Phân loại tỷ giá 4.1.3. Cách biểu diễn, niêm yết và đọc tỷ giá 4.2. Các chế độ tỷ giá 4.2.1. Chế độ tỷ giá cố định 4.2.2. Chế độ tỷ giá thả nổi hoàn toàn 4.2.3. Chế độ tỷ giá thả nổi có quản lý 4.3. Các nhân tố tác động đến tỷ giá trong điều kiện nền kinh tế mở 4.4. Học thuyết ngang giá sức mua và ngang giá LS 4.4.1. Học thuyết ngang giá sức mua 4.4.2. Học thuyết ngang giá lãi suất 4.5. Chính sách tỷ giá 4.6.1. Khái niệm và mục tiêu của chính sách tỷ giá 4.6.2. Công cụ của chính sách tỷ giá							Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	
5	CHƯƠNG 5 – THỊ TRƯỜNG NGOẠI HỐI								
	5.1.Thị trường ngoại hối: 5.1.1.Khái niệm, vai trò thị trường ngoại hối 5.1.2.Các chủ thể tham gia thị trường ngoại hối 5.1.3.Cấu trúc của thị trường ngoại hối 5.2.Các nghiệp vụ KD trên thị trường ngoại hối 5.2.1.Nghiệp vụ giao ngay 5.2.2.Nghiệp vụ phái sinh: Hợp đồng kỳ hạn, HĐ tương lai, HĐ quyền chọn, HĐ hoán đổi.						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5		A1 A2 A3
6	CHƯƠNG 6 – QUẢN TRỊ RỦI RO HỐI ĐOẠI								
	6.1 Rủi ro tỷ giá hối đoái 6.1.1.Khái niệm 6.1.2.Nguồn gốc của rủi ro tỷ giá hối đoái 6.1.3.Tác động của rủi ro TGHĐ tới hoạt động của MNC 6.1.4.Cách thức phòng ngừa rủi ro tỷ giá hối đoái 6.2. Rủi ro giao dịch 6.2.1 Khái niệm 6.2.2.Đặc điểm của rủi ro giao dịch 6.2.3.Cách thức phòng ngừa rủi ro giao dịch 6.3. Rủi ro chuyển đổi 6.3.1.Khái niệm 6.3.2.Đặc điểm của rủi ro chuyển đổi 6.3.3.Một số vấn đề của rủi ro chuyển đổi 6.3.4.Cách thức phòng ngừa rủi ro chuyển đổi 6.4. Rủi ro hoạt động/rủi ro kinh tế 6.4.1.Khái niệm 6.4.2.Đặc điểm 6.4.3.Nhân tố xác định rủi ro hoạt động 6.4.4.Tác động của RR hoạt động tới dòng tiền của MNC 6.4.5. Cách thức phòng ngừa rủi ro hoạt động								
	Tổng								

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO4	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	60

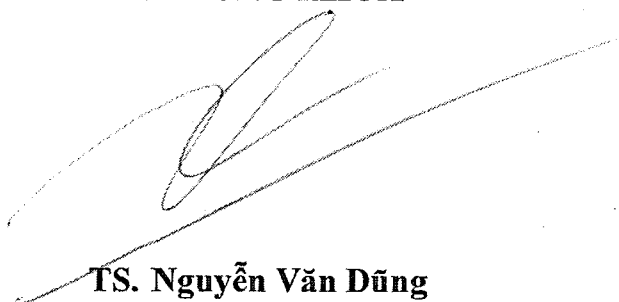
6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 5 câu (Tỷ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỷ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỷ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỷ lệ 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỷ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

- [1]. “Nguyễn Văn Tiến (2010), GIÁO TRÌNH TÀI CHÍNH QUỐC TẾ, NXB Thống kê”
- [2]. Tạp chí ngân hàng
- [3]. Tạp chí tài chính tiền tệ
- [4]. www.worldbank.org
- [5]. www.imf.org
- [6]. www.adb.org
- [7]. www.sbv.gov.vn
- [8]. www.mof.gov.vn
- [9]. www.vneconomy.com.vn

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Nguyễn Văn Dũng

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
QUẢN LÝ DỮ LIỆU TÀI CHÍNH VÀ ỨNG DỤNG

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Quản lý dữ liệu tài chính & Ứng dụng
Tên học phần Tiếng Anh:	Financial Data Management and Application
Mã học phần:	06CQ0745
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	0
Thực hành:	60 tiết
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần Quản lý dữ liệu tài chính và ứng dụng giới thiệu cho người học những kiến thức cơ bản về dữ liệu, quản trị cơ sở dữ liệu, mô hình dữ liệu và các thành phần của nó trong ngành tài chính. Học phần hướng dẫn người học lập mô hình, danh mục đầu tư và triển khai đầu tư. Đồng thời trang bị cho người học các kỹ năng về tổ chức, lập trình khai thác cơ sở dữ liệu.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Mô tả được cơ sở dữ liệu trong tài chính và kinh doanh	3.0	PLO1
CLO2	Nắm được nguyên lý, cài đặt và sử dụng hệ quản trị dữ liệu	3.0	PLO2
CLO3	Vận dụng được kỹ năng sử dụng ngôn ngữ SQL và lập trình cơ sở dữ liệu, quản lý, khai thác dữ liệu cho hệ thống kinh doanh, tài chính.	5.0	PLO4
CLO4	Ứng dụng ngôn ngữ R trong phân tích, xử lý dữ liệu	4.0	PLO6
CLO5	Hình thành kỹ năng tự học, làm việc nhóm và xử lý các vấn đề phát sinh	3.0	PLO9, PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Chương 1: Tổng quan về cơ sở dữ liệu trong tài chính								
	Các khái niệm cơ bản Cơ sở dữ liệu Tổng quan về SQL							Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống.	A1
	Chương 2: Ngôn ngữ định nghĩa và thao tác dữ liệu SQL						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A2 A3
	Tạo cấu trúc cơ sở dữ liệu Sửa đổi cấu trúc bảng Xóa cấu trúc cơ sở dữ liệu Thay đổi dữ liệu Truy vấn dữ liệu cơ bản Truy vấn lồng Truy vấn nhóm Truy vấn sử dụng phép liên kết ngoài								

A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 6 (Tỉ lệ: 15%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 10 (Tỉ lệ: 25%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 3</i>	<i>Số câu: 3</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 10 (Tỉ lệ: 25%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 3</i>	<i>Số câu: 3</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 14 (Tỉ lệ: 35%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 3</i>	<i>Số câu: 3</i>	<i>Số câu: 3</i>	<i>Số câu: 3</i>	<i>Số câu: 2</i>
Tổng cộng: 40 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 11</i> <i>Tỉ lệ 27.5%</i>	<i>Số câu: 11</i> <i>Tỉ lệ 27.5%</i>	<i>Số câu: 9</i> <i>Tỉ lệ 22.5%</i>	<i>Số câu: 7</i> <i>Tỉ lệ 17.5%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 5%</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

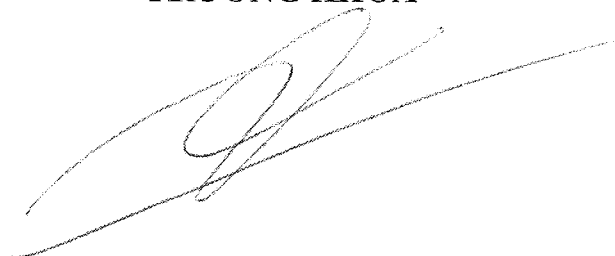
Sách, giáo trình chính

1. Carlos Coronel, Steven Morris, Keeley Crockett (2020). Database Principles: Fundamentals of Design, Implementation, and Management, Third edition, Cengage, ISBN 9781473768048.
2. Bài giảng môn Quản lý dữ liệu tài chính và ứng dụng(2023), Trường Đại học Công nghệ Miền Đông.

Tài liệu tham khảo

3. <https://microfinance.vn/wp-content/uploads/2019/06/a.pdf>

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TÀI CHÍNH

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Đổi mới sáng tạo tài chính
Tên học phần Tiếng Anh:	Innovation & Creativity
Mã học phần:	06CQ0746
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	0
Thực hành:	60 tiết
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Mục tiêu của học phần này trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng biết cách sáng tạo ý tưởng, đổi mới sáng tạo tài chính. Người học cũng biết cách điều hành doanh nghiệp mới tạo lập hoạt động hiệu quả, đánh giá sự phù hợp của phương án kinh doanh đổi mới những thay đổi của môi trường cạnh tranh toàn cầu đầy biến động từ đó có phương án điều chỉnh.

Ngoài ra môn học còn nhằm nâng cao nhận thức về trách nhiệm của một doanh nhân đối với sự phát triển nền kinh tế của đất nước, đối với khách hàng mà doanh nghiệp phục vụ và với cả cộng đồng dân cư thuộc địa bàn hoạt động của doanh nghiệp. Đây là môn học sử dụng kiến thức tổng

hợp từ nhiều môn như Quản trị điều hành, Quản trị tài chính, Quản trị marketing,... do đó để có thể học môn này dễ dàng hơn người học nên học trước các môn về Quản trị.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	<i>Nhận diện</i> hiểu được Đổi mới sáng tạo tài chính.	2.0	PLO6
CLO2	<i>Xác định</i> ý tưởng Đổi mới sáng tạo tài chính..	2.0	PLO6
CLO3	<i>Vận dụng</i> các phương pháp đánh giá trong Đổi mới sáng tạo tài chính.	3.0	PLO7
CLO4	<i>Đánh giá</i> , phân tích Đổi mới sáng tạo tài chính..	4.0	PLO9
CLO5	Phối hợp làm việc nhóm trong xử lý các tình huống.	3.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 1: Khái quát Đổi mới sáng tạo tài chính							CLO1 CLO2	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1
1	1.1 Đổi mới sáng tạo tài chính - hiện tượng kinh tế và xã hội 1.2 Tổ chức doanh nhân 1.3 Tinh thần doanh nhân 1.4 Các hình thức Đổi mới sáng tạo tài chính.								
Chương 2: Ý tưởng Đổi mới sáng tạo tài chính							CLO3 CLO4 CLO5		A2
2	2.1 Các phương pháp tìm ý tưởng Đổi mới sáng tạo tài chính. 2.2 Từ ý tưởng đến cơ hội KD 2.3 Giới thiệu ý tưởng Đổi mới sáng tạo tài chính. 2.4 Tìm cộng sự 2.5 Tìm nguồn tài chính 2.6 Thăm dò thị trường								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 3: Phương án Đổi mới sáng tạo tài chính							CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1
3	3.1 Cấu trúc của bản kế hoạch 3.2 Phân tích kết quả nghiên 3.3 Phân tích nguồn lực 3.4 Lựa chọn hình thức khởi nghiệp 3.5 Lựa chọn kỹ thuật và công nghệ 3.6 Dự toán vốn đầu tư 3.7 Kế hoạch tổ chức vận hàn								
Chương 4: Đổi mới sáng tạo tài chính							CLO1 CLO2 CLO3		A2
4	4.1 Lựa chọn chiến lược kinh doanh 4.2 Chiến lược marketing 4.3 Vận hành sản xuất sản phẩm/cung ứng dịch vụ 4.4 Tổ chức bán hàng 4.5 Đánh giá kế hoạch Đổi mới sáng tạo tài chính 4.6 Điều chỉnh kế hoạch Đổi mới sáng tạo tài chính								
Tổng									A3

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO4	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO1 CLO2 CLO3	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3	60

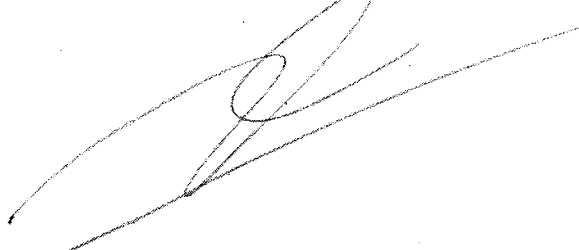
6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 25%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 25%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 25%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 25%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 4 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 25%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 25%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 25%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 25%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

1. Eric Ries (2012). Khởi nghiệp tinh gọn. Dương Hiếu, Kim Phụng & Hiếu Trung dịch, NXB Thời Đại.
2. Donald F. Kuratko (2016) Entrepreneurship: Theory, Process, and Practice Cengage Learning.
3. Michael H. Morris, Hà My dịch (2010), Khởi nghiệp thành công : Thành lập và phát triển công ty riêng của bạn, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
4. Caspian Woods (2011). 10 Lời khuyên khởi nghiệp, NXB Lao động Xã hội-Tạp chí khởi nghiệp <http://startup-plus.net/>

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Nguyễn Văn Dũng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG
KHOA KINH TẾ - QUẢN TRỊ - LUẬT



MIEN DONG
INNOVATIVE TECHNOLOGY
UNIVERSITY

PHỤ LỤC 2

1. Biên bản thảo luận v/v góp ý của các bên liên quan về việc xây dựng CTĐT Ngành Tài chính ngân hàng trình độ đại học hệ chính quy năm 2025.
2. Biên bản họp hội đồng khoa học thông qua CTĐT Ngành Thương mại điện tử và Ngành Tài chính ngân hàng trình độ đại học hệ chính quy năm 2025.
3. Biên bản họp Hội đồng thẩm định CTĐT và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo trình độ đại học Ngành Tài chính ngân hàng.



Đồng Nai, ngày 03 tháng 3 năm 2025

BIÊN BẢN THẢO LUẬN

**V/v góp ý của các bên liên quan về việc xây dựng Chương trình đào tạo
Ngành Tài chính ngân hàng trình độ Đại học hệ chính quy năm 2025**

Hôm nay, lúc 9 giờ 00 ngày 03 tháng 3 năm 2025, tại Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật, Trường Đại học Công nghệ Miền Đông đã họp để thảo luận về việc xây dựng Chương trình đào tạo Ngành Tài chính ngân hàng trình độ Đại học hệ chính quy năm 2025, cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN

1. Khoa Kinh Tế - Quản Trị - Luật

- TS. Nguyễn Văn Dũng – Trưởng khoa.
- ThS. Trần Ngọc Anh Khoa
- ThS. Mai Thị Ngân Hà
- ThS. Nguyễn Thị Hải Hà
- ThS. Nguyễn Hữu Chính
- Nguyễn Thiện Nguyên

2. Các bên liên quan:

- ThS. Hoàng Văn Hoan - Phó Giám đốc Ngân hàng Eximbank Đồng Nai .
- ThS. Hoàng Văn Thân – Giám đốc Ngân hàng VP bank CN Long Khánh.
- TS. Nguyễn Tuấn Đạt, Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM.

II. NỘI DUNG

1. Lãnh đạo Khoa báo cáo các nội dung liên quan đến việc điều chỉnh:

- Căn cứ kế hoạch Số 11/KH-KTQTL ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật về việc xây dựng mới Chương trình đào tạo Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Ngành Tài chính ngân hàng; Ngành Thương mại điện tử năm 2025.

- Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, hướng đến đáp ứng tốt nguồn nhân lực cho xã hội, sinh viên tốt nghiệp có việc làm. Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật đã tiến hành tổ chức buổi góp ý về việc xây dựng Chương trình đào tạo Ngành Tài chính ngân hàng trình độ Đại học hệ chính quy năm 2025. Khoa mong muốn nhận được sự góp ý từ phía các bên có liên quan để từ đó, cập nhật và điều chỉnh kịp thời.

2. Thảo luận về các vấn đề liên quan:

- ThS. Hoàng Văn Hoan – Phó Giám đốc Ngân hàng Eximbank Đồng Nai:

"Chương trình đào tạo cần tăng cường các học phần thực hành và mô phỏng nghiệp vụ ngân hàng để sinh viên có thể làm quen với môi trường làm việc thực tế ngay từ khi còn trên ghế nhà trường. Ngoài ra, cần bổ sung nội dung về công nghệ tài chính (Fintech) và chuyển đổi số trong ngành ngân hàng để sinh viên có thể thích ứng với xu hướng hiện đại hóa của ngành."

- ThS. Hoàng Văn Thân – Giám đốc Ngân hàng VP bank CN Long Khánh:

"Bên cạnh việc nâng cao kiến thức chuyên môn, Chương trình đào tạo cần chú trọng đến kỹ năng mềm cho Sinh viên, đặc biệt là kỹ năng giao tiếp, đàm phán, xử lý tình huống và chăm sóc khách hàng. Đồng thời, cần tạo điều kiện để Sinh viên tham gia thực tập, kiến tập tại các Ngân hàng thương mại nhằm rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp thực tế."

- TS. Nguyễn Tuấn Đạt – Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM:

"Chương trình cần được cập nhật theo các tiêu chuẩn quốc tế về đào tạo ngành tài chính – ngân hàng, đặc biệt là việc tích hợp các nội dung về Basel III, quản trị rủi ro ngân hàng, và phân tích dữ liệu tài chính. Việc bổ sung các môn học về tài chính xanh, tài chính bền vững cũng là xu hướng quan trọng trong bối cảnh toàn cầu hóa."

3. Kết luận:

Thay mặt Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật, TS. Nguyễn Văn Dũng ghi nhận tất cả các góp ý từ phía các chuyên gia, các doanh nghiệp. Khoa sẽ tiến hành triển khai và bổ sung, cập nhật các góp ý để hoàn thiện và công bố CTĐT. Khoa cũng gửi lời cảm ơn đến Quý Thầy/Cô và đại diện các Doanh nghiệp tham dự.

Phiên họp kết thúc vào hồi 11h00, ngày 03 tháng 3 năm 2023.

Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị ngang nhau: Khoa lưu giữ 01 bản và Phòng Đào tạo đại học – Nghiên cứu khoa học lưu giữ 01 bản (kèm theo cuốn CTĐT).

Trưởng Khoa KT-QT-L



TS. NGUYỄN VĂN DŨNG

Thư ký



NGUYỄN THIỆN NGUYÊN



Đồng Nai, ngày 10 tháng 3 năm 2025

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG KHOA HỌC

**Thông qua Chương trình đào tạo (CTĐT) Ngành Thương mại điện tử
và Ngành Tài chính ngân hàng trình độ Đại học hệ chính quy năm 2025**

Căn cứ kế hoạch Số 11/KH-KTQTL ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật về việc xây dựng mới Chương trình đào tạo Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Ngành Tài chính ngân hàng; Ngành Thương mại điện tử năm 2025.

Hôm nay, lúc 10 giờ 00 ngày 10 tháng 3 năm 2025, tại Trường Đại học Công nghệ Miền Đông. Hội đồng Khoa học Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật đã họp để thông qua nội dung về việc xây dựng mới CTĐT Ngành Thương mại điện tử và Ngành Tài chính ngân hàng trình độ đại học hệ chính quy năm 2025, cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN

Hội đồng Khoa học và đào tạo Khoa:

1. TS. Nguyễn Văn Dũng – Chủ tịch hội đồng, chủ trì cuộc họp.
2. TS. Phan Ngọc Minh – Ủy viên.
3. TS. Nguyễn Năng Quang - Ủy viên.
4. Ths. Trần Ngọc Anh Khoa – Ủy viên.
5. ThS. Nguyễn Hữu Chính – Ủy viên.
6. TS. Nguyễn Năng Quang - Ủy viên.
7. ThS. Mai Thị Ngân Hà – Ủy viên.
8. CN. Nguyễn Thiện Nguyên – Thư ký.

II. NỘI DUNG

1. Trưởng nhóm xây dựng CTĐT báo cáo:

- Kết quả việc tổ chức xây dựng CTĐT được thực hiện dưới hình thức rà soát, cập nhật đề cương chi tiết từ các CTĐT có cùng số học phần giống nhau (đối với khối kiến thức giáo dục đại cương) và xây dựng mới (đối với các môn cơ sở ngành và môn chuyên ngành).

- Việc xây dựng, cập nhật, bổ sung CTĐT có sự tham khảo, đối chiếu với CTĐT của các Trường Đại học như: Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân, Trường Đại học Kinh tế TP. HCM, Trường đại học Ngân hàng TP. HCM.

- Xây dựng mẫu đề cương bám sát theo chuẩn OBE có tích hợp chuẩn đầu ra môn học phù hợp với CTĐT.

- Bổ sung nhiều tài liệu tham khảo, làm phong phú học liệu cho sinh viên.

- Giảng viên tham gia thực hiện xây dựng CTĐT có trình độ Thạc sĩ trở lên, có kinh nghiệm giảng dạy và kinh nghiệm thực tế đối với môn học.

2. Ý kiến của các thành viên:

Nhất trí với các góp và đồng ý với việc xây dựng mới CTĐT theo chuẩn OBE.

3. Kết luận:

- Khoa Kinh tế - Quản Trị - Luật xem xét, thảo luận và biểu quyết thông qua việc xây dựng mới CTĐT cử nhân Ngành Thương mại điện tử và Ngành Tài chính ngân hàng trình độ đại học hệ chính quy.

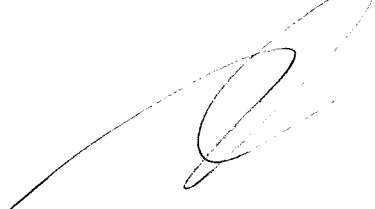
- Kết quả: 07/07 (100%) thành viên của Hội đồng Khoa học tham dự cuộc họp đồng ý nghiệm thu CTĐT được xây dựng, cập nhật, bổ sung Ngành Thương mại điện tử và Ngành Tài chính ngân hàng trình độ đại học hệ chính quy theo chuẩn OBE.

- Khoa tiến hành cho gửi cho Hội đồng thẩm định CTĐT của 02 Ngành: Thương mại điện tử và Tài chính ngân hàng trình độ đại học hệ chính quy.

- Phiên họp kết thúc vào hồi 11h30 ngày 10 tháng 3 năm 2025.

- Biên bản được lập thành 03 bản, có giá trị ngang nhau: Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa lưu 01 bản; Khoa KT-QT-L lưu 01 bản; Phòng Đào tạo đại học – Nghiên cứu khoa học lưu 01 bản (kèm theo cuốn CTĐT).

Chủ tịch Hội đồng



TS. NGUYỄN VĂN DŨNG

Thư ký Hội đồng



NGUYỄN THIÊN NGUYỄN

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG
THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO
CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

Thực hiện Quyết định số 47/QĐ-ĐHCNMĐ ngày 03/03/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Miền Đông về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo ngành Tài chính ngân hàng trình độ đại học.

Trên cơ sở quy định về hồ sơ, thủ tục mở ngành đào tạo mới và các nội dung liên quan đến thẩm định và ban hành chương trình đào tạo quy định tại Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT.

Hôm nay, vào lúc 09 ngày 16 tháng 03 năm 2025, tại trường Đại học Công nghệ Miền Đông, Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo ngành Tài chính ngân hàng trình độ đại học, cụ thể như sau:

I. Thành phần Hội đồng thẩm định

STT	Họ và tên	Chuyên môn	Đơn vị công tác	Chức vụ trong Hội đồng
1	GS.TS Chúc Anh Tú	Kinh tế	Học viện tài chính	Chủ tịch
2	TS. Cao Minh Tiến	Tài chính ngân hàng	Học viện tài chính	Phản biện 1
3	PGS.TS .Phạm Thị Huyền	Quản trị kinh doanh	Đại học Kinh tế Quốc Dân	Phản biện 2
4	ThS. Hoàng Văn Thân	Tài chính ngân hàng	Giám đốc NH VP Bank Long Khánh	Ủy viên

5	ThS. LS Mai Thị Ngân Hà	Luật kinh tế	Đại học Công nghệ Miền Đông	Thư ký

II. Nội dung

1. Thư ký Hội đồng giới thiệu thành phần tham dự:

- GS.TS Chúc Anh Tú – Chủ tịch Hội đồng;
- TS. Cao Minh Tiến - Ủy viên phản biện 1;
- PGS.TS. Phạm Thị Huyền - Ủy viên phản biện 2;
- ThS. Hoàng Văn Thân - Ủy viên;
- ThS. Mai Thị Ngân Hà - Ủy viên thư ký;
- TS. Nguyễn Văn Dũng – Trưởng Ban Soạn thảo;
- ThS. Phan Trần Uyên Phương – Phó Trưởng phòng ĐTDH-NCKH;

Như vậy, các thành phần dự họp đều có mặt, thành viên Hội đồng dự họp 5/5 thành viên. Cuộc họp đủ điều kiện để tiến hành.

2. Thư ký công bố quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng ngành trình độ đại học.

3. GS.TS. Chúc Anh Tú thông qua kế hoạch làm việc của Hội đồng.

4. TS. Nguyễn Văn Dũng đại diện Ban Soạn thảo trình bày tóm tắt về MIT Uni., quá trình xây dựng Đề án và chương trình đào tạo ngành Tài chính ngân hàng trình độ đại học.

5. Các thành viên Hội đồng nhận xét, đánh giá:

- TS. Cao Minh Tiến trình bày phần nhận xét, đánh giá (Đính kèm Phiếu thẩm định và Phiếu nhận xét).
- PGS.TS. Phạm Thị Huyền – Phản biện 2 trình bày phần nhận xét, đánh giá (Đính kèm Phiếu thẩm định).
- ThS. Hoàng Văn Thân trình bày phần nhận xét, đánh giá (Đính kèm phiếu thẩm định).
- GS.TS. Chúc Anh Tú – Chủ tịch Hội đồng trình bày phần nhận xét, đánh giá (Đính kèm Phiếu thẩm định).
- TS. Nguyễn Văn Dũng – đại diện Ban Soạn thảo phát biểu tiếp thu ý kiến của các thành viên Hội đồng và giải trình một số nội dung liên qua. Đồng thời Ban Soạn

thảo gửi bổ sung thêm một số hồ sơ trong Đề án mở ngành cho Hội đồng thẩm định.

III. Kết luận của Hội đồng

Qua cuộc họp, trên cơ sở rà soát quy định tại Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT và trên Đề án mở ngành Tài chính ngân hàng trình độ đại học của Trường Đại học Công nghệ Miền Đông, Hội đồng thống nhất biểu quyết đồng ý 05/05 đạt tỉ lệ 100% các nội dung kết luận như sau:

1. Ban Soạn thảo căn cứ các nội dung tiếp thu từ ý kiến nhận xét của Hội đồng để chỉnh sửa, hoàn thiện CTĐT theo quy định hiện hành về mặt nội dung và các văn bản pháp quy liên quan
2. Ban Soạn thảo rà soát, bổ sung các hồ sơ của Đề án mở ngành, bao gồm các phụ lục về cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ giảng viên phụ trách xây dựng, thực hiện CTĐT.
3. Thư ký tiếp nhận hồ sơ bổ sung, chỉnh sửa từ Ban Soạn thảo và gửi lại cho các thành viên Hội đồng. Đồng thời, Thư ký hoàn thiện và gửi Dự thảo Biên bản họp Hội đồng cho tất cả các thành viên Hội đồng để thống nhất.
4. Sau khi nhận được hồ sơ bổ sung, chỉnh sửa, các thành viên Hội đồng xem xét, thống nhất ký Biên bản thông qua CTĐT, các điều kiện về đội ngũ giảng viên, giáo trình, thư viện và gửi lại Nhà trường để tiến hành các bước tiếp theo đúng với quy định của Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT.

Phiên họp kết thúc vào hồi: 10h, ngày 16 tháng 03 năm 2025.

Thư ký Hội đồng


Mai Thị Ngân Hà

Chủ tịch Hội Đồng


Chúc Anh Tú

Chữ ký các thành viên Hội đồng

Phan Biên 1



Cao Minh Tiến

Phan biên 2



Phạm Thị Huyền

Ủy Viên



Hoàng Văn Thuận



